

Khởi Hành tuyển tập



福

*Chúc "Phước"
năm mới*

mùa xuân

bình nguyên lộc ■ mai thảo ■ võ phiến ■ nguyên thụy long
■ tú kếu ■ thanh nam ■ tam ích ■ tuệ mai ■ cao tiêu ■ tạ tỵ ■
dương nghiêm mậu ■ nhật tiến ■ tần vy ■ lê tất điều ■ duy năng
■ nguyên nhật duật ■ du tử lê ■ đặng trần huân ■ hoàng hải thủy ■
kiêm minh ■ ng. ái lữ ■ vương tân ■ hoàng ngọc liên ■ viên linh

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NGUYỄN VĂN NGÔI

GIÁM ĐỐC HẰNG BỘT GIẶT BẠCH TUYẾT

BỘT GIẶT BẠCH TUYẾT HỮU DỤNG
TRỌNG GIA ĐÌNH.

200-203, Nguyễn văn Thành

GHOLON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

LA NGHĨA

THƯƠNG GIA

223, Lê quang Liêm

GHOLON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

XUỞNG BÁNH K

LỢI SANH

QUỐC LỘ I, THANH KHÊ, QUẬN NHÌ Đ

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC:

- 32, Đại lộ Đồng Khánh ĐÀ-NẴNG
- 56, Bạch Đằng ĐÀ-NẴNG
- 102, Bạch Đằng ĐÀ-NẴNG
- 97, Độc Lập ĐÀ-NẴNG

ĐT: 239

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HẰNG THẦU

CAO KIM HÀ

105, Cao Thắng

ĐÀ-NẴNG

KÍNH CHÚC QUÍ VỊ THÂN CHỦ MỘT NĂM MỚI
ĐẦY THỊNH VƯỢNG VÀ HẠNH PHÚC

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HẰNG GIẶT

NHỰT TÂN

- GIẶT ỦI BẰNG MÁY TỐI TÂN
- VIỆC LÀM SẠCH SẼ VÀ GIAO ĐÚNG HẸN

112 C, Trưng Nữ Vương

ĐÀ-NẴNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HỘI QUÁN

LÊ VĂN LỘC

NIGHT CLUB - RESTAURANT - BAR

- NHẠC ĐAI VIÊN DUYÊN DÁNG
- TIẾP RƯỢC NỒNG HẬU. THỰC ĐƠN ĐẶC BIỆT
- MÁY ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ.
- GIÁ PHẪU NG.

VỚI BAN NHẠC TRẺ BIỂU DIỄN MỖI ĐÊM THỨ BẢY

Phi Long, Tân Sơn Nhứt Lê Văn Lộc ĐT: 31.255

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

GARAGE :

193 TRẦN HƯNG ĐẠO

AUTO - VÉLO D'INDOCHINE

CHUYÊN : - SỬA CHỮA LÀM ĐỒNG VÀ SƠN
CÁC LOẠI XE DU LỊCH

- VIỆC LÀM KỸ LƯỢNG, NHANH CHÓNG
- GIÁ PHẢI CHĂNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TIỆM ĐỒNG

TÂN THỜI QUANG

(HORLOGERIE BESANCON)

- BÁN CÁC LOẠI ĐỒNG HỒ THỤY SĨ VÀ NHẬT
- CÓ THỢ CHUYÊN MÔN SỬA CHỮA

107, Nguyễn Huệ SAIGON

ĐT: 23.642

Cung Chúc Tân Xuân

CÂU LẠC BỘ SĨ QUAN

HUYỆNH HỮU BẠC

TÂN SƠN NHỰT

VỚI NHỮNG ĐẶC ĐIỂM DÀNH CHO MÙA XUÂN :

- Đón tiếp quý vị sĩ quan và thân khách
- Sân đậu xe rộng rãi
- Phòng ăn lịch sự và thoáng mát
- Đủ các thức ăn sáng chiều
- Đón tiếp nông hậu.

BAN GIÁM ĐỐC KINH MỜI

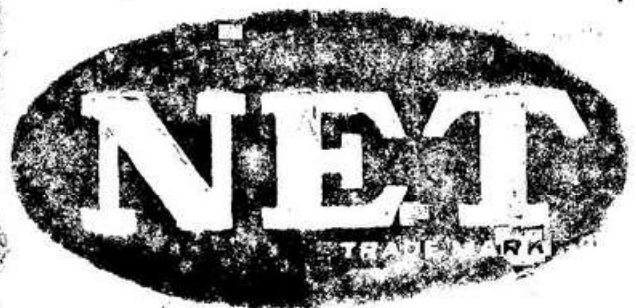
TRẦN QUAN ĐỨC

QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC

Cung Chúc Tân Xuân

BỘT GIẶT

HÓA HỢP



NHÂN HIỆU NÚI TUYẾT

DO KỸ SƯ VÀ CHUYÊN VIÊN VIỆT NAM CHẾ TẠO

bảo đảm phẩm chất tốt, ngang với hàng âu - mỹ

TIỆN LỢI VÀ RẺ TIỀN

V.N. TÂN HÓA PHẨM

VĂN PHÒNG : 38 NGUYỄN TRÃI SAIGON - Đ.T. 38247

NHÀ MÁY : KHU KỸ NGHỆ LONG BÌNH, BIÊN HÒA

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BÀ TRUNG TƯỚNG

NGUYỄN NGỌC LÊ

ĐOÀN TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ NỮ CHÍ NGUYỄN

HỘI HỒNG THẬP TỰ VIỆT NAM

KÍNH CHÚC MỘT NĂM MỚI ĐẦY KHANG VÀ HẠNH PHÚC

201, Hồng Thập Tự SAIGON

22.298
ĐT: 60.727

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

COGIVINA

CÔNG TY KỸ NGHỆ GIẤY VIỆT NAM

SẢN XUẤT ĐỦ LOẠI GIẤY

Trụ Sở :
20, Nguyễn công Trứ SAIGON
ĐT: 21.644 & 98.854

NHÀ MÁY :
Tân Mai (Biên Hòa)
Hộp thư : Q. I. ĐT: Biên Hòa 2.061

Cung Chúc Tân Xuân

DƯƠNG VĂN QUẾ

KỸ NGHỆ GIA



6, Hồ Diệu ĐÀ-NẰNG

127, Trưng nữ hoàng ĐÀ-NẰNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

LINH MỤC

NGUYỄN XUÂN VĂN

NHÀ THỜ CHÍNH TÒA ĐÀ-NẰNG

THÂN KÍNH CHÚC ĐỒNG BÀO GIÁO KHU VÀ TOÀN QUỐC
MỘT NĂM MỚI ĐẦY AN KHANG VÀ HẠNH PHÚC

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRUNG HẢI CÔNG TY

130 BẠCH ĐÀNG ĐÀ-NẰNG

KÍNH CHÚC QUÍ VỊ MỘT NĂM MỚI ĐẦY AN LẠC

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

PHUCOTY S.A.

103, TRẦN HƯNG ĐẠO SAIGON. ĐT: 22.146

- NHẬP CẢNG ĐỦ LOẠI GIẤY, THỰC PHẨM, SẮT VÀ TÓLE V.V...
- ĐẶC BIỆT CUNG CẤP THƯỜNG XUYÊN GIẤY IN BẢO CHO CÁC NHẬT BÁO, NHÀ IN, CÁC SẢN PHẨM GIẤY TỐT ĐỦ LOẠI.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

ANH VĂN ĐÀM THOẠI

NAM KYM

38, Đặng Tất
5, Yên Đỗ — Hai Bà Trưng — Định)

Tân niên nhà trường sẽ khai giảng ngày 13-2-70 (tức là ngày mồng 8 tết) các lớp SÁNG — CHIỀU — TỐI

BAN ANH VĂN: Đàm thoại sơ cấp, trung cấp, cao cấp. Thông phiên dịch báo chí, hùng biện và văn học Anh Mỹ. Anh văn thương mại.

BAN PHÁP VĂN: Đàm thoại sơ cấp, trung cấp, cao cấp. Khảo sát văn phạm, dịch luận. Pháp văn thương mại.

CHÚ Ý: Các bộ sách trên đều do Ban Giám Đốc biên soạn rất thích hợp cho mọi giới trao đổi ngoại ngữ —

Ban Giám đốc Anh văn NAM-KYM chúc quý học viên và quý quyền một năm mới được vạn sự như ý.

Cung Chúc Tân Xuân

NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG)

KÍNH CHÚC QUÝ VỊ CHỦ MỘT NĂM MỚI ĐẦY AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

52, ĐỘC LẬP

ĐÀ NẴNG

ĐIỆN THOẠI : 2.079

Cung Chúc Tân Xuân

DƯƠNG NGỌC DIỆP

Giám-Đốc

Hãng ESSO Đà-Nẵng

KÍNH CHÚC QUÝ VỊ THÂN CHỦ MỘT NĂM MỚI ĐẦY VUI TƯƠI VÀ THỊNH PHÜC

4-6, BẾN BẠCH ĐẰNG ĐÀ-NẴNG

ĐIỆN THOẠI : 2.267

DENIS FRÈRES S.A

196, BẠCH ĐẰNG ĐÀ NẴNG ☎ ĐT : 2.064

ĐẠI LÝ VÀ PHÂN PHỐI

- SỬA ĐẶC CỐ ĐƯỜNG « FOREMOST »
- DIỆM CÂY « SIFA », 12 CỒN TỐT
- QUẠT TRẦN « MAVALLI »

- TỦ LẠNH « ELECTROLUX », CỦA THỤY ĐIỂN

- THỦY ĐỘNG CƠ « BRIGGS & STRATTON », CỦA USA
VÀ NHỮNG THỦY ĐỘNG CƠ CÙNG MÁY MÓC ĐỦ LOẠI

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ VỊ VÀ KÍNH CHÚC QUÝ VỊ MỘT NĂM
MỚI TRÀN ĐẦY THỊNH PHÜC VÀ THỊNH VƯỢNG.

Cung Chúc Tân Xuân

TRẦN VĂN SEN

Đại diện Hãng tàu VĨNH PHONG
chuyên bốc dỡ hàng hải

STEVEDORE

KÍNH CHÚC QUÝ VỊ THÂN CHỦ VÀ KHÁCH HÀNG MỘT NĂM
MỚI VUI TƯƠI VÀ HẠNH PHÜC

Khởi Hành tuyển tập



福

*Chúc "Phước"
năm mới*

mùa xuân

bình nguyên lộc ■ mai thảo ■ võ phiến ■ nguyên thụy long
■ tú kếu ■ thanh nam ■ tam ích ■ tuệ mai ■ cao tiêu ■ tạ tỵ ■
dương nghiêm mậu ■ nhật tiến ■ tần vy ■ lê tất điều ■ duy năng
■ nguyên nhật duật ■ du tử lê ■ đặng trần huân ■ hoàng hải thủy ■
kiêm minh ■ ng. ái lữ ■ vương tân ■ hoàng ngọc liên ■ viên linh

• khởi hành tuyển tập mùa xuân 70

(SỐ 39 VÀ 40 PHÁT HÀNH
NGÀY 9-1-1970
17 THÁNG CHẬP A,L)

KHỞI HÀNH
THƯ GỬI BẠN ĐỌC
TÚ KẾU
MÙA XUÂN THƯ GỬI BẠN
VIÊN LINH
CÁNH HỒNG
TAM ÍCH
BÔNG DẮNG VĂN HỌC BIÊN KHẢO
THANH NAM
BÀI HÀNH ĐÓN TUỔI BỐN MƯƠI
BÌNH NGUYỄN LỘC
TÀU SUỐT TẾT TIỀN CHIẾN
MAI THẢO
THĂM NHÀ MỘT BUỔI
TẠ TÝ
QUÊ NGOẠI
CAO TIÊU
XUÂN LOẠN
KIỂM MINH
CÁNH VẬT MÙA XUÂN
NGUYỄN THUY LONG
NGƯỜI MÈ VÀ CÁC CON
DU TỬ LÊ
VIẾT Ở FORT HARRISON
HOÀNG HẢI THỦY
TẾT LÍNH
TẦN VY
MỘT ĐOẠN ĐƯỜNG
NHẬT TIẾN
TRONG CUỘC NGOÀI CUỘC
NGUYỄN BẮC SƠN
TỪ THỂ MỘNG
THƠ
ĐẶNG TRẦN HUÂN
HỒI HƯƠNG NGÀY XUÂN MỚI
CHUYỆN CÀM ĐÀN BÀ
HOÀNG NGỌC LIÊN
MÙA XUÂN NỮA
PHẠM LÊ PHAN
BIÊN ĐƯỜNG LƯU DIỄN NĂM XƯA
LÊ TẮT ĐIỀU
MÙA RIÊNG CỦA LOÀI NGƯỜI
PHẠM CAO HOÀNG
VỚI ĐỒNG LỬA MÙA XUÂN
DUY NĂNG
CÁU TRẢ LỜI DỨT KHOÁT
NGUYỄN ÁI LỮ
NẾNG SÁO NGƯỜI KÉP GIÀ
ĐẶNG BÌNH TÔNG
CUỐI HÀNH LANG
TRẦN HOÀI THƯ
NGUYỄN TÔN NHAN
VƯƠNG TÂN
THƠ
VÔ PHIẾN
TRƯỚC BÀN THỜ
VỀ : NGUYỄN HẢI CHÍ •
LƯU HUỖNH TRUYỀN



THƯ GỬI BẠN ĐỌC

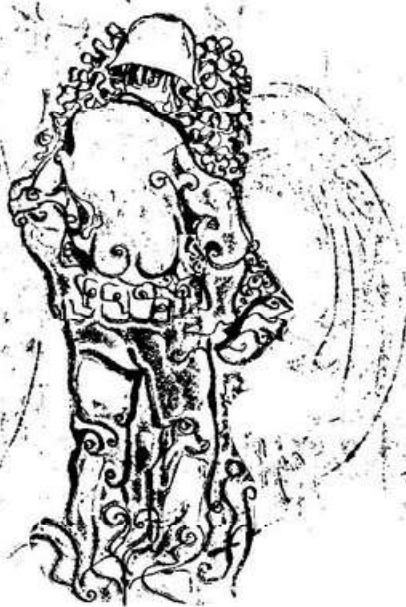
TRƯỚC TÌNH THẾ «KIỂM ƯỚC» NÓNG BỎNG, vật giá leo thang — trước những cơn sốt chính trị vô chừng, những biến chuyển sôi động — và nhất là trước sự bãi oải bản thân của đa số quần chúng đang phải vật lộn với cuộc sống — « Khởi Hành Tuyển Tập Mùa Xuân » đã hết sức chật vật — tưởng đâu không góp mặt được với đời trong mùa Xuân Canh-Tuất.

Chúng tôi được bạn đọc xa gần thúc — nồng nhiệt ủng hộ — chúng tôi được sự cộng tác quý báu của những văn nhân học giả hữu danh — và nhất là với sự giúp đỡ của những vị hăng hỏ trợ cho những công tác văn nghệ nghiêm chỉnh bằng những phương tiện sẵn có, Tuyển Tập này mới được hân hạnh ra mắt hôm nay.

Trong thời gian qua — «Khởi Hành» đã luôn luôn nổi lên khát vọng thanh bình của dân tộc trên mảnh quê hương đang oằn oại khổ đau vì chiến tranh. Khởi hành đã góp lại tiếng nói chung của tuổi trẻ — của những người trai thế hệ sinh và trưởng thành trong thời ly loạn — họ có nhiệm vụ dập tắt ngọn lửa chiến tranh để xây dựng một đời sống mới mà con người sẽ biết yêu thương nhau hơn, quyết tâm xóa bỏ hận thù — và chung sống trong niềm cảm thông thấm thiết. Trước thềm năm mới — Toàn bộ biên tập chúng tôi nhiệt thành trong niềm tin «Khởi Hành» sẽ là văn đàn khởi sắc trăm hoa bùng nổ. « Khởi Hành Tuyển Tập Mùa Xuân » sẽ mang lại cho mọi người — mọi giới một niềm tin mới: «Thanh Bình sẽ đến với chúng ta». Đề xóm làng yên vui — Quốc Gia thịnh vượng — và nền văn học nước nhà có một mùa xuân phát.



mùa xuân thư gửi bạn



Người ở rừng xanh núi đỏ
Có thương có nhớ Kinh thành
Tăm thân đầm sương giải gió
Mộng đời biết có còn xanh
Chiến trận tung hoành đây đó
Mắt còn những nét tinh anh
Có thấy xuân về hoa nở?
Mơ chi những giấc mơ lành??
Hay chỉ thấy toàn máu đỏ
Sắc mùi tử khí hôi tanh?
Hay chỉ thấy toàn chém giết
Giết nhau giết mãi cho đành?
Hận thù lên cao chất ngất
Hận thù xương thịt chia phân
Hận thù anh em giáp mặt
Lạnh lùng chặt đứt tay chân!
Tình thương bấy giờ đã mất
Nhường cho bạo lực phi nhân!
Ta biết người thương vất vả
Đêm ngày di chuyển hành quân
Đêm đêm ngồi ôm súng gác
Vẫn mơ nghĩ chuyện xa gần
Mắt mở canh chừng bóng giặc
Lo âu căng thẳng tinh thần.
Ta biết người thường thiếu thốn
Núi rừng không đủ cơm ăn
Rẻ, lá đói lòng tạm ngốn
Màn trời chiếu đất quanh năm!
Buổi sáng khi người thức giấc
Có thấy hồn vui lên chẳng?
Có thấy bình minh xuất hiện
Hay là sương trắng giăng giăng?
Bốn phía núi rừng mờ mịt
Mặt vàng giá rét căm căm
Thấm thía nỗi buồn cô tịch
Nỗi buồn linh chiến mệnh mỏng!
Mây dựng thành sầu lớp lớp
Vợ con thương để trong lòng
Vợ con giữa thời loạn lạc
Gia đình phân cách như không
Thanh niên giữa thời binh cách
Tứ sinh nhẹ tựa lông hồng

Vận mệnh người đâu định đoạt
Vì người, giọt nước trên sông
Sông cuốn nước trôi biển biệt
Đổ tràn ra đại Trùng Dương
Nước đi, khi nào quay lại
«Cổ lai chinh chiến» L. là thường!
Số kiếp, «hồi đưng» thắc mắc
Yên lòng mà giữ quê hương!
Yên lòng đèn ơn tổ quốc
Bằng thân, bằng máu bằng xương
Đừng hỏi ơn gì đất nước?
Và vay nợ lãi bao giờ??
Thời đại con người vô phước
Đem nhau chết hui chết bờ
Kia hợn chính qui du kích
Gian nan từ Bắc lẫn vào
Giải phóng hồ hào sát địch
Địch cùng tiếng nói màu da
Gặp nhau kẻ thù người hét
Đạn động sôi xả tuôn ra
Người người thi nhau gục chết
Trăm, nghìn chiếc miêng rên la!
Tham dự trò chơi man rợ
Trò chơi đã được thù hoa
Vẫn biết đau lòng lắm chứ
Nhưng mà không thuộc quyền ta!
Những sáng hành quân mệt lử
Ngồi tè dưới gốc cây già
Tai người còn nghe chim hót?
Mắt còn nhìn ấm tha nhân
Có nhớ con đào thành phố
Có còn thấy đẹp hoa xuân.
Xuân, Tết đang về rồi đó
Nhớ người xa cũng như gần!
Ta ở đó thành cát bụi
Những ngày những tháng buồn tênh
Những bước lạc loài vô vị
Tâm hồn ray rứt không yên
Sống giữa bọn người ích kỷ
Toàn quân thối nát ươn hèn!
Đừng nói vấn đề sĩ khí
Đừng hồng kêu gọi lương tâm!

Chán những trò hề chính trị
Bón chen trong cát bụi lầm
Thiên hạ đua nhau đối trá
Vô tri như thú như cầm!
Danh lợi làm cho tối mắt
Eo sèo bán tước mua quan!
Hoạn lộ đi ngang về tắt
Lộc lừa kẻ độc mưu gian
Nhưng nhúc một phường sâu mọt
Nhờn nhờn trên tiếng kèn than
Nhờn nhờn quanh mình chết chóc
Nhờn nhờn hưởng thụ truy hoan
Nhờn nhờn tinh thần sa đọa
Đèn màu, nhạc vũ khiêu dâm
Khói thuốc pha mùi sắc súa
Phấn son ruộn mặt đêm đêm.
Ta đã bao lần phẫn nộ
Muốn làm hiệp sĩ vung gươm
Muốn tự tay mình chém cổ
Nhưng quân ăn hại dái đường
Những đứa mặt người dạ chó
Không hồn, không cả tình thương!
Ta đã bao lần uất hận
Mất trừng nộ khí xung thiên
Mẹ nó, cuộc đời khổ nạn
Hung hăng bạo lực oai quyền
Bạo lực hoành hành chi phối
Còn đâu giá trị con tim.
Thế kỷ con người tội lỗi
Mỗi ngày tội ác đeo thêm
Những vụ sát nhân, phản bội
Lòng người đã bị bói đen.

Đêm nay ta buồn rụng rức
Tâm hồn nặng trĩu thương, đau
Nhớ người rừng xanh núi biếc
Lũ mình mới biết thương nhau...
Đã mấy hăm rày thời tiết
Nghe chừng khác lạ hơn xưa
Mưa hồng trái mùa da diết
Gió lùa lạnh lẽo gai ghe
Không khí có gì chuyển động
Bình minh mai sẽ lại về
Lúc đó nếu người còn sống
Gặp nhau cười nói hê hê
Kéo nhau cùng mình đi nhậu
Ăn riêng cái tết xum huê!



VINH nắm tay con bé dắt nó bước lên cầu. Buổi chiều nắng gắt, chàng vừa rời bỏ phía sau con đường không bóng cây, trơ vằng, thỉnh thoảng bốc lên inh ỏi tiếng còi xe vận tải từ ngoại ô vào, trên chất nặng hàng hóa vừa được dỡ từ kho xuống.

Chiếc cầu ngắn, một đầu dính liền bờ, một đầu gắn cứng vào nhĩ hàng nổi. Buổi chiều, mực nước đang lên trở lại, nhưng còn dưới lần đầu nơi chân đá của Mỏm Đầu Láo dưới vệt thềm chạy ngang như một băng vải màu xanh rêu, gần thủy triều cao nhất đêm qua, đã vừa rút xuống hết vào buổi sáng. Đã lâu lắm, hôm nay Vinh mới lại có dịp trở lại nhà hàng nổi, mới có dịp nhìn ra khúc sông Saigon ngang bến Thương Khau, ngồi trên boong chiếc tàu giả, nghe sóng vỗ róc rách phía dưới. Có đến mười năm nay rồi, con tàu vẫn chưa rời khỏi bờ lấy một lần dù khói vẫn thả đều đều lên trời, dù mỗi chiều, mỗi đêm không ngớt người lên xuống. Không có con bé chắc chiều nay chàng không tới chỗ này.

Lúc ăn cơm trưa xong ở nhà người bạn, con bé nhìn Vinh cười im lặng. Chú Vinh thấy nó lớn chưa. Ừ, trở mã rồi. Con bé nghiêm mặt khi nghe Vinh nói đùa với má nó. Chàng nâng ly cà phê tìm một lời nói vớt vát làm thân, nó hơi bĩu môi. Tội nhớ hai ba năm trước nó còn nhỏ xíu. Vinh nói, tay nâng cao hơn mặt bàn chút ít. Hồi đó còn dẫn nó đi ăn kem. Bây giờ chắc nó chế tôi già, đi bên cạnh sợ xấu lây.

Chú nói xạo. Không, chú không nói xạo với cháu. Có.

Vinh uống ngụm cà phê, ngẫm nghĩ. Chàng nhìn trộm con bé sau miệng tách. Nói bất gặp cái nhìn của chàng, môi dưới lại hơi trề ra. Vinh làm bộ cứng cỏi đặt cái tách xuống. Chú xạo bao giờ. Cho là xạo đi, nhưng là xạo với ai. Chưa khi nào chú xạo với cháu hết. Thế mà chú xạo với cháu, lâu rồi. Vinh hỏi lâu là bao giờ, nó lấy điệu nhún vai. Chú chóng quên quá. Mới hai ba năm mà chú đã quên. Chú không nhớ thiệt sao.

Vinh ngạc nhiên ngó người bạn gái, rồi nhìn con bé. Chú không nhớ chú đã nói gì với cháu, mà dù chú có nói, không lẽ cháu còn nhớ sao. Cháu nhớ. Thế chú nói gì.

Con bé ăn múi cam. Cặp môi nó tươi hồng. Chú tưởng trẻ con không biết gì sao. Lúc ấy cháu cũng mười tuổi rồi chứ hơ.

Vinh cười hi hi. Lớn quá nhỉ. Con gái mười tuổi khôn bằng con trai mười hai tuổi phải không? Ừ. Cháu lại thông minh, mười tuổi mà bằng đứa mười ba tuổi. Ừ, cho là thế đi. Vinh gật đầu không biết con bé định nói gì. Rồi sao?

Còn sao nữa. Vì là con gái nên cháu bằng một đứa con trai mười hai tuổi, lại thông minh nên cháu bằng một đứa mười lăm tuổi. Năm cháu mười lăm tuổi chú có hứa hôm nào sẽ cho cháu đi chơi khắp Saigon. Thế mà bây giờ cháu vẫn chưa thấy chú thực hiện lời hứa. Ai xạo?

Vinh ngẫm hai mẹ con, nghĩ: má mảy xạo, nhưng lại hỏi con bé một câu không hề suy nghĩ: Thế bây giờ cháu còn muốn đi không? Đi, chú.

Vinh e dè ngó người bạn cũ. Nàng im lặng. Im như ngôi nhà cũ kỹ, nhỏ bé mà hơ mẹ con nàng cư ngụ suốt ba năm nay, từ khi người đàn ông, duy nhất trong nhà mà họ trông cậy được từ trần. Người bạn của Vinh chết lúc anh ba mươi sáu tuổi, ngay trong tháng vợ anh ở cử đứa con trai mà anh mong ước. Thành nhỏ năm nay ba tuổi, đang ngủ ở phòng trong. Vinh, từ ngày bạn mất, ít lui tới ngôi nhà này. Hôm nay chàng đã dừng lại, bước vào, sau khi đã ngần ngừ đứng ngoài cửa tới năm bảy phút. Chàng biết người đàn bà góa chồng ấy vẫn sống cô độc, song chàng ngại có thể sẽ gặp một người đàn ông nào đó trong ngôi nhà bạn. Cho tới hôm nay chàng trở lại. Trong bữa cơm trưa, được mời niềm nở và ở lại rất ơ hờ, trong nỗi băng khuôn mờ nhạt vật vờ như một hơi sương muộn, Vinh hiểu người bạn gái của chàng sắp phải đi thêm một bước nữa. Đưa con trai nàng ba tuổi, và không lâu nữa, nàng phải tiếp tục những ngày thanh xuân đang dở.

CHỮ À, mấy năm nay không ai dẫn cháu đi đâu hết. Má cháu đi làm trưa đâu có về. Năm giờ tan sở ở Long-bình, sáu giờ má cháu mới về tới Saigon. Lại từ bến xe về tới nhà cũng nửa tiếng nữa. Ăn cơm xong là má cháu mệt đi nằm ngay, chả mấy khi dẫn cháu đi đâu được.

— Ờ má cháu bận quá mà. Còn bạn cháu?
— Mấy con nhỏ đó lì lợm cháu chịu không nổi. Chỗ này là chỗ nào đây, chú.

— Sông Saigon.
— Chiếc phà kia đang chạy đi đâu đó chú?
— Bên đó là Thủ Thiêm.
— Thế còn chiếc tàu không lồ kia, chắc là tàu ngoại quốc.

— Ờ.
— Nó đi mãi đâu chú?
— Chắc là Tân Gia Ba hay Hồng Kông.
— Thế còn cái tàu này?
Vinh ngó nhìn con bé, hỏi:
— Cái tàu nào?
— Cái tàu mình đang ngồi đây này.

Chàng cười, không trả lời. Trong khi im lặng, chàng nghe tiếng sóng vỗ róc rách từng đợt. Trên mặt sông đục, từ nơi chiếc phà đang chạy, hàng vết sóng từ màu đến thưa chạy liên tiếp vào bờ. Vinh để ý nhà hàng nổi hơi dập dềnh.

— Sao chú cười.
— Không.
— Nó chạy đi đâu, chú?

Vinh lại cười, nhìn con bé kỹ hơn, cố gắng hiểu rõ nó. Chàng bỗng buồn bã. Quả thật nó không biết nhà hàng nổi này là một con tàu giả. Nó không biết rằng con tàu này, ngày này qua tháng khác, mãi mãi chỉ đậu yên một chỗ, mãi mãi chỉ nhả khói lên một góc trời, mãi mãi chỉ chờ hàng những kẻ lữ khách không hành trang, y phục nguyên nếp lúc xuống tàu và tâm hồn một khối chẳng đổi thay khi trở lại đất liền.

— Kia, chú, cháu hỏi.
— Để xem. Nó chạy trong nước thôi. Tàu này chạy sông chứ không chạy biển được.

— Có phải tàu gì cháu nghe nói mỗi đêm có ca nhạc ầm ỉ đây phải không?

— Tàu gì, cháu?
— Cháu nghe nói tàu gì có hàng ăn có ca nhạc đó.
— À. Ờ. Kia mưa rồi.

— Trời ơi sương quá! Cháu thích ngồi trong xe xích lô khi trời mưa lắm. Chết, mấy giờ tã chạy chú?

— Giờ mấy giờ rồi?
Con bé xem đồng hồ tay:

— Sáu rưỡi.
— Không lo, cháu. Bây giờ nó mới chạy.

Mưa nặng hạt hơn, dội xuống mái tôn ầm ầm. Hai người nhìn ra mặt sông, nước nhảy múa sóng sánh vui mắt. Phía Thủ Thiêm mờ trắng, khoảng cách mới xa hơn. Trong mưa, một chiếc thuyền nhỏ đó kéo còi. Giữa sông một chiếc ca nô chạy ngang, mỗi lúc một gần, rồi hướng về phía cột cờ Thủ Ngữ.

— Chú nghĩ gì đó? Cháu thấy chú có vẻ buồn.
— Không có đâu. Cháu thấy chú buồn à?

— Dạ. Lúc nào chú cũng có vẻ buồn hết. Má cháu bảo không biết sao Ba với chú chơi thân được với nhau. Hai người chỉ có điểm nào giống nhau hết.

— Thiệt sao?
— Thiệt mà. Cháu cũng thấy như vậy. Má bảo Ba ở đâu ở đó, còn chú không bao giờ ở yên một chỗ cả. Sao vậy chú.

— Tại chú thích thay đổi.
— Chú xấu.

— Nhảm nào.
— Má bảo chú nhiều người yêu lắm. Người ta có thể yêu nhiều người một lúc sao?

— Chắc là không.
— Cháu thấy người ta yêu mãi một người thì được. Má cháu đấy. Má bảo sẽ không lấy chồng nữa.

Mưa bỗng ào ào bay vào lòng tàu từng mảng

VIÊN • LINH



CẢNH
HỒNG

gười nước. Con bé ngo ngắc ngó xuống chiếc áo đầm:

— Ướt hết rồi chú.
Nó đứng dậy, nhìn Vinh. Vinh xô ghế, ngó vào phía trong. Khách đã dồn vào đây bàn giữa đông kín. Yên vị. Mãi nói chuyện với con bé, chàng quên đổi bàn từ lúc mưa còn nhẹ.

Chàng hỏi người bồi vừa đến gần, muốn kiếm một cái bàn không hắt mưa. Anh ta bảo chỉ còn bàn dưới hầm tàu. Vinh kéo con bé đi trở xuống.

Nó reo nhỏ nhỏ bên tai chàng lúc hai người đã ngồi bên chiếc bàn cạnh cửa kính. Trong hầm nhìn ra, mặt nước mấp mé khung cửa:

— Trời ơi, cháu thích quá. Như đi tàu ngầm vậy.

— Làm như đã đi tàu ngầm rồi không bằng.
Con bé rùn vai cùng lúc một tiếng còi tàu lan truyền trên mặt sông.

— Tàu chạy hả chú?
Vinh cười:

— Ừ. Cái tàu cháu nói đó. Mỗi tối nó ra Nhà Bè rồi lại về đây.

— Minh đi luôn hả chú?
— Ờ.

— Lát tối mình lại về đây hả?
— Minh đi luôn.

— Đi đâu?
Vinh nhìn làn da mịn màng trắng hồng của con bé:

— Đi luôn. Cháu chịu đi với chú không?
— Bao giờ về mới được chứ?

— Đã bảo đi luôn mà.
Con bé phá ra cười:

— Không về đây nữa hả?
— Không.

— Bỏ mẹ cháu một mình sao?
Vinh làm bộ ngẫm nghĩ trong trò đùa vui thú:

— Lâu lâu về thăm chứ.
Con bé gật đầu thần nhiên:

— Vạy thì được.

BÔNG DANG VĂN HỌC



BIÊN KHẢO

NGÀY MÙNG 4 JANVIER 1970, văn hữu Viên Linh nhờ tôi "tính sổ" biên khảo một năm, hai năm... Tôi sợ: sợ vì thiếu hiểu biết, thiếu tiếp xúc, thiếu hẳn chiều dài của thị giác nhìn vào cái con số sách dài đằng đằng một năm và hai năm trời! Văn hữu bên nói: "Thôi anh có chân trong ban giám khảo cuộc thi văn học của Tổng Thống. Nhân đó, anh viết dùm cho một bài. nói một số ý...". Nhà văn họ thể đấy họ có cái lối nói lơ lửng! Rồi người viết lo liệu lấy cho thành bài! Hôm nói với nhau, có cả anh Nguyễn hữu Hiếu ngồi... chứng kiến! Nguyễn hữu Hiếu nói: "Cái kiểu nhân một chuyện mà nói một chuyện... đã nói được chuyện mà lại dễ nói hơn!" Vậy thì xin nói và xin thưa.

NÓI là "hồi ký" là đúng mà lại không, là vì chuyện vừa mới có đấy, xa xôi gì trong thời gian mà gọi là hồi nhĩ ký! Nói "tính sổ" một mần hai năm văn học biên khảo, xin thưa, lại cũng không đúng, ấy là vì không đủ thành tố để làm tổng số! Nói "tham luận" lại cũng không xong, vì xin thưa, đây chỉ là một số ấn tượng: chỉ có đôi ấn tượng ghép vào đôi việc đời.

Vậy xin đề là "tùy bút", viết cái "nếp" viết của nhà văn Võ Phiến (hay Bình Nguyên Lộc viết yêu ngôn là viết ngôn ngữ của yêu tinh sao?) là người viết tùy bút tài hoa nhất sau Nguyễn Tuân tiền chiến.

Và tôi cũng chỉ xin nói riêng về bộ môn biên khảo mà thôi. Và chỉ xin nói qua về bóng dáng. Bóng dáng không đủ thời gian, không đủ thời gian!

CÓ HAI nhân vật... lo cho mọi chuyện thành mọi chuyện Người thay mặt Tổng Thống Nguyễn văn Thiệu đề dựng ngôi "kiến trúc" giải thưởng là Trung tá Trần Văn Lâm, còn hai văn hữu thì hữu Hà Bình Trung và Lan Đình phụ tá đề cùng với Trung tá Lâm chỉ huy chó mọi chuyện có màu và có hình. Còn bậc đàn anh trong văn thì giới của chúng tôi là Vi Huyền Đắc là nhà "ngoại giao" tối cao của con số giám khảo, đại diện anh em trong không gian ngắn và trong thời gian ngắn.

Hai ông: Linh Mục Bửu Dưỡng và Bác sĩ Nguyễn văn Thọ là giảng sư đại học, phút chót, nghe nói là cần xuất dương, không có mặt (nhưng rồi nghe cuối cùng cũng không ai đáp máy bay...) thành ra, ở bộ môn văn và thơ thì là Võ Phiến, Vi Huyền Đắc, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Khắc Khoan, văn văn..., ở bộ môn biên khảo chúng tôi còn có bốn người: nhà học giả và giảng sư đại học Nguyễn Duy Cần, nhà văn học và giáo sư văn khoa Thanh Lăng, nhà văn học Phạm Đình Tân văn đoàn trưởng Tinh Việt và tôi. (Phút chót không thấy hai ông Nguyễn văn Trung và Nguyễn hiến Lê tới họp; nghĩa là hai ông từ chối vào phút chót. Cái anh Nguyễn hiến Lê này, can đảm có dư, mà lại suốt đời đau gan, lạ!)

BỐN NGƯỜI chúng tôi ở ban biên khảo mỗi người đọc 81 cuốn biên khảo trong hai tháng! Hai tháng là sáu chục ngày, phải đọc phải nghiền ngẫm tám chục tác phẩm: để danh

sách tác phẩm biên khảo ra thì thấy đủ cái "vạn hoa kính": có sách của bậc sĩ phu lão thành, có sách của giảng sư đại học, của đối vị tiến sĩ cử nhân... có sách của nhà văn cũ và mới, có sách in, có sách chưa in... tạm gọi là đủ: học giới có mặt, cũng hơi sẫm uất! Nhưng chúng tôi bắt đầu lo: kể cả là có ba đầu sáu tay như Tôn Ngộ Không cũng phải vất vả lắm mới người mới đọc được tám chục cuốn trong sáu mươi ngày! Lòng những lay Trời lay Phật: hay thì hay bất hăng lên năm ba tác phẩm đi cho đầu đó hẳn hoi!; Chứ nếu hơi đồng đồng hơi đều đều thì rồi làm sao đây! Không lẽ mỗi lúc mỗi lúc đem "cân" tiểu lý của "được sự" ra mà đo mà đếm, mà cân mà nhắc! Trung tá Trần văn Lâm có nói: "Nếu không có giải nhất thì xin quý vị cứ đề giải nhì xin đừng cứ nhất định là phải có nhất...!" Ý nhà đại diện của Tổng Thống muốn rằng, phải là đặc biệt thì mới chiếm giải nhất!

TAM ÍCH



Tôi cũng hơi băn khoăn, tôi hỏi anh Mai Thảo: "Sao anh? Lấy cuốn xuất sắc hay là lấy cuốn nào hay nhất trong số sách dự thi?" Thì cũng mới ngồi chưa nóng chỗ ngồi, trong lòng cũng chưa hoàn toàn định trắng đen vuông tròn ra sao cho phân minh, văn hữu Mai Thảo nói: "Có lẽ là cuốn nào hay nhất trong số sách, chứ! Một cái "chứ" không tuyệt đối! Chỉ có ông bạn trẻ tuổi nhất là ông Thanh Tâm Tuyền chăm ở bộ môn "thơ" là có bản khoăn một nỗi niềm gì, mà chỉ nói một nửa niềm và một nửa nỗi!"

NHÌN vào danh sách sách biên khảo, tôi thấy có giáo sư thanh niên Trần Trọng San là giảng sư đại học, một tác giả mà riêng tôi quý trọng về sĩ phu tinh và giá trị học thức, (Cứ đọc sách ông thì biết: *l'homme est la somme de ses actes*: yếu lý này lúc nào cũng vẫn đúng, cũng vẫn giúp thiên hạ định giá trị thiên hạ. Chứ làm sao!), lòng tôi rất vui vui....

Trong danh sách có cuốn "Cười" của Bác sĩ Dương Tấn Tươi.

Giới thanh niên trí thức đầu hậu bán thế kỷ này có lẽ ít biết Bác sĩ Dương Tấn Tươi, chứ riêng tôi thì tôi biết ông. Ông là văn gia học giả còn viết văn trước cả Phan văn Hùm, cùng với Thiệu Sơn, v.v... và là cùng thời các nhà văn học và học giả Bác sĩ Lê văn Ngàn, Tuân lý Huỳnh Khắc Dụng (luật gia), Vương Hồng Sển, Thuận Phong, Ngô quang Tỹ. Ý là thơ Xuân... mà tôi gọi là nhân thời đại, vì

ít viết. Hai chục năm nay, từ ngày ra tù, từ ngày đau ốm, tôi không gặp lại ông, nhưng đối với ông, tôi có lòng kính trọng quý mến. Học giới văn giới có ông hiện diện từ xa xưa. Riêng đối với tôi, ông là đàn anh. Cái chuyện có mặt ở Ban Giám Khảo chỉ là do cái "duyên" mà có, một thứ "duyên" của nhà Phật mà ngày nay tên mới của nó là "trùng quan": chứ thực ra, nếu đã là "duyên" thì cũng có thể là ông phải có mặt trong Ban Giám Khảo: đó là một thứ Cao Bá Quát không chết, không, ở nơi vắng với niềm cô đơn mà là ở chốn phồn hoa!... Thiếu gì Cao Bá Quát sống!

Và bên cạnh hai ba ông Nguyễn tấn Long, Nguyễn tấn Trọng và Phan Canh đã nhận định về văn học trong bốn cuốn đồ sộ; các tự điển gia Trịnh Văn Thanh văn văn... và hai nhà văn trẻ Minh Huy Nguyễn đình Tuyền và Huy Trâm nhận định về văn thơ, có một nữ sĩ; bà Bùi Xuân Uyên tức là Bà Xuân Nhã viết cuốn "Lược khảo về sấm ký" Bà Xuân Nhã có mặt trong nữ giới văn thơ từ tiền chiến! Còn học giả và thi sĩ họ Bùi thì thiên hạ biết từ từ "Thế Kỷ" ở Thăng Long năm 1948. Xin thưa rất rõ: từ năm 1913 là ngày Đông Dương tạp chí của Nguyễn văn Vĩnh ra đời đến bây giờ, cuốn Lược khảo về sấm ký của bà Xuân Nhã là cuốn viết "rationnel" nhất: bao nhiêu cảnh là "sấm sét" rườm rà lời thời bị loại hết, bao nhiêu luận cứ về sấm mớ hồ phát sinh tinh thần đầu cơ xã hội và phi duy lý bị loại bỏ hết... còn lại một hệ thống suy tư rất duy lý, rất khoa học về "sấm". Có lẽ cuốn này sẽ có trong danh sách tác phẩm được giải chứ! Tôi nghĩ thế này và nghĩ thế kia trong trí thức: nhưng cái chuyện "trùng" hay "lọt" là còn tùy: giữa thế kỷ hai mươi, định mệnh vẫn còn đóng vai trò kín đáo và vẫn có! Và, ngẫu nhiên! Một con kiến bò vào nghiền mực chữ nho còn có thể chuyển hướng một kỳ thì cá nhân và lật một trang sử con con thì ngày nay sao lại khác ngày xưa: thời gian thì khác, không gian vẫn ấy... ủa!

Tôi chỉ có một minh thời mà!

Thì ra, sau này, lần thứ nhất, ngày 3 tháng 1 năm 1970, hôm qua, anh em chúng tôi gặp nhau sau hai tháng, trong lúc anh Phạm đình Tân loay hoay tìm một danh từ gì để trong bộ từ điển lớn ở phòng họp, trong lúc Linh mục Thanh Lăng bận cho nên vắng, còn lại ba người ngồi xúm: Vi Huyền Đắc, Nguyễn duy Cần, Tam Ích. Kịch gia và văn gia Vi Huyền Đắc cũng tò mò: "Sao, bên biên khảo các anh, sao?" Anh Nguyễn duy Cần nói: "Anh đoán thử, xem!" Họ Vi nói: "Tôi đâu dám xen vào chuyện các anh!" Tôi bên nói: "Chà biết anh Tân đã đọc cuốn "Cười" của Bác sĩ Tươi chưa và ý anh Tân ra sao không biết, mà ông Thanh Lăng thì vắng! Anh à, chứ tôi tôi chọn cuốn "Cười"!" Chàng biết anh Vy. Huyền Đắc ảnh hưởng cái ý của anh từ hồi nào chẳng biết, để cho nó gặp dịp thì nó bung ra! Họ Vy: "Sĩ lớn với tôi: 'Ờ, ờ, phải chứ, phải chứ!'" Rồi anh vắng cả một câu tiếng Pháp: "D'ailleurs, il a écrit en artiste!"

Vi Huyền Đắc mà khen lớn cuốn "Cười" kiểu ấy là anh quên rằng nói thế là có thể "đề" lên cái đôn gánh cân nhắc! Chứ sao! Họ Vi (không phải Vi văn Đình) là chăm bên bộ môn văn và (không phải)

Chuyện đã dư thừa! Thời chiến tranh, cần có chuyện thừa và trả dư! Cho đỡ nặng tâm tư!

NGAY LÚC ĐÓ, anh Phạm đình Tân mới lấy ở tay tôi tác phẩm của tác giả cuốn Đồng Lai Bắc Nghĩ, vì trong lúc chuyển sách cho nhau, bà con đề lợt, thành ra ngày 3 tháng giêng dương lịch 1970, anh Tân mới đọc cuốn «Cười» của Dương Tấn Tươi, đề cho đến ngày 10 Janvier 1970, thì anh sẽ đưa quyết định chốt của riêng anh, tùy anh.

Và anh Nguyễn duy Cẩn nói bằng quơ một câu tiếng Pháp, như nói với chính mình, mà cũng là nói với riêng tôi: «Peut-être, Tươi va-t-il nous sauver!» Và hình như riêng tôi cũng mơ hồ gật gật đầu... Đầu gật gật mơ hồ...

TÔI VỀ NHÀ, chiều ngày 3-1-70, chờ ngày 8-1-70, để ban giám khảo bộ môn biên khảo họp riêng để thảo luận, cân nhắc, bỏ thăm và định ngôi thứ để đến ngày 10-1-1970, đi họp để đưa quyết định. Và trong khi chờ, thì đọc lại cuốn «Sĩ Khí Á Châu» trong đó ông Quang Huy là tác giả nói về hoạt động và sĩ khí của nhà chân sĩ phu Lê phục Thiện học giỏi và học rộng, ngày nay làm văn hóa ở Saigon, nhưng vào những năm 1942, 1943, 1944, 1945 thì đã hoạt động về cách mạng ở Thanh Hóa, cái tỉnh quê hương của tôi, nơi cha tôi, một bậc tức nho ngày nay đã là người thiên cổ rồi! *Rien ne vaut une vie, une vie ne vaut rien!* Câu của A. Malraux chứa hai ý: cha tôi là một sĩ phu ở trong đảng Tân Việt; cha tôi đã khuất; hai mẫu ý của Malraux có thể nói về người cả!

Rồi tôi đọc lại cuốn «Một gia đình cánh mạng» của nhà sĩ phu Lê xuân Giáo, một người trong một số người... những viên sinh tử cuối cùng của một nền văn hóa truyền thống suốt đời mang trong tâm tư hình bóng những nhà nho đã chết vì đất nước, trong đó có hình bóng cha tôi đã là cổ nhân: một cái lông trong những cái lông cuối cùng của một cái giấy truyền thống tham dự vào sự trưởng thành của giang sơn, và vì giang sơn nước non trưởng thành khôn lớn sao đó mà về tuổi vàng không ngậm cười!

Lịch sử làm bằng đóng góp cá nhân qua đi một số trang lớn và anh dũng màu xanh của sử xanh: *rien ne vaut une vie!* Tôi được nghe có văn hữu nói về Trần Trọng San là lệnh lang cụ Trần Trọng, một hình bóng lớn kích thước qua đi trong sử, bàn thờ danh nhân thêm một hình bóng chúng ta, nhưng danh sách người qua đời thương hận có một danh nhân nơi chín ngậm cười! *Une vie ne vaut rien!* (Hai lần thưa lại, ghép lại là một câu nói của aux.)

Vì chờ ngày 10 Janvier 1970, để tác giả Trần Văn Lâm tuyên bố một hội văn thơ, tôi cũng đọc lại «nghĩa» của Chu Hy do Cụ Nguyễn một bậc đại nho đáng kính đã vì xem Kinh Dịch. Nói là phải đọc: chứ thực ra, khi Dịch của các bậc học giả đã học riêng cho tôi rất vì vô nghĩa rất nhiều: vì cha tôi chẳng dạy một ý, cho tôi là con nít

Tân Tươi cũng chẳng viết cuốn «Cười» và Hoàng Trọng Thuộc không nghĩ rằng phải nói chuyện châm biếm hay nói đồng: nó đồng hay châm biếm như Tú Xương hay Yên Đổ cũng là một cách dành «đất đứng» cho ta và cho người! Ta là riêng ta, còn người là con số hai trăm triệu.

Không lúc nào hết chua chát, hết cay đắng. Vậy thay!

CÁI ẤN TƯỢNG cuối cùng của riêng bản thân tôi như thế này: chẳng biết ở các bộ môn «văn», «thơ» và «kịch»... như thế nào thì thật tôi không được rõ, chứ nói riêng về biên khảo, thì tôi chỉ tiếc rằng sách giá trị rất nhiều «Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười!» Mà giải thưởng thì có chỉ có ba. Tôi xin thưa điều ấy với tất cả tấm lòng chí thành.

Sách giá trị và quan trọng còn có nhiều! Tôi xin đơn cử chẳng hạn một ví dụ: bộ Từ điển danh nhân thành ngữ điển tịch, gồm hai cuốn cỡ rất lớn,



mỗi cuốn ngàn hai trăm trang, trông đồ sộ, tác giả là giáo sư Trịnh Văn Thanh đã đề mười năm để soạn.

Đến đây, phải xin thưa thêm một «lý» nhân sinh một lẽ đời: Anh em chúng tôi bốn người (kể cả là hai chục người!), khi đọc sách, có ai mà lại không nhìn sách với lẳng kính mơ hồ chủ quan: cái lẳng kính chủ quan là một thứ kính «pha lê» mà phương trình hóa học làm bằng đủ thứ chất: và thêm vào đó, cái mà Heidegger gọi là «thời tính», cái mà Jaspers gọi là «sự tính» cá nhân cái mà Roland Barthes gọi là «chiều dọc của ý thức» cá nhân (chỉ có khác là, với R.Barthes thì nó là cái thực thể thâm vi gọi là «bút pháp» mà thôi, còn với chúng ta trong thâm mỹ quan, cái chiều dọc ấy nó mang một sắc diện khác và tham dự vào cơ cấu (structure) nghệ quan.)

Ở đời nào có ai tuyệt đối khách quan đâu! Vì khách quan tính tuyệt đối là một thực thể «liều trai»: ai cũng có mặt cặp kính màu để nhìn càn khôn và nhân sinh; ai nói rằng mình tuyệt đối khách quan thì cũng như nói rằng có lông rùa, có sừng thỏ; ai nói mình tuyệt đối khách quan thì hoặc là họ vô vấn đối mình rồi đối luôn người, hoặc là họ vô một thứ người không có nhân tính thông thường, hoặc là họ đương sống trong cõi «bất nhị», cõi «đắc nhất», những «cõi» mãi khi nào chủ quan tính và khách quan tính mất biên giới làm «Một» thì mới hiện ra! Bao giờ? Hay thấy đấy, cực vi cực diệu thật đấy, mà cũng đẹp đấy: nhưng quả tình chỉ là chuyện trà dư tửu hậu về trí thức mà thôi!

Sự phê phán sách vở cần một thái độ ít chủ quan chừng nào tốt chừng ấy: được như vậy, theo ý tôi, đã là quý lắm! Rồi thì cộng những «màu» khách quan tương đối lại, chúng ta có một thái độ chung của chung mọi người chẳng hạn! Mong gì tuyệt đối khách quan là chuyện..... quái!

A đề chấm dứt bài tùy bút, cũng xin đơn cử thêm một đôi ví dụ nữa: chúng tôi đã có hạnh đọc cuốn Cung Oán Ngâm Khúc của giáo sư Trần Cửu Chân; cuốn Gia Phả rất có giá trị của Đỗ Lan, cuốn Văn phạm Việt nam của Thanh Ba Bùi đức Tịnh; cuốn Một nền giáo dục dân chủ mới của giáo sư Nguyễn thanh Nhân mà tôi được nghe nói là đã tốt nghiệp đại học ở Mỹ; cuốn Hồn thơ nước Việt thế kỷ hai mươi của văn hữu Lam Giang; và có điều lạ là đồng nghiệp Chăm Vũ đã từng cùng tôi diễn giảng ở Đại học Vạn Hạnh, dạy Nhật ngữ, tại sao lại chỉ gửi cuốn «thứ tư» trong toàn bộ Sử Nhật Bản (?) Tú Xương đã phạm trường qui! Tân Đò đã phạm trường qui! Và xin thưa lại một điều tôi đã thưa rồi rất chân thành: đối với riêng bản thân tôi, tôi chỉ tiếc là sách có giá trị nhiều lắm (chuyện lạ) nhưng giải thưởng chỉ có ba! Mà hình như Linh mục Thanh Lăng cũng mơ hồ tiếc như tôi, mãi sau này thấy Linh mục nói <

CUỐI CÙNG tôi đã gặp mặt cha tôi, vì tôi gặp nhau trong một tình cảnh tội nghiệt nghĩ thế, tôi nhớ lại một câu chuyện nào chuyện cổ của Tàu, trong đó người con đã đi một đường hăm để tới gặp mẹ, bởi vì trước người con với tư thế của một ông vua đã giam lại. Đi qua đường hăm tôi thăm mẹ để chứng tỏ coi như mẹ mình đã chết, hành động chuộc lỗi. Còn tôi, nào tôi có can dự gì với việc cha tôi dưới hầm đã từ nhiều năm trước?

Cái hầm cha tôi ở như cái hầm của định mệnh. Theo tôi biết nó được đào từ lúc còn yếm khi tôi đang hoạt động. Chứng như ông đã tính rất để cho cái hầm có thể là một nơi trú ẩn lâu dài. Có hai cửa, một cửa đi từ phía nhà để vật dụng một cửa đi từ ngoài ao vào. Tất cả đã được bằng gạch hết sức kiên cố. Gặp tôi, cha tôi, cha rất mừng khi biết con trở về, mẹ con đã ở Cha tôi già sọm người, trong ánh sáng nhờ nhờ căn hầm nhỏ tôi nhìn rõ từng nếp nhăn trên nơi khoe miệng và những sợi tóc dài bạc. Tôi ngượng ngùng không nói được gì. Tôi so với hình cha tôi khi trẻ với thực tế, một nỗi xót xa không người khuấy động trong tôi. Tại sao ông phải chọn như thế? Áo tưởng nào còn chấy đó trong. Tôi nói cho cha tôi nghe đời sống của tôi trong gian nhà nhỏ, ngày tôi trở về và đời sống trọ học Hà nội. Cha tôi nói: cha tôi biết rõ những đó. Cha không muốn biết việc cha sống thế nguy hiểm. Có người muốn giết cha.

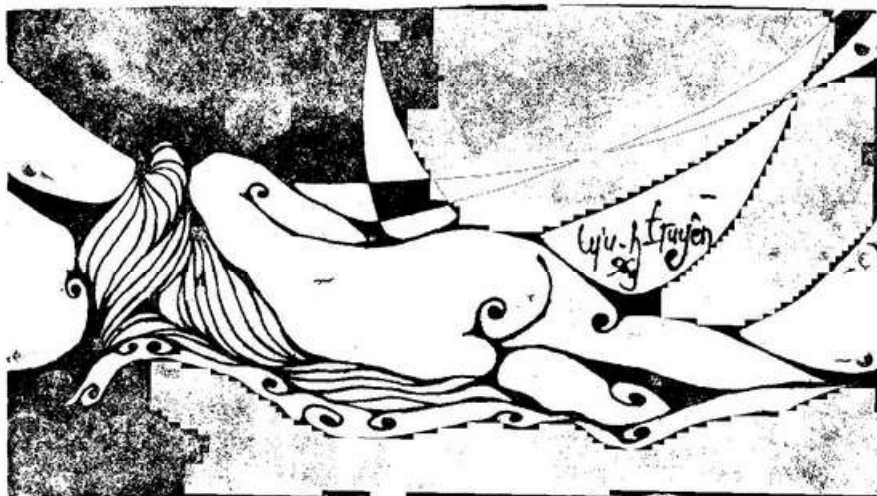
Cha tôi cười không nói. Trong khi nói tru có lúc ông vuốt những sợi râu, và chúng tôi có nhiều khoảng thời gian im lặng. Những khoảng im lặng ấy cho tôi thấy, tôi ở xa ông quá, có ngăn cách nào đó tôi không hiểu được. Nếu còn tôi chắc điều ấy đổi khác Cha muốn con nghĩ cha đã mất rồi. (Cái đầu ngã vào vách hầm, đôi mắt nhắm xuống một nhọc, hai tay đan vào nhau bỏ tròng, ánh sáng yếu ớt khiến cả thân hình mỏng như một tờ giấy đã úa với thời gian) Tôi lắng nghe vang của một tiếng nói nào đấy. Cha muốn nghĩ như cha đã chết rồi. Bây giờ tôi vẫn như nguyên cái cảm giác của buổi gặp đầu tiên ấy. (tôi tự coi như đã chết. Sao vậy? Cái im lặng như vậy kéo dài, tôi lắng nghe tôi cái cảm tưởng râm rập khắp trí não và thân xác. Tôi đã trở về để nhìn thấy quê hương tan hoang, một cuộc sống u tối, phần của người mẹ, một người cha còn sống như đã tự coi như chết. Anh thử đi anh ở trước hợp của tôi xem. Tôi lắng nghe, chờ đợi xem giữa tôi và cha tôi còn một sợi dây gì ràng buộc không. Tôi không thấy có nhưng tôi cũng không thấy không. Có đấy nhưng cũng không đấy. Tất cả như không như đời sống của một cõi âm nào. Bây giờ con đã cha nghĩ cha có thể nói với con được một vài đi Trước hết là cha rất buồn vì mẹ con đã mất. sự cả đời mẹ con đã không có một lúc nào được sung sướng, lúc nhỏ cực lúc nhỏ, rồi những năm này thì chỉ còn có mình mẹ con thay cha nuôi nấng trông nom báo hiếu ông nội. Cha như một người thừa trong đời sống người khác. Và mẹ đã chết trong nỗi oan khuất khó quên... Thật tình cha mong con không trở về đây, được thế con sẽ khỏe bặt tâm tôi những gì từ ngoài, những gì hoàn toàn không thuộc về con. Nhưng không được nữa. Bây giờ thì con đã phải sống. Cha không biết làm gì hơn. Cha mong con, quên đi mọi điều, nghĩ chuyện học hành, sống với ông nội, cha nghĩ, sẽ thấy đỡ có quạnh khi có con ở bên, may sẽ đến đề con thoát ra khỏi những khó khăn đời sống này... Và cha, cha mong một đời thay đổi, một hy vọng cuối cùng thoát ra khỏi, để có thể...

Cha cũng không hiểu sao mình còn sống sót. Ngồi bây giờ cha đang hoạt động cho huyện bộ. Rồi được cử vào trong ủy ban hàng huyện và lên đường đi họp với ủy ban hàng tỉnh. Công việc lúc đó là phần khởi, mọi người tin tưởng rằng thế nào mình cũng thăng lợi, dù giặc có trở lại đi nữa cũng bị đánh thua. Nhưng khi lên đường trở về thì ám hại. Giữa lòng sông nước lớn chiếc thuyền đi lật chìm. Tiếp theo là những loạt đạn bắn xuống dòng nước như mưa. Nhưng cha đã thoát được và được vào trong bụi lau. Qua một đêm, qua một ngày cha cố gắng ngấm mình dưới dòng nước với những ý nghĩ mung lung. Trở ra khu cũng khó

có để cho mình yên không, có khi một bản án tử hình nào đó đã được tuyên đọc. Trở về thành được không. Nhất định là không. Người ta đặt cha trước cả hai lựa chọn đều không thể chấp nhận. Và cuối cùng cha nghĩ tới cái hầm này... (Không khí nhặt nhòa, dòng sông nước đục cuộn chảy, những tiếng nổ chất chứa, con đường trở về cái hầm như một nhà ngục mới, nhà ngục cho tù nhân lựa chọn, không khí ẩm ướt, bốn vách hầm bưng bít, tuổi già mòn mỏi, những nếp nhăn, mái tóc bạc dần và có thể còn đó một chút than hồng trong quá khứ, mà ngọn lửa trong nhiều tháng năm đã rực đỏ hào hùng...). Con có buồn khi thấy cha sống như thế này không? (Đôi mắt nhìn xuống chột ngừng lên, vẻ ái ngại buồn rầu) Có lúc cha cũng nghĩ tới, sao mình không ra khỏi cái hầm này. Tôi nói: cha có biết, người ta đang tìm kiếm cha không? Có, người ta muốn cứu cha phải không? Không? Tôi trả lời nhanh và gọn. Cha tôi có vẻ ngạc nhiên. Chứng như cha tôi đã biết hết mọi điều. Người ấy là bạn của cha? Bây giờ anh em còn có khi giết nhau... Con chẳng hiểu được. Cha tôi lặng im một lúc. Con có trông đợi điều gì nơi cha không? Con thấy cha còn sống con mừng. Con buồn là mẹ con đã mất. Con muốn ở lại nhà không ra Hà nội học nữa... Không con phải tiếp tục việc học, ở nhà sẽ không yên cho con... Con hãy kín đáo một chút. Con hãy kể lại những chuyện của con cho cha nghe. Và tôi kể, những ngày xa nhà, ngày trở lại Hà nội, ngày được sống lại ở quê hương. Cha tôi lắng nghe ngậm ngùi...

EM YÊU DẤU, chừng như có một lần em đã hỏi anh, có một điều gì đó em không hiểu về anh, chính vì thế mà ở bên anh em như một người lạ, những điều gì đó nhay múa trong trí tưởng, thôi thúc anh. Anh nói với em, sao đời sống mình có quanh, nổi cô quanh bám sát vào người, chúng ta đã sống bên nhau trong một thời thơ ấu, chúng ta đã xa nhau để sau đó mỗi đứa theo về một ngã cùng với giòng cuồn lưu, anh trím trong cuộc đời thức dậy bằng hoàng. Nỗi kinh khiếp của thực tế.

DƯƠNG NGHIỆM MẬU



Kể lại câu chuyện về mẹ anh, cha anh khiến em khó tin, đôi mắt mở lớn như ngạc nhiên, tiếng thở dài nghe lạnh suốt đời sống còn lại, và em cũng thế, em đã trải qua những biến động không ngừng một đời sống cũng tẻ nhạt buồn rầu. Anh không muốn nói tới những điều đó nữa... Bây giờ em ra sao? Anh cũng không biết nữa. Như chính anh, anh vẫn hồi lại chính mình, nổi quanh hui mình có đó phải chăng bỗng có, như một số kiếp. Em không được sống như một người hạnh phúc, anh sống với con bệnh trong một con tim đã suy nghĩ cần khổ và một khối óc tan loãng bởi những mộng tưởng đã vỡ... Em hiểu điều đó và em đã khước, có phải thế... Như vậy anh nghĩ anh cũng chẳng còn gì, cho mình và cho người khác. Anh không có nơi để tới, không có nơi để trở về... Chúng ta bị bứt đi khỏi và trôi lênh đênh trên một con tàu cho tới lúc con tàu tan rã... Anh muốn nói với em một điều, nhưng sau phút anh thấy cũng không cần thiết phải nói với em,

vì điều đó không thuộc về anh, thuộc về em nhưng chắc em cũng không cần thiết tới nữa. Anh nghe ngóng lại mình, không còn con xúc động, chỉ còn lại nỗi thương tâm dửng dưng nhạt nhẽo, chừng như điều đó cũng theo với những giọt mưa, theo với những đợt nắng làm héo úa tới những cánh lá của cây ngâu có hương thơm ngát...)

VIÊN đá cầm nơi tay vẽ lên tường vôi vàng cũ, những nét hằn rõ. Người bạn mỗi một điều thuốc. Nắng cháy đây trên con đường những di chuyển không ngừng. Những khuôn mặt thoáng lướt. Những bụi và khói mù. Người con gái cầm cặp đi chậm ven sát với khoảng tường vôi trắng bên kia con đường. Tiếng còi hú vang và chiếc xe cứu thương chạy hối hả. Thêm một người. Tiếng hai người đi trong hành lang nói chuyện với nhau không rõ ràng. Viên đá bị ném ra khỏi hàng song sắt:

- Minh vào thôi, anh có vẻ buồn.
- Sau này tôi được biết một điều: có khi vẽ xuống đất mà nhà tù ở đây.
- Anh muốn chọn cái chết?
- Anh nghĩ thế?
- Không, anh biết tôi đã sống như thế nào,

cũng chính cái truyền thống đó đưa họ đến thất bại. Với cha anh là một. Cũng như bao nhiêu người khác đã chết từ 1945 cho tới 1954. Từ khi có những người đệ tam trong lịch sử đấu tranh. Như thế cũng có nghĩa: chính tây phương giết chúng ta, Tây phương đưa tôn giáo, tư tưởng, kỹ thuật, khoa học tới để họ chúng ta. Rồi cũng chính tây phương đưa đến cho chúng ta khí giới thiếu hủy những gì do tây phương tạo thành. Tây phương đứng ở cả trên hai thế. Và cha anh, và nhiều người khác chết trong đó, hoặc chết thật sự mau chóng hoặc chết dần mòn. Họ không ở bên nào, ở trong kháng chiến thì một là phải trở thành người của đệ tam, hoặc làm dụng cụ cho họ, không thì trở về bên này chịu làm tay sai cho đế quốc thực dân. Và cái hầm cũng trở thành một trọng tội. Tôi cố gắng thoát vượt ra thực tế đó, và cuối cùng. Dù vậy tôi không muốn chết...

— Anh nghĩ tôi muốn chết?

— Sao anh không trả lời anh.

Tiếng cười khô khan. Cánh lá me vàng rơi là tả trên lối đi loáng thoáng gọi lên những vật nặng trong chói lóa. Tiếng nạng gõ khua đều và nhẹ. Phải cứu ông ta... Tiếng nói ma quái. Cái hầm tối. Khuôn mặt nhợt nhạt. Tiếng nói lấp lửng. Những sợi tóc bạc. Bốn vách hầm kín. Hai cái cửa.

— Tôi đợi xem tôi sẽ chết như thế nào.

— Tôi sẽ cố sống như tôi nghĩ. Tôi không nghĩ tới cái chết.

— Anh lạc quan.

— Tôi không nghĩ tới. Tôi sống vật thôi.

Người trẻ dừng lại. Người già đi lên một chút rồi dừng lại. Khoảng cách không xa. Nắng đây lên lối đi. Những ngọn cỏ xanh khô. Hàng gạch sơn trắng nằm hai bên con đường. Tiếng một con chim sâu trong im vắng.

— Tôi bỗng sợ những bức tường màu xanh.

Người lớn tuổi lặng lẽ bước đi, tiếng nạng gõ không đều. Người trẻ ngồi xuống bậc tam cấp, con đường thẳng đưa ra công bệnh viện, những bao giờ song sắt, con đường hàng cây thẳng, dốc xuống dưới xa. Không bóng người.

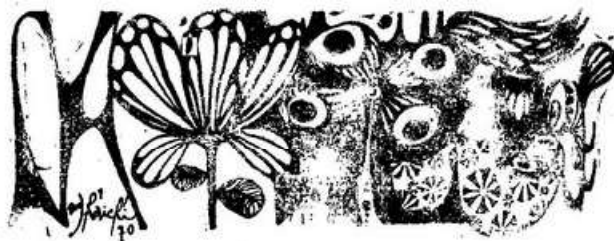
T HẬT tôi không hiểu, trong cái hầm tối đó cha tôi đã sống như thế nào với suốt một thời gian kéo dài đằng đẳng. Tôi nghĩ, nếu là tôi, tôi sẽ điên. Chủ tôi không hài lòng chuyện tôi biết cha tôi còn sống nhưng chú cũng không nói gì. Tuyệt nhiên giữa những người sống, ngồi quanh mâm cơm không bao giờ chúng tôi nói tới chuyện một người đang ở không xa chúng tôi. Và cha rồi như một người đã chết. Người ta rủ con ra khu. Con nghĩ sao? Cha tôi ngồi lặng im không lộ một chút phản ứng. Sao ông có thể thản nhiên như thế. Người ta nói với con: Chỉ có một con đường phải chọn, con đường quốc gia dân tộc, con đường giải phóng, công việc đánh Tây... Con chẳng nghĩ gì cả... Ở ngoài Hà nội người ta sống như thế nào? Dạ như thường, người ta bỏ quê ra tình ngày một đông, đời sống khó khăn... Những trục lộ con đi thế nào. Yên, nhiều đồn bót, nhưng nhiều khi cũng có mìn và những cầu sập... Con thấy dân làng sống thế nào? Họ sống trong sợ hãi, không dám có thái độ, ngày sống một đời sống, đêm sống một đời sống...

Con không hiểu người ta còn phải sống như vậy trong bao lâu nữa. Cha có biết được không? Không, nhưng cũng có một chu kỳ nào đó, việc của con là học hành. Nhưng con không yên tâm để học, con thiếu nhiều điều quá. Cha muốn con trở vào sống với bác con, và con hãy quên đi mọi điều...

Nhưng con không quên được... Cha tôi lặng thinh. Những nếp nhăn trên trán, những sợi tóc bạc, nước da nhợt nhạt. Tôi muốn ôm lấy ông mà khóc nhưng sao giữa chúng tôi không có được một biểu lộ tha thiết. Giữa chúng tôi đã có một ngăn cách. Tôi tự thấy mình như một trẻ mồ côi. Sau này nữa trong nhiều đời sống khác, tôi cũng nhận thấy vậy, thế hệ chúng tôi như một thế hệ cô cút. Chúng tôi không tìm thấy một đời sống gia đình đầm ấm. Chúng tôi không có những ràng buộc máu mủ sắt son. Chúng tôi không có tình yêu tha thiết. Chúng tôi không có những kêu gọi gào thét để phóng mình vào lửa đỏ... Chúng tôi sống trong nhạt nhẽo, đứng đưng, buồn phiền. Cứ như thế với giòng thời gian, cuộc chiến ở những biến dạng, và cho đến hôm nay tôi vẫn thấy mình sống như thế, vô vị và không dứt khoát. Nghĩ tới cái chết tôi cũng không thấy gì nữa. Có phải đó chính là sự bất hạnh... Anh thì anh có thể làm khác được phải không. Tôi tự hỏi: cái giòng sông kia, trong suốt một thời gian hơn hai mươi năm thực không ảnh hưởng gì tới anh sao? Chẳng lẽ những điều kia chỉ đến với chúng tôi, vậy cái gì giúp cho các anh cũng như cha chú tôi sống được trong sự u mê đó. Không. tôi không tin rằng chỉ có các anh, cũng như cha chú tôi còn có đức tin. Có lẽ chúng tôi cũng có nhưng chúng tôi không biết, nếu không có thì lỗi đó ở chúng tôi hay ở cha chú chúng tôi, ở các anh. Chắc không phải tại chúng tôi. Ra khu. Khi người ta nói tôi điều này thực sự tôi cũng không nghĩ gì, tôi không có ý niệm gì về điều đó, và cả những điều cha tôi nói nữa. Chỉ sau này tôi mới nhận ra rằng: cha tôi thực cũng không thể làm gì khác trong cảnh huống đó, nhưng không phải vì thế mà cha tôi vô tội, những người thuộc thế hệ ông có tội, ngay từ đầu, vì chính họ đã đưa họ tới những cái hầm. Và anh, anh cũng đã vào trong một cái hầm. anh hãy nhìn lại chính anh xem. Anh cũng đang ở trong một cái hầm tối và những dĩ vãng nào đó đang như một cái phao trên mặt nước cho anh bám lấy. Như cha tôi cái ảo tưởng về một sự vượt thoát nào đó. Nhưng thực thì ông mơ tưởng. ông ảo tưởng. Ông không có thực tế của đời sống ông, tất cả những người thuộc thế hệ cha chú chúng tôi chỉ là những người ảo tưởng. Những đối thủ thì không, họ sống giữa đời sống, sử dụng đời sống đó để thực hiện tham vọng của họ. Như vậy họ thành công là xứng đáng. Tôi chỉ nói tới thành công, không nói tới giá trị của thành công đó. Chính nghĩa bao giờ cũng thắng. Anh vẫn thường nghe câu nói đó. Anh cũng còn tin cả điều đó nữa phải không. Tôi thì không. Nhiều khi chính nghĩa cũng thua. Đó, anh ngờ chính cái lịch sử chúng ta đang sống đây, có phải chúng ta có chính nghĩa không. Có chính nghĩa, nhưng chúng ta không thắng. Bạo lực đã thay đổi mọi điều. Bạo lực đã sai khiến, chỉ huy lịch sử, không chế lịch sử và làm thành lịch sử... Chính nghĩa sẽ thắng. Chắc anh muốn nói như thế.... Nhưng mình lại lao đầu và những điều tầm bậy này làm gì nhĩ. Xin lỗi anh, có khi anh không bằng lòng cái cách nói của tôi. Cái cách nói không nghiêm chỉnh. Các anh thì lúc nào cũng đòi nghiêm chỉnh, cần trọng. Từ ăn nói, đi đứng và đời sống. Tôi xin lỗi anh về điều này. Vì vậy tôi muốn được cùng anh, thử tìm lại, thử xét lại với những gì mình đã có đó. Khởi đi từ cha tôi, cái hầm và đời sống chúng tôi. Tôi chưa muốn chết, tôi muốn được chết một cách thoải mái. Tôi không muốn chết trong sự buồn chán này. Hoặc ít nhất, tôi muốn làm sáng tỏ một thực tế về cái chết của mình. Tôi phải nói ngay với anh, thực ra tôi không bao giờ muốn chứng tỏ một điều gì cả. Chính là với chính tôi. Chúng tôi không muốn ở cái thế của cha tôi, trong một cái hầm biến dạng, tôi cũng không muốn đứng ở những nơi người ta đã chia cho nhau, vậy thì tôi, phải làm thế nào, trong lựa chọn, cả ngay cái chết. Anh hãy nói với tôi, thuyết phục tôi, anh hãy thử, cũng như tôi xét lại đời sống của mình...

VIÊN sỏi bị ném ra xa. tiếng động thật nhỏ. Con đường dốc thẳng ngoài cửa bệnh viện. Tiếng con chim sâu lạc lõng. Những bóng cây im. Có bao giờ những viên sỏi lăn lại bên nhau. Có bao giờ...Δ

THANH NAM



BÀI HÀNH ĐÓN TUỔI BỐN MƯƠI

En nhận về Nam, xuân rồi đây !
 Nghe thêm ly rượu chút mưa bay
 Gọi về trong đáy buồn lưu lạc
 Những bước chân xưa nhạt dấu giày
 Bạn cũ hãy nương theo rét lạnh
 Về đây cùng nhập một cơn say
 Uống ly thứ nhất mừng tao ngộ
 Cho tiếng cười lên vỡ thảng ngày
 Vào cuộc hành hương tìm gặp lại
 Cõi trời xanh biếc tuổi thơ ngây
 Trong veo cặp mắt chưa vương bụi
 Chấn chieu còn thơm ngát mộng trai
 Chí lớn chia nhau đầy gác nhỏ
 Bụi hồng chưa khiến tóc xanh phai
 Đồng tiền mừng tuổi ngày nguyên đán
 Canh bạc đời chưa lọt trắng tay
 Dăm bảy lòng sông om biển cả
 Cõi đời dưới mắt nhẹ không ai
 Con mề nhập cuộc sầu chưa bén
 Thân thể chưa đau cát bụi này
 Gió nổi mười phương trời buổi đó
 Với ngày như lá, tháng như mây
 Lầu sương từng đã đưa nhan sắc
 Giấc ngủ thêm khuya rộn tiếng hải
 Chiều xuống đã nghe lòng đục đã
 Gió lên hồn ngộ phố vui mời
 Ca trường, hỷ viện, xuân như hạ
 Đời thả trôi vào nhịp phách lời...

Lãng đãng khói sương trời tường nhớ
 Ly này xin cạn hết chua cay
 Mười lăm năm đó từ phiêu dạt
 Đưa vợ con yên, đưa lạc loài
 Viết mướn đã bao thẳng một mối
 Sang giàu đếm được những ai đây ?
 Lưới đời chân đã bùn nhơ vương
 Mắt vẫn trời cao rướn cánh tay !
 Cuộc chiến đã chừa dăm bảy mạng
 Thôi thì rượu đó, uống cho say
 Rót thêm ly nữa, chào năm cũ
 Tuổi bốn mươi rồi thương lắm thay !
 Lặn dạn lý nào theo trọn kiếp
 Tối tăm không lẽ mãi đêm dài

Niềm thê nhi đó giờ yên phận
 Nợ áo cơm này nặng chiu vai
 Năm tháng sức trai mòn mỏi mãi
 Nụ xuân đời đã lảnh tằm tay
 Vỡ tuồng nhạt nhẽo màn chưa hạ
 Vai kép buồn kia vẫn diễn hoài
 Nhìn lại trời xưa vừa khép kín
 Thơ hồng, tuổi ngọc sót thương ai...

Nghiêng chai, thêm một ly này nữa
 Trên vách, sấu ta đối bóng gầy
 Chợt tiếng con thơ cười lạnh lốt
 Nhìn con, lòng bỗng thấy xuân đầy
 Lại đây con nhỏ, con yêu dấu
 Bỏ uống cho con ly rượu này
 Ly rượu mừng con tròn mộng đẹp
 Niềm vui hoa nở tháng năm dài
 Ngủ đi, con hỡi, mai khôn lớn
 Đời sẽ bình yên không lửa gai
 Trong vất hồn con nguyên khối ngọc
 Lượng xuân đời chẳng khép vòng tay
 Nhìn con giây phút lòng tan biến
 Những chuyện ân thù, những đắng cay
 Tiếng bạc đời cha gieo đã lở
 Chiều tà khôn gỡ nước cờ sai
 Trắng tay nhìn lại còn con đó
 Hy vọng đời cha mẹ kiếp này
 Tắm tối cần phần cha đã chịu
 Cánh hồng con hẳn sẽ xa bay
 Ngủ đi con, ngủ đi yên giấc
 Cha ru con bằng hơi rượu say
 Cha ru con bằng lời thống khổ
 Trong nhọc nhằn mẹ sáng đêm nay...

Chuyển choáng lòng khuya men đã ngấm
 Nghe ngoài đêm tối tiếng mưa rơi
 Vọng lời xao xác hồn năm tháng
 Chuyển nhịp mùa xanh lại đất trời
 Bất chước cò nhân nâng chén rượu
 Mừng xuân thay áo mới cho đời
 Mười năm thêm một bài thơ nữa
 Viết tặng riêng mình tuổi bốn mươi !

Đã mấy chục năm rồi tôi còn nhớ như in, từng sự việc xảy ra trong chuyến về quê ăn Tết lần đầu, cũng là lần sau cùng và mãi mãi. Mẹ tôi lấy chồng xa, tính đến mùa Xuân ấy đã gần hai mươi năm mà mẹ tôi mới về thăm quê ngoại được hai lần. Hai lần đó đã khá lâu. Theo lời mẹ tôi, ông ngoại đã già chẳng biết sống được bao lâu nữa, nên dù bận bịu một đàn 8 đứa con, người quyết tâm Tết này sẽ về thăm lần chót gọi là báo hiếu. Thấy tôi cũng đồng tình nhưng bảo nên cho vài đứa nhỏ theo để ông ngoại và họ hàng biết mặt chúng. Mẹ tôi chỉ muốn đem theo một đứa, vì đường xá xa xôi, tốn kém, nhất là tuổi chúng đang độ dở dang lấy ai trông nom. Sau cùng, người chọn tôi vì cho rằng — Thằng Sáu ngoan nhất nhà, và lại, nó có thể giúp đỡ những việc vặt khi cần đến.

Năm ấy, tôi đang học lớp nhì. Từ hôm nghe mẹ nói, tôi không còn học hành gì cả. Tôi tính từng ngày để được về ăn Tết ở quê ngoại.

Buổi tối, trước hôm đi, tôi trần trọc không ngủ được. Trời lạnh, tôi nằm chung với hai anh, cứ ngo ngoáy hoài làm mấy anh tức vì mất giấc. Tôi cắn răng chịu đựng để khỏi òa khóc vì những cái «lụi» ngấm. Ngủ không được, tôi mở mắt nhìn ra ngoài màn in lờ mờ bộ đồ mới may mặc trên thành ghế. Tôi thích chiếc quần ni màu xanh thẫm tuy hơi dài và vòng khá rộng. Khi mặc tôi phải xắn lên một gấu vẫn còn chấm đất. Phải thú thực; lần thứ nhất trong đời, tôi có được một chiếc quần tây mới, khi trước, tôi chỉ bận đồ ta, đi guốc. Kèm theo với chiếc quần mới, tôi còn có thêm đôi giếp «săng đan» quai chéo, màu nâu và chiếc sơ mi bằng vải phin trắng tinh. Chiếc sơ mi này làm khổ tôi cũng không ít vì nó cũng dài và rộng quá khổ nhưng cái cổ lại chật, khi gài nút tôi cảm thấy như bị thắt giây ở ngang cuống họng. Tôi than phiền với mẹ, người bảo mặc thử cho coi. Tôi mặc thử và sờ giếp dằng hoàng. Mẹ tôi ngồi thụp xuống cho tay nắn vuốt một lát, lùi xa rồi khen — Ồ, may khéo quá, sang năm thì vừa vặn! Riêng tôi, lúc mặc xong quần áo, cảm thấy mình có lớn lên một chút không thua gì mấy anh, nhưng cứ chỉ thật ngượng ngùng, đi đứng không còn thoải mái như khi bận đồ thường. Ngắm tôi một lát, người vừa cười vừa nói — Thằng Sáu bánh trái ghê vậy. Đẹp rồi, muốn gì nữa. Cái áo «vệ sinh» và chiếc «phu la» giặt hơi sớm phơi ở ngoài sân, chắc đã khô lấy vào cho đủ bộ. À, còn cái mũ nồi mẹ cất trong tủ đó. Này, cởi ra đi con, kéo bản, mai đi sớm rồi.

Tôi nhè nhẹ tụt dần từng thứ xong gấp nếp để trên tay ghế. Trong lúc ấy mẹ tôi lui lui thu xếp vật dụng cho vào chiếc tay nải lớn, nào gói quần áo cũ, nào bánh mứt, hương vòng cùng coi trầu bằng đồng vàng chói và những cân lạp sườn đỏ au. Tôi hỏi, sao mang nhiều thế mẹ? Mẹ tôi bảo để biếu cho họ hàng vì ở quê không có. Tôi nghe các anh nói lại, quê mẹ nghèo và xa lắm ở mãi bờ biển đi một muốn chết luôn, đừng có ham mà khổ! Biết vậy, nhưng lòng vẫn xôn xao, háo hức.

Chẳng biết tôi ngủ được bao lâu chợt nghe tiếng mẹ gọi — Sáu, dậy con, kéo trẻ tàu. Tôi nhón người lên như mặt giường có lắp lò so làm tung

cả chăn bông dậy cộm. Bị lạnh, anh Tư co chân đạp một đạp làm tôi suýt té nhào xuống đất. Anh nói lâu nhàu một câu rồi kéo chăn trùm đầu ngủ tiếp. Đôi mắt tôi cay sè vì thiếu giấc nhưng cố làm ra vẻ tỉnh táo, bỏ choàng ra sân mức nước rửa mặt. Trời tối như than. Gió thổi ào ào trên mái ngói rồi ủa xuống chiếc sân con vun vút.

Dùng chiếc khăn vào chum đựng nước ăn, rút vội lên thay vì mức ra chậu, tôi làm mau để tránh lạnh. Tôi quết chiếc khăn sưng nước vào mặt. Nước lạnh buốt làm tỉnh hẳn. Quay vào nhà, tôi thay vội áo quần như sợ mẹ tôi bỏ ở lại. Tôi lập cập mang từng thứ vào người. Sáng nay tôi mới thấy mặc đồ tây thực phiền phức. Nó nhiều nút quá, cài mỗi tay không xong. Lúc này mẹ tôi ngồi ở góc phản vừa nhai trầu vừa nói chuyện với thầy tôi, bỗng người nhà — Sáu, con cái đủ chưa đây? — Dạ, cái đủ! — Cái đủ sao thế kia, nhìn lại nút quần coi! Tôi cúi nhìn, chiếc nút cúc ở cửa quần màu đen lảnh phớt mình trước ánh



QUÊ NGOẠI

đèn. — Lại đây, mẹ sửa cho! Tôi lại gần, mẹ tôi cài nút... và sửa lại quần áo cho ngay ngắn. Buổi sáng đôi nên cặp quần càng rộng nó tụt xuống làm cho ống quần càng dài. Mẹ tôi phải xắn lên hai gấu rồi lấy kim đính tạm cho khỏi quết đất. Mẹ tôi nói nhỏ — Ờ, hơi dài thật, giá ngắn một gấu thì tốt. Tôi nghĩ, mẹ tôi mới hơi chậm. Sau khi đeo thêm chiếc áo «vệ sinh», quần chiếc khăn «phu la» to sù và đầu chụp cái «bê rê» phủ kín tai, tôi ngồi thu lu trong ghế hỏi mẹ — Hôm nay mấy Tết rồi mẹ? — Hăm tám — Đi bao lâu mới tới quê? — Chiều tối, nếu gặp chuyển, không thì đến trưa mai — Xa quá mẹ há! Thấy tôi đang ngồi rung đùi uống nước trà bên phía chiếc bàn con gắt khế — Chưa đi mà đã thức mất, hay ở lại ăn Tết với tao, để mẹ mày đi một mình vậy! Sợ quá, tôi ngồi im thin thít.

Mẹ tôi cho miếng trầu vào mồm rồi cúi xuống xách chiếc tay nải to tởm bố và một gói lá chuối đựng hai giỏ thủy tiên của thầy tôi mua gửi biếu ông ngoại. Thấy tôi đứng đấy đỡ bọc lá chuối trong tay mẹ tôi, —

Sáu, cầm đỡ cho mẹ mày cái này. Đỡ gậy lá nào chết đòn. Mày nhìn thấy mấy giò hoa chứ, đúng mồng 1 Tết là nở đó. Tôi cầm bọc lá chuối, nhìn những chiếc lá xanh nõn hình lưỡi dao tây đâm tua tủa thẳng đứng lòng hơi lo sợ — Xin phép thầy rồi đi con! Nghe mẹ nói, tôi vòng tay xin phép thầy về quê ngoại ăn Tết. Thấy tôi «Ừ» rồi quay lại chiếc bàn con uống trà rồi.

Hai mẹ con đến ga hàng Cỏ, trời vẫn chưa sáng hẳn. Những ngọn điện đỏ lôm không soi tỏ bên trong nhà ga đông nghịt người. Tôi bước nhanh trên những bậc đá trong lúc mẹ tôi ôm chiếc tay nải vào lòng lần từng bước. Mẹ tôi đặt chiếc tay nải dựa vào lan can, bảo tôi trông để mẹ mua vé. Vì lần đầu đi xa, nên cái vi đối với tôi cũng lạ. Những kiện hàng cồng kềnh đặt trên vai những gã đàn ông to lớn đi lại thoăn thoắt. Những tiếng mời chào xen lẫn vào tiếng chửi của những cô gái bán quả chanh chua. Nhà ga mỗi lúc mỗi đông, người &



TẠ TÝ

giò! Mẹ tôi đưa về cho gã bầm rồi nhấc bọc chiếc tay nải lên vai, dắt tôi qua nhanh khỏi chiếc cửa sắt. Ra đến sân ga, tôi nghe tiếng máy phi phò liên hồi thở từng bùm khói trắng tinh và những toa tàu chuyển động. Mẹ tôi nhìn ngơ ngác một lát rồi đến gần người có bộ râu tre, tay cầm chiếc cờ đuôi heo màu đỏ — Ông ơi cho hỏi thăm, tàu Phòng đạo đâu thế? Gã chỉ tay về mé trái — Nó đó! Vừa lúc ấy một hồi còi kéo dài tiếp theo mấy tiếng ngắn. Gã cầm cờ phe phẩy màu đỏ phấp phới trong ánh sáng mờ mờ. Tôi theo mẹ chạy vội đến con tàu, nhảy đại lên. Là chuyến tàu Tết nên rất đông, hành khách ngồi đầy ở bậc lên xuống. Khi tôi đặt được hai chân lên sàn tàu, chưa tìm được chỗ đứng thoải mái, con tàu vừa chuyển bánh. Tôi đồ nghiêng người, cái bọc lá chuối cầm tay rớt xuống. Tôi kêu lên — Mẹ, mẹ ơi! — Gì thế? — Giở thủy tiên. — Sao? Rơi rồi hả? Tôi không trả lời mẹ cố chùn người xuống. May quá tôi nắm được nó và đưa vội lên cao. — Hư chưa con? — Dạ, chưa? Mẹ tôi không nói gì nữa nhưng tôi thì lo lắng. Tôi mong cho chóng sáng để nhìn xem coi có lá nào gãy không, nhất là những nhánh có ấp giò hoa phồng lên mủn mủn.

Tàu chạy qua cầu sông Cái thì trời sáng tỏ. Tôi nhìn dòng sông Hồng ánh lên sắc biêng biếc trong mền mại, dù đang uốn lượn theo triển cát chạy dài với bờ đê xanh rì rồi lặn vào sương mù. Trời mùa Đông sáng thật chậm. Mầu trời thật nặng, sũng nước. Con tàu nghiêng đường sắt nhịp đều đều.

Cảnh vật bỗng nhiên bị xóa mờ bởi lớp mưa rất mỏng, tuy trời đã thật sáng. Tôi ôm bọc lá chuối vào ngực cúi nhìn, may quá, chưa sao! Tôi thở ra nhẹ nhõm. Liếc sang hai bên cảnh vật như lùi dần dưới lớp mưa mỗi lúc mỗi đen mau. Bụng đói cồn cào. Tôi gọi — Mẹ! — Gì con? — Đói quá! — Chờ đến ga Cầm Giàng tàu đỗ, mẹ mua bánh cho ăn. Tôi cứ ôm bọc lá chuối vào ngực lách dần về phía vách tàu để tìm chỗ dựa lưng cho đỡ mỏi. Tiếng bánh tàu nghiêng vào đường thép đều đều làm tôi chập chờn rồi ngủ đứng luôn; mặc đói, mặc mưa và gió.

— Đến nơi rồi, xuống con! Tôi mở choàng mắt thấy một cảnh tượng thật hỗn độn. Thay vì xuống theo lối lên, nhiều người nhẩy qua cửa sổ bên hông tàu, đồ đạc và vật dụng được ném theo. Tiếng gọi, tiếng kêu, tiếng mời chào a vào nhau làm cho khó phân biệt nó phát xuất từ đâu. Mẹ tôi trả vé, dắt tôi ra nhanh khỏi ga rồi mặc cả xe ra bến Sáu Kho. Trong lúc ngồi xe mẹ tôi đưa cho cái bánh giò đã bóc sẵn và miếng chả.

con gái đêm khuya giả gạo... Quê ngoại rộng vắng quá, trơ vơ quá làm tôi có cảm tưởng bị lạc vào một khung cảnh hoàn toàn xa lạ nếu không có tiếng nói quen thuộc của mẹ tôi đang làm ấm lại tình quê hương ruột thịt giữa các người thân.

● Khi tôi tỉnh dậy, trời sáng đã lâu. Quàng vội chiếc "phu la" vào cổ, tôi tung chăn nhảy xuống, xỏ chân vào đôi guốc tre lọc cọc đi ra. Nhà vắng hoe. Ngoài sân mấy con chó mực đang đùa nhau thấy tôi chồm lại sủa nhất gừng. Từ nhà ngang chị Tấn đi lên — Sao không ngủ nữa đi, còn sớm mà! — Mẹ đâu chị? — Có Tư đi chợ Tỉnh từ mờ đất rồi! — Thế em ở nhà với ai? — Với tôi! Chị Tấn cười. Tôi nhìn thấy hàm răng chị đỏ cạch màu vỏ già — Tôi đun nước nóng rồi, chú rửa mặt rồi ăn bánh nếp để trên bàn nước đó. Tôi đáp lững khững — Ủ! A, Chị Tấn hôm nay đã mặc cái áo bông khác, tôi nhìn nó đúng là cái áo của mẹ tôi thường mặc. Trông chị hôm nay tươi hẳn. Cái khăn vuông đen lảnh che giấu kín khuôn mặt bầu bĩnh. Chị rót nước nóng vào chậu và khăn đưa cho tôi. Tôi lau vội mặt nhất rồi quàng vào chậu. Chị Tấn đến phía bàn nước cầm chiếc bánh đã bóc lá sẵn — Có Tư đi chợ tới chiều mới về, chú ăn bánh xong có buồn tôi đưa đi thăm bến! — Ngoại đâu? — Ông cũng đi chùa! — Chùa đâu, có xa không? — Xa lắm, ở trên núi! — Núi nào? — Núi Yên Tử! — Em đi được không? — Đâu được, từ bé tôi chỉ đi có một lần, chèo mỗi chân lăm! Tôi xụ mặt tỏ vẻ buồn. Chị Tấn thấy thế vội an ủi — Thôi, chờ một lát, tôi đưa đi xem cá. Nhiều con đẹp lắm. Chú thích để tôi xin về thả vào lon mà chơi! — Bến xa không? — Gần thôi! Nói xong chị đi nhanh xuống nhà ngang. Tôi nuốt từng miếng bánh mặn chát. Trời bên ngoài vẫn nặng. Gió thổi rừn rứt làm các thân cau vật vã liên hồi.

— Rồi, đi chú! Mang guốc cao không quen, tôi nói với chị Tấn cho tôi đi chân không, chị bảo sợ mẹ tôi la nếu biết, hơn nữa, con đường xuống bến nhiều vó trài, vó sò lắm, đi không quen sẽ đứt chân. Chị hỏi — Sao không mang giép? Tôi chẳng dám nói thực vì giép mới đã làm cho chân tôi xưng mọng, tôi bảo chị, đi hư mẹ mắng.

Chị Tấn dẫn tôi đi xuôi một thời dài rồi chợt theo một bờ ruộng để toàn xác thuyền mục nát, thì nhìn thấy nước. Những chiếc cột buồm ngã nghiêng, chao động đâm vút lên trời. Hoi cá tanh tanh lượn giọng. — Bến đây hả? — Ừ, bến đó! — Thế bến đâu? — Chèo một thời xa là đến bến. — Chị đã đi bến chưa? — Đi nhiều rồi chứ? — Vui không? — Vui nhưng nhiều lúc sợ lắm, nhất khi nào có gió. Bàn chân tôi bước không vững trên đôi guốc cao nhiều lúc muốn ngã. Tôi phải bấu vào chị Tấn mà đi. Trước mắt tôi hiện ra một hàng thuyền lớn nhỏ. Có cái dãn hai vó câu đối đôi chổi ở cửa khoang. Có cái kết lá dừa xung quanh trông thật vui mắt. Dòng nước khá rộng, xanh rờn im vắng. Bên kia bờ, vài ngôi nhà mái vàng tươi, chắc vừa lợp lại. Giữa dòng sông một chiếc đò độc chỗ đây người và hàng thức. Chị Tấn lôi tôi xuống bến. Vừa đi, tôi vừa nhặt vỏ sò đựng đầy hai túi quần — Cá đâu? Sao chị bảo xem cá? — Bữa nay chắc biển đổi gió nên

thuyền chưa về, thuyền về vui lắm. Nói rồi chị nhìn trời. Những hạt bụi mưa bắt đầu rơi. Cảm thấy lạnh tôi đôi quay lại.

Trên đường về tôi hỏi chị — Người đàn ông có râu ngạnh chiều qua là ai? — Chú Hích! Em út ông đó! — Còn bà móm răng? — Bác Đồi. Chị họ ông! — Thế có ở chung với ông không? — Không, nhưng nhà ngay phía sau có cửa gác thông sang nên coi như ở chung! — Thế hả? Tôi cúi gập người để tránh lạnh. Tôi thấy buồn ghê. Tay tôi thực vào túi quần mân mê vỏ sò. — Có muốn đi thăm làng không? Chị Tấn hỏi. Tôi trả lời cụt lủn — Thôi!

Về đến nhà chả biết làm gì tôi ngồi đếm vỏ sò. Nhiều cái vỏ có vân thật đẹp. Tôi múc nước rửa sạch từng chiếc, định bụng đem về Hà-Nội khoe bạn. Chị Tấn bỏ đi đâu không biết, lát sau mang về cho tôi một lon cá đuối màu. Tôi thích lắm, đồ ra chậu rửa mặt. Những con cá bơi lượn lờ óng ánh. Tôi say mê nhìn ngắm quên cả thời gian chờ mẹ.

Cứ như thế không biết đến bao lâu, chợt thấy đói, tôi gọi — Chị Tấn ơi, mấy giờ rồi? Chị Tấn từ nhà ngang chạy lên ngược nhìn ngọn cau — Gần trưa! — Gần trưa là mấy giờ, nhà không có đồng hồ sao? — Không chỉ nhìn trời thôi! Tôi hỏi chị có cơm không, chị bảo ăn nếp với mắm thay cơm vì có Tư đi chợ chưa về. Tôi xuống nhà ngang ăn mấy miếng rồi lại cúi nhìn đàn cá.

— Tấn ơi! Đúng là tiếng mẹ, tôi chạy vù ra cổng. Chị Tấn ra theo. Mẹ tôi mua về đây một thúng và cả ồm là giông. Tôi đỡ giùm mẹ bọc lá, chị Tấn hạ từ đầu mẹ tôi chiếc thúng. Chưa qua hết sân, mẹ đã hỏi về tôi. Chị Tấn bảo, tôi ngoan lắm. Chị đặt chiếc thúng ngay thềm nhà rồi đỡ ra từng thứ nào đậu xanh, nào hoa quả, nào thịt, nào rau có đủ thứ. Mẹ tôi cười ạo dãi rồi dục chị Tấn đun nước đồ đậu. Tôi hỏi — Mẹ mua nhiều thế, gói bánh hả? — Ủ! — Bao giờ nấu? — Đêm nay, con ăn gì chưa? Tôi nói ăn rồi nhưng ớn cá quá! Mẹ tôi không nói gì, cầm cúi làm mọi thứ. Chợt nhớ, Tôi hỏi — Mẹ có mua pháo không? — Ông có sẵn đề trong tủ ấy. Tôi lẳng xằng giúp mẹ nhưng đụng đầu hồng đó, sau tôi ôm lấy cậu cậu, bỗng ông ngoại về mang theo trên vai một cây trúc vàng khè. Mẹ tôi giục — Sáu, ra đỡ giùm ông. Ông ngoại cười — Khỏi cần, nhẹ mà! Nói xong ông nhẹ nhàng hạ cần trúc từ vai xuống và chiếc bọc giấy. Tôi mở gói hỏi ra toàn đồ bằng sành hình cái khánh, con cá v.v.. Ông ngoại lấy một cành trúc uốn thành vòng tròn rồi mắc những thứ đó vào. Đoạn ông buộc trên ngọn trúc. Ngoại tôi lấy chiếc thúng đào ở giữa sân một lỗ sâu cắm gốc trúc xuống. Những con cá, cái khánh chạm vào nhau tạo thành những âm thanh vui. Sau khi nện cần thường vào gốc trúc, ông ngoại nhìn tôi — Tết này có mẹ con mấy, nên ông cất công đi lấy trúc trồng mấy đó, mọi năm đâu có. Ông già rồi, làm việc nặng không nổi! Nói xong ông cười khà khà. Múi tóc trắng xóa của ngoại bị gió thổi rối bù.

Mẹ tôi và chị Tấn bận tíu tít chẳng có thì giờ hỏi đến ai. Chắc đi một; ông ngoại tộp lại ruy-ri lên giường nằm. Chẳng biết làm gì, tôi loay quanh đi tha thẩn rồi ngồi thu lu xem mẹ gói bánh trưng. Chị Tấn

cúi gập người thổi bếp để làm cơm chiều. Những chiếc "vầu" đen dũi treo la liệt trên bức đồ. Ngoài trời không mưa nhưng mỗi lúc mỗi lạnh hơn. Tôi ngồi sát vào bếp lửa cho ấm và thỉnh thoảng cho tay nhón từng nắm đậu nóng hổi bỏ vào mồm.

Sau bữa cơm chiều, ông ngoại đi họp việc làng vì tối mai, ba mươi có lẽ ở Đền Ông. Mẹ tôi nhai trầu bồm bồm ngược nhìn lên bàn thờ chỗ đặt hai giò thủy tiên trong cái bầu thủy tinh chân cao. Những đờ thờ bằng gỗ sơn đỏ, lâu ngày có chỗ đã loang lổ. Chiếc mâm ngũ quả được mẹ tôi bày biện toàn hoa trái trông vui mắt. Những hộp mứt ngũ vị bọc giấy bóng kính màu cánh sen lấp lánh dưới ánh đèn treo. Nhìn nét mặt mẹ lúc ấy, tôi đoán hình như mẹ đang trò về với những ngày thơ ấu nơi đây.

— Có Tư ơi! Bếp nhóm xong rồi, có xuống xếp bánh! Mẹ tôi như chợt tỉnh, vội vã đi xuống. Những chiếc bánh xếp dần trong lòng chiếc thúng dầu hoi cũ đen sần. Từng khối vuông xinh xinh xanh mượt lần lượt cao dần gần miệng thúng. Chị Tấn đổ nước vào rồi nhấc bằng đặt trên chiếc hỏa lò rùng rục lửa. Ngoài trời đã tối xầm. Có tiếng chó cắn rồi tiếng người chào



hỏi, chỉ lát sau xung quanh tôi đã rộn ràng tiếng cười, nói. Mẹ lên nhà trên, tôi hỏi chị Tấn — Người đâu mà đông thế? Chị bảo họ hàng đến thăm có Tư đó. Tránh sự chào hỏi mất công, tôi ngồi lì với chị Tấn bên cạnh nồi bánh.

Cả buổi sáng hôm sau, mẹ tôi giản đi chào họ hàng. Tôi mang theo mẹ những gói quà đựng trong tay nải. Nơi nào mẹ tôi cũng biểu, nơi thì cần lạp xường, nơi cần mứt, nơi quần áo cũ của thầy tôi và của chúng tôi. Tôi được khen hoài nên phát chán.

Quê mẹ nghèo thật, không nhà nào có sân gạch, mái ngói. Tự nhiên tôi cảm thấy trong lòng như ứ nghẹn niềm thương quê ngoại. Lúc trở về, tôi nói — Quê mẹ nghèo quá! Mẹ tôi chỉ lẳng lặng nhìn ra phía bên với những con thuyền ép sát nhau như sợ hãi trời cao, biển rộng.

Sau bữa cơm cúng tiễn thường, ngoại tôi mặc cái áo nhiễu đỏ, vẫn khăn đen, tay cầm một cây nến to và thề hương. Tôi hỏi — Ông đi đâu đó! Ông đi lễ Đền! — Cho cháu theo với! Mẹ tôi từ sân đi vào hỏi — Sáu, làm phiền gì ông đó? Ông tôi cười — Nó đòi xem lễ đền. ừ, lát nữa bảo cái Tấn đưa đi, bây giờ ông ra trước.

Tôi dục mãi chị Tấn mới chịu đi vì chị nói, xem nhiều lần rồi, lễ xường cả ông đó mà, có gì đâu. Mẹ tôi bảo chị — Thôi, cháu chiều em, chả mấy khi nó về quê. Chị Tấn mặc áo bông của mẹ tôi cho, rồi cầm theo chiếc đèn bão soi đường. Đêm tối mù mịt, gió buốt đến tận ruột, tôi đi lẫm theo ánh đèn rọi mờ mờ. Chị Tấn nói khẽ — Đề mai mồng 1 xem thi bơi chải có hơn không? Ở nhà còn bao nhiêu việc. Tôi nói — Xem một lúc, rồi về mà! Những tiếng chiêng trống vọng lại rộn rã. Đợi quanh co một thời, tôi nhìn thấy những ngọn đuốc cháy bập bùng đỏ rực một khung trời. Tiếng reo hò vang vang theo gió đưa lại làm tôi nao nức. Tôi rào bước dục chị Tấn đi mau nữa. Chị đang đưa chiếc đèn theo nhịp bước. Những ngọn đuốc đột nhiên tỏa rộng ra thành một vòng tròn. Tiếng chiêng trống nổi to đặc đặc. Một lá cờ ngũ sắc to bằng nửa mặt chiếu đang phấp phật theo chiều gió.

Tôi len vào gần để xem cho rõ. Tôi thấy bốn người đang khênh một chiếc đòn ở trên đặt một vật gì to lớn, khum khum, phủ nhiễu điều. Xung quanh có những chàng trai mặc áo xanh nếp đỏ, mỗi người cầm một cái bơi chèo sơn son vờn đỏ hồ đỏ, vừa chèo không khí. Ông ngoại tôi cầm hương đưa lên ngang mặt đi sau chậm chậm. Ở vòng ngoài những ngọn đuốc quơ cao như những bông hoa lửa. Rồi họ đi thẳng đến cửa đền. Vì lòng đền nhỏ nên mọi người phải dừng lại bên ngoài. Ngoại tôi tiến lên mở tấm rèm. Mọi tiếng động im bặt đến nỗi tôi nghe được cả tiếng gió đập vào lá cờ phấp phật. Một cái xương đầu cá voi vàng khè với những chiếc răng dài như cây đũa khuyết gần hết, trong khung khiếp. Ngoại tôi khấn khứa lăm lăm một lát rồi chiếc đòn được khiêng vào giữa đền, đặt cả lên bệ thờ. Tiếng chiêng trống lại nổi lên rúc óc cùng tiếng reo hò. Một tràng pháo nổ rộn tan. Khói pháo thơm thơm bay tản mát trong không gian sâu thẳm.

Chị Tấn giục tôi về. Tôi hỏi còn gì không? Chị nói không, bây giờ là dân làng đến lễ chờ giao thừa. Trên đường về chị kể cho tôi nghe chuyện chiếc xương sọ cá ông mà mười năm trước trong lúc tránh bão, ông ngoại đã tìm được ở một hòn đảo giữa biển. Cá ông, chắc bị tàu đánh cá bắt ở xa đến đây thì chết. Lâu ngày cá, sọ xương xuống biển hết rồi còn chiếc sọ dính cứng vào khe đá mà thôi, do đó, còn sống năm nào ông phải làm chủ lễ năm đó. Tôi ngờ ngẩn hỏi — Sao lại phải thờ cá ông chị?

Đã mấy chục năm rồi tôi còn nhớ như in, từng sự việc xảy ra trong chuyến về quê ăn Tết lần đầu, cũng là lần sau cùng và mãi mãi. Mẹ tôi lấy chồng xa, tính đến mùa Xuân ấy đã gần hai mươi năm mà mẹ tôi mới về thăm quê ngoại được hai lần. Hai lần đó đã khá lâu. Theo lời mẹ tôi, ông ngoại đã già chẳng biết sống được bao lâu nữa, nên dù bận bịu một đàn 8 đứa con, người quyết tâm Tết này sẽ về thăm lần chót gọi là báo hiếu. Thấy tôi cũng đồng tình nhưng bảo nên cho vài đứa nhỏ theo để ông ngoại và họ hàng biết mặt chúng. Mẹ tôi chỉ muốn đem theo một đứa, vì đường xá xa xôi, tốn kém, nhất là tuổi chúng đang độ dở dang lấy ai trông nom. Sau cùng, người chọn tôi vì cho rằng — Thằng Sáu ngoan nhất nhà, và lại, nó có thể giúp đỡ những việc vặt khi cần đến.

Năm ấy, tôi đang học lớp nhì. Từ hôm nghe mẹ nói, tôi không còn học hành gì cả. Tôi tính từng ngày để được về ăn Tết ở quê ngoại.

Buổi tối, trước hôm đi, tôi trằn trọc không ngủ được. Trời lạnh, tôi nằm chung với hai anh, cứ ngo ngáy hoài làm mấy anh tức vì mất giấc. Tôi cần rảnh chịu đựng để khỏi óa khóc vì những cú "lùi" ngấm. Ngủ không được, tôi mở mắt nhìn ra ngoài màn in mờ mờ đỏ đỏ mới may mặc trên thành ghế. Tôi thích chiếc quần nỉ màu xanh thẫm tuy hơi dài và vòng khá rộng. Khi mặc tôi phải xắn lên một gấu vẫn còn chấm đất. Phải thú thực: lần thứ nhất trong đời, tôi có được một chiếc quần tây mới, khi trước, tôi chỉ bận đồ ta, đi guốc. Kèm theo với chiếc quần mới, tôi còn có thêm đôi giầy "sáng đan" quai chéo, màu nâu và chiếc sơ mi bằng vải phin trắng tinh. Chiếc sơ mi này làm khổ tôi cũng không ít vì nó cũng dài và rộng quá khổ nhưng cái cổ lại chật. Khi gài nút tôi cảm thấy như bị thắt giấy ở ngang cổ họng. Tôi than phiền với mẹ, người bảo mặc thử cho coi. Tôi mặc thử và sờ giúp đằng hoàng. Mẹ tôi ngồi thụp xuống cho tay nắn vuốt một lát, lùi xa rồi khen — Ồ, may khéo quá, sang năm thì vừa vặn! Riêng tôi, lúc mặc xong quần áo, cảm thấy mình có lớn lên một chút không thua gì mấy anh, nhưng cứ chỉ thật ngượng ngùng, đi đứng không còn thoải mái như khi bận đồ thường. Ngắm tôi một lát, người vira cười và nói — Thằng Sáu bảnh trai ghê vậy. Đẹp rồi, muốn gì nữa. Cái áo "vệ sinh" và chiếc "phu la" giặt hơi sớm phơi ở ngoài sân, chắc đã khô lấy vào cho đủ bộ. À, còn cái mũ nồi mẹ cất trong tủ đồ. Nay, cởi ra đi con, kéo bàn, mai đi sớm rồi.

Tôi nhè nhẹ tụt dần từng thứ xong gấp nếp để trên tay ghế. Trong lúc ấy mẹ tôi lui hui thu xếp vật dụng cho vào chiếc tay nải lớn, nào gói quần áo cũ, nào bánh mứt, hương vòng cùng coi trầu bằng đồng vàng chói và những cân lập sườn đồ ăn. Tôi hỏi, sao mang nhiều thế mẹ? Mẹ tôi bảo để biếu cho họ hàng vì ở quê không có. Tôi nghe các anh nói lại, quê mẹ nghèo và xa lắm ở mãi bờ biển đi một muốn chết luôn, đừng có ham mà khổ! Biết vậy, nhưng lòng vẫn xôn xao, háo hức.

Chẳng biết tôi ngủ được bao lâu chợt nghe tiếng mẹ gọi — Sáu, dậy con, kéo trẻ tàu. Tôi nhìn người lên như mặt giường có lấp ló so lam tung

cả chắn bông dầy cộm. Bị lạnh, anh Tư co chân đạp một đạp làm tôi suýt té nhào xuống đất. Anh nói lâu lâu một câu rồi kéo chăn trùm đầu ngủ tiếp. Đôi mắt tôi cay sè vì thiếu giấc nhưng cố làm ra vẻ tỉnh táo, bỏ choàng ra sân mức nước rửa mặt. Trời tối như than. Gió thổi ào ào trên mái ngói rồi ủa xuống chiếc sân con vun vút.

Dùng chiếc khăn vào chum đựng nước ăn, rút vội lên thay vì mức ra chậu, tôi làm mau để tránh lạnh. Tôi quết chiếc khăn sũng nước vào mặt. Nước lạnh buốt làm tỉnh hẳn. Quay vào nhà, tôi thay vội áo quần như sợ mẹ tôi bỏ ở lại. Tôi lập cập mang từng thứ vào người. Sáng nay tôi mới thấy mặc đủ tay thực phiền phức. Nó nhiều nút quá, cái môi tay không xong. Lúc này mẹ tôi ngồi ở góc phản vira nhai trầu vira nói chuyện với thầy tôi, bỗng người nhia — Sáu, con cái đủ chưa đây? — Dạ, cái đủ! — Cái đủ sao thế kia, nhìn lại nút quần coi! Tôi cúi nhìn, chiếc nút cuối ở cửa quần màu đen lách phớt mình trước ánh

Sáu, cầm đồ cho mẹ may cái này. Đề gầy là nào chết đôn. May nhìn thấy mấy giò hoa chứ, đúng mồng 1 Tết là nở đó. Tôi cầm bọc lá chuối, nhìn những chiếc lá xanh nõn hình lưỡi dao tây đâm tua tua thẳng đứng lòng hơi lo sợ — Xin phép thầy rồi đi con! Nghe mẹ nói, tôi vòng tay xin phép thầy về quê ngoại ăn Tết. Thầy tôi "Ừ" rồi quay lại chiếc bàn con uống trà nôi.

Hai mẹ con đến ga hàng Cỏ, trời vẫn chưa sáng hẳn. Những ngọn điện đỏ lôm không soi tỏ bên trong nhà ga đông nghẹt người. Tôi bước nhanh trên những bậc đá trong lúc mẹ tôi ôm chiếc tay nải vào lòng lần từng bước. Mẹ tôi đặt chiếc tay nải dựa vào lan can, bảo tôi trông để mẹ mua vé. Vì lần đầu đi xa, nên cái vì đối với tôi cũng lạ. Những kiện hàng cồng kềnh đặt trên vai những gã đàn ông to lớn đi lại thoăn thoắt. Những tiếng mời chào xen lẫn vào tiếng chửi của những cô gái bán quà chanh chua. Nhà ga mỗi lúc mỗi đông, người ở



TẠ TÝ

giờ! Mẹ tôi đưa về cho gã bầm rồi nhấc bổng chiếc tay nải lên vai, dắt tôi qua nhanh khỏi chiếc cửa sắt. Ra đến sân ga, tôi nghe tiếng máy phi phò liên hồi từ từng bùm khói trắng tinh và những toa tàu chuyển động. Mẹ tôi nhìn ngơ ngác một lát rồi đến gần người có bộ râu tre, tay cầm chiếc cờ đuôi nheo màu đỏ — Ông ơi cho hỏi thăm, tàu Phòng đầu đầu thế? Gã chỉ tay về mé trái — Nó đó! Vừa lúc ấy một hồi còi kéo dài tiếp theo mấy tiếng ngắn. Gã cầm cờ phe phẩy màu đỏ phấp phới trong ánh sáng mờ mờ. Tôi theo mẹ chạy vội đến con tàu, nhảy đại lên. Là chuyến tàu Tết nên rất đông, hành khách ngồi đầy ở bậc lên xuống. Khi tôi đặt được hai chân lên sàn tàu, chưa tìm được chỗ đứng thoải mái, con tàu vừa chuyển bánh. Tôi đã nghiêng người, cái bọc lá chuối cầm tay rớt xuống. Tôi kêu lên — Mẹ, mẹ ơi! — Gì thế? — Giò thầy niên. — Sao? Rơi rồi hả? Tôi không trả lời mẹ cố chùn người xuống. May quá tôi nắm được nó và đưa vội lên cao. — Hư chưa con? — Dạ, chưa? Mẹ tôi không nói gì nữa nhưng tôi thì lo lắng. Tôi mong cho chóng sáng để nhìn xem coi có lá nào gãy không, nhất là những nhánh có ấp giò hoa phồng lên mần mụp.

Tàu chạy qua cầu sông Cái thì trời sáng tỏ. Tôi nhìn dòng sông Hồng ánh lên sắc biêng biếc sóng mền mại, dịu dàng uốn lượn theo triển cát chạy dài với bờ đề xanh rì rồi lẫn vào sương mù. Trời mùa Đông sáng thật chậm. Màu trời thật nặng, sũng nước. Con tàu nghiêng đường sắt nhịp đều đều.

Cảnh vật bỗng nhiên bị xóa mờ bởi lớp mưa rất mỏng, tuy trời đã thật sáng. Tôi ôm bọc lá chuối vào ngực cúi nhìn, may quá, chưa sao! Tôi thở ra nhẹ nhõm. Liếc sang hai bên cảnh vật như lùi dần dưới lớp mưa mỗi lúc mỗi đen mau. Bụng đói cồn cào. Tôi gọi — Mẹ! — Gì con? — Đói quá! — Chờ đến ga Cầm Giàng tàu đỗ, mẹ mua bánh cho ăn. Tôi cứ ôm bọc lá chuối vào ngực lách dần về phía vách tàu để tìm chỗ dựa lưng cho đỡ mỏi. Tiếng bánh tàu nghiêng vào đường thép đều đều làm tôi chập chờn rồi ngủ đứng lơ: mặc đói, mặc mưa và gió.

— Đến nơi rồi, xuống con! Tôi mở choàng mắt thấy một cảnh tượng thật hỗn độn. Thay vì xuống theo lối lên, nhiều người nhẩy qua cửa sổ bên hông tàu, đồ đạc và vật dụng được ném theo. Tiếng gọi, tiếng kêu, tiếng mời chào vào nhau làm cho khó phân biệt nó phát xuất từ đâu. Mẹ tôi trả về, dắt tôi ra nhanh khỏi ga rồi mặc cả xe ra bến Sáu Kho. Trong lúc ngồi xe mẹ tôi đưa cho cái bánh giò đã bóc sẵn và miếng chả.



QUÊ NGOẠI

đem. — Lại đây, mẹ sửa cho! Tôi lại gần, mẹ tôi cài nút... và sửa lại quần áo cho ngay ngắn. Buổi sáng đối nên cặp quần càng rộng nó tụt xuống làm cho ống quần càng dài. Mẹ tôi phải xắn lên hai gấu rồi lấy kim đính tạm cho khỏi quết đất. Mẹ tôi nói nhỏ — Ờ, hơi dài thật, giá ngắn một gấu thì tốt. Tôi nghĩ, mẹ tôi nói hơi chậm. Sau khi đeo thêm chiếc áo "vệ sinh", quần chiếc khăn "phu la" to sù và đầu chụp cái "bê rê", phủ kín tai, tôi ngồi thu lu trong ghế hỏi mẹ — Hôm nay mấy Tết rồi mẹ? — Hăm tám — Đi bao lâu mới tới quê? — Chiều tối, nếu gặp chuyển, không thì đến trưa mai — Xa quá mẹ há! Thấy tôi đang ngồi rung đùi uống nước trà bên phía chiếc bàn con gập khế — Chưa đi mấy đã thức mắc, hay là lại ăn Tết với tao, để mẹ may đi một mình vậy! Sự quá, tôi ngồi im thin thít.

Mẹ tôi cho miếng trầu vào mồm rồi cúi xuống xách chiếc tay nải to tở bố và một gói lá chuối đựng hai giò thủy tiên của thầy tôi mua gửi biếu riêng ông ngoại. Thấy tôi đứng dậy đỡ bọc lá chuối trong tay mẹ tôi, —

đầu dồn lại mà nhiều thế. Họ chen lấn xô đẩy nhiều lúc làm tôi hoảng hồn sợ họ đụng đến cái bọc lá chuối mà chảy tôi vừa cần dặn hồi nãy phải giữ gìn không có chết đôn. Nhiều lúc tôi phải giơ cao bọc lá chuối lên khỏi đầu, đến nỗi quên cả chiếc tay nải mà tôi biết nó quý hơn giò thủy tiên nhiều. Trong lòng tôi bồn chồn, hồi hộp. Tôi nhướn mắt vào chỗ bán vé để tìm mẹ nhưng không nhìn thấy. Lát sau tôi mới thấy mẹ tất cả vừa đi vừa quần lại vành khăn, lúc đến gần, mẹ nói, — Ồi cha, đông quá, biết thế này mẹ cho anh may đi theo để nó chen. Thôi lên tàu con! Tôi lon ton cầm bọc lá chuối đi sát bên tiến vào phía chiếc cửa hẹp ở đó có gã đàn ông khoác chiếc áo da tím, đầu đội mũ "kết" tay cầm cái kềm. Tôi thấy gã oai ghê. Gã cầu nhàu gât gông và muốn cho ai ra sân ga mới được ra — Chỉ đi đâu? — Tôi đi Nam! — Còn lâu tàu mới chạy, ra ngồi đợi! Nhà ông đi đâu? — Tôi ngược! — Bầy rưởi tàu mới ngược, vội gì! — Thưa ông, tàu Phòng mấy giờ chạy? Mẹ tôi hỏi. — Sáu giờ ba mươi bảy phút, ra mau, lờ bầy

Chị Tấn thì thảo — Cá ông linh lắm, hay cứu người đắm thuyền, không biết à? — Thế sao cá ông không cứu bố mẹ chị? — Tôi đâu có biết!

Về đến nhà, mẹ hỏi có vui không? Tôi nói vui. Nồi bánh sôi ừng ực trên lửa. Mẹ tôi bảo chị Tấn cho thêm củi rồi người thấp thêm hương trên bàn thờ. Tôi đứng sát vào mẹ. Mẹ tôi xoa nhẹ vào tóc tôi, âu yếm. — Quần áo con mặc hai ba bữa bẩn rồi đấy, mai morning một Tết con mặc đồ ta, mẹ mang sẵn đây kia. Tôi phụng phịu — Đâu đã bẩn, mẹ cho con mặc nốt ngày mai. Tôi nhìn chiếc quần ni bạc phếch vì bụi, hai cái ống xuống đứt như hai ống tre chẳng còn "lì" vì cả. Mẹ tôi bảo cời ra để mẹ rửa bụi rồi mang gối đầu giường. sáng mai sẽ thẳng như là vậy. Tôi nói cời ra bảy giờ lạnh lắm, khi nào đi ngủ mẹ làm cũng được, rồi tôi năn nỉ mẹ cho đốt pháo của ông ngoại và đòi tiền mừng tuổi ngày mai. Nghe nói đến tiền mừng tuổi, mẹ tôi mở hầu bao lôi ra một cái túi vải. Mẹ tôi dốc xuống mặt phản những đồng hào đồng xu vàng ói và một sấp bao giấy đỏ. Tiếng kim khí chạm nhau kêu rộn ràng. Mẹ tôi đếm lăm nhăm trong miệng rồi bỏ vài đồng tiền vào mỗi chiếc bao giấy.

Ngoài sân tối um. Tôi chỉ còn nghe tiếng lanh canh của con cá, cái khánh sành đang đuổi tà ma đêm ba mươi Tết trên đầu ngọn nêu, rồi thôi.

Sáng mùng 1 Tết, tôi dậy muộn, chị Tấn phải lay mãi mới tỉnh. Tôi lật chiếu lấy chiếc quần ni sờ vào rồi chạy ra. Xác pháo đỏ hồng ở đầu hè làm tôi bỡ ngỡ. Ông ngoại đang rung đùi uống rượu suông. Ông gọi — Sầu ra rứa mặt rồi vào đây ông mừng tuổi cho. Tôi vội đi tìm mẹ ở nhà ngang. Mẹ tôi đang làm cơm cúng. Tôi phụng phịu muốn khóc — Sao mẹ không gọi con sớm để con đốt

CAO TIÊU



XUÂN LOẠN

Xuân đến in thêm những nét già
Trong cơn binh lửa mộng phôi pha
Ngược lần bốn chín, Xuân hoài cảm
Xuân ấy, Xuân này vẫn thiết tha.

Nhớ những Xuân hoa bướm thuở nào,
Men lòng dâng ước vọng lên cao.
Thềm mây bốn hướng bay hồ hải,
Thềm gió ngàn khơi lướt sóng đào.

Tuổi đời thêm mãi mỗi lần Xuân,
Buồn cũ, vui nay cũng lắng dần.
Gió bão chẳng nguôi lòng cổ Xứ,
Cảnh đời như những bóng phù vân.

Niềm tin ai mất những xuân xanh
Quê cũ Xuân đâu thuở thái bình?
Chân giả chuyện đời ai đã biết
Dầu cho gỗ đá dễ trơ tình!

Xuân loạn, thơ cầm, rượu bất bình
Mực hần nét chữ, tứ phiêu linh.
Hỏa châu chọi sáng phương văn vũ,
Tiếng súng dồn theo gót viễn trình.

pháo, pháo của con đâu mẹ? Mẹ nói ngoại để dành cho tôi ở đầu bàn thờ và bảo mùng 1 đừng khóc, rộng cả năm. Ngoan con, Tết sau mẹ lại cho theo về!

Cả buổi sáng đó, tôi không vui vì nhiều lẽ, nhưng lý do mà tôi thấy thấm thía nhất là không có bạn để chơi, dù ông ngoại đã dành cho một gang pháo, dù tất cả mọi người đều quý mến chiều chuộng và tôi có nhiều tiền mừng tuổi hơn những Tết trước. Chắc đoáa được sự tình đó nên buổi chiều mẹ tôi bảo chị Tấn đưa đi xem thí bơi chải. Chị Tấn hôm nay ăn mặc tươm tất, trông chị xinh hẳn ra. Hầm rặng chị mới nhuộm thuốc hời hôm trông đã đen chứ không đỏ nhờ nhờ nữa. Chị ăn trầu, mỗi chị thắm tươi mỗi khi cười. Trước khi dẫn đi, chị dắt vào tay tôi hai đồng xu mới tinh — Mừng tuổi chú đây! Tôi nhất định không lấy vì nghe mẹ nói chị khổ cực từ nhỏ. Chị bên lên dứt lại vào túi áo cộc.

Chúng tôi ra đến bờ sông thấy đám người đang bu đồng lại một chỗ. Buồng tay chị Tấn tôi chạy và đến. Trời lạnh giá mà có một số người cời trần đóng khố, những chiếc khố xanh đỏ vàng trông thật vui. Người nào cũng đen trũi, khoẻ mạnh. Những bắp thịt nổi cuộn cuộn mỗi khi họ cử động. Tôi nhìn ra bờ sông, một đọt thuyền nhỏ kết lá dừa ở mạn thuyền có gài những bông hoa đủ màu kết bằng lụa. Chị Tấn đã đứng gần, tay chị nắm chặt lấy tay tôi như sợ lạc. Tôi hỏi — Đưa thuyền đi sao? — Ừa! — Chèo sang bên kia rồi quay về à? — Không, chèo ra tận cửa biển cơ, vui lắm. — Bao giờ bắt đầu? — Đầu biết, chờ lát coi. Có tiếng trống đánh ba tiếng đồng đặc. Một người đàn ông đứng tuổi mặc áo dài thâm nói to về luật đua và các giải thưởng rồi yêu cầu các toán đứng vào chỗ của mình.

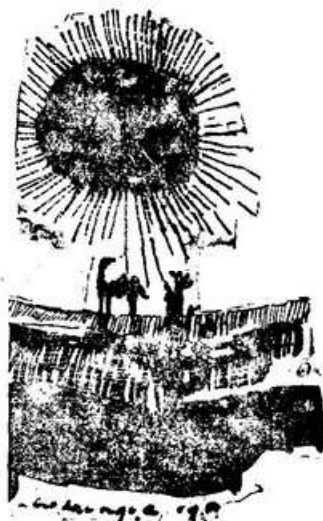
Tôi thấy trên mặt cát lờn nhồn vò ốc, vỏ sò và những mảnh vỏ trai óng ánh có đóng hàng cọc tre quét vôi trắng. Những chiếc khố màu nào sắp hàng theo màu đó. Tôi đếm được 6 màu, mỗi màu có 8 người. Một tiếng hô tiếp theo hồi trống những chiếc khố soay tròn một vòng rồi đi xuống thuyền giữa tiếng reo hò của người xem. Tiếng trống cứ nhịp nhàng trong khi các tay chèo đã ngồi ở lòng thuyền và chèo dầm ra giữa dòng rồi cùng quay mũi về một hướng. Người đứng tuổi xuống chiếc thuyền có đặt chiếc trống cái và pheng la đậu ngay phía sau hàng thuyền đua với nhiều tay chèo.

Một tiếng pháo đại nổ ầm. Những mái chèo vung lên làm nước bắn tung tóe, thuyền lao vun vút. Tiếng cổ võ, la hét từ trong bờ vang vang vào sóng nước. Đoàn thuyền đua nhỏ dần, nhỏ dần rồi mất hút trước tầm mắt. Tôi hỏi chị Tấn — Chứng nào quay về? — Lâu lắm, vì ra tận cửa biển cơ mà! Những người xem lúc này túm lại đánh bạc, Tôi nói muốn đi thuyền chơi cho biết. Chị Tấn kéo tôi đi ngược lên một quãng, rồi bảo chờ chị đi mượn sừng.

Chị Tấn đi xuống phía bên chỗ đậu nhiều thuyền lớn một lát sau, từ phía dưới cái vỉa chèo sừng vừa vẫy tôi. Xuống đến nơi, tôi sẵn quần lội tới mạn sừng. Một tay bấu chặt cọc chèo lấy đà tôi bước mạnh lên. Vừa lúc ấy, một con sóng xô ngang chiếc sừng mất thăng bằng lật nghiêng quăng tôi xuống. Quần áo tôi ướt hết, chị Tấn sợ quá, buồm chèo nhảy đại xuống nước đưa tôi lên bờ. Chị hỏi, có sao không? Tôi khóc. Chị quay mình nhảy vào lòng sừng chèo nhanh về phía bên. Gió thổi vun vút. Áo quần sưng nước làm cả người tôi run cầm cập. Chị Tấn chạy đến, giắt tôi đến một bãi rỗng chứa toàn ván

thuyền cũ. Chị bảo tôi ngồi đây tránh lạnh và cời quần áo ra để chị vắt nước cho chóng khô. Tôi ngượng, nhất định không cời chuồng, chỉ cời áo và phủ la thôi. Chị cời chiếc áo bông của chị cho tôi mặc tạm. Tôi ngồi núp vào những manh ván mốc thối bảm đầy vỏ hà sặc như dao, hai cẳng chân tê dại.

Chúng tôi chờ đến chạng vạng mới dám về nhà để ông ngoại và mẹ tôi không biết. Tôi thay nhanh quần áo leo lên giường nằm. Người tôi gáy gáy. Mẹ tôi sờ đầu thấy nóng, người lấy đầu thoa khắp mình tôi. Bữa cổ buổi chiều tôi không ăn. Đến khuya, tôi lên cơn sốt miên man.



Trong giấc mơ, tôi thấy chị Tấn chèo xuống ra tới biển để tôi xem nốt cuộc đua thuyền với những mái nước đập dềnh, trời tới đại dương mịt mùng ra <http://neulun.hopto.org>

Thơ Linh

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG:
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 358B/TB/C
NGÀY 26.3.69 • TÒA SOẠN VÀ TRỊ
SỞ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT : 25.863

Chủ Nhiệm, Chủ Bút
ANH VIỆT
TRẦN VĂN TRỌNG

Thư ký Tòa soạn
VIÊN LINH

Bộ Biên Tập Thường Xuyên
TÓ KIỀU NGÂN • LÊ ĐÌNH
THẠCH • HOÀNG NGỌC LINH
HY VÂN • ĐẶNG TRẦN HUÂN
• NGUYỄN HỮU THƯỜNG
• DƯƠNG TRƯỞ LA •

Về

NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Trình bày bìa và ruột
VIÊN LINH

Thư từ ngân phiếu đề tên
Chủ Nhiệm • Bài vở đề tên
Thư ký Tòa Soạn • Giá 20đ.
mỗi số • Công số giá gấp đôi.

Bài vở gửi cho Khố Hành xin miễn
gửi cho báo khác, và ngược lại
Tòa soạn không trả lại bản thảo nếu
không có lời yêu cầu.

CẢNH VẬT MÙA XUÂN

BÂY giờ là lúc những cây cối ở trong giai đoạn trút bỏ lớp áo cũ của chúng để chờ khoác lên lớp áo mới. Trên quê hương ta, chỉ thảo mộc lại có được sắc sang mùa xuân của nó. Dù chiến tranh khói lửa, thiên nhiên đã không bao giờ bị đánh cho thua hoàn toàn cả. Một trái núi bị lở lỏi vẫn cứ còn là một trái núi. Một khu rừng bị cháy, chỉ liền sau đó bốn năm tháng, cây cối lại đâm chồi để chờ chim chóc trở về mùa xuân sau. Một con sông, ở khúc đầu dòng của nó, vào đêm trước đó lờn những máu vì một cuộc tàn sát, sáng ngày mai lại trong xanh như thường.

Và như thế, nền trời xuân của một xứ sở rách nát vì chiến tranh vẫn cứ đẹp như thường này có thể giúp chúng ta không dễ đánh mất niềm hy vọng sự tin tưởng... thường năm đã từng tạo cho tôi niềm lạc quan, khiến giúp tôi thấy trước được những vui vẻ, hạnh phúc trong tương lai.

Cái ý nghĩ thứ nhì, cái ý nghĩ "nền trời xuân của một xứ sở rách nát vì chiến tranh vẫn cứ đẹp như thường này có thể giúp chúng ta không dễ đánh mất niềm hy vọng sự tin tưởng..." thường năm đã từng tạo cho tôi niềm lạc quan, khiến giúp tôi thấy trước được những vui vẻ, hạnh phúc trong tương lai.

Tôi thấy rằng mùa xuân thật huyền diệu. Và huyền diệu nhất là những ngày những đêm của tháng cuối năm, cái giai đoạn chờ đợi mùa xuân đến. Đây không phải ý nghĩ của một con người mà cuộc sống đã cho nó nhiều êm xuôi, nhiều rực rỡ, trái lại. Bốn mươi năm của đời mình là bốn mươi năm vui rất ít mà buồn chán thì rất nhiều. Lại nữa đất nước thì chiến tranh điêu vịnh và những đau thương mà đất nước đã trải qua làm cho mình xót xa... nghẹn ngào và bao nhiêu cảnh xảy ra trong xã hội làm cho mình chán chường. Thế nên, thường thường, sự lạc quan có đến với tôi thì cũng đến một cách không dễ dàng cho lắm.

Nhưng, bây giờ đây, khi mà những cây cối ở trong giai đoạn trút bỏ lớp áo cũ của chúng để chờ khoác lên lớp áo mới, lòng tôi xúc động mạnh với những ý nghĩ tình cảm tươi sáng và trí tôi thật tung bừng.

Tôi nghĩ đâu phải riêng mình là như thế mà gần hết tất cả mọi người đều thế. Mùa xuân như có mang theo nó cái gì rất huyền diệu. Nó làm cho thảo mộc sáng lên trong màu xanh, và nó khoác lên cho mặt đất buồn thảm của chúng ta một tấm áo choàng vì đại muôn sắc. Nó làm cho trời xanh thêm xanh, giòng sông đẹp thêm đẹp.

Chính trong cái cảnh vật này mà những con chim lười biếng nhất đã cất lên những giọng hót.

Đã rất nhiều lần, cứ vào dịp cuối năm, nhìn, nghe, thấy, cảnh vật và người, tôi đã phải xúc động lớn lao khi được biết rằng giống như những con chim lười biếng ca hát nhất..., có những con người từng quỳ đầu xuống vì những đau khổ ác liệt nhất, đã mở môi cười trước mùa xuân.

Nụ cười đó không phải là có bất chợt trong sáng đầu xuân, mà chính đã được chuẩn bị trong những ngày cuối năm qua. Đúng thế, hai vợ chồng nghèo mà ngày xưa là láng giềng của tôi đó, họ đã từng "tuyên bố" với tôi và một số người quen biết trong xóm là "năm nay cũng như mấy năm trước tôi không có "ăn tết ăn tiếu" gì cả. Họ "tuyên bố" điều đó vào khoảng những ngày đầu tháng chạp. Ấy thế rồi mỗi ngày của tháng chạp càng đi qua, tôi càng thấy họ có thêm cái vẻ nôn nao cuối năm, cái vẻ nôn nao không thể giấu diếm che giấu được, cái vẻ

nôn nao mà chẳng một ai trong chúng ta không có ở vào thời gian cuối năm. Cái vẻ nôn nao càng ngày càng lộ ra nét mặt đỏ của cặp vợ chồng tôi nghiệp kia có cái lý do sau đây: Phải có một chút gì để ăn Tết, phải có một cái gì mới cho trong nhà trong cửa, cho vợ chồng, con cái. Phải có như thế để được thấy mùa xuân — cả mùa xuân của thiên nhiên và mùa xuân trong lòng người.

Và như thế, vào ngày 25 hay 26 Tết gì đó của năm ấy tôi thấy hai người đi phố mua về cho ba đứa con nhỏ của họ ba bộ áo quần mới. Về phần ăn diện xuân của hai vợ chồng thì người chồng sắm một đôi "săng đan", người vợ thì một cái khăn quàng. Họ cũng mua một miếng vải ni lông có sọc xanh

KIỆM MINH



sọc vàng để trải lên mặt bàn. Và họ cũng có mua một cành hoa bằng nhung để rồi họ sẽ cắm vào một cái ly uống nước.

Trong những ngày cuối năm, ai ai cũng thấy nao nao trong tác dạ cả. Tôi cố ý dùng chữ tác dạ để cho tự tôi dễ thấy càng vui hay càng buồn. Vâng, trong tác dạ của mỗi người, sự nao nao chờ đợi Xuân liền nổi dậy trong những ngày tháng chạp, thấy nổi bật nhất là trong những ngày cuối tháng chạp.

Những gì đã qua, những gì sắp tới, chúng hiện lên, chúng chiếm lấy trí ta, hồn ta trong cái tháng đầy tính chất ác liệt tinh thần này. "Một năm qua — người ta nghĩ — một năm qua, sao mà buồn thế, sao mà chẳng có gì lạ, chẳng có gì mới hết cho cuộc đời?"

"Một năm qua — người ta nghĩ — mình có một lỗi lầm về tình cảm thật đáng ân hận."

"Năm qua, thế là chuyện mà mình dự trù đã không thành", người ta than thầm và buồn kín đáo.

"Năm qua, trong gia đình mình có hai cái chết", người ta cúi đầu xuống mà nói thế trong cái dáng giệt: suy tư mặc niệm kẻ thân yêu đã không còn.

"Năm qua, chú thím ấy tiêu tan sự nghiệp trong nháy mắt"... một người chồng nói chuyện với vợ như thế về một mất mát vật chất lớn lao củ người em. "Bây giờ đây, làm sao mà xây dựng lại được nữa. Tuổi chú ấy đã lớn. Và sau sự mất mát đó, chú mệt mỏi lắm rồi, đâu còn cái hăng hái củ tuổi trẻ nữa?"

"Năm qua, một tình yêu tan vỡ vì vật chất... một thanh niên đi trên hè phố vào những ngày cuối năm thì thầm với lòng mình như vậy?"

Trong những ngày cuối năm, người ta ngó trở lui và rồi người ta nhìn về phía trước, ai ai cũng vậy. Dù ai có tự cho tự bảo rằng mình già rồi, mình không cần mùa xuân nữa, mùa xuân có đến cũng như không đến cuối cùng rồi cũng phải nghe bâng hoàng, nghe xao động trong cả con người mình khi mà cái hoàng hôn cuối cùng của một năm đã xuống.

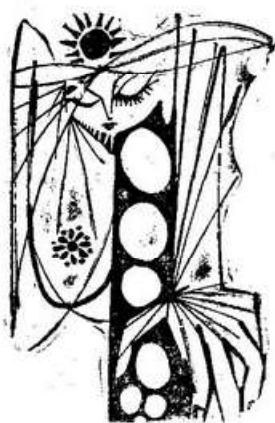
Thật kỳ lạ, cái màu sắc mặt trời khi lặn vì phương Tây vào cái buổi chiều cuối năm cũng vẫn là cái màu sắc của thường những hoàng hôn trong năm, nhưng tại sao nó lại làm cho ta xao xuyến tận cùng khi tình cờ hoặc có ý nhìn thấy.

Có cái gì rất buồn của đời người vậy! Nhìn cái màu sắc mặt trời khi lặn về phương Tây và những buổi chiều cuối năm, người ta nghĩ đến người ta nhớ lại vào những ngày cuối năm trước người ta cũng đã có những nỗi buồn nhân sinh như bây giờ, và người ta cũng đã đặt bao nhiêu tin yêu hy vọng về một mùa xuân mới, một năm mới như bây giờ... để rồi có gì đâu? Một năm qua, như thế đó. Một năm qua là thế đó. Vẫn những bóng đen buồn của thân phận trái đất, thân phận con người..

Có cái gì rất buồn của đời người vậy. Tuy nhiên, con người vẫn là một sinh vật biết nhiệt cách đánh đổ thành sầu, từ tích cực đến tiêu cực. Và cái cách đánh thành sầu hay nhất là hãy cứ chờ xuân, cứ tiếp tục tin tưởng ở những ngày sắp tới.

TÔI nghĩ đến sự cần thiết phải có cái gì mới để đón mùa xuân này, để sống vui trọn vẹn với mùa xuân này. Tôi sẽ bắt chước vợ chồng người láng giềng cũ, nghèo thì nghèo cứ mua săng đan, khăn quàng, áo quần cho con và một cái tấm vải nylon có sọc xanh sọc vàng để phủ lên mặt bàn. Chừng ấy thứ cũng đỡ đủ để cho hai người dễ thấy rõ mùa xuân hơn. Và cũng đủ để cho hai người quên nỗi sầu xa xứ — họ vốn ở nông thôn và không ngừng nhớ nông thôn, nhất là vào cái tháng cuối năm.

Tôi sẽ bắt chước hai vợ chồng đó: tôi sẽ đứng ở một chỗ cao, từ đó tôi sẽ nhìn mặt trời lặn về phương tây trong buổi chiều cuối năm này, và tôi sẽ ngó hoàng hôn phủ xuống trên thành phố này để làm chấm dứt một năm mà những hy vọng tốt lành, những tin yêu tươi sáng chưa tới. Để rồi khi bóng đêm bắt đầu phủ xuống tôi nói: "tôi đang chờ mùa xuân". Và tôi sẽ vui với cái ý nghĩ là cái mặt trời mà tôi vừa nhìn lặn ở phương tây, sáng mai sẽ hiện ra ở phương Đông để cho tôi lại được chào nó bằng những lời mới, mới như hoa lá mùa xuân và trong như pha lê — như pha lê nhưng không bao giờ vỡ — bởi vì những lời nói đó chúng không rơi xuống, mà chúng bay đi bay đi trong cảnh vật mùa xuân. <



NGUYỄN THỤY LONG

CHO CON GÁI ĐẦU LÒNG

NGUYỄN 17 tuổi, thằng Linh là em trai Nguyễn 9 tuổi, cô em gái út, con Loan mới có 3 tuổi. Nguyễn tuổi dần, mẹ Nguyễn nói thế. Mới hồi tối trước khi đi ngủ bà còn nhắc lại :

— Con tuổi Dần con nhớ chưa ?

Buổi tối buồn bã, mưa rả rích suốt từ chiều. Hành lý của mẹ Nguyễn và đứa em gái nhỏ đã được chuyển dần đi đến nhà người quen từ mấy hôm trước. Ngày mai mẹ Nguyễn đi rồi, bà mang theo con Loan, bà sang Lào. Hai anh em Nguyễn ở lại chắc chắn những ngày đen tối sẽ tới. Khi mẹ Nguyễn đi khỏi, căn nhà này sẽ có người khác chiếm cứ. Tất cả đồ đạc đều bị các chủ nợ tới xâu xé lấy hết, kể đúng mũi chịu sào vào phút chót sẽ là thằng Linh.

Mẹ Nguyễn vừa khóc vừa nói với Linh.

— Con nhớ nhé, họ nói gì, chửi bới gì con cũng mặc kệ, mẹ biết chuyện đó sẽ xảy ra, mẹ không sung sướng gì hết khi phải trốn nợ ra đi, nếu việc làm ăn ở nhà không thất bại thì đâu đến nỗi, mẹ cũng mong có ngày trả được nợ cho người ta, mặc dầu họ đã ăn lời quá số vốn của mình. Nhưng họ vẫn có lẽ phải, vẫn được Pháp luật che chở.... và mình vẫn là kẻ lường gạt. Con hãy nhìn họ, con bé chắc họ không nỡ đánh đập đâu, anh Nguyễn thì phải đi ngay sau khi mẹ đi họ có thể bắt anh Nguyễn hoặc có thể đánh anh ấy.

Thằng Linh cúi mặt, hai môi mím lại. Con mèo vàng nằm cuộn tròn trong lòng nó ngủ khi. Nó thương con mèo này nhất. Đi học về là nó bế con mèo, vuốt ve, bắt rận cho mèo suốt ngày. Linh im lặng một lúc lâu, mãi nó mới nói :

— Khi nào phải đi con sẽ mang theo con mèo.

Mẹ Nguyễn gắt khế :

— Còn bàn thờ của ba, lúc nào cũng chỉ con mèo.

— Dạy cả bàn thờ của ba nữa !

Linh còn ngây thơ quá, có lẽ chỉ hơi buồn, nó nghĩ đến những đứa em họ trên nhà chú. Nó sẽ lên ở đó và vẫn đi học như thường. Mẹ có đi bất quá chỉ một hai năm lại về như lời đã hứa.

Nguyễn buồn, nhưng Nguyễn không khóc, Nguyễn nghĩ đến lời nói của ba khi sanh tiền :

— Con trai khóc là hèn, con trai phải cứng rắn và không bao giờ được ỷ lại vào ai. Mười lăm tuổi ba đã tự lập... Con trai họ nhà mình đều thế cả vậy mà có ai hèn đâu. Con đã sinh ra giữa lúc gia đình giàu có và con đã lớn lên trong nhung lụa.

Nguyễn đã sống trong chuỗi ngày thơ ấu thật đầy đủ. Mới một năm trước đây. Nguyễn còn được ngồi xe hơi đi học. Sự phá sản mau lẹ như một cơn lốc, đúng là một cơn lốc rửa sạch sự giàu sang phú quý của gia đình Nguyễn. Những sự rủi ro tai họa giáng xuống gia đình Nguyễn liên tiếp cho đến kiệt quệ. Mẹ Nguyễn tuyệt vọng :

— Không còn gầy dựng nổi cơ đồ nữa, nhất định mẹ phải đi, đi để làm lại tất cả. Các con cố gắng chịu đựng vài ba năm nữa khi mẹ về sẽ khôi phục lại tới quí lự gia đình mình như ngày xưa.

Nguyễn nghĩ đến ngày xưa, ngày xưa xa vời như trong cổ tích. Khi thằng Nguyễn mặc những chiếc áo gấm thật đẹp ngồi trên lưng ngựa với ba đi dạo khắp đồn điền Năm Lý. Ngắm buổi chiều tràn trên ruộng lúa mênh mông xa tắp tới chân rặng núi Tam Đảo miệt Thái Nguyên. Ba Nguyễn chỉ tay :

— Tất cả đất đai đó sau này sẽ của con, con phải xứng đáng đầy đủ tư cách để cai quản tài sản này. Khi con hai mươi tuổi con đã là một ông chủ đồn điền rồi. Dù con giàu có, nhưng ba không bao giờ trở nên lỗ bịch, con hãy nhún nhường, biết điều với tất cả mọi người. Thương yêu họ, con đừng để người ta coi con như một tên chộc phú bản thu.

Có lẽ với lớp tuổi của Nguyễn hồi đó, ba Nguyễn đã nói những điều đó quá sớm. Nhưng không hiểu tại sao Nguyễn lại nhớ đến tận ngày nay. Nguyễn đã ra đời và sống suốt quãng tuổi thơ như thế đó. Mẹ Nguyễn nhất định ra đi, bà lo sợ tương lai của Nguyễn. Nguyễn sẽ ra sao. Nguyễn sẽ giữ ông; giờ thằng với một mớ học vấn chưa đi đến đâu.

Trước khi mẹ Nguyễn quyết định ra đi, bà đã đem gửi gắm thằng Linh ở nhà Chú Thọ. Còn Nguyễn bà mang đến nhà ông Bác Nguyễn, ông giàu có và nhà chỉ có hai bố con. Bà hy vọng ông nghĩ đến tình ruột thịt ông sẽ nuôi đỡ cho Nguyễn ăn học đến khi bà về.

Nhưng ông bác đó đã già yếu lên :

— Không, thiếu đừng phiền tôi, cùng lắm tôi chỉ cho nó ăn, còn ở thì không được.

Mẹ Nguyễn vẫn nhẫn nại :

— Anh cố giúp em trong hoàn cảnh này, bố nó mất đi đâu còn biết trông vào ai, ngoài họ hàng... Ông bác cương quyết :

— Tôi nói không được là không được, nhà tôi có hai bố con thật đấy nhưng con tôi là...con gái !

Nguyễn thấy mặt mẹ mình xạm lại. Một ông bác ruột của Nguyễn lại có thể được như vậy sao ? Nguyễn thấy mặt mẹ mình ráo hoảnh, bàn tay của bà run lên, bà lật bật đặt tách nước xuống đĩa. Bà không nói được câu nào nữa.

Nguyễn cùng chung tâm trạng của mẹ. Trống ngực Nguyễn đập thình lình, tất cả sự kính trọng đối với ông bác lúc này biến đâu hết. Chỉ còn lại sự ghê tởm, ghê tởm đến tột độ, trong lòng một đứa trẻ 17.

Nguyễn đỡ mẹ dậy :

— Đi về mẹ, con không muốn nhờ vả ai hết, con sẽ bỏ học ra đời kiếm sống, nhưng con không hèn, không bao giờ hèn hết, con cũng không đến nỗi khốn nạn...

Nguyễn quay sang bác :

— Cháu cảm ơn bác, cháu không dám phiền đến bác nữa, kể cả việc ăn cơm.

Khi mẹ con Nguyễn đi ra, Nguyễn thấy mẹ thần thờ :

— Ngày xưa khi bác gái chết đi, tao rửa dít cho từng đứa con của bác, nuôi nấng chúng nó còn hơn con đẻ.

— Mẹ đừng nhắc nữa.

Đêm khuya lâm thâm Linh nằm cạnh Nguyễn đã ngủ say ánh đèn điện từ ngoài cửa sổ chiếu vào thứ ánh sáng vàng vọt. Con mèo vàng của Linh nằm gù gù trong vòng tay ôm của nó. Khuôn mặt của Linh lúc này trông thật vô tư dễ thương. Có lẽ giấc ngủ của nó rất bình thản, nó không nghĩ ngợi vẩn vơ như Nguyễn không buồn đến thối ruột thối gan ra. Tự nhiên Nguyễn đưa tay vuốt những sợi tóc phất phơ trên trán em.

Nguyễn bỗng nghe tiếng thở dài của mẹ ở giường bên cạnh. Thở ra từ tối đến giờ bà cũng không ngủ. Chưa bao giờ Nguyễn lại thấy thương mẹ như lúc này. Gần năm mươi tuổi đầu rồi bà vẫn vất vả. Suốt một đời bà hết sức lo cho chồng cho con. Kể từ khi bà lấy chồng, khi ba Nguyễn là một sinh viên nghèo.

Nguyễn thường được nghe những người thân kể lại, ngày xưa mấy chị em mẹ Nguyễn đẹp có tiếng trong trường Đồng Khánh ở Hà Nội. Nguyễn vẫn còn giữ những tấm ảnh của mẹ khi mẹ Nguyễn còn con gái. Nguyễn công nhận những người thân không nói ngoa. Khi nhắc đến chuyện đó bà thường nói :

— Tao đâu có phải hạng con gái tham giàu sang phú quý tao lấy bố mày chỉ có một cái áo the và đôi giày há mồm. Bao nhiêu kỹ sư bác sĩ hỏi tao hỏi đôi tao có thêm đâu. Lấy ba mày vì tao kính trọng tư cách của ông.

Những lúc đó Nguyễn thường trêu mẹ :

— Không phải mẹ mê ba đẹp trai ?

— Quí con. Bố mày mà đẹp trai ở cái chỗ nào, mặt thì đầy trứng cá.

Nguyễn nghĩ lan man hết chuyện nợ sang chuyện kia. Nguyễn không tài nào ngủ được nữa. Hình như trời gần sáng. Nguyễn nghe tiếng trẻ con khóc trong xóm, tiếng những bước chân đi dưới đường, tiếng một chiếc xích lô máy nào đó nổ ròn. Những âm thanh đó quá quen thuộc đối với Nguyễn từ bao lâu nay. Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa. Nguyễn phải vĩnh viễn xa căn nhà này. Tối mai Nguyễn chưa biết mình phải ngủ đâu. Nguyễn nghĩ đến nhà một người bạn thân ở tận Phú Thọ.

Nguyễn nghe tiếng họ của mẹ, bà đã thức giấc. Một lát sau Nguyễn thấy bà trở dậy. Bà tới trước bàn thờ bà thấp mấy nén nhang. Trong bao nhiêu năm nay, cứ mỗi lần có chuyện gì buồn bực bà lại có hành động đó.

Nguyễn nghe tiếng mẹ sụt sịt khóc, tiếng khăn vải nghẹn ngào. Nguyễn thấy mình cũng mũi lòng. Tội nghiệp bà, có lẽ suốt đêm qua bà không ngủ.

Một lát sau Nguyễn thấy mẹ mình đến cạnh giường mình. Bà lay nhẹ vào vai con :

— Dậy con, trời gần sáng rồi !

Nguyễn giả vờ ngủ say. Nguyễn ú ớ như hầy còn trong cơn ngủ. Mẹ Nguyễn vén màn lên, vuốt tay lên trán Nguyễn :

— Dậy đánh thức cả em nữa !

Nguyễn ngồi dậy, hỏi một câu bằng quơ :

— Mấy giờ rồi mẹ ?

— Bốn giờ rồi, mẹ phải đi trước khi trời sáng rõ !

Nguyễn đánh thức thằng Linh dậy. Hôm nay Linh dậy liền, nó không hề đánh thức đến câu thứ hai hay thứ ba như mọi khi. Nó hỏi một câu bất thần :

— Mẹ đi hả mẹ !

Mẹ Nguyễn không trả lời, Bà chỉ gạt đầu :

— Các con xuống rửa mặt đi, mẹ đánh thức em Loan nữa.

Khi anh Nguyễn rửa mặt xong, trời đã hừng sáng. Nguyễn đã thấy mẹ sắp riêng cho mình một chiếc cặp quần áo. Bà dặn dò lần chót.

— Quần áo của con phải giữ gìn cẩn thận, chỗ quần áo này con phải mặc hằng năm nữa mới phải may. Cả đôi dép nhện mới này nữa, lúc nào đôi kia đi không được nữa mới được lấy ra dùng. Con phải tiết kiệm không được phí phạm như khi mẹ ở nhà.

Bé Loan được mặc chiếc áo đầm mới nó có chiếc mũ bằng cối thối nơ xanh. Cô bé ngơ ngác hết nhìn mẹ lại nhìn các anh, Nguyễn ôm em gái vào lòng :

— Đi với mẹ phải ngoan nhé !

Bé Loan vẫn thường sợ anh, mọi khi cứ mỗi lần quấy quá Nguyễn quát mắng lên nó lại im thin thít. Bé Loan thủ thỉ nói :

— Loan được đi tàu bay à à mẹ bảo thế.

Nguyễn ôm em nước mắt rung rung. Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa Nguyễn phải xa cô em gái bé bỏng. Bao nhiêu năm nữa Nguyễn mới được ôm em vào lòng.

Tiếng nói của mẹ Nguyễn kéo Nguyễn về thực tế.

— Thôi mình đi.

Nguyễn thấy lòng mình nao nao buồn. Trời chưa sáng rõ mặt người. Mẹ Nguyễn, em Linh và

đưa hóa đơn ra họ không đến đòi trả rẻ quá đâu, còn chiếc máy may nữa mẹ gửi trên thím Thành bán, con lên lấy tiền mà tiêu dần trong khi chờ đợi kiếm việc làm....

Thằng Linh và bé Loan chạy chơi ở trong phi cảng. Thấy anh chúng chạy lại. Bé Loan tíu tít nói :

— Anh Nguyễn ơi em thấy có con búp bê đẹp lắm cơ, con bé kia có kia. Mẹ nói bao giờ anh Nguyễn có tiền anh Nguyễn sẽ mua cho.

Nguyễn chỉ còn biết gật đầu, hứa hẹn suông với em. Mẹ Nguyễn đã căn hàng xong, bà đưa ba đứa con ra cầu lạc bộ Phi cảng ăn sáng. Mỗi đứa một tô bún bò. Trong bữa ăn sáng này, bà có vẻ sốt sắng đến hai đứa con trai ở lại nhiều hơn. Bà nhặt từng miếng ớt nhỏ trong tô bún của Nguyễn ra. Nguyễn không biết ăn cay.

Giọng mẹ Nguyễn ngậm ngùi :

— Dù trong hoàn cảnh nào con cũng phải cố gắng nên người, các em con trông vào con đó.

Nguyễn chợt thấy sắc mặt mẹ hơi đổi khác, bà trả tiền bữa ăn sáng, bà vuốt tóc thằng Linh :

— Mẹ đi, ở nhà con phải ngoan, phải chăm chỉ học hành.

Nguyễn cúi mặt, nhà hàng trả lại tiền còn lại. Mẹ Nguyễn đếm đi đếm lại :

— Mẹ chỉ còn bấy nhiêu, cho Nguyễn năm chục, Linh hai chục.

Nguyễn cầm lấy năm tiền của mẹ nhét vội vào túi, tự nhiên Nguyễn thấy lòng mình nhói lên. Tiếng mẹ Nguyễn nói thật nhỏ :

— Mẹ đi !

Nguyễn và Linh mỗi người giặt một tay bé Loan, chúng đưa mẹ ra đến tận cửa phòng đợi ra sân máy bay. Con bé ngơ ngác khi thấy mẹ bỗng trên tay, bỗng miệng nó méo xệch đi, giấy trên lòng mẹ :

— Không Loan không đi đâu. Loan ở nhà với anh Nguyễn và anh Linh cơ !

Hai mắt mẹ Nguyễn nhoe lệ, bà ôm chặt lấy đứa con gái út vào lòng vỗ về, bà quay mặt đi, bà đi thẳng vào phòng trong. Nguyễn nghe tiếng em gái khóc ré lên, xa dần. Hình ảnh mẹ và em gái khuất sau tấm cửa kiếng dày. Nguyễn thấy mẹ quay nhìn lại, hình như bà nói một câu gì đó, nhưng tấm kính dày và ngăn lại tiếng nói thân yêu đó. Lúc này âm thanh phía trong cửa kính trở nên hỗn độn. Nguyễn nhìn thấy mẹ một tay bế bé Loan, một tay xách chiếc tay nải. Bà ngoái cổ nhìn lại, lưng song người xô đẩy bà ra phía sân bay.

Thằng Linh đứng kiếng chân lên cổ với tới mặt kính để nhìn mẹ và em. Nó cuống lên :

— Anh Nguyễn ơi cho em nhìn thấy mẹ mấy !

Nguyễn cúi xuống xúc em lên. Bàn tay thằng Linh quạnh trên mặt kính. Nó nói giọng nhoe nhoẹt nước mắt :

— Em không thấy gì hết !

Hình ảnh mẹ Nguyễn đã lần vào đám hành khách đông đảo. Nguyễn chợt thấy đám người tiễn đưa chạy lên phía cầu thang, Nguyễn đặt em xuống giặt tay nó vội đi.

— Mình lên đây nhìn !

Chân thằng Linh như rú lại, nó chạy theo anh lên cầu thang mà vấp ngã đến mấy lần. Khi anh em Nguyễn tìm được chỗ đứng nhìn xuống sân bay thì đám hành khách đã lên tàu hết. Chiếc cầu thang được hai người phu đẩy vào phía sát phi cảng. Cửa ra vào phi cơ đã đóng lại. Hai chiếc cánh quạt bắt đầu quay tít. Những chiếc khăn từ bao lon khách đưa tiễn phất lên như bướm bướm, thằng Linh cuống lên :

— Cho em mượn cái khăn tay !

— Không có !

— Làm sao mà vậy ?

— Vây bằng tay.

Bàn tay thằng Linh giờ lên vầy rồi rít rồi chậm dần, chậm dần, nó thả rơi tay xuống khi chiếc máy bay bắt đầu cất bông lên khỏi mặt đất. Nó nói nhỏ :

— Mẹ đi rồi !

Mặt Nguyễn bỗng đánh lại :

— Thôi mình về !

Thằng Linh bật khóc. Nguyễn bực mình một cách vô lý :

— Làm sao mà khóc ?

Tiếng khóc của thằng Linh nghẹn ngào trong cổ họng, tức tưởi. Tự nhiên Nguyễn bật ra một câu :

— Con trai khóc là hèn !

Nguyễn đã vô tình nhắc lại câu nói của ba hồi sanh tiền. Linh lắng nghe đi theo anh.

Mặt trời đã lên cao, nắng bắt đầu gay gắt. Nguyễn ra chỗ dựng xe đạp :

— Linh lên xe anh chờ ra ngoài phi trường, rồi Linh đi xe buýt về nhà. Dọn dẹp đồ đạc sách vở xong lên chú ngay.

Nguyễn ưỡn oải đạp xe, con đường nhựa xa tầm mắt. Nguyễn nhìn thấy những chòm hoa phượng vĩ bắt đầu nở trên cành cây bên đường. Hè rồi đó. Nguyễn làm bầm.



NGƯỜI MẸ VÀ CÁC CON

Loan ra ngoài ngõ trước. Nhà hàng xóm đã trở dậy. Nguyễn nghe tiếng họ hỏi mẹ Loan :

— Bà đi đâu vậy ?

— Tôi cho các cháu lên cụ tôi ăn giỗ. Tôi ở phải ở trên đó mấy ngày, còn cháu Nguyễn và cháu Linh đi đi lại lại coi nhà.

Chờ cho mẹ ra khỏi ngõ một lúc lâu Nguyễn mới xách xe đạp và cặp cặp đi ra. Nguyễn khóa cửa kỹ lưỡng. Nguyễn nhìn lại căn nhà thân yêu của mình lần cuối cùng rồi cầm cuối đạp xera khỏi ngõ. Nguyễn đạp xe lên thẳng phi trường.

Nguyễn dừng xe ở phía ngoài vào thẳng phi cảng. Mẹ Nguyễn đang cúi đầu đứng coi căn hành lý, số hành lý này bà đã gửi ra phi cảng từ hôm trước. Chẳng có gì ngoài một chút đồ đạc thực dụng. Nguyễn hiểu rõ bà hơn ai hết, bà không còn vốn liếng là bao nhiêu. Một ít vàng, một ít bạc mặt mà lát nữa bà phải đòi trước khi lên phi cơ.

Nguyễn sờ tay vào bầu áo mình, nơi đó mẹ Nguyễn đã khâu vào một chiếc nhẫn ba chỉ vàng. Bà dặn dò :

— Khi nào cần lắm con hãy bán, lại bán cho tiệm vàng mẹ đã đánh cái nhẫn này nhé, con cứ

Từng lời nói của mẹ thấm vào tâm hồn Nguyễn. Nguyễn biết những lời nói đó sẽ mãi mãi, và còn mãi không bao giờ phai... Mẹ Nguyễn tiếp :

— Giấy rách phải giữ lấy lề con nhé, con nhớ cho một điều, gia đình con, cha mẹ con không phải là hạng người hèn hạ, con đừng làm một điều gì dễ cho thiên hạ khinh rẻ con. Nếu chuyện đó có thể xảy ra mẹ không nhìn mặt con...

Nguyễn có cảm tưởng mình nghe những lời giáo huấn cuối cùng, như lời giáo huấn của ba Nguyễn khi người nhắm mắt. Nguyễn chỉ còn biết vâng dạ.

— Con hứa đi, hứa với mẹ một điều.

Nguyễn ngậm ngùi :

— Con xin hứa, mẹ cứ yên trí, con sẽ nên người, con phải làm gương cho các em.

Nguyễn nhìn thấy mặt mẹ đỏ hoe. Bà cầm chiếc mũi xoa trắng nhàu nát chấm lên khóe mắt :

— Các con ở lại mẹ đi, chắc chỉ một vài năm mẹ về thôi, thời gian thấm thoát chẳng bao lâu đâu con.

Nguyễn không ăn hết tô bún bò, không uống hết ly cà phê sữa. Tiếng máy phóng thanh oang oang :

— Yêu cầu quý khách di chuyển máy bay Vạn Tượng hồi tám giờ sửa soạn lên tàu bay.

1.

Thôi ngày mai ta sẽ được rời khỏi nơi đây
như phạm nhân được rời lao xá
như một tay ma đầu
ta hà hà xuống núi
như một samurai
trở về nơi rách rưới
như một cánh chim
sau thời gian thương tích
cùng với nỗi tủi mình
bay lên tìm về một nơi yêu dấu

2.

Vì ngày mai ta đã rời khỏi nơi đây
nên hôm nay giữ từ
lần cuối cùng những ngày loanh quanh kiếm đồ trong P.X.
những buổi chiều mờ mờ
bé gao muối về cho một bữa ăn tối Việt Nam
thời ở lại nghe
người thiếu phụ trẻ gốc Mã
ta trả cô về với anh chồng to gấp bốn năm lần ta
(nhưng như lời cô nói
y không khác bao nhiêu một pho tượng rỗng)
thời ở lại nghe Donna
tình chúng ta có thể
ở lại nghe người mẹ nuôi hiền lành
chỉ khiến ta thêm nhớ mẹ già lưng còng, mắt mờ
ở lại nghe cô Mỹ đen dọn phòng cho ta mỗi sáng
ta đã để sẵn trên tủ này
một dollar làm quà cho cô trong tháng
ta biết rằng lát nữa đây
khi nhận tiền
cô sẽ nhìn ta như một khách hào hoa phóng khoáng
cùng con mắt vốn sâu đăm đăm mặc cảm
của một kẻ đã đến
dọn phòng cho một tên da vàng mũi tẹt
mà thực ra cô có biết đâu
chính ta đây mới là kẻ rầy rà mặc cảm
vì ta biết rõ ta
chỉ là một thứ hồ giấy
vì ta hiểu rõ ta
khi trở về quê hương
nào có khác chi một đời ngựa chạy
vì ta thấy rõ ta
không bao giờ dám mơ ước
cho những người đời phòng ở quê hương ta
có xe hơi đi làm như cô mỗi sáng
mà ta chỉ cầu xin
cho đồng bào ta
có ăn có mặc
có hòa bình có hè hội vui chơi

DU TỬ LÊ



viết ở fort harrison

3.

Em không biết đâu, Thụy Châu
sáng nay anh dậy muộn
lọt thò trong chiếc ghế bành hai lần nệm mousse
chân gác lên chiếc bàn kiêu cổ đồng phương
tay gạt thuốc trên mặt thảm nhung xanh
anh thấy mình bỗng nhiên sung sướng
bỗng nhiên đầy đủ
như một ông hoàng
(không có gì ngu ngốc bằng ông hoàng
tưởng mình sung sướng)
anh cũng chợt nhận ra
phát chốc anh đã trở thành một tên vô cùng bản tiện
vì đã vét, đã vơ
tất cả những gì anh đã đem sang đây
trong hai chiếc va li nhóc đầy tạp phẩm
đến đôi giày há mồm
tính quẳng lại cho rồi
nhưng sau lại đem theo
chỉ vì anh chợt nhớ
ở quê hương mình
thiếu chỉ những người suốt đời chỉ ước ao có được
một đôi giày há mồm
để mang đi chơi
những ngày tết nhất

4.

Đi nhiên bằng cách nào
anh cũng không thể về ngay bên em
(ít ra cũng phải qua mười lăm ngày nữa)
nhưng anh vẫn rạo rức
vẫn hân hoan
bởi nghĩ thời gian đã đem chúng ta xích lại gần
nhau một chút
và ngày mai
trên chuyến xe bus tốc hành
anh sẽ nhăm nhăm từng thước đất đi qua
ừ đông sang tây
nước bạn đồng minh chúng ta rộng lớn.
trước khi về đến phi trường
bắt buộc
dành cho những người Việt Nam về nước

5.

Ngày mai ta đã rời khỏi nơi đây
mà hôm nay ta còn tự hỏi
sao sống ở đây
ta vẫn nghĩ đời ta không phải thế
đời đời ta — đời ta
đau đây — thấp thoáng

6.

Em thấy không, Thụy Châu
phải đứng giữa hai màu trắng, đen
thì màu vàng da ta mới rõ
một màu cho muôn năm
máu chảy?
một màu cho muôn năm
thành bao bọc đựng xương khô?
bởi thế nên trước sau gì thì anh cũng trở về
đà cho không còn em
vì anh trộm nghĩ
dưới mặt trời
thượng đế đã chia khu
cho từng màu da sinh sống

7.

Ta phải sống hôm nay
như ngày mai sẽ chết
anh phải sống bên em
dù nhỏ hơn người thân bởi đây khuôn mặt
ta có thể hóa đen
nhưng chưa từng cạo trắng
không thể xóa hận thù
bằng máu người xối chảy <

Đến Lăng cha cả, Nguyên đậu xe lại, Linh tự
nắm, nó hỏi anh:

— Anh có lên chú không?

Nguyên lắc đầu:

— Không anh phải...

Linh nhìn đăm đăm:

— Anh đi đâu?

Nguyên buồn bã nhìn quãng đường dài ngút
mênh mông:

— Anh chưa biết...

Linh không biết nói gì hơn, nó cúi gằm mặt
nắm đôi giày cũ kỹ của mình. Nguyên vỗ vai em:

— Anh đi!

— Nhớ đến chú nhé!

Nguyên đậu xe không ngoái cổ lại:

— Anh sẽ đến thăm!

Tự nhiên Nguyên thấy lòng mình thất lại.
Nguyên nhìn lên bầu trời trong xanh. Máy bay đã
bay qua đó. Máy bay đã chở mẹ và em gái Nguyên
đi. Nguyên thấy mũi mình cay cay. Nguyên cúi gằm
mặt xuống đạp xe. Tiếng dây sên rảo nghe cọt két.
Hôm nay Nguyên thấy chiếc xe của mình hình
như nặng hơn.

Nguyên đạp xe lang thang hết đường nọ sang

đường kia. Mọi khi Nguyên có tiền như hôm nay
thế nào Nguyên cũng phải ghé vào một xe nước
mía bên đường. Nhưng hôm nay Nguyên không thấy
còn tha thiết gì hết. Nguyên chán nản đến cùng cực.
Đầu óc Nguyên bỗng trở nên hoang mang, mình
sẽ làm gì, mình sẽ ra sao?

Chợt nhớ đến bữa ăn trưa. Nhưng Nguyên
không thấy đói. Nguyên nhất định ghé vào một
tiệm mì, bên đường. Nguyên ngồi xuống ghé hai
tay ôm lấy đầu:

— Cho tôi tô hủ tiếu mì!

Nguyên không biết giả phờ ky có nghe lời của
mình nói hay không. Khi Nguyên nghe tiếng cạch
trém mặt bàn. Nguyên ngẩng lên. Nguyên thấy tô hủ
tiếu mì bốc khói đờ trên bàn, đôi đũa cắm chênh
chéch trong tô, mấy cọng rau thơm một vài lát ớt.

Nguyên uể oải cầm đũa trộn đều, những thứ
đó trong tô, Nguyên thấy những sợi mì sợi hủ tiếu
trở nên nhạt nhẽo, cổ họng Nguyên như nghẹn lại.
Nguyên húp một tí nước lèo rồi đặt tô xuống.
Nguyên không thể ăn được nữa.

Nguyên bỏ giờ tô hủ tiếu mì. Nguyên uống
một ly nước trà, trả tiền đứng dậy. Khi Nguyên
ngồi lên yên xe đạp. Nguyên không biết mình phải
đi đâu.

Mọi khi vào giờ này Nguyên ngồi ăn cơm ở
nhà. Nguyên nhớ món canh cà chua đập trứng mẹ
thường nấu cho Nguyên ăn. Bắt đầu từ ngày hôm
nay mình sẽ là kẻ lang thang. Nguyên nhủ thầm.
Không bao giờ còn những ngày êm đềm trong cuộc
sống gia đình.

Hết, hết thật rồi Nguyên thấy lòng mình quặn
lên, nỗi đau khổ ngấm ngấm từ đêm hôm qua đến
giờ như bị khơi dậy.

Nguyên uể oải đạp xe, từng vòng bánh xe
quay trên con đường dài ngút nằng. Mình sẽ đi
qua con đường này. Qua bao nhiêu con đường khác
nữa. Những con đường chắc chắn nhiều chông gai
trong cuộc sống ngày mai. Mồ hôi bắt đầu vã ra,
chảy r rỉ trên chân tóc trên mặt Nguyên.

Nguyên thầm nghĩ không lẽ mình cứ đi mãi
đi mãi dưới trời nắng chang chang này. Nguyên rẽ
vào một con đường yên tĩnh có hai hàng cây cao
vút: Con đường Chu Mạnh Trinh. Ở đây có
những ngôi biệt thự xinh xắn, buổi trưa không có
huyền ảo. Ánh nắng gay gắt lọt qua lá cây chiếu
xuống mặt đường những đốm sáng vàng rung
rinh. Δ

(trong Báo Rời)

lặng những người bạn lính của tôi trong
Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền.

H. H. THUY

NĂM ẤY, tôi và 12 người bạn lính, ăn Tết
Nguyên Đán trên hải đảo Phú Quốc.

Chúng tôi là những đội viên của "cái gọi là" Đệ
Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền, một danh hiệu
dài lẽ thê thường bị lầm với Võ Tuyền Truyền Thanh
vì được viết tắt bằng những chữ đầu ĐNĐĐVTTT.
Phải gọi đơn vị ấy của chúng tôi là "cái gọi là" mới
đúng, vì nó đã xưa cũ quá rồi — đã hơn 15 năm
rồi còn gì — qua bao nhiêu năm tháng và từng ấy
vị chỉ huy, đơn vị xưa cũ ấy đã thay họ, đổi tên, kẻ
vô, người ra quá nhiều. Đến bây giờ, thực sự nó
được gọi là gì, tôi cũng không biết rõ. Tôi chỉ biết
nó nằm trong Cục Tâm Lý Chiến thuộc Tổng Cục
Chiến Tranh Chính Trị bí mật và người cũ ở đó,
người đã cùng tôi gia nhập nó từ hơn 15 năm xưa,
biện giờ gần như không còn ai. Thiếu Tá Trần Tử
Oai, Trưởng Phòng Năm, Bộ Tổng Tham Mưu
Quân Lực VNCH — ngày đó Trưởng Oai mới là
Thiếu Tá và Bộ Tổng Tham Mưu của quân ta nằm
ở đường Trần Hưng Đạo — đã khai sinh ra Đệ
Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền. Khi tôi
mới chân ướt, chân ráo đến Phòng Năm thì bên
trong đã có mặt Trung Úy Lê Đình Thạch, Thượng
sĩ Tô Kiều Ngân, Thượng sĩ Hà Thúc Cần, Trung
sĩ Hoàng Giác. (Ngày về) Trung sĩ Trọng Khương
(Bánh xe lạng tử) — những cậu Văn Quang, Phạm
Huân, Hà Huyền Chi v.v... những văn nghệ sĩ kaki
hiện giờ nổi danh trong Cục Tâm Lý Chiến thời đó
còn đạp xe máy đi học, làm thơ tình lon nữ sinh ở
những chân trời góc biển nào xa lắm lắm — anh Văn
Thiệt bấy giờ hình như ở cấp Thiếu tá, cùng vào
Đệ Nhất Đại Đội VTTT với tôi một ngày. Tôi còn
nhớ huy hiệu của Đại Đội vẽ hình khẩu súng Tom
Sơn vắt lên cây đàn cò. Đàn cò chứ không phải là
đàn ghi ta, chắc vì ý nghĩa đàn cò mới là đàn dân
tộc trong khi đàn ghi ta là đàn ngoại quốc. Tuy
mang huy hiệu có đàn cò và súng Tom Sơn nhưng
sự thực, chúng tôi không được xử dụng hai thứ vũ
khí ấy. Đàn cò thì không thẳng nào biết gảy còn
súng thì chúng tôi được cấp loại súng Mas 38. Súng
Mas 38 trong thời Đệ Nhất Thế Chiến có thể là một
loại súng tối tân, sau năm 1950, nó chỉ còn được
dùng để gác cửa. Vì là võ trang tuyên truyền
cho nên đi đâu, ngoài việc phải khiêng máy phóng
thanh, máy quay phim, chúng tôi còn phải xách theo
khẩu Mas 38 đạn bắn rơi ra trước mặt. Cũng may,
trong suốt thời gian ở lính, tôi chưa từng đụng độ
với địch lần nào nên chưa bị chết vì "cái gọi là"
súng Mas 38.

Xỏ tay vào áo lạnh, tôi được mang lon hạ sĩ
nhất tức Cai Xếp, lương 1800 không kể vợ con.
Chỉ nửa năm sau, tôi cùng một lô thanh niên
cùng vào đại đội chúng tôi 20 người, được đeo lon
Trung sĩ. Bọn chúng tôi được coi là rường cột của
Đệ Nhất Đại Đội Võ Trang Tuyên Truyền.

Căn cứ đại đội tôi đặt trong một vi la ở đường
làng thứ 19 hay 21 gì đó bây giờ là đường Nguyễn
Huệ, Gia Định. Ở cái vi la trống không có vẻ gì là trại
quân đó tôi đã sống những ngày đầu tiên trong đời lính
tráng: tập đi đặc, dùng máy phát thanh, quay phim,
sống tập thể, báo động giả, cắm trại và gác cổng. Ở
đó tôi đã buồn phiền, đã giận hờn, đã bất mãn và
đã yêu. Đã sống. Nhưng năm về sau, vì la đó
trở thành trường tư thục. Trường Nhân Vị. Nhiều
năm sau có một buổi chiều tình cờ tôi đi ngang
cửa trường. Không còn chút dấu vết gì của trại lính
năm xưa ở đó. Con đường này năm xưa còn hoang
vu, còn đông mả bấy giờ đầy nhà và đầy người.
Tôi bồi hồi nhớ lại tôi của những đêm cuối năm
về khuya trời lạnh, làm xếp bút giữ cổng trại, thức
suốt đêm không ngủ. Với cấp bậc Trung sĩ tôi được
làm Xếp Bút và Xếp Bút được quyền thức canh ở điểm
canh từ 7 giờ tối tới 1 giờ sáng, phần còn lại giao
cho Phó Trưởng Điểm, tức là Xếp vẫn được ngáo
từ nửa đêm tới sáng và đêm thức canh như không
lấy gì mệt nhọc lắm. Xong, người anh em được cất làm
đầu các làm Phó của tôi những đêm ấy biết tính
tôi dễ dãi, nói trước "Anh cứ việc đi chơi, để tôi
gác trước cho. Nửa đêm anh đi chơi vào trại cũng
được...". Tôi biết các bạn muốn được ngủ và tôi
vẫn vậy lòng. Có những đêm tôi đi bộ về Tân Định
vào trại. Được tối om với những hàng cây um
tùm. Cũng có đêm tôi thức canh. Nhưng trước



TẾT LÍNH

Truyện Hoàng Hải Thuy



có một bãi tha ma. Đằng sau trại là một nghĩa địa.
Binh sĩ gác trên lô cốt sau trại nhìn xuống nghĩa địa
ban đêm bảo nhau là nghĩa địa có ma. Nhiều đêm khuya
làm Xếp Bút, tôi thường đi loanh quanh trong trại
cho đỡ buồn ngủ. Tôi leo lên lô cốt hỏi chú binh
nhỉ đang gác ở đó: "Có thấy gì không mấy?" Nghĩa
địa chỉ là một vùng tối đen thấp thoáng những mộ
chỉ bằng đá hoặc xi măng trắng trắng. Chú binh
nhỉ đáp: "Đứng một mình mới thấy anh ơi. Có hai
người nó không ra đâu..." Nghĩa địa là phải có ma,
đó là chuyện thường, nhất là những giờ gác đêm
uớt lạnh gì mưa khuya. Có điều tôi chính mắt
chưa bao giờ nhìn thấy bóng ma nào ở bãi tha ma
trước trại cũng như sau trại.

TÔI cùng tiểu đội rời Sài Gòn vào một buổi sáng
sớm cuối năm. Chúng tôi đi trên hai chiếc
Dodge 4 để xuống Rạch Giá. Khởi hành từ binh
minh ở Sài Gòn, tới 5 giờ chiều chúng tôi mới tới
Rạch Giá. Đường đi mất nhiều giờ vì phải qua hai
con sông Tiền Giang, Hậu Giang. Thời đó lực
lượng Việt Cộng ở miền Nam rất yếu, tất cả mãnh
lực của chiến tranh như dồn cả vào những mặt trận
Bắc Việt. Xe chúng tôi chạy gần một ngày, qua gần
hết phần đất cuối cùng của giải đất hình chữ S mà
không nghe thấy một tiếng súng. Sự có mặt của
địch thời đó trên những con lộ chính của miền
Nam chỉ là những trái mìn đánh quân xa, chiến xa
mở đường. Chúng tôi đi an ninh như vậy cho nên
tiểu đội chỉ có Mas 36 và Mas 38 mà vẫn không làm
sao hết, vì không có địch tấn công nên không phải
dùng tới súng.

Tới Rạch Giá, quê hương của loài hải âu —
hiển nhiên là nó thành phố biển chiều dài 10 km và

đứng nhìn ra khơi thấy có nhiều hải âu bay lượn
trên những tấm lưới đánh cá, dăng phơi hay còn
đính mắc những con cá nhỏ — chúng tôi ngủ lại một
đêm chờ tàu đi Phú Quốc. Tàu đây không phải là
tàu của Hải Quân. Gọi là ghe gần máy mới đúng.
Đó là những chiếc ghe gần máy của Ba Tàu được
Phân Khu Phú Quốc mượn tháng cho lương thực
và binh sĩ đi phép, đi lấy thư cùng vợ con binh sĩ.
Ghe đậu nghe trước Tòa Tỉnh. Buổi tối, nước
ròng, vào khoảng 8 giờ, ghe ra khơi. Những chỗ
nằm dưới khoang quá chật cho đàn bà, trẻ con, tôi
và vài người bạn leo lên nằm trên mái ghe. Đêm
trăng. Ra khơi. Trời biển sáng vàng vạc chỉ có trời
nước mênh mông. Máy tàu nổ sinh sịch và con
tàu như đứng mãi một chỗ không đi. Cảm giác lạ
xa đất liền cũng hay hay vì đây là lần thứ nhất tôi
đi tàu ra biển. Dù tàu không ra tàu và nơi đến
không xa xôi gì lắm, xong cũng vẫn là đi xa đất
liền, vẫn là ra khơi.

Tàu đi một đêm. Sáng sớm, tôi đã nhìn thấy
Phú Quốc. Hải đảo cây trên núi xanh rì. Nhìn xa,
Phú Quốc có vẻ là một hải đảo giàu thổ sản và hiền
hậu. Dưới biển là cá, trên đảo là cây. Vua Gia Long
ngày còn lưu lạc đã từng sống trên Phú Quốc nhiều
năm. Có nhiều hòn đảo nhỏ nằm quanh Phú Quốc.
Vua Gia Long ngày xưa có đặt lò đúc tiền kẽm ở một
trong những hòn đảo nhỏ đó. Người ta nói bây giờ
vẫn còn di tích: những nồi gang nấu chì kẽm, những
đồng tiền đúc hư còn bỏ lại ở trước cửa hang. Trên
đảo Phú Quốc có những bãi cỏ phẳng lý rộng như
cả một cái sân banh tự nhiên nổi lên trên núi, giữa
rừng. Đó là những bãi voi quần. Mỗi năm đến mùa
tinh ái của loài voi, voi đực, voi cái từ khắp nơi trên
đảo theo tiếng gọi của ái tình kéo về đó, chúng quần
thảo ở đó làm cho cây rừng không mọc được. Người
ta còn nói trên núi có một cái hang sâu. Trong hang
có hai thạch nhũ giống hết cặp vú đàn bà. Cặp vú
núi này rỉ nước ngọt ra từng giọt và Vua Gia Long
đã từng ăn trồn trong hang núi đó, dùng nước rỉ ra
từ cặp vú tiên để sống. Có một ngày đẹp trời nào
đó Vua buồn tình, tần mẩn sờ tay vào một cái vú
thứ chơi và vú tiên lập tức tắc tị không chảy nước
nữa. Vua ngại quá không dám đưa tay rộng sờ vào
vú thứ hai nên bấy giờ, trong hang động đó, cái vú
tiên bị Vua sờ vẫn còn nhưng không chảy nước nữa,
chỉ còn cái vú tiên thứ hai chưa bị Vua sờ là còn
chảy nước.

Đó là những chuyện tôi được nghe kể lại trong
thời gian đi thú ở Phú Quốc. Chỉ được nghe kể
nhưng không được lên coi. Phú Quốc có chiều dài 70
cây số và chiều ngang 50 cây số và có một con
đường dài chạy suốt từ Dương Đông tới mũi Cây
Dừa, nhưng từ năm 1946, VC đã chặt cây để
xuống bịt kín con đường đó. Muốn đi thuyền từ
Cây Dừa là nơi tôi đóng quân và có trại tù binh
về Dương Đông, phải đi đường thủy mất chừng
ba tiếng đồng hồ.

Dương Đông là thị trấn của đảo. Ở đây có
chợ, có vựa nước mắm, có dân chúng, có sân bay.
Tiểu đội tôi không đến Dương Đông, chúng tôi đến
Cây Dừa, mồm đất cuối đảo. Gọi là Cây Dừa vì
ở đó có nhiều dừa. Trước kia người Pháp xây một
nhà máy ép dầu dừa ở đó. Từ ngày chiến tranh,
nhà máy này đóng cửa bỏ hoang. Dừa nhiều đến
nỗi sau đó chúng tôi chán không thiết trèo lên cây
hải dừa lấy nước uống nữa.

Năm Quân Đội Trung Hoa Dân Quốc phải rút
khỏi lục địa, một số đã dùng thuyền đi xuống miền
Nam, ghé vào ở nhờ trên đảo ít lâu trước khi về
Đài Loan. Họ ở Cây Dừa. Họ đẵn cây, lấy gạch,
làm nên hàng ngàn căn nhà gỗ ở ven núi. Bấy giờ
tất cả những căn nhà đó đều bỏ không. Có những
buổi sáng, tôi và vài người bạn trong tiểu đội xách
súng đi chơi trong khu nhà hoang đó. Chúng tôi
có cảm giác lạc vào thành phố chết. Khu này có
nhiều nhà rất đẹp. Có những nhà làm cho Tướng
ở có hồ sen, quán nhậu phong, có cây cầu nhỏ nhỏ
cưỡi dòng bắc ngang. Lính Tàu làm cả một sảnh
đường dùng làm nơi hội họp, diễn tuồng. Tòa nhà
này thật lớn nhưng được làm nên toàn bằng gỗ,
không có qua một cây đinh sắt nào.

Quân ta đóng ở Cây Dừa năm đó là để giữ
Trại Tù Binh. "Cảng" này do Quân đội Pháp lập nên
và mới đây, giao lại cho quân đội VN. Đại Tá
Nguyễn Ngọc Lễ được giao quyền chỉ huy Pháo
Khu Phú Quốc, người phụ tá ông là Đại úy Trần
Văn Đạt. Cũng có đêm tôi thức canh. Nhưng trước

đây đều là cấp bậc của các vị thời đó, tức là cách đây hơn 15 năm — Trên núi trong đảo có VC, nhưng lực lượng chúng yếu, không dám ra đánh, dù là đánh trộm. Quân ta cũng không đủ đông để mở hành quân tảo thanh toàn đảo. Đứng ra thì quân ta đóng ở Cây Dừa chỉ có phận sự giữ trại tù binh.

● Trại tù binh thời đó ở Cây Dừa gồm 4 trại. Mỗi trại chứa 4.000 người, tất cả đều là dân ông và có thể nói tất cả đều là người bị quân Pháp bắt trong những cuộc hành quân lớn ở miền Bắc và miền Trung giáp với miền Bắc. Trong số 12.000 tù binh ở 4 trại này, theo sự nhận xét của tôi, có tới một nửa bị bắt oan. Họ là những dân quê không may lạc vào mặt trận, bị quân Pháp bắt gán cho nhân hiệu tù binh và đem đi tập trung cho đến ngày hết chiến tranh.

Công tác của tiểu đội VTTT chúng tôi ở đây thật nhàn hạ. Chúng tôi phụ trách việc tuyên truyền, chiếu phim trong các trại tù binh, kiểm duyệt thư từ ra vào và kiểm soát những phòng Thông Tin bày báo chí, sách của mình trong 4 trại. Có được mấy bộ phim còm mang theo, chúng tôi chiếu hết trong tháng đầu. Không có phim mới thì khỏi chiếu. Chẳng ai đòi hỏi chúng tôi phải làm việc nhiều. Tôi lại có máu lười rất nặng. Buổi sáng, tôi ngủ tới 9 giờ, ngủ đến lúc chân không ngủ được nữa mới dậy. Có những buổi sáng, Đại Tá Lê huỳnh huyet tập thể thao một mình ở sân cỏ. Căn phòng tôi ngủ nhìn ra sân cỏ. Có lần tôi đang ngủ mở mắt nhìn ra thấy Đại Tá ở ngay trước sân, tôi hoảng quá vội lồm cồm bò dậy và sĩ và anh em: «Chúng mày dậy trước không đóng cửa lại. Ông ấy trông thấy giờ này tao còn nằm phây phây ngủ thì chết tao còn gì...?»

Thư từ của tù binh và thân nhân gửi ra, gửi về rất nhiều. Chưa đầy một nhà. Tất cả đều phải kiểm duyệt. Những ngày đầu tôi thấy việc kiểm duyệt thư hay hay nên chăm tới bóc thư ra xem. Nhưng chỉ vài ngày sau là thấy chán. Thư nào cũng chỉ có vài dòng giống nhau, tả cảnh nhà đối khổ, chết chóc. Có những bức thư làm tôi buồn. Thường là thư của em gửi cho anh: «Anh bị bắt đi. Ở nhà chỉ đi lấy chồng khác, cháu bị chết, mẹ bị chết. Nhà bị cháy chẳng còn gì...» Sau khi bị đọc vài bức thư đen tối như thế, tôi dặn các bạn tôi: «Hễ đọc thấy cái thư nào gửi vào báo tin con nó chết, vợ nó bỏ đi lấy chồng khác... thì chúng mày cứ thế tiêu đi. Đừng cho đem vào trại. Tù nó khổ chỉ sống với hy vọng mong có ngày được trở về với vợ con. Đưa cho nó cái thư như thế, nó hết hy vọng nó chết còn gì? Cứ để nó hy vọng còn nhân đạo hơn...»

TÔI và các bạn tôi sống những ngày nhàn nhả trên đảo. Buổi sáng chúng tôi đi chơi lang thang ven biển, đi qua những trại tù, buổi trưa sau giấc ngủ trưa chúng tôi kéo nhau ra biển tắm. Buổi tối bày đặt ăn nhậu, ca hát với nhau. Tôi chỉ buồn có một lúc trong ngày. Đó là buổi chiều, vào lúc chạng vạng tối. Tôi thường ngồi trên tầng đá cao nhìn ra biển, thấy những con sóng lớn như những đoàn GMC theo nhau từ xa chạy vào bãi cát, nghe tiếng sóng biển ì ầm và tưởng tượng đến cảnh giờ này ở Saigon, các bạn tôi đi làm về, vừa tắm rửa xong, sửa soạn đi ăn, đi chơi. Buổi tối là giờ tôi nhớ Saigon nhất.

Tôi có người yêu, hơn cả người yêu, tôi có vợ chưa cưới ở Saigon. Người yêu con nhà lành, hoàn toàn ngây thơ, bị tôi xử ức chỉ biết khóc và lo sợ. Nhớ và viết thư. Ngày viết tới hai ba thư dày cộp — Quân thư chưa phải mất tiền tem — mỗi lần Vague-mestre về Rạch Giá lấy thư đem về cho tôi cả chục lá thư của người yêu nhỏ. Ngày tháng trôi qua, tôi hẹn nâng đến Tết sẽ về nhưng rồi Tết đến, bọn tôi vẫn ở lì trên đảo.

PHÂN KHU có một Phòng Năm. Trưởng Phòng là một ông Trung úy. Tôi tuy là lính Bộ Tổng Tham Mưu nhưng tôi đây, phải làm việc

hăng tiết kiệm, nên tự gây ác cảm và hiềm khích với đương sự. Tôi thấy ông ta dốt. Mà ông ta dốt thật, làm công tác chiến tranh chính trị, tác động tinh thần mà một bài đề cao ta, hạ giá địch làm cầm đề đọc trong máy phóng thanh cho tù binh nghe đương sự cũng không viết nổi. Sau thì ngày đầu tạm vui vẻ, tôi càng ở lâu càng gây nhiều mâu thuẫn với đương sự. Ông Trung úy đâm ra ghét tôi, ông đợi dịp cho tôi một mánh.

Đêm Ba Mươi Tết, chúng tôi được lệnh vào chiếu phim trong một trại tù. Người ra lệnh cho tôi làm việc đó là ông Trung úy nhưng ông ta lại quên không thông báo nên binh sĩ gác trại giam không mở cửa trại cho chúng tôi vào. Tôi bức lắm, toan bảo anh em khiêng đồ nghề về thì ông Trung úy khất khưỡng xách ba toong đến — Ông ta hãy còn trẻ, nhưng xách ba toong là một cái mốt của sĩ quan ở đảo, có thời cả lính cũng bắt chước mỗi anh cầm một cái gậy đến nỗi Đại úy Đắt thấy ngứa mắt phải ra lệnh cấm lính cầm gậy — ông vừa đi nhậu rượu ở đâu về, hơi rượu để tung bưng giọng ông khề nặc. Tôi trách ông thiếu nhiệm vụ và đòi đi về, viện lẽ trời đã tối quá rồi, chúng tôi không kịp căng màn ảnh và sắp đặt máy. Tôi và ông cãi nhau, to tiếng một mánh trước cổng trại tù binh.

Bị mất mặt, đương sự ức sừng, bèn về làm báo cáo khép tội vào tội vô kỷ luật, không tuân lệnh thượng cấp, khàn cấp đưa lên Đại úy Đắt ngay sáng hôm sau. Đại úy Đắt là sĩ quan tốt, gương mẫu và tính nóng như lửa. Vì gương mẫu nên ông rất ghét binh sĩ vô kỷ luật. Vì tính nóng nên ngay sáng mùng Một Tết, ông cho lệnh tập hợp bọn tôi trước sân cỏ, đến sĩ và tôi một chap và ra lệnh đem tôi đi tù ngay lập tức.

Tôi liu liu lên xe đi chịu phạt. Tôi biết tính Đại úy rất nóng, nếu lúc đó tôi dại dột phân trần, nói bướng, sẵn gây trong tay, ông có thể quật tôi năm bảy cái.

Thế là sáng mùng Một Tết năm ấy, ở đảo Phú Quốc, tôi đi tù quân. Tôi đã là hạ sĩ quan rồi. Chiếu luật, tôi chỉ phải ở năm bót gác. Nhưng bót gác ở đây lại ở ngay sân cỏ, tức là gần ngay căn nhà tôi ở. Cho tôi nằm đó chỉ thêm bức mình, chướng mắt, tôi bị đưa vào tận một cái đồn trong đảo cho khuất mắt.

Đồn này có một đại đội trấn đóng. Đại đội trưởng là một ông Thiếu úy trẻ tuổi. Ông ra nhận tôi và khuyên nhủ tôi vài câu, đại khái: «...mình là Trung sĩ tại sao lại đại cái lộn Trung úy. Dù ông Đại úy có thương nhưng ông cũng cứ phạt vì ông Trung úy đã báo cáo...»

Thế rồi, tôi thấy trong bót gác của đồn, nơi tôi phải ở mấy ngày tù, xuất hiện một ông Trung sĩ. Ông này người Bắc, đã có tuổi và tôi đã gặp ông vài lần ở ngoài Phấn Khu. Ông vui chuyện, nhận họ với tôi và sốt sắng mời tôi đến nhà ông ăn bữa cơm trưa nay với gia đình ông... «Chẳng mấy khi Tết nhất v» Ông Thiếu úy Đại đội trưởng cũng nhà ymời tôi ăn cơm trưa với ông nhưng thấy ông Đại đội sốt sắng với tôi quá, ông nhường hẳn hạnh mời tôi ăn bữa cơm đầu tiên trong năm cho ông Đại.

Từ Phấn Khu ngoài bờ biển vào đồn quân này xa chừng 3 cây số. Tôi tôi đây được một lúc thì đại viên của tôi cũng tới nơi. Anh em định mang cơm từ ngoài đó vào cho tôi nhưng tôi cho họ biết là anh em cứ yên trí, tôi đã có người mời ăn trưa nay rồi, trịnh trọng mời nữa là khác, tôi kiêu hãnh ra cái điệu là đi đến đâu cũng có người mến, đón rước v».

Anh em bèn ra về. Và trưa mùng Một Tết ấy, tôi nằm khàn ở bót gác, đợi mãi đến bốn năm giờ chiều cũng chẳng thấy mặt mũi ông Đại mời ăn cơm xuất hiện. Thì ông ta mầu mẽ cỡ bạc. Sau khi từ giả tôi, ông xà vào một đám bạc và vì thua, ông mãi gõ, quên cả về nhà ăn cơm và quân bếng cả ông khách quý là tôi dúi meo nằm chờ ông rước đi đón.

Trên đảo Phú Quốc một cái Tết cách đây 15 năm cái bị tù bị nhốt đói cồn hết ngày mùng Một.

Ông Đại Xạo, ngược, tránh mặt tôi luôn. Sáng mùng Hai Tết, Đại úy Đắt một mình lái xe Jeep tới thăm tôi. Ông cũng an ủi tôi đôi câu đại khái như ông Thiếu úy đã nói: «Tại sao mình là Trung sĩ mà lại đi ăn thua với người ta là Trung úy v»... Rồi ông bảo với ông Thiếu úy Trưởng đồn cho tôi vào nhà ở, khỏi phải nằm bót canh tang thương. Ông Thiếu úy mời tôi vào ở chung nhà với ông cho đủ số 4 ngày tù. Kể cũng hách...

TRONG quân ngũ, việc ở tù thật khó tránh. Ít nhất đó là nhận xét của riêng tôi. Ở lính hai năm, tôi bị tù chừng 60 ngày. Lính thì nhiều thứ tù. Có thứ tù chỉ phải ghi vào hồ sơ cá nhân, có thứ tù nằm phây phây ở bót gác, có thứ tù phải đi nằm ở nhà tù của Đệ Nhất Quân Khu, có thứ tù vào khám Chí Hòa hoặc Quân lao. Tôi đã thường thức đủ thứ tù lính, trừ tù Chí Hòa. Ngày tôi ở lính chưa có Quân lao.

Chừng nửa tháng sau Tết, tức là sau lần tôi bị phạt tù ở Cây Dừa, chúng tôi có lệnh dọn đồ xuống tàu về Saigon. Có lẽ vì thấy tôi ba gai quá nên thiên hạ cho tôi về cho được việc, có để tôi ở lại tôi cũng chẳng chịu làm gì; phạt tù nửa thì phiền, sợ mất lòng Thiếu Tá Trần Tử Oai, vì tôi là lính của Thiếu Tá Oai, đến địa phương công tác. Bỏ tù lính của Thiếu Tá Oai tức là làm bi mặt ông. Chỉ có cách cho tôi về là tiện nhất.



Ngày rời Cây Dừa, tôi lên chào Đại úy Đắt. Ông trao cho tôi một phong thư cầm tay về đưa cho Thiếu Tá Trần Tử Oai. Tôi biết thư này thế nào cũng nói đến tôi và vụ tôi bị tù ở đây nên xuống tàu, tôi bóc thư ra coi trộm. Đúng như tôi nghĩ. Trong thư Đại úy Đắt viết rằng tôi là một trung sĩ có nhiều khả năng, làm việc tích cực, sẽ đi xảy ra vụ tôi bị phạt là vì có hiềm khích với một sĩ quan.

Thế là tôi yên trí về Saigon. Về tới trại Đại Đội, nơi hơn hai tháng trước tôi lên xe ra đi, người ta hỏi tôi: «Chết mày rồi. Thiếu Tá giận vụ mày bị tù lắm. Mày là thằng lính đầu tiên của ông ấy đã công tác xuống địa phương bẻ bối để cho địa phương bỏ tù... Thế nào ông cũng phạt mày ít nhất là 15 củ nữa...»

Nghe anh em dọa, tôi cũng hơi lo. Sự thật thì tôi không muốn làm mất lòng Thiếu Tá Oai. Ông đối với tôi thật tốt. Về tới trại lúc 6 giờ tối, tôi bị giữ lại ngay trong trại không được về nhà để sáng sau, theo ông Đại đội Trưởng lên trình diện Thiếu Tá Oai. Nguyên do chỉ vì tôi bị tù ở Phú Quốc.

II giờ trưa, tôi được đưa vào văn phòng Thiếu Tá Oai ở Bộ Tổng Tham Mưu. Lúc đó, tôi còn nguyên râu ria — tới đảo, tôi để râu trông rất quái dị — còn nguyên áo trận, mũ sắt. Thiếu Tá Oai mặt rất lạnh, bảo tôi trình bày nguyên do tôi bị phạt ở đảo.

Tôi bèn, trước hết, đệ trình Người bức thư tay của Đại úy Đắt. Bức thư vô cùng quý báu với tôi. Người bèn đọc và tôi bèn thấy mặt người người người. Trong lúc ông Đại Đội Trưởng của

tôi — quá sợ Thiếu Tá Oai, — đứng ngay đơ cán cuốc — ông ta còn sợ bị liên lụy cả với tôi nữa — tôi đang hoảng hốt bỏ mũ sắt xuống bàn, đứng nghỉ và kể về một thiên truyện ngắn do tôi sáng tác ra về vụ tôi bị tù oan ở đảo. Trong truyện ngắn ấy, tôi là một quân nhân gương mẫu, vì tuân lệnh của Thiếu Tá Trưởng Phòng Năm, vị chỉ huy trực tiếp của tôi, nên tôi bị thù ghét. Nguyên vì Thiếu Tá Oai có dặn chúng tôi phải bảo vệ máy móc đem theo, ông Trung úy ngoài đảo lại cứ bắt chúng tôi đem súng ra hàng rào tập trận giả. Bọn tôi, vì phải bảo vệ máy móc theo đúng lời dặn của thượng cấp, nên đến nơi chỉ định chạm, nên tôi bị ghét v.v..

Tôi còn nhớ từng lời buổi sáng đó. Thiếu Tá Oai hỏi tôi :

— Tại sao lại bị người ta phạt tù ?

Tôi đáp :

— Thưa Thiếu Tá... tại vì ông Trung úy ngoài đảo ông ghét tôi...

Tôi lại bị ông hỏi :

— Tại sao người ta lại ghét ?

Khi bị hỏi câu này, tôi thấy trong bụng sôi sục rồi, tôi nghĩ không chừng phen này mình bị tù nữa cũng nên. Đẳng nào cũng bị tù nữa, mình nên tỏ ra hách hách một tí. Tôi bèn, rất chừng, trả lời ngang :

— Thưa thiếu Tá... có nhiều người, người ta ghét mình mà mình không biết tại sao...

Thiếu tá Oai ghét những thằng khúm núm nhưng được cái ông khoái những thằng làm được việc dù có ba gai một tí. Nói xong câu đó, tôi chờ đợi một là ông an ủi tôi, hai là ông ra lệnh cho Đại Đội Trưởng đưa tôi về tù thêm năm. Bấy giờ này. Tôi thấy ông không hỏi vặn gì tôi nữa, ông nói với ông Đại Đội Trưởng của tôi :

— Làm một cái văn thư gửi đi khắp nơi. Nói rằng từ giờ trở đi lính của tao tới đâu, làm điều gì bậy, phải báo cáo về để tao phạt chúng nó. Không được phạt lính của tao ở địa phương như thế này nữa...

Ông Đại Đội Trưởng của tôi vâng dạ còn tôi thì sướng mở cờ trong bụng, thế là tôi thoát rồi. Quả nhiên, Thiếu Tá Oai quay lại an ủi tôi đôi câu, tôi bèn biểu diễn một bộ mặt râu rí để tạ ơn :

— Thưa thiếu Tá... tôi chỉ vì nghe lệnh của Thiếu Tá nên bị người ra phạt tù mất mấy ngày. Bấy giờ tôi được Thiếu Tá bảo vệ thì tôi đã bị tù oan mất mấy ngày...

Thiếu Tá Oai rất sành tâm lý. Ông hiểu tôi muốn yêu cầu gì ngay, không cần hỏi tôi muốn gì, ông bảo ngay ông Đại Đội Trưởng, người vẫn đứng nghiêm cứng ngắc vì chưa được lệnh cho nghỉ :

— Cho nó nghỉ phép 15 ngày...

Tôi có tật được voi đòi tiên, bèn thừa thắng xông lên mà nheo thêm :

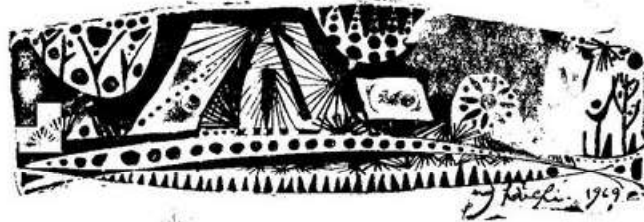
— Thưa Thiếu Tá... Tôi từ Hà Nội vào đây đi lính dưới quyền Thiếu Tá... đã lâu lắm không được về thăm gia đình — (thực ra gia đình gồm bố mẹ anh em tôi ở cả Sài Gòn) — nhân dịp nghỉ phép này, xin Thiếu Tá cho tôi về Hà Nội...

Thiếu Tá bèn nói với ông Đại Đội Trưởng của tôi :

— Làm cho nó cái giấy máy, bay cho nó về Hà Nội mười ngày...

BẤY GIỜ, khi kể lại chuyện này, tôi thầm cảm ơn Đại úy Trần Vĩnh Đạt, Thiếu Tá Trần Tử Oai. Khi các ông lên Tướng, tôi không có dịp nào để được gần hai ông nhưng lúc nào tôi cũng có cảm tình riêng với hai ông. Bởi vì các ông đã đối với tôi thật tốt. Tôi chỉ là một anh Trung sĩ quèn thôi, nhưng ngày tôi ở lính, các ông vẫn nhìn thấy ở tôi một thằng người, một thằng người cần sự tử tế, cần lời lẽ ngọt ngào, cần an ủi và khuyến khích, nếu không thằng người đó sẽ khổ, sẽ hư và các ông đã tử tế với tôi, đã ngọt ngào, an ủi, khuyến khích tôi ngày tôi ở lính. <1

TÂN VY



một đoạn đường

Cùng với bước chân chiều phủ với cơn mưa.
Trên cao kia là miền thanh bình mộng tưởng.
Nhưng âm vang vùi lấp dưới tàn cây, đó là lời
kính cầu mỗi lần sau tội ác che giấu dưới
những luồng mưa bão và những trùng sóng
Từng lớp một, mỗi người ngỡ ngàng trời dạt
ra ngoài mặt vùng buồn bã, giữa khắp lối đi
Cơn gió lảng quên trả về thành phố.

Mỗi tình nào, của tiếng thờ dài, sự yên tĩnh
của mọi phản kháng và thách đố
Mà màu nước mắt đã hóa mù sương.
Những cảnh khổ lạc lõng trên phố dài hun hút
Khế ước sao lục trong hàng triêu lá vàng.

Nha Trang vùng cô liêu những ánh mắt
ngóng trông.
Lóng lánh những hạt sương, lời hoa thầm kín.
Thời gian tung cánh vô không ngừng.
Mang vóc dáng khối âm ảnh chia lìa đã sẵn từ
thuở nào

Gió hồi tưởng âm thanh dĩ vãng.
Biên cả đem mặt trời đến với tôi, niềm bí mật
Đại dương.

Cùng sự tìm kiếm trong thành phố.
Định mệnh rình rập trên cơn tàu.
Buổi chiều trời bỗng bẽnh.

Nhớ gì không Nha trang, những năm tháng
biết thư từ.

Đánh giá bằng sự thần nhiên, quyền biến đôi
chuyển động lòng sâu
Mới biết vì sao chưa một phút người ngoài,
Khiến xui những vì sao biệt dạng
Những mảnh tã toi cuộc tình lay lắt.
Những thoáng chết, những ngày sống hôn chôn

Đáy hoàng hôn, mỗi vực thăm đó là...
Anh có thể hiểu vì sao tình chưa dứt.

Nha trang, khăn tang mây phủ trên đỉnh tháp
cô đơn.

Điêu hiu bốn biển lòng thương nhớ.
Vực sâu sự thật nhá nhem.
Trái tim khóa lấp chày khoảng trống.
Những bài thơ tình anh dành tặng cho ai.
Bài thơ đó không tình cờ khởi sự nổi thất vọng.
Tôi choáng váng xây xẩm mặt mày, lừa bưng
lên, bây giờ kinh hãi thức giấc.
Ngỡ lòng gỗ đá, giấc mơ nào nửa đêm
bàng hoàng
Tôi nhìn thấy gì, anh đã mất tăm trong một
đời sống khác.

Vết thương sâu ray rứt, mạch nước ngầm.
Chân cầu đồ, nước về ngủ trong mắt ngó.
hoang vu.

Trên kia lưng lờ làn khói lam mái nhà ai trong
chiều tà.

Có nghe chuyến tàu ấy qua đây.
Giăng trời sương bụi thấp chông chênh xám
Giữ lại cùng ta mỗi sầu ngắt ngày.
Buồn hắt hiu cô biếc.
Lưng trời đôi cánh chim.
Đôi mắt kẻ ở ngó theo thân thờ.

Viên mi khép, thu vàng lá đỏ.
Mưa xa xào xạc, thân trút cành khô đen.
Từng nhánh xếp thêm bóng tối cho con đường
Ngổ lấp kín hơi thở.
Vườn mang lá chẳng to.
Rào gai như thay mỗi nghi ngờ đã sẵn.

Một ngày nào bầu trời sẽ ru lắng xuống.
Chính sự lắng quên sẽ được quên.

Trên bãi vắng bước chân bắt chụp những thời
khác xa lạ.

Trong biển cả cuồng phẫn nộ, đời người.
Sóng khác xưa, khi tôi là người khác.

Soi mặt thực tế buồn rầu.
Nỗi vui lẫn đi thần nhiên, những bông mơ ước
Gặm nhắm cái chết nổi trời ngoài tầm với.

Bàn kín thân phận bọt bèo
Sóng xô nhanh, tạo dựng mùa bão bùng
Giòng sâu trôi luôn thời ước mơ.

Rong tấp bờ, chum kỷ niệm héo, ảnh tượng
con đường suốt chiều tà, trong tôi vô
vân ăn năn

Sóng đập từng cơn, sóng lại rút xa.
Không gian tím, chiếc bóng nào còn đồ xuống
hồn tôi.

Hoa nở về lòng, cơn mưa trắng xóa.
Một chút tình cũng vượt khỏi đôi tay.

Ấu thời trong khu rừng lan bốc cháy.
Vùi tro tàn dưới cát với tính danh bị lãng quên.
Ngổ chính mình rung rung nước mắt...
Giấc mộng hoang monh manh giữa trời rộng
trải vãn quanh quần đầu đầy, nỗi buồn
vô cơ

Mưa vuốt mặt cơn đau triền miên.
Khoi cuồng phong trong những lúc biển say.
Rượu nồng đầy biển sao còn vương vãn

Cánh tay môi những lần với lên cao.
Bắt huyệt thỉnh không, sương soi phần mộ.
Nhật nguyệt soi quanh ngày tháng.
Nhen nhúm lửa rực rỡ mộng ảo đêm đêm.
Nha trang, đời sống đã trở nên cách quãng.
Anh rời bỏ nỗi quen thuộc gọi dậy trong lòng
tôi, u ám giăng trên vùng lạnh lẽo.
Giấc mơ này mộng lung những tiếng kêu quá
khứ, vẫy bọ hình dáng êm đềm mà tôi
dừng đứng.

Mỗi tình đó, tự kể liều hay phải gấp gờ lại
khi đã mệt mỏi thả lỏng dần.

Thời kỳ này tôi sống không nghĩ ngợi gì.
Nha trang, mùa mưa sâu thăm, tôi để
đầu trần dưới mưa đi tìm dấu chân cũ.
Anh có thấy, cơn mưa trên mặt biển, cơn mưa
lâm rung rẩy giấc mộng lạc loài

Nha trang, anh có thấy hình ảnh của một con
tàu đắm, thành phố bắt đầu rửa dần
dấu vết anh mà tôi say đắm bấy lâu.
Mùa mưa, mùa mưa, tiếng nhạc ầu ầu
vội lấp.

TAM TRĂM ĐỒNG hai cột báo bốn phần. Đó là giá tiền những giòng chữ đáng nhẽ thân nhân mà Phùng đã làm theo lời ủy thác của Huy lúc Huy chết, báo cho chị hẳn biết là hẳn đã không còn. Ở tòa báo ra, Phùng nhìn đồng hồ mới thấy hơn chín giờ. Gã tha thân trên những đường phố buổi sáng. Nâng mới lên ở những ngôi nhà nhiều tầng đang xây cất. Thành phố có vẻ bề bộn như một hộp đồ chơi trẻ con đang bỏ dở. Những chiếc xe ủi đất. Những cần trục. Những lớp tường đang trát vừa nửa chừng. Tất cả đều mang một vẻ trời dấy hấp tấp của một nước đang vươn lên. Một vài chiếc xe quân đội nổi đuôi nhậu đi qua mặt lộ, huyết còi rầm rì. Những tiếng động cơ phần lực siêu thanh xẹt qua bầu trời, thấp thoáng đâu đó bóng dáng những bộ quân phục ta. Mỹ hay Đại Hàn, Ngăn ấy cảnh tượng cũng chẳng thể làm xao động được cái bề ngoài xa hoa và đang điểm của thủ đô Saigon. Saigon là một nước Việt Nam thứ hai. Phùng đã đi vào với những cảm nghĩ xa lạ của một người ngoại quốc mới đặt chân lên đây lần đầu. Phùng nhớ đến một bạn đồng đội khi đi phép về đã nói:

— Đứa nào trở về Thủ Đô cũng mang cái mặc cảm thua kém. Nhìn một thằng con nít cũng thấy nó văn minh hơn mình. Phùng cho rằng lời nhận xét đó hơi quá đáng, cho dù cũng phản ánh được phần nào tâm trạng của kẻ mới ở vùng địa ngục trở về.

Qua một tiệm phở nổi tiếng, Phùng định ghé vào nhưng thực khách quá đông. Những mái tóc, những màu áo, những khuôn mặt, những khổ người, chen chúc, ồn ào, hỗn loạn, tất cả gây cho gã cái cảm giác rứt rứt. Gã bỗng nhận ra mình là một kẻ xa lạ đối với quần chúng Saigon. Ngoại trừ gia đình anh chị Soạn, ở đây gã không quen thuộc một ai, không quen thuộc cả với nếp sống của mọi người chung quanh. Điều đó khiến gã thấy chuỗi ngày nghỉ của gã chứa chất một khoảng trống một mối. Gã đứng tần ngần ở bên vệ đường và gã nhớ giọng nói tiếng cười của các bạn đồng đội mới cách kinh khủng. Một chiếc xe buýt trở tới. Hai ba người đồ xuống. Gã thủng thẳng leo lên không dự định. Chiếc xe lắc gập rồi chạy đi. Đứng cạnh gã là một ông già. Cạnh ông già là một cô nữ sinh. Cạnh cô nữ sinh là một ông già nữa rồi mới tới hàng ghế, có bà mang bầu ngồi cạnh một cô bạn áo Tầu. Chiếc xe chạy theo một quãng nữa thì lại ngừng. Không có ai xuống, cũng chẳng có ai lên. Người soát vé thò một tiếng còi ngắn. Chiếc xe lăn đi được vài chục thước lại đứng lại vì kẹt xe. Phùng mở cửa bước xuống, gã đứng giữa một rừng tiếng động cơ và khói sặc sụa. Tất cả mọi người trên xe buýt đều nhìn về phía gã. Gã gơ tay chào nhưng chẳng có ai đáp lại. Gã chỉ thấy đôi mắt của cô nữ sinh như đen thêm và long lanh sáng. Bỗng nhiên gã thấy lòng rung động. Nhưng một tiếng còi xe chất chứa làm gã giật mình, và lách vọt lên vỉa hè. Một vài cái nguyền của những bác tài xế ném vào mặt gã. Gã lùi thối bước đi. Bỗng nhiên gã khám phá ra rằng tay sáng già mới hút một điếu thuốc lá. Gã vui mừng móc một điếu thuốc ra châm như gặp một bạn cố tri. Khói thuốc bay tán mạn trong không khí. Gã hít thật dài cho thây phổi căng lên. Lần đầu tiên trong buổi sáng hôm nay gã cảm thấy khoan khoái. Gã yêu đời trở lại và lầm nhẫm ca một khúc hát quen thuộc. Gã đi ngược lên mạn chợ Bến Thành. Và gã ngồi nghỉ chân trong một ghế đá trong công viên. Xe cộ chạy quanh gã theo hình vòng tròn. Những người bộ hành tha thân cũng đi thành hình vòng tròn. Gã ngắm thả cửa những cặp tình nhân Việt Mỹ trước mặt. Một lát, gã mua năm đồng mía, gã ăn mía rồi gói vào một túi giấy dầu nhét được. Lúc đứng dậy, gã bỏ cái túi vào một thùng rác đúng ở một góc cây. Một người cảnh binh bỗng quay lại nhìn gã chăm chú. Rồi ông tiến lại gần. Thân kinh của ông ta có vẻ căng thẳng. Ông ta đòi gã cho xem giấy. Gã lần trong túi áo sơ mi trắng lấy ra tờ giấy nghỉ phép và thể quân nhân. Trong lúc ấy ông ta thò tay nhấc túi giấy đưa lên như trước trước sức nặng của nó. Cái túi nhẹ tênh hính làm ông mỉm cười xin lỗi. Bấy giờ mìn của quân khủng bố thiếu gì. Báo hôm qua đăng plastic nổ ở khu Gia Định. Chỉ có mỗi một điều đó là mìn cho Saigon trở nên mất đi trong đôi lúc cái vẻ thanh bình giả tạo. Và chỉ chừng kiến tận mắt những cái trường xụp xuống bành gẫy văng ra, người ta mới ý thức được sơ qua thế nào là bom đạn là chết chóc, là dụng cụ giết người đang được sử dụng trên khắp mọi chiến trường. Nhưng rồi những

TRONG CUỘC,



NGOÀI CUỘC

người vô sự lại tiếp tục công việc hằng ngày của họ. Bình thản. Rừng rậm. Như tai họa không phải xảy ra cho mình. Phùng bên lên chào người cảnh binh rồi theo lên sống người đồ qua đường theo dấu hiệu của ánh đèn xanh. Bấy giờ gã lạc vào trong chợ và gã đụng ngay phải một cặp vợ chồng mới ở đó bước ra. Người đàn ông reo lên:

— Phùng!

Phùng sững sốt nhìn kỹ lại. Trí nhớ kém cỏi của gã không cho gã nhận ra người lạ mặt. Nhưng người đàn ông đã nắm lấy tay gã rồi rít:

— Trời ơi! Trung sĩ không nhận ra tôi sao.

Bảo đây mà. Bảo mồm ngày xưa đó...

Phùng à lên, một tiếng ngạc nhiên rồi cũng hân hoan không kém. Gã nắm lấy tay người lạ mặt rồi lắc mạnh:

— Chà! Cậu Bảo mà tôi không nhận ra. Sao

cậu trông bệ vệ như một công chức hạng bự như thế này chứ.

Bảo mỉm cười mãn nguyện và quay về phía một người đàn bà trẻ đứng ở bên cạnh chăm chú nhìn Phùng. Hân nói:

— Đây là Bà xã của tôi đây.

Phùng trở mặt ngạc nhiên. Gã nhìn Bảo như dò hỏi. Bảo vội vàng cắt nghĩa.

— Bà trước chế mình rồi. Hai đứa thôi nhau từ hai năm nay. Còn đây vợ mình mới cưới hơn một năm.

Phùng cúi đầu chào. Người đàn bà mỉm cười chào lại. Vành môi đỏ chót. Cặp mắt đánh thâm quầng. Lốp phấn trắng không che được hết làn da đen và sần. Nhưng thân hình của nàng thì thật tuyệt diệu. Bộ ngực căng phồng sau lần robe màu hồng nhạt. Ở chính giữa ngực áo, một mặt ngọc đính kim cương phản chiếu lấp lánh. Bảo hỏi:

— Bấy giờ anh làm ăn gì chưa? Giải ngũ chưa? Có vợ chưa?

Phùng đáp:

— Tất cả đều chưa hết.

Bảo tròn mắt ngạc nhiên:

— Thế nghĩa là ông anh vẫn còn ở trong quân đội đấy hả? Hành quân đều đều hay sao mà hèn chi đen dử.

— Thì mới nghỉ phép được hai ngày.

— Có mục gì không?

Phùng lắc đầu. Gã đoán ông bèn quay lại phía vợ nói:

— Thảo đi mua nốt đồ rồi ra xe, anh chờ ở đây nhé.

Người đàn bà gật đầu. Bảo kéo Phùng lách

qua đám đông. Một lát hẳn dừng lại trước cái xe tuyệt đẹp và mở cửa cho Phùng cùng lên ngồi.

Lúc châm mồi Phùng điếu thuốc lá Mỹ. Bảo mới nói:

— Chỗ cậu tôi mới nói, chắc hồi tôi đi rồi, thì sau đó cậu cũng biết chuyện của tôi.

Phùng gật đầu:

— Có, tụi nó có nói.

Bảo gật gù:

— Đúng đây, sau cái đêm từ già cậu ở Kontum, mình phải dời về Hậu Nghĩa, rồi đi Long An, Tây Ninh, Cà Mau. Hành quân quá trời và chết dữ quá làm tôi không còn một chút tinh thần gì nữa cả. Thế là nhân duyên đi phép về Sài Gòn, tôi đào ngũ luôn.

— Làm sao thoát được cho tới bây giờ?

— Hừ! Với thằng Bảo này mà cậu còn hỏi cái đó. Sài Gòn đông như kiến cỏ. Tôi lại nằm bẹp một chỗ trong suốt một năm. Sau đó thì bắt đầu dùng cần cước giả mạo. Mình đứng chường mặt vào một vụ gì phi pháp để lòi thời với pháp luật thì sức mấy mà bị nhận ra.

— Thế nghĩa là bây giờ cậu cũng vẫn bất hợp pháp?

Bảo nháy mắt mỉm cười không đáp lại. Trong cái vẻ thản nhiên đó, Phùng thấy rõ những nét khả ố. Gã không tìm lại được một chút cảm tình từng hậu nào mà ngày xưa đã dành cho Bảo. Hồi đó hai người ở chung một đại đội và đã dự chung nhau nhiều trận đánh. Bảo có nhiều tính xấu, nhưng nói chuyện rất hấp dẫn và có duyên. Điều đó khiến Bảo trở thành một cái đinh giải sầu cho anh em đồng đội trong những thời gian lặn lội hàng tháng trời ngoài trận địa. Ở đó, Phùng đã cứu Bảo thoát chết hai lần. Một lần Bảo xà vào ngòi dưới một gốc cây đầy bóng mát sau một chặng đường hành quân mệt nhọc. Phùng đẩy Bảo lăn xuống bờ mương kịp thời trước khi quả mìn gài ở đó phát nổ. Lần thứ hai là lần Bảo lợi xuống tắm rồi bị nước cuốn đi. Phùng liều mạng lao ra giữa giòng và nắm được cổ tay của Bảo. Hai người bị trôi xuống xuôi theo giòng hơn một trăm thước. Cuối cùng Phùng túm được một rễ cây và nhờ đó cả hai thoát chết. Thành ra đôi với Bảo, Phùng là ân nhân. Nhưng ngược lại, Phùng quên ngày Bảo từ khi được tin hẳn đi ngủ. Khi đó, Phùng chẳng buồn mà cũng chẳng vui. Gã tôn trọng tự do của tất cả mọi người. Còn nguyên nhân liệu mình để cứu Bảo thì Phùng nhận ra không phải vì mình có cảm tình đặc biệt với Bảo, mà chính là tinh thần đồng đội đã thúc đẩy Phùng làm chuyện

đều. Xong thì thôi. Ngoài trận địa, sự cứu nguy bạn bè thoát khỏi những cái chết bất ngờ chỉ là những chuyện tầm thường. Nhưng Bảo thì biết điều, hẳn nhớ dai hơn và vẫn mong có dịp tỏ lòng cảm ơn đối với Phùng. Hẳn ngầm nghĩa bạn trong bộ đồ dân sự cũ kỹ rồi mỉm cười bằng quơ. Phùng đùa:

— Cậu không sợ tôi phản thù đi tố cáo cậu hay sao mà đối với tôi tự nhiên như vậy nhỉ?

Bảo mỉm cười:

— Với ai thì Bảo này sợ chứ đối với Phùng thì không.

— Như thế thì cậu còn ngại thơ lắm.

— Tình đời thì đúng hơn. Tim gan cậu thế nào thì cũng đã rõ hết cả rồi.

— Thời gian làm tôi đổi khác đi rất nhiều rồi.

— Ở thì cho là cậu phản thù có tố cáo đi chẳng nữa thì Bảo này có chết về tay Phùng cũng chẳng ân hận gì nữa cả.

— Chỉ tình quá nhỉ.

— Sao lại không. Cậu cứu từ tôi những hai lần. Trong khi tôi chỉ có thể chết được một lần thôi. Như thế tôi còn nợ cậu ít nhất là đến kiếp sau mới trả hết.

— Nói vậy thôi chứ. Anh em gặp lại nhau là quý. Bây giờ làm gì mà có vẻ giàu sang quá thế?

Bảo mỉm cười:

— Chẳng có tài cán gì đâu. Nhờ vợ hết cả đó. Bây giờ tại tôi có một cái Bar khá đông khách. Còn những affaire phụ ngoài nữa không kể.

— Thế thì thành triệu phú đến nơi rồi.

— Ủ thì cũng mất mặt với bà con. Bây giờ cậu có cần gì tôi giúp thì cứ nói. Kể cả phương tiện giúp cho cậu rút bỏ cuộc sống hải-hùng mà cậu đang sống đó đi.

— Thế là cậu lại cũng định khuyến khích tôi đào ngũ đó hả?

— Nếu cần! Chẳng lý tưởng cái chỗ gì đâu, thời buổi này dứa nào chết dứa ấy thiệt.

Vừa lúc ấy, vợ Bảo ồm một gói đồ về tới. Bảo xuống mở cửa xe rồi nói:

— Bây giờ anh đưa em về nhà rồi cho anh libre với anh bạn cố tri của anh cho đến tối anh sẽ ra Bar luôn em nhé.

Phùng nghe nói chưa kịp từ chối thì Bảo đã quay về phía gã nói tiếp:

— Thôi chuyện làm ăn lâu dài hãy gác qua một bên. Hôm nay tôi phải bắt cóc cậu suốt một ngày để thỏa lòng mong nhớ cái đã. Rồi hạ hồi phân giải.

Nói rồi Bảo mở máy cho xe chạy. Cái xe nổ êm ru, lướt qua những đường phố đông. Bảo đưa vợ về nhà rồi dẫn Phùng tới một căn phòng rất sang trọng ở một Builking vùng Phú Nhuận.

Hắn giới thiệu:

— Đây là căn phòng tại tôi dùng để tiếp những khứa cần dao dịch để chạy affaire. Cậu thấy không. Tiệc nghỉ thật là hoàn toàn. Tủ lạnh, máy lạnh, vô tuyến truyền hình, rượu tây và muốn kêu em út thì bất cứ giờ nào cũng sẵn sàng. Căn buồng mé sau cánh cửa kia thật là một chỗ lý tưởng để mà ái hỉ. Ông bự nào vô đây ra cũng lấy làm hài lòng.

Phùng nói:

— Về cái khoản đó thì tôi lại không ưa mấy.

Bảo cười:

— Không ưa mấy tức là cũng có ưa. Đề rồi tôi kêu cho cậu vài em thật thơm. Cậu sẽ thấy bỏ qua thì sẽ hối hận cả một đời người, nhất là cậu cả năm bị bõm ở trên suối trên rừng, không trả thù cuộc đời thì còn chờ đợi cái quái gì nữa.

Phùng mỉm cười:

— Ấy vậy mà tôi lại thấy không khí của núi rừng dễ thở hơn ở Sài Gòn này nhiều lắm đấy nhé.

— Thì nào tôi đã dụ dỗ cậu đào ngũ trở về đây ngay mà cậu phải lo lắng. Cậu nhớ là thời gian này cậu đang được nghỉ phép. Cậu có quyền đập nát cái không khí rồi bỏ này ra. Rồi tới ngày hết hạn thì người anh em cũ việc trở lại làm nghĩa vụ của người trai thời khôi lửa, nào có ai cấm đâu,

Phùng không đáp, ngồi ngả dài trên tấm ghế

nệm thật êm. Gã thấy cơ thể rã rời. Mười lăm phút gặp Bảo, Phùng thấy mệt mỏi hơn cả một ngày phải đi hành quân. Gã cố hình dung lại hình ảnh của người bạn đồng đội ngày xưa. Hồi ấy Bảo nhanh nhẹn, gọn gàng và hùng dũng hơn thế này nhiều lắm. Bàn tính xưa của hắn lại rất vô tư lý. Có thể chuyện gì cho dù buồn đến đâu, hắn cũng tìm ra được một khía cạnh khôi hài để cười với anh em. Chung quanh Bảo lúc nào cũng có tiếng cười. Sống với Bảo được gần hai năm thì Bảo xin đổi về đồng bằng. Gã không chịu được khí lạnh của vùng cao nguyên và bệnh tê thấp của hắn bắt đầu tái phát. Thật ra Bảo đã affaire với một ông chủ quen biết nhiều, để xin được về văn phòng. Nhưng công việc trực trực sao đó nên hắn bị đi Hậu Nghĩa, rồi tiến dần ra những mặt trận vùng Hậu Giang. Bảo nói:

— Cả đại đội của tôi trong vòng hai tháng chỉ còn sống sót có tám thằng. Nhưng tại nó còn chết dữ hơn, có trận xác khiêng về chôn kín cả một cái sân banh. Thật là ghê rợn. Phải được nhìn qua cảnh đó mới thấy cuộc chiến tranh của đất nước mình khốc liệt và vô lý đến như thế nào. Đáng lẽ tôi chưa đào ngũ. Nhưng tôi bị ám ảnh bởi con dao rừng mà ngày trước tại nó vẫn lấy để lột cóc nẫu cháo ấy; cậu nhớ chứ. Hôm đó đánh xáp lá cà, tôi chém một thằng đứt lia một cánh tay. Nó rẫy lên như những con cóc bị lột làn da. Rồi nói cấp cánh tay của nó, bỏ chạy được mười bước thì nó ngã xuống. Tay trái của nó vẫn cầm khư khư cánh tay gãy lia. Nó nhìn tôi. Chẳng phải cái nhìn căm thù, cũng chẳng phải cái nhìn thù hận. Tôi không nghĩ là cặp mắt của một thằng Việt Cộng nữa. Nó giống tôi, giống anh, giống tất cả mọi người, chính vì thế mà tôi bỏ đi. Bàn tay của tôi còn giữ nguyên cái cảm giác cứa lưỡi dao chém ngọt ngào lên thớ thịt ấy cho tới bây giờ. Tôi nhìn xuống lưỡi thép máu nhuộm đỏ từ trên xuống cán gỗ. Cậu phải hiểu rằng đó là lần đầu tiên tôi đánh xáp lá cà. Và đó cũng là lần cuối cùng tôi tham dự vào lối đánh khốc liệt ấy. Bàn súng dễ hơn nhiều. Đom một phát. Nhẹ nhàng hơn và có thể tự dối lòng rằng viên đạn đó đã bay lên trời.

Ngừng một lát, Bảo tiếp:

— Mấy ngày hôm sau tôi vẫn chưa hết những cảm giác ghê sợ, và cho đến suốt đời có lẽ tôi không bao giờ quên được hình của một thằng nhát từ đồng bần lên cái cánh tay của chính nó rồi cấp dí chạy. Thế rồi ít lâu sau tôi đào ngũ. Dẫu sao thì tôi cũng không mang cái mặc cảm của một thằng trốn trách nhiệm vụ. Tôi đã đóng góp cho cuộc chiến này trên bốn năm, vào sinh ra tử đủ cả rồi. Lương tâm của tôi cho phép tôi được nghỉ ngơi.

Phùng thở dài:

— Chỉ tiếc là cậu đã chọn lầm bằng một sự nghỉ ngơi bất hợp pháp, phí phạm cả bao nhiêu công lao.

Bảo cười:

— Công lao? tôi cóc cần! Như cậu đã từng biết đấy. Minh xông xáo liều mạng đâu phải vì những cái anh dũng bội tình. Chúng mình chỉ đóng vai trò của một cái bánh xe trong guồng máy. Nghĩa là chỉ được xoay xuôi chiều khi guồng máy chuyển vận. Còn cái sự bất hợp pháp của tôi, thì cậu phải ở ngay cái đất này lâu ngày, cậu mới thông cảm được cái quyết định của tôi. Những ngày đầu, tôi sợ hãi thật đấy. Nhưng bây giờ thì hết rồi. Tôi không thấy mình là kẻ độc nhất. Mà chỉ kẻ độc nhất mới thấy mình trợ trợ và để cho sự sợ hãi bao quanh mà thôi.

— Nghĩa là cậu cho rằng có cả một đám đông ở đây cùng lầm bầm như cậu nên cậu không còn thấy thối mả chứ gì.

— Nếu cậu vì tôi chứ lầm bầm thì phải kể tôi là kẻ lầm bầm... Ít nhất!

Phùng bật cười:

— Thật là gái đi già mồm!

— Chứ sao! Bộ tôi không phải cảm sung rồi

sao, bộ tôi không phải đùa rởn với cái chết biết bao nhiêu lần rồi sao. Vậy thì tôi đã đóng góp cho tất nước bằng cả sinh mạng của tôi rồi. Cái sự đào ngũ của tôi chỉ là sự tôi tự cho phép tôi một cách hợp lý.

— Nhưng kể nào cũng quan niệm như cậu thì bên này lính tráng buồn sung hết và khi đó Cộng Sản nó xông vào cắt cổ như cắt một con cóc chẳng để cho cậu ngồi trong phòng có máy lạnh, có salon, có nệm mousse để mà lý luận xuống đâu.

— Đồng ý, đồng ý lắm. Chính vì thế mà tôi đâu có đi hô hào mọi người phạm tội theo tôi. Tôi vẫn quan niệm rằng cuộc sống nó có muôn ngàn ngõ ngách. Có ngõ ngách đưa đến sung sướng an nhàn. Cũng có ngõ ngách đưa con người đến gian nan khổ cực. Tất cả chỉ là may, mắn hay rủi ro, có chen lẫn một chút không ngoan hay khôn khéo mà thôi. Cũng như cậu thấy đấy. Tại sao lại có những người như cậu, cả cuộc đời chỉ lăn lóc giữa rừng

NHẬT TIÊN



rậm, đào sâu, biết bao gian nan khổ cực. Trong khi đó lại có những thằng khác ở tở, nhà lầu, vợ đẹp, con khôn, phẩy phẩy ở mãi cái đất phù hoa cực kỳ an toàn này. Như thế có phải là khi cái sàng lọc xuống, thì những hạt gạo đã nằm ở các vị trí khác nhau rồi không? May cho kẻ nào được rơi vào vị trí tốt...

Phùng ngắt lời:

— Như vậy cậu cắt nghĩa thế nào đối với những trường hợp có người từ bỏ hết mọi sự êm ấm, hạnh phúc để xung phong ra tiền đồn nhận lãnh tất cả mọi gian lao nguy hiểm.

— Đó là một kẻ mang đầy ảo tưởng.

— Ảo tưởng hay lý tưởng?

— Ảo tưởng. Chẳng thể có cái lý tưởng gì hết trong cái môi trường sống thế thâm này. Bởi vì muốn có lý tưởng, cậu phải có đối tượng để tôn thờ, hay ít nhất cũng là để theo đó mà tiến tới. Hãy kể cho tôi một đối tượng nào khả dĩ làm được công việc đó?

— Này, tôi nói thẳng cho cậu biết, khi cầm súng chiến đấu, chúng tôi không lý luận rỗng rai. Tôi chỉ thấy trước mặt tôi là cộng sản. Tôi không thể sống được với cộng sản thì tôi đánh. Đánh để tự vệ và đánh để dành lấy một chỗ đứng dưới ánh mặt trời.

— Đúng lắm! Và tôi cũng tin chắc là cậu không thể đánh cộng sản để phụng sự cho một thiếu số thối nát, một nhóm nhỏ chuyên ăn trên ngồi trốc dùng sự hy sinh của chính cậu để làm bạc thang, đưa chúng nó lên địa vị cuối đầu cuối cổ quần chúng.

— Điều đó dĩ nhiên!

— Thế mà đã xảy ra rồi đó. Biết bao nhiêu chiến sĩ đã bị phản bội. Các cậu chiến đấu cho quần chúng. Nhưng quần chúng đã được hưởng gì đâu. Đa số vẫn nghèo nàn. Đa số vẫn cực khổ. Rút cục, vẫn chỉ có một thiểu số được thụ hưởng an nhàn hạnh phúc do chính xương máu của các cậu đem tại. Cho nên tôi ví các cậu như một con thuyền hỏng vì ra khơi. Nhìn thì đẹp nhưng nó đã được làm bằng giấy. Nên rồi ngay khi đụng chạm, dù một cơn sóng mạnh. Lý tưởng của các cậu cũng thế, nghe thì đẹp để lắm, nhưng coi chừng, cậu sẽ bị phản bội. Thời gian đã chứng tỏ nhiều quá đi rồi. Cậu nên nhớ rằng tất cả mọi danh từ tốt đẹp ở trong giai đoạn này đều chỉ là những cái vô rỗng tuếch, gở thì kêu mà thực ra chẳng có một chút ý nghĩa chân thực vào. Thí dụ như danh từ cách mạng mà người ta đã xài đến rách nát ra chẳng hạn. Tôi thì tôi cho là chẳng có cách mạng cách mạng gì hết ráo. Còn vấn đề lý tưởng. Tôi đồng ý là có đấy. Nhưng nó chỉ tồn tại được khi tất cả mọi người cùng thấy chung một trách nhiệm, cùng quan niệm chung một đường lối cùng cố gắng theo đuổi một mục đích chung, và cùng chia sẻ với nhau những nỗi gian khổ khi thực hiện điều đó. Nghĩa là phải có yếu tố đoàn kết không tạo được đoàn kết thì tất cả chỉ là xuông, lý tưởng lúc đó sẽ trở thành ảo tưởng một cách dễ dàng.

Ngừng một lát, Bảo tiếp :

— Bây giờ có người hỏi tôi. Anh cảm sung cho ai, vì cái gì, thì tôi mới nhập ngũ, tôi sẽ trả lời là: «Tôi cảm sung cho tự do của quê hương đất nước tôi, cho hạnh phúc của đồng bào tôi.» Nhưng sau khi đã lăn lộn ở chiến trường, và nhìn về những thối nát diễn ra ở Thủ Đức, thì tôi sẽ trả lời: «Tôi cảm sung cho chính tôi vì cuộc đời đã đẩy tôi đến đúng chỗ đó. Bởi vì tôi đã mất lý tưởng rồi. Người ta không thể nào thực hiện lý tưởng được khi mà chung quanh ta vẫn còn có những kẻ, nhiều kẻ chỉ coi vấn đề lý tưởng chỉ là phụ thuộc.» Cậu làm một, chúng nó phá mười. Cậu là đã trảng, chúng nó là sóng biển.

— Nhưng thả thấp một ngọn nến mà đi còn hơn là ngồi nguyên rủa bóng tối.

Bảo giờ tay :

— Hoan nghênh ! Cậu sẽ yên ổn với lương tâm trong mọi sự mệt nhọc hàng ngày. Chính vì điều đó mà tôi có khuyến khích cậu bắt chước tôi đâu. Nhưng ngược lại, đối với tôi cái triết lý củ ỉn ấy cũng chẳng làm tôi thay đổi thái độ sống. Trong cuộc sống, mỗi người lựa chọn một phương cách. Mỗi phương cách đã được tạo nên từ một hoàn cảnh. Chẳng ai giống ai. Vậy cũng chẳng nên bắt ai làm theo như mình. Có phải vậy không ?

Phùng nhún vai :

— Quan niệm của cậu chỉ đúng khi cậu sống riêng rẽ một mình, không liên hệ tới ai, không ràng buộc đến bất cứ một trách nhiệm tập thể nào...

Bảo xua tay :

— Thôi, thế là đủ. Mình chỉ có thể nói chuyện triết lý làm cầm đến mức đó là cùng. Đi xa hơn nữa sẽ không bao giờ gặp nhau. Bởi vì giữa tôi và cậu đã có ranh giới của một kẻ đứng trong và một kẻ đứng ngoài cuộc. Ngay cái quan niệm về chữ «cuộc» tôi với cậu đã khác nhau từ căn bản rồi. Phải không ?

Phùng mỉm cười :

— Phải, mình chẳng nên đi xa hơn. Chờ bao giờ kết toán cuộc đời vào lúc cả hai đứa cùng già lão, nếu còn sống sót, ta tiếp tục cũng còn vửa.

Một lát, Bảo giờ tay nhìn đồng hồ rồi nói :

— Thôi chúng mình đi ăn cơm. Sau đó tôi sẽ rút lui để cậu nghỉ ngơi tại đây. Đến sáng ngày mai tôi sẽ trả tự do cho cậu. Ở hay đi lúc đó tùy cậu.

Phùng định phản đối thì Bảo đề chặn lại :

— Tôi biết rằng cậu chẳng ưa gì cái không khí này. Nhưng nếu có ở lại một vài ngày, chắc chẳng đến nỗi có thể làm sứt mẻ gì đến cái lý tưởng mà cậu tôn thờ, phải không.

Trước giọng chế riễu của Bảo, Phùng đành mặc nhiên để bạn lôi cuốn theo những dự định của bạn. Hai người vào một tiệm ăn lớn ở đường Đồng Khánh. Bảo gọi những món ăn thật đắt tiền. Rồi hẳn nói :

— Nếu gặp bạn bè khác thì tôi còn giữ gìn. Huy hoặc quá chúng nó sẽ vừa ăn, vừa chửi thâm minh. Nhưng với cậu, tôi cóc có cái mặc cảm gì cần phải giữ gìn. Cậu cứ coi như tất cả chỉ là phương tiện. Khi mình có phương tiện trong tay, tôi gì mà không xài.

Phùng biết Bảo nói với mình như thế là thành thực, nhưng dấu sao hình ảnh của những con cua rang muối mỡ màng, những đĩa bồ câu quay màu sắc rực rỡ và những đĩa xào nghi ngút bốc khói thơm ngào ngạt ở trước mặt vẫn không làm Bảo quên đi được những bữa ăn khổ cực trên đường hành quân, có khi hàng tuần lễ không biết đến một sợi sau luộc nóng một màu thật tươi kho mặn trong những cái lon sữa bò. Nhiều hôm xót ruột quá, bọn Phùng đi kiếm rau tầu bay trong đồng cỏ đem luộc lên rồi chia nhau húp từng ngụm nước rau một cách khoái trá, Phùng tưởng như trong đời không bao giờ còn được hưởng những phút vừa ăn vừa cảm động về tình đồng đội yêu thương nhau thâm thiết đến như thế.

Bữa ăn kéo dài đến quá trưa. Ít quen uống rượu



nên Phùng thấy chũnh choáng gã, thấy cần nằm nghỉ ngơi hơn là bất cứ nhu cầu nào khác. Và gã đã theo Bảo trở về với đầu óc chòng chành như một kẻ đang ngập lặn trong sóng biển. Hình như Bảo phải đóng giùm gã cái cửa xe, hình như Bảo phải dìu gã đi bằng qua đường phố, lên những bậc thang, đặt gã nằm trên nệm giường êm ái và cời giấy cho gã. Trong cơn say chập chờn, gã thấy mình bé lại, bé như ngày xưa còn nằm trong vòng tay săn sóc êm ái của mẹ hiền. Và điều đó khiến gã muốn khóc. Bây giờ mẹ gã ở đâu trong giải đất miền Bắc xa vời ? Bà còn sống hay chết ? Bà được sung sướng hay cực nhọc ? Mười lăm năm trôi qua như một cơn ác mộng, và gã có cảm giác như phút chia tay với mẹ già hôm tiếp thu ở Hải Phòng mới chỉ xảy ra ngày hôm qua. Gã đã hứa với mẹ hai năm thì sẽ trở về, hai năm vừa đủ để gã thỏa mãn cái chí giang hồ muốn được đi xa, để biết Saigon thế nào, miền Nam có gì lạ. Năm ấy gã mới mười tám tuổi và bây giờ gã đã tròn ba mươi ba. Tất cả mọi dự định mọi ước đoán đều thay đổi hết, duy chỉ có hình ảnh của mẹ, của mẹ già hồi mười lăm năm trước là còn nguyên vẹn trong trí nhớ. Hai người đứng trên hè đá nhìn xuống mặt nước đục ngầu. Gã không dám nhìn vào đôi mắt đỏ hoe của mẹ. Gã chỉ liếc thấy cái hình ảnh chua xót ấy trong một phần muốn ngàn của cái tích tắc. Vậy mà suốt trong mười lăm năm trôi nổi của cuộc đời sau này của gã đôi mắt đỏ hoe ấy đã trở thành một sự ám ảnh hằn trong mọi đêm khi gã bắt đầu dỗ giấc ngủ. Có nhiều đêm gã khóc thút thít như một đứa trẻ con và gọi mẹ trong trí nhớ. Cũng có nhiều đêm gã mơ thấy mình lại được đứng trên hè đá để nắm bàn tay run rẩy của mẹ với cơn xúc động tột cùng. Nhưng giấc mơ của gã thường bị phá đám bởi tiếng bom rền rĩ trên bầu trời phía xa, hay tiếng trọng pháo đều đặn câu đi từ một pháo đài gần đó. Gã tỉnh dậy, dương cặp mắt trắng tráo nhìn vào đêm đen. Đêm đen dài vô tận. Như cuộc đời của gã. Như cuộc đời của toàn thể mọi người, của toàn thể quê hương, của đất nước từ Nam chí Bắc.

KHI TỈNH DẬY, Phùng ngơ ngác khi thấy vòng tay của mình nặng trĩu và một giải tóc mềm mại xõa đầy trên ngực gã. Gã vội vàng cựa mình và xoay hẳn người lại. Cử động của gã làm người con gái cũng choàng mở mắt. Nàng nhón với gã một nụ cười :

— Trời ơi ! Vậy mà em cũng thiếp đi rồi chứ ! Trong bóng tối mờ mờ của căn phòng đóng kín cửa, Phùng có cảm giác là nàng đẹp. Đôi mắt thật đen. Cánh mũi nhỏ, và xinh. Vành môi tươi tắn. Bộ áo ngủ rộng rãi cắt theo kiểu Nhật

MỘT THỜI ĐỂ YÊU VÀ MỘT THỜI ĐỂ CHẾT

Đọc một thời để yêu và một thời để chết của Erich-Maria Remarque, mình mới thấy rằng có một thời tình yêu và chiến tranh trở thành những đề tài sáo cũ và lối thời, mà cũng có một thời tình yêu và chiến tranh lại trở thành những tiếng gọi thầm thì và những tiếng la thống thiết đồng vọng lên hơi thở không ngừng của trái tim vũ trụ. Remarque đưa mình vào một buổi chiều phiêu lãng có mây nhẹ bay qua trên đồng gạch vụn điêu tàn của một nền văn minh đầy chết. Remarque không làm văn chương ; chất thơ phớt nhẹ vào quyền tiểu thuyết ông như một chút nước mát từ đời cao rười xuồng mặt đất cháy đen của thời chinh chiến...

MỘT THỜI ĐỂ YÊU VÀ MỘT THỜI ĐỂ CHẾT

tiểu thuyết của E.M. REMARQUE

bản dịch của CÔ LIÊU

AN TIÊM

xuất bản

sách dày 432 trang, giá 280đ.

CÁC HIỆU SÁCH Ở XA, XIN LIÊN LẠC VỚI 120 NGUYỄN LÂM CHỢ LỚN ĐỂ MUA SÁCH



một pho tượng nặn bằng sáp. Thấy gã chưa hết ngạc nhiên, nàng ngồi nhóm dậy, vừa thu gọn mái tóc, vừa giải thích :

— Anh là bạn của anh Bảo phải không ? Còn anh Bảo thì dặn em tới đây với anh...

Phùng nhìn kỹ nàng lại một lần nữa. Lòng gã nhen nhúm một sự tiếc xót xen lẫn đôi chút bực bội. Bởi vì nàng đẹp. Nàng quá đẹp so với nghề nghiệp mà nàng đang phải làm. Cỡ người như nàng, thả ra ngoài phố, những người như Phùng chó có hồng bên gót theo đuổi. Vậy mà nàng đến với gã một cách tự nhiên, dễ dàng, đến với tất cả mọi người một cách tự nhiên, dễ dàng tương tự. Điều đó khiến cho Phùng thấy nàng bớt kiêu kỳ đi hơn. Gã cố ngắm kỹ nàng hơn nữa để, tìm ra một khuyết điểm khả dĩ có thể giết chết được cái mặc cảm tự ti đang nhen nhúm, trong lòng gã. Nhưng càng ngắm, gã càng thấy nàng đẹp hơn, duyên dáng hơn, đến nỗi gã muốn ghen với Bảo, ghen với tất cả những tên đàn ông đã đến với nàng. Ánh mắt khác lạ của gã khiến nàng hơi bối rối. Nàng phác một cử chỉ bằng quơ rồi bước xuống đất tiến lại mở tung cửa sổ. Gió mát và vào phòng theo ánh sáng của buổi chiều êm ả tối. Trên những tòa building cao ngất ngưỡng trước mặt đã thấp thoáng vài ánh đèn. Nàng nói :

— Anh Bảo hẹn tám giờ đến đưa mình đi ăn cơm rồi về Maxim's nghe nhạc. Anh đã đi Maxim's lần nào chưa.

Phùng uể oải lắc đầu. Gã chỉ tay về phía mặc áo nói với nàng :

— Em với cho anh gói thuốc lá.

Nàng tiến lại chiếc áo sơ mi của gã tìm ra gói thuốc. Tự tay nàng rút một điếu và lại đặt lên môi gã. Gã tự nhủ : Ít ra em cũng còn chút dịu dàng của một người đàn bà biết chiều chuộng. Cử chỉ đó của nàng khiến gã thấy gần nàng hơn. Gã gỡ điếu thuốc xuống rồi hôn nhẹ lên một bên má mịn màng của nàng. Bây giờ gã mới hỏi :

— Tên em là gì nhỉ ?

Nàng mỉm cười :

— Cứ gọi em là Hiền.

Phùng vận lại :

— Tại sao lại «cứ gọi» vậy Hiền chỉ là biệt hiệu của em thôi sao ?

Hiền mỉm cười :

— Chẳng trách anh Bảo nói anh là vua củ lẩn. Bộ đi làm nghề này em lại cung khai ngày sinh tháng đẻ, tên thật của mình cho các anh nghe sao ?

Phùng có vẻ bực :

— Vậy là em không thành thực với anh rồi.

— Đàn ông các anh tham lam không thể chịu được. Tham lam mà lại còn ích kỷ nữa. Thứ bỏi đến ngày mai, khi rời khỏi chỗ này các anh có còn nghĩ đến em là Tuyệt, là Hiền hay là gì nữa hay không.

Phùng im lặng không đáp, cúi xuống nhặt điếu thuốc đặt lên môi. Hiền hỏi :

— Bật lửa của anh đâu ?

Và không chờ Phùng trả lời, Hiền luồn tay vào túi quần của Phùng lục lọi. Nàng chú ý đến mảnh giấy gấp tư nằm cạnh chiếc khăn tay hơi và bẩn. Nàng tò mò mở ra đọc. Phùng nói ngay :

— Biên lai của nhà báo về việc đăng nhận tin tìm người nhà đây.

— Bộ anh thất lạc gia đình hả.

— Không, một người bạn đồng đội.. Nó không liên lạc với gia đình từ nhiều năm nay. Bây giờ thì nó chết rồi. Và trước khi chết nó muốn người thân biết tin là nó chết.

Ngừng một lát, Phùng nói tiếp :

— Nó còn trẻ lắm. Hồi mới nhập ngũ nó mới tròn 18 tuổi. Nó ham đời lính nên trốn nhà tình nguyện nhập ngũ. Nó đánh trận rất hăng, và được thưởng rất nhiều huy chương đánh giặc. Ba năm sau nó mới về thăm nhà với một ngực đầy huy chương. Nó muốn chứng tỏ với mẹ và chị nó rằng

nguyễn bắc sơn

KHÔNG CÓ ĐIỀU GÌ KHÔNG THỂ KHOAN DUNG

Ở các quận Bắc Bình Thuận

Có nhiều nhà điểm và nhiều trại lính

Nhà tù được người đời tôn kính

Kẻ cầm quyền được người đời nể sợ

Kẻ giàu sang được người đời bợ đỡ

Các cô gái nhà lành được người đời chiều chuộng

Còn gái điểm được người đời khinh khi

Tôi không muốn tranh luận về vấn đề mãi dâm

Tôi chỉ muốn nói lên một điều dễ thấy

Nếu không có các nhà điểm tại bốn quận Miền Bắc

Con số các cô nhà lành

Bị lính tráng hãm hiếp

Và lường gạt tình yêu

Đương nhiên sẽ gia tăng

Người đời vốn có thói quen

Khinh rẻ bất cứ ai

Gặp những bất hạnh cùng loại

Tôi nhân danh một kẻ làm thơ

Có một điều khuyên các cô nhà lành

Là trước khi vào giường ngủ

Nên nguyện cầu cho các ân nhân.

Ngày tiểu tụy cong dần trên mái rạ

ta dừng quân, dừng lại bước chân xiêu

mây lang dăng, đã như lòng hồi hã

gạo vo xong khói xóm đã un chiều

Trầu từng vòng, từng vòng, đi lững lờ

lúa rơi vàng, rơm cũng rơi vàng theo

trầu khờ khạo đâm lên chiều quanh quẽ

lúa rơi buồn vang mãi bước chân xiêu

Ta nhìn tiền thân ta, rướn cổ mà cúi đầu

ngậm ngùi bước cho bao giờ hết đất

rời cuối cùng...

một tiếng kêu, nghìn vạn tiếng kêu theo

sự trốn nhà ra đi của nó là một việc hữu ích. Nó đã trở thành hữu ích cho quốc gia, và quốc gia ghi ơn nó. Nhưng không bao giờ nó được gặp lại người thân cả. Cả hai người đã dọn nhà ra đi, không để lại địa chỉ. Nó buồn bã trở về đơn vị, đánh trận hăng hơn, chiến công nhiều hơn và cuối cùng nó mất cách đây hơn bốn tháng.

Hiền vụt hỏi :

— Tên nó là gì ? Phải Huy không ?

Phùng sững sờ nhìn Hiền một giây rồi thốt lên :

— Cô là... chị Hiền phải không ? Trời ơi !..

Hiền không đáp vụt ôm hai tay lên mặt đứng gục ở bên cửa sổ. Trong khi ấy Phùng cảm thấy ngượng ngập về cách ăn mặc lố lỏ của mình... Gã nhóm dậy mặc quần áo thật nhanh, lòng cay đắng. Hai người không nói gì với nhau thật lâu và cuối cùng Phùng rút tấm ảnh của Huy trao lại lúc trước khi nhắm mắt tiến lại phía đằng sau Hiền nói ngập ngừng :

— Xin chị tha lỗi cho, giữa anh và người khác nhau quá xa, tôi không nhận được. Và lại trong cuộc chiến tranh này, còn có điều gì mà không bị

NHẮC ĐẾN MA LÂM

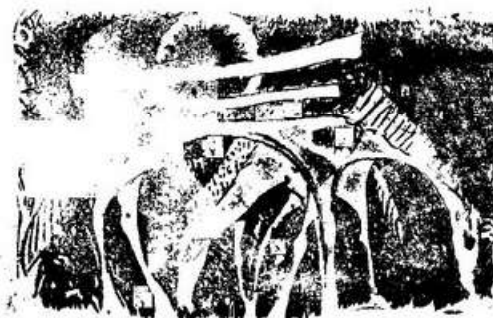
Chiều Thiện Giáo hồn mình đầy bóng nãi
Con đường mòn mòn vết máu đông khô
Khu phố quận những đời người đã mới
Cỏ tranh đàn cao gió thổi hư vô

Đêm ngủ đố ngắm thơ cùng đại bác
Hồn lao đao trong chuyến trục thẳng bay
Đầu có chắc mặt trời mai sẽ mọc
Trời ray mưa lạnh lạnh khiến thêm say

Khuya thức mãi trầm tư cây hồng lạp
Chảy trong lòng men nhạc Trịnh Công Sơn
Đêm không ngủ trong những ngày bão táp
Ôi những ngày máu ứa xác què hương

Tại hồi tôi xin tôi đừng chết nhé
Bóng hòa bình thấp thoáng ở Miền Nam
Ngày ta mong nằm trong tâm tay với
Sao thấy lòng chưa dứt mối mang mang

Chiến tranh quá dài nên người quá khác
Không thể mừng vui tiếp rước hòa bình
Đêm đen quá dài nên người quá khác
Không thể nào tin sẽ có bình minh.



từ thế mộng

CÙNG TRẢ CHO ĐỜI

Máu thịt của ta, ruột rà của vợ
cùng trả cho đời, ta, chiều nay buồn hùi !

Lấy vợ 3 năm, con vừa 1 tuổi
lừa hận thù đã lên cao chói với
ôi nghìn sau cũng thẹn với hôm nay
ta cúi đầu, xin lỗi hai bàn tay

Ta vác súng lên vai, làm trai đèn nợ nước
ôi vợ con ta vợ con ta, đền cho ai !
ta ngơ ngẩn một nhìn lui, mây vùi khói sóng
ta ngẩng mặt nhìn trời, khói trắng đàn hai vai

Máu thịt của ta, ruột rà của vợ
cùng trả cho đời, ta biết mang gì theo !

thay đổi. Trước khi chết Huy không trời trăng điều gì cả. Nó chết bình yên, trầm lặng trong tay tôi. Nó chỉ nhờ tôi trao lại cho chị tấm ảnh này và báo tin cho chị biết là nó đã mất. Nó xin mẹ và chị tha lỗi cho nó..

Hiền vụt quay lại, cặp mắt đầm lệ :

— Mẹ tôi mất từ hai năm nay rồi.... Mẹ tôi giận nó vô cùng.. Khi chết bà cụ không nhắm mắt được...

Phùng không đáp, lặng lẽ nhét tấm ảnh vào lòng bàn tay run rẩy của Hiền rồi mở cửa phòng bước ra. Bóng tối chập choạng phủ kín dãy hành lang rộng bát ngát. Chiếc cầu thang sâu thẳm và tối om lăm bước đi của Phùng thêm chập choạng. Gã bước thật nhanh như kẻ bị săn đuổi. Đầu óc gã trống rỗng. Gã không nghĩ được điều gì. Gã cảm thấy không có điều gì để bầu vùi ở đây, trong thành phố này, trong không gian ngầu ngựa này. Gã ước mong mình có cánh để bay được ngay trở về đơn vị. Vì ít ra ở đây, tuy thiếu thốn, đói khổ, hiểm nguy và đầy đe dọa chết chóc nhưng ít ra gã còn tìm được một đôi điều an ủi, cho dù chỉ là nhỏ mọn. < ●

T U Y rằng mỗi sáu giờ chiều mới lên máy bay nhưng Tuấn đã thanh toán tiền phòng từ tám giờ sáng. Giữ thêm phòng từ sáng tới trưa để nghỉ ngơi cũng phải trả thêm hai đô la như ở qua đêm. Uống lắm!

Từ phòng trọ dành cho quân nhân ra tới phi trường quân sự không xa chỉ độ ba hay bốn trăm thước thế mà tắc xi cũng tính một đô la. Cái đồng đô la không hay mắt giá như đồng bạc Việt nên quý lắm, Tuấn phải tiết kiệm nó. Tuấn đi bộ. Hai chiếc va ly đầy quần áo, tặng phẩm kỷ niệm và hàng họ Tuấn mua cả năm nay, nặng quá. Hai tay xách hai chiếc không nổi. Chàng xách từng chiếc một. Đi một quãng lại đặt chiếc này ở lề đường để quay lại xách chiếc kia. Cứ thế khoảng mười lăm hay hai mươi phút sau, Tuấn và hai chiếc va ly cỡ lớn cũng tới được phi trường.

Tại đây chàng cũng đã thấy vài người bạn cùng khóa có mặt rồi. Họ gặp nhau bắt tay hơn hờ mừng rỡ. Một năm trời xa quê hương, gia đình để học hỏi những điều hay, lẽ lạ nơi Mỹ quốc vĩ đại này, hôm nay chuẩn bị trở về, mà lại về đúng dịp Tết thì ai mà không mừng rỡ.

Tuấn và một người bạn cùng ngồi xuống hàng ghế đợi, hai chiếc va ly để dưới đất. Tuấn hỏi:

— Anh và Thái cùng đi với nhau sao anh lại tới đây có một mình?

Người bạn trả lời:

— Tôi tất cả hai đứa chứ! Nhưng nó còn ra P.X mua thêm đồ.

— P.X nào?

— P.X ở căn cứ này chứ ở đâu?

— Ở đây không gọi là P.X mà phải gọi là B.X. Người bạn cãi lại:

— P. chứ sao lại B. được. Hợp tác xã bán hàng cho quân nhân ở đâu mà chả gọi là P.X.

— Nghỉ phép mười lăm ngày tôi về đây ở 10 ngày, ngày nào chả đi mua hàng, chả trông thấy biển đề hai chữ B.X. Anh vừa về tới đây một tiếng đồng hồ mà anh cãi hoài.

Người bạn cố về đuổi, nhưng vẫn chưa chịu thua. Anh hỏi vặn lại:

— Anh nói thế thì tôi chịu. Nhưng P.X. là viết tắt của hai chữ *Post Exchange* nghĩa là nơi buôn bán trong đồn trại, còn B.X. là viết tắt của cái gì?

Lần này tới lượt Tuấn cố về đuổi. Một năm trời ở Hoa Kỳ, Tuấn vào mua hàng ở cả chục P.X. rồi. Tuấn biết đó là *Post Exchange*, nhưng B.X. thì từ ngày về căn cứ hàng không Travis này Tuấn mới trông thấy là lần đầu.

Nhưng hỏi đâu mà tìm nguyên mất thì giờ. Cứ biết ở đây bán hàng rẻ là được rồi. Hôm nay bị Khanh hỏi vặn, Tuấn mới ngán người ra. Ở! Tại sao lại B. mà không là P. nhỉ? Hay là đây là miền Nam nước Mỹ dân chúng địa phương cũng có thói quen đọc chữ P. thành chữ B như đồng bào của Tuấn ở miền Nam Việt Nam. Tuấn gật gù cố về đuổi y!

Chàng toan nói ý kiến đó cho Khanh nghe thì chợt ngừng lại ngay được khi nghĩ ra rằng nếu Người Mỹ miền Nam có đọc chữ P. khác người Bắc đi chăng nữa thì khi viết vẫn viết là P. chứ đâu có viết sai chính tả.

Mặt Tuấn lại đỏ ra. Khanh thấy đồn được bạn vào chỗ bí cùng khoái rồi nên thôi không hỏi thêm. Và lại nếu hỏi mãi, Tuấn bí quá lại yêu cầu Khanh giải thích thì gây ông lại đập lưng ông. Khanh hỏi sang chuyện khác:

— Anh mua gì mà hai va ly đầy ắp thế?

Tuấn ấp úng:

— Có gì đâu. Đồ dùng vặt vãnh công kênh, với ít quà về tặng bà con, bạn bè!

— Mua gì thì nói đại! Cùng cánh với nhau mà. Có gì mà giấu.

Tuấn cười không đáp.

Phi trường lúc ấy đã đông hơn trước. Một chiếc phi cơ phản lực từ Việt Nam chở theo một số lính Mỹ hồi hương. Cũng có cả một số quân

Mới tới Mỹ lần đầu họ ngỡ ngàng, chạy lăng xăng. Gặp người Việt sắp trở về họ mừng rỡ tới gần bắt tay chào, hỏi. Họ tíu tít mua bưu thiếp in hình phong cảnh Travis gửi về cho vợ con biết là mình đã tới Hoa kỳ. Có người làm quen ngay với người sắp trở về hỏi chỗ ở rồi gửi thư tay cho người bạn hồi hương mang về hộ cho vợ con mau biết tin là mình đã vượt Thái Bình Dương bình an vô sự.

Khanh rủ Tuấn:

— Còn nhiều thì giờ lắm tôi với anh ra *commissary* mua ít nho đi!

— Mua đề vào đâu?

Hỏi xong câu ấy, Tuấn chợt nhớ ra không thấy Khanh mang theo va ly. Chàng ngạc nhiên hỏi bạn:

— Va ly của anh và anh Thái để đâu?

— Trong kia?

Khanh chỉ tay về phía cuối dãy nơi có một dãy ô kéo ở sát tường. Đó là những ngăn tủ cho thuê. Bạn chỉ việc bỏ vào một đồng 25 xu bằng kim khí vào cái lỗ nhỏ phía trên mỗi ngăn tủ một chiếc chìa khóa sẽ rơi ra. Bạn mở ngăn tủ và cho đồ

từ 100 đô la xộc ra như cái quạt phẩy phẩy lên mà nói đùa:

— Lên máy bay nóng, lấy cái này mà quạt thì sướng biết mấy. Về Sài Gòn đôi giá chợ đen 300 đồng một đôn. Anh xách cả hai va ly đầy quần áo rồi và áo *banlon* một mà có bằng không? Mà lúc nào anh cũng khư khư ngồi trên va ly không dám đi đâu.

QUA là Khanh nói đúng. Kẹt hai chiếc va ly Tuấn không thể bỏ đồ đi theo Khanh, nên Khanh đã đi mua nho một mình. Hoa quả ở đây chỉ có nho ngon và rẻ nhất. Ba cái một bịch nho tươi mọng nặng tới hơn nửa cân tây. Mua ở Sài Gòn phải bốn năm trăm đồng. Nhiều bạn bè của Tuấn cũng đã bàn tính khi về sẽ mua vài ký nho mang về làm quà. Nho bỏ vào sắc cầm tay không sợ bị nát mà cũng không bị trừ vào số 100 cân Anh được phép mang theo. Nhưng bây giờ đã lỡ, Tuấn không rời phi trường Tuấn dành tới mấy tiệm bán đồ vật ngay bên trong phi trường ngắm nghía những

HỒI HƯƠNG



đặc vào khóa lại, rồi đi chơi. Chỉ phiền một nỗi ngăn tủ chỉ có cỡ nhỏ nên không thể để được những va ly cỡ lớn như của Tuấn. Chàng hỏi Khanh:

— Va ly của anh và anh Thái gửi trong đó vừa há. Thế các anh không mua đồ gì mang về à?

Khanh lắc đầu:

— Mua làm gì cho nặng. Hàng lậu của Mỹ ở Sài Gòn thứ gì không có mà phải mua ở đây mất công.

— Thế anh mang tiền về Tân Sơn Nhất phải khai rồi đổi theo giá chính thức thì ăn thua gì?

Khanh bĩu môi:

— Sức mấy mà khai?

— Không khai, quan thuế họ khám thấy họ tịch thu.

Khanh cười hề hề:

— Một năm trời ở Mỹ anh có để dành được hai ngàn đôn không? Nếu được, anh đổi lấy toàn giấy một đồng để mang về hay sao mà sợ khám. Anh vào băng đổi toàn lạc biếu bỏ vào ví, ai khám ví anh?

Muốn để cho Tuấn hiểu *lạc biếu* (large bill) là những thứ giấy lớn, mà dụng tâm đổi cũng không

đồ lặt vặt bán tại đây như quần áo, dao cạo, sách báo, thuốc đánh răng, đồng hồ, nước hoa v.v... Thỉnh thoảng chàng lại liếc về phía hai chiếc va ly lớn ở phía xa xem còn hay mất.

Đồng hồ chỉ 10 giờ. Các bạn bè cùng học một khóa ở cùng một trại với Tuấn, giờ đây đã có mặt gần đủ tại phi trường. Khi mãn khóa học tất cả đều được nghỉ 15 ngày phép có lương và được phát trước một số tiền lệ phí tính theo khoảng cách từ trường học tới phi trường. Travis là chặng cuối cùng để lên máy bay về nước.

Vì nơi Tuấn học ở miền Đông nước Mỹ phi trường Travis ở tận miền Tây nên số tiền lệ phí phát trước lên tới gần 200 đô la. Có người xài sang dùng tiền này mua vé máy bay cho nhanh. Phương tiện này đắt tiền nhất. Có người đi bằng xe lửa để xem xe lửa của Mỹ ra sao. Nhưng đa số đều sử dụng xe buýt, một phương tiện giao thông rẻ tiền và dễ la cà dọc đường. Đi xe buýt chỉ hết nửa số tiền lệ phí được cấp phát, dọc đường khi băng qua ngang nước Mỹ, thấy thị trấn nào thích thú xuống ở lại một hai ngày. Chán lại lên xe buýt khác không phải đổi vé. Đồ đạc đã được hàng xe

Có người tiết kiệm tiền mà cũng không thích du lịch thì thời gian nghỉ phép họ ở lại ngay nơi học, tiền trọ được rẻ 5 căn hay một đô la một ngày. Tuấn cũng không không thích du lịch, nên mần khóa là về hưởng những ngày phép ngay ở căn cứ này để chờ ngày về nước. Có điều Tuấn tưởng giá tiền trọ ở đây cũng như ở các căn cứ khác không ngờ lại đắt gấp đôi, ba.

Một nữ quân nhân cùng học với Tuấn, nghỉ phép, đi Nữ Ước, Chicago, lu bù giờ này cũng có mặt kia rồi. Trông cô có vẻ bảnh bảnh. Mặc đuiy nhà binh ngắn, cô cũng mang đôi vớ nylông mỏng bó sát da thịt như những người đàn bà Mỹ chính cống. Một hai anh Mỹ trẻ đi cùng xe, tíu tít xách va ly họ cò, lịch sự như người Tây phương chính cống.

Nhiều người Việt khác học ở các tiểu bang khác cũng có mặt tại đây để về nước cùng chuyến máy bay với Tuấn. Sĩ quan cũng nhiều lắm. Có cả cấp trung tá.

KHANH đi khỏi một lúc, thì Tuấn gặp Thông và Trí, hai người được bạn Tuấn gọi là cặp bài trùng. Họ cũng rời trường ngay sau khi tan khóa, nói là đi Hoa Thịnh Đốn. Tuấn hỏi:

— Hai anh ở Hoa thịnh Đốn lâu thế chắc vui lắm nhỉ?

— Đầu có. Ở Hoa thịnh Đốn tốn lắm, có một ngày là bọn này về đây liền.

— Sao tôi không gặp các anh.

— Chúng tôi ở Cựu Kim Sơn.

Cựu Kim Sơn là thành phố cách xa căn cứ Travis lối 50 cây số.

— Trời! Ở đó chịu sao nổi tiền ở ten. Chắc phải ít nhất 5 đơn một ngày.

Thông cười:

— Ở khu Tàu còn rẻ hơn ở đây. Khu đó có những ở ten cho thuê tuần, mỗi tuần 10 đơn. Hai chàng chúng tôi ở chung nhau mỗi tháng mất có 5 đơn có rẻ hơn anh ở đây một tuần 14 đơn không. Ăn uống cũng tiện. Ra khu Tàu, mua đủ thứ về nấu lấy. Rau cải, rau cần, xu hào, mộc nhĩ, dưa chua có đủ. Tội gì mà về đây ăn hamburger...

Tuấn ngẩn người, ngửa đầu nhìn lên trần nhà có chiếu như tiệt rỏ.

— Sao. Đầu đuối làm sao?

— Của đảng tôi ông ấy mang hơi nhiều đồ. Có lẽ tới 160 ký. Ở đây chúng nó không chịu. Ông năn nỉ mãi nó không nghe, ông nói với một thằng trung úy Mỹ nó cũng từ chối. Tức mình ông ấy lấy đồ vứt tung vào sọt rác và bảo thằng Mỹ rằng "Anh ở đây yên ổn anh làm khó. Bao giờ anh sang Việt Nam thì anh mới biết". Hôm sau thì thấy có một nữ đại úy Mỹ kiểm soát việc cần đồ. Con mẹ nói rằng: "Tôi là đàn bà nên không sang Việt Nam chiến đấu đâu."

Trong lúc ấy, những hành khách Việt Mỹ và các quốc gia khác vẫn tuân tự xếp hàng để cần đồ. Quân Nhân Mỹ sang Việt Nam, Wake hay Xung Thăng đảo nhận đơn vị mới thường mang ít đồ đạc. Hơn là hành khách Á Châu từ Mỹ trở về.

Hai va ly của Tuấn tuy đồ sộ cồng kềnh nhưng bên trong chỉ có quần áo, búp bê, và các đồ nhẹ nên tổng số trọng lượng chưa tới 110 cân. Nhân viên phụ trách cần mím cười chứng nhận trên vé máy bay của Tuấn. Tuấn thở phào khoan khoái. Giờ thì



Không biết bên trong có nhiều đồ đáng tiền hay không nhưng Tuấn đã phải chịu trả cước phí gần 20 đô la.

Trên hàng ghế chờ đợi chỗ gần tiệm ăn, Ban vừa mở chiếc va ly nhỏ: hơn mười bịch nhỏ và đồ tươi mòng mòng hiện ra dưới mắt mọi người. Ban bóc hết các bịch nhỏ ra mời bạn bè. Chàng chia cả cho mấy em nhỏ Hoa kỳ mỗi đứa vài chùm. Mẹ chúng cảm ơn người bạn Việt Nam rồi rít. Trong vòng 15 phút bữa tiệc trái cây hoàn tất. Ban thu nhặt những cuống trái cây vào va ly đóng lại rồi liệng cả va ly vào thùng rác. Va ly đồ của Ban, chàng đã cần thử hôm qua: vừa đúng 110 cân. Số nhỏ mới mua trên 20 cân, Ban định xách tay mang về làm quà nhưng kế hoạch này đã phải hủy bỏ vào phút chót.

Trung úy Hải và thượng sĩ Nhật là những kẻ ăn chơi, hào hoa phong nhã nên không lo lắng gì cả. Bao nhiêu tiền họ đã tiêu gần hết khi ở Mỹ. Hành lý hồi hương của họ kể cả đồ đạc bạn bè gửi mang hộ cũng chưa tới 100 cân mỗi người. Quả là lúc nghèo tâm hồn thành thơ thật.

Trên hàng ghế đối diện dãy học tử cho thuê, người Việt khác đang ngồi nói chuyện huyền thiên với 1 binh nhất và 2 trung sĩ Mỹ về phong cảnh Sài Gòn, về chiến cuộc tại Việt Nam, về quần áo và nhan sắc đàn bà Á Đông. Ông nói tiếng Anh rất thạo và lịch sự. Tuy cấp bậc ba người Mỹ sắp sang Việt Nam chiến đấu bảo vệ tự do còn nhỏ hơn người bạn Á Châu, nhưng ông này vẫn gọi họ là sir (ngài) như đã có những người nói tiếng Anh lịch thiệp.

Cuộc đàm thoại tay tư rất tương đắc. Người bạn Á Châu mời Coca Cola. Những người bạn Hoa Kỳ mời lại la ve Budweiser. Có đi có lại dằng hoàng.

Lát sau cả bốn người đứng dậy tiến tới xếp hàng chờ cần hành lý. Người bạn Á Châu khệ nệ xách chiếc va ly Samsonite lớn và mới. Hai người trung sĩ Mỹ mau tay xách hộ 2 chiếc va ly nhỏ cho ông bạn vui vẻ có duyên nhưng quá kệnh càng.

THỜI giờ còn nhiều, không biết làm gì để tiêu khiển trong khi chờ đợi. Tuấn vào tiệm tạp phẩm chọn một số bưu thiếp hình ảnh để kỷ niệm. Chàng cũng mua thêm ba cặp khay áo. Ở đây họ bán rẻ, mỗi cặp có một đô la. Một đô la mà tính giá chính thức cũng hơn trăm đồng, nếu giá chợ đen có thể lên tới hai, ba trăm. (Từ ngày đi Mỹ, Tuấn mặc phải cái tật xấu là hề mỗi lần tiêu món gì là lại hay đối chiếu tiền Mỹ với tiền ta theo cả hai giá đen và trắng).

Chọn mãi cũng chỉ có những cặp khay có khắc chữ N là kiểu đẹp. Suy nghĩ, cần nhắc rồi Tuấn móc túi trả tiền bụng nghĩ thầm:

— Giá nó khắc chữ T. hay chữ S. thì tiện quá. Nhưng thời rẻ thì cứ mua. Cát đi, biết đâu chả có lúc mình phải giao dịch với những người tên Ngàn, Ngạc hay Nhạ, Nhã thì có sẵn đồ biếu họ.

Tuấn thủng thảng đi về phía cuối dãy, ra ngoài ngắm trời. Ngắm cho kỹ đi. Hôm nay là ngày cuối cùng mây được nhìn ngắm nền trời văn minh Mỹ Quốc. Mai đây lại trở về quê hương tao loạn, đau khổ chết chóc. Với những công việc hàng ngày nặng nề trong xứ mệnh bảo vệ tự do.

Đang mơ màng, Tuấn giật mình khi Khanh tới phía sau vỗ lên vai Tuấn:

— Anh ăn gì chưa?

— Tôi ăn rồi?

— Khát quá! Vào Cafeteria kiểm ly sữa tươi uống đi anh!

— Cảm ơn anh tôi không khát.

Khanh đi khỏi, Tuấn rùng mình. Nói tới sữa tươi, Tuấn lại nhớ tới những cơn đau bụng triền miên khi Tuấn «tiếp xúc» lần đầu với món đồ uống

NGÀY XUÂN TỚI

MUỐI một giờ bắt đầu cần đồ. Không khí khu vực này nhộn nhịp hẳn lên. Hành khách có vẻ xếp hàng một lần lượt tới quầy cần, Mỹ và Việt Nam xếp hàng lẫn lộn. Khanh và Thái chỉ có mỗi người một va ly nhỏ nên phẳng phẳng xếp hàng trước. Những người có nhiều đồ còn năn nã nghe ngóng. Số lượng đồ mỗi người mang theo tới đa là 100 cân Anh. Khanh và Thái cần xong lấy giấy thông thả đi ra. Một người khác bị các nhân viên cần hàng từ chối khất giấy vì va ly ông nặng tới 120 cân. Họ yêu cầu ông bỏ bớt đồ. Năn nỉ, phân trần, cãi cọ rồi cuối cùng ông phải xách va ly ra ngoài hàng.

Sự kiện này là một biến cố đối với những người chưa cần mà mang đồ quá cồng kềnh như Tuấn. Họ xúm lại xung quanh ông khách 120 cân hỏi thăm. Ông mở va ly lấy đồ đạc ra ngắm nghía, cần nhắc xem nên bỏ thứ nào giữ thứ nào.

Một ông to con đứng bên ông nói:

— Tôi ở đây mười ngày rồi. Hôm nào tôi cũng ra coi cần đồ. Thường thường quá một hai chục cân nó vẫn cho đi. Hôm nay khó vì cách đây mấy hôm có một ông người mình gây gỗ với tôi nó đẩy mà.

nhẹ nhàng, thơ thới rong chơi để chờ tới giờ lên máy bay mà thôi. Không biết làm gì, Tuấn ngồi xuống hàng ghế gần đó giải trí bằng cách quan sát những người cần sau.

Lúc đó tới lượt Đản. Chiếc va ly lớn của anh nặng 115 cân. Không có gì trở ngại. Nhưng người lính Hoa kỳ yêu cầu anh cần chiếc tivi Zenith 13 inch đang cầm trên tay.

Đản cười duyên.

— It's my hand bag. (Cái này xách tay mà!)

Người lính Mỹ không chịu. Đản phân trần bằng một thứ Anh ngữ ôn tồn chậm rãi. Viên nữ đại úy tới gần và giải thích:

— Ti vi không được kể là xách tay. Vì xách tay phải nhẹ và nhỏ như ấn định trên bảng kia.

Nói rồi, bà ghi trên vé của Đản một dòng chữ «không có xách tay mang theo» trước khi trao trả Đản và cũng ân cần dặn chiều nay khi ra cửa chiếc ti vi của chàng sẽ không được chấp nhận.

Vực rỗi thứ hai này đã tạo ra nhiều quyết định mới ở phía sau. Còn mười hai người nữa thì tới lượt Thuận được cần, nhưng chàng tách ra khỏi hàng mang chiếc va ly nhỏ tới một trụ sở bưu điện gần đây gửi đồ về Việt Nam theo lối bưu kiện.

HOÀNG NGỌC LIÊN



mùa xuân nữa

Như bão táp tự tầng sân địa ngục
Gió bạo cuồng bàn tay nào đang tay
Kẻ thân xác như lớp bùn ngẫu đục
Được thọ sinh không ngực máu uơm đầy

Từng màu đất, từng ngành cây, ruộng lúa.
Từng hình hài, xương thịt Mẹ Việt Nam.
Từng thống khổ đến vô cùng, tàn phá,
Từng oan khiên, từng đổ vỡ, điêu tàn.

Hoa Huệ trắng trước Tòa cao Quốc Tồ,
Bỗng đổi màu vàng ủa nắng binh đao.
Những bông gạo của rừng xanh rực đỏ,
Tả tơi tàn theo gió loạn phương nao?

Những giòng máu trào ra, tràn chữ S,
Những con người dâng hiến, những hy sinh.
Những tiếng đạn bom, những lời gào thét,
Những nguyện cầu, đêm tối đợi bình minh.

Nặng nề lửa nhip cầu muôn tui hận,
Chẳng còn gì đây nữa, những màu sơn.
Đợi một chút linh thiêng xin cầu khấn,
Cho mưa rơi thấm ướt triệu oan hồn.

Cho hơi thở ngày đầu Xuân ngưng chiến,
Cho con người còn máu nóng buồng tim.
Cho ngày mai vẹn tròn bao ước nguyện,
Cho thiết tha bao viễn ảnh trong tim.

Mùa Xuân nữa, mùa Xuân chưa hoa nở,
Bao nhiêu năm phương Bắc Tết lưu đầy.
Một giòng máu mấy khung trời hò hẹn,
Quê hương ơi, xui mãi phút giây này!

Mỹ này cách đây một năm khi chàng đang ở trên đường từ Việt Nam sang Mỹ.

Vốn tính cẩn thận, lo xa, Tuấn đi lần về phía cuối phi trường dãy nhà để giải quyết mọi vấn đề sinh lý một lần chót. Chàng đẩy cửa bước vào phòng tắm để thay bộ quần áo dạ cho đỡ nóng.

Trước mắt Tuấn gần hai chục quân nhân Hoa kỳ đang tắm dưới hàng hoa sen công đồng. Tất cả đều trần truồng như nhộng. Những người Mỹ đen trần trụi như con gấu. Những người Mỹ trắng nhẽ nhai, lực lưỡng. Họ vừa kỳ cọ vừa nhai kẹo cao su, vừa nói chuyện với nhau như khi dự dạ tiệc. Ở đây mọi người bình đẳng. Không có màu da. Không có kỳ thị. Không có cấp bậc.

Tuấn thay xong áo, bước vội ra khỏi phòng tắm. Ở Mỹ đã lâu nhưng Tuấn vẫn không quen cái sắc thái cộng đồng, nhiễm dân tộc, tính Tây phương quá tự nhiên kiểu này.

Chàng tìm sang phòng bên cạnh, nhìn thấy hình vẽ đầu người đàn ông trên cánh cửa, bên móc túi lấy một cái bỏ vào lỗ máy tự động, rồi đẩy cửa bước vào.

TR Ờ I đã xâm xâm tối. Chiếc Boeing 727 có lẽ đã lên cao tới tám ngàn thước, bắt đầu bay thẳng bằng. Những hành khách Mỹ lìm lìm mắt ngủ. Hành khách Việt Nam nồn nao nghĩ tới quê hương mỗi lúc một gần, không thể ngủ được. Họ đọc báo, đọc sách hay nói chuyện rì rầm.

Trên hàng ghế phía trước Tuấn, tiếng hai người bàn nhau chỉ tiêu nốt những Mỹ kim cuối cùng họ còn giữ:

- Này, cậu còn được hai chục đôn không?
- Còn.
- Cậu có xem thời khác biểu lúc ở Travis

không? Máy bay này ghé phi trường Okinawa lúc mấy giờ.

- Không nhớ!
- Im một lát, rồi lại có tiếng nói:
- P.X. ở Okinawa rẻ hơn ở Mỹ nhiều lắm đấy?
- Sao vậy?
- Ở Mỹ là vùng đất thái bình. Wake, Okinawa hay Việt Nam được coi là vùng chiến trận nên giá P.X. rẻ hơn nhiều vì được miễn mọi sắc thuế.
- Thật không?
- Có thằng bạn mình đi chuyển trước nó nói Okinawa là đất Nhật nên đồng hồ Seiko ở đây chỉ có 20 đôn một cái.

Giọng người đối thoại có vẻ hớn hờ:

— Nếu thế còn bốn chục, phải bắt thêm hai cái nữa.

Tuấn không mấy chú ý tới toan tính của các bạn phía trước vì Tuấn không còn tiền. Tuấn dở xấp ảnh phong cảnh Travis ra coi lại. Tuấn chợt chú ý tới hai chữ *Base Exchange*. À thì ra B.X. là viết tắt hai chữ này. Tuấn định gọi Khanh nhưng bạn chàng ngồi cách những sáu hàng ghế.

Tuấn lăm lăm:

— Travis AFB là Travis Air Force Base, Căn cứ không quân Travis. *Base Exchange* là nơi mua bán đặt trong một căn cứ.

Nhưng mà thôi! Nghĩ tới B.X. hay P.X. làm gì khi trong túi chỉ còn vài đồng bạc các mang về để làm vòng đeo tay. Tuấn hận lắm. Ở Mỹ học cả một năm trời mà còn quá ngớ ngẩn. Tại sao Tuấn không đòi tiền lớn như Khanh? Tại sao Tuấn không giữ lấy vài chục đồng để lát nữa mua đồng hồ Seiko. Tại sao Tuấn lại ở Travis tốn tiền phòng hơn ở Cựu Kim Sơn? Tại sao? Tại sao?

Tuấn giận lắm, buột miệng chửi thề:

— Tôi Okinawa thế địch nào cũng có thằng gây chân.

Đang lìm lìm ngủ, người bạn ngồi bên Tuấn tưởng có tai nạn xảy ra giật mình hốt hoảng:

— Sao? Sao? Ai gây chân?

Tuấn nhắc lại:

— Tôi Okinawa sẽ có thằng gây chân?

Người bạn đã tỉnh hỏi sảng:

— Tại sao?

— Máy bay chỉ ghé có bốn mươi lăm phút mà thằng nào cũng muốn chen lấn xuống trước để vào P.X. mua đồng hồ Seiko rẻ thì thế nào chả có đứa té hay què chân?!

*kính chúc bạn đọc
một năm mới an vui*

nhà xuất bản LÁ BỐI

SÁCH lá bối MỚI AN HÀNH:

- EM BÈ PHÙ TANG
Isoko Ichiro Hatano, *Trương đình Cử dịch*
ĐẠO PHẬT NGÀY NAY (tái bản)
Nhất Hạnh
 - ÁO EM CÀI HOA TRẮNG
Võ Hồng
 - NẾO VỀ CỦA Ý (tái bản)
Nhất Hạnh
 - ⊕ Và hai cuốn sách cần thiết cho giáo viên tại các trường tiểu học cộng đồng:
 - GIÁO DỤC CỘNG ĐỒNG
Vương Pên Liêm
 - PHƯƠNG PHÁP CHỦ ĐIỂM TẠI TRƯỜNG TIỂU HỌC CỘNG ĐỒNG
Vương Pên Liêm
 - ⊕ Tết xong mời bạn đọc 3 tác phẩm:
 - HEIDEGGER TRƯỚC SỰ PHÁ SÀN CỦA TƯ TƯỞNG TÂY PHƯƠNG
Lê Tôn Nghiêm
 - PHONG TRẢO DUY TÂN
Nguyễn văn Xuân
 - XỬ TRÂM HƯƠNG
Quách Tấn
- nhà xuất bản LÁ BỐI
120 Nguyễn Lâm CHOLON

CÂU LẠC BỘ
SĨ QUAN KHÔNG QUÂN

HUỲNH HỮU BẠC
TÂN SƠN NHẤT

— Nơi giải trí vui tươi, lành mạnh.

— Phòng ăn rộng rãi và mát mẻ.

BAN GIÁM ĐỐC KÍNH MỜI
QUẢN LÝ GIÁM ĐỐC **TRẦN QUAN DU**

GẶP SÀ THÌ ĐI

CHUYỂN lưu diễn ở Chương Thiện được dự trữ cả tháng trước, với những công điện đi về 4, 5 cái. Tiểu Khu sở quan đã sắp xếp chương trình cho chúng tôi dâng hoàng, nhưng chờ mãi tàu bay không được, chúng tôi quyết định theo đường bộ từ Cái Tắc đi vào — con đường này sẵn VC lăm, nhưng đi nhiều quá, chúng tôi đâm lì, hết sợ, lại được bảo đảm an ninh lộ trình và có hộ tống nữa. Chấp hết!

Nhưng đoàn xe gồm 1 jeep, 1 dodge, 2 GMC của chúng tôi đến ngã ba Cái Tắc chờ mãi không thấy gì. Liên lạc vào Tiểu Khu chỉ nghe lờ mờ không rõ. Nghe nói có thiết giáp hộ tống, nhưng thiết giáp đâu? Con đường này chưa đi lần nào, đi đâu cũng ngán ngán. Chúng tôi chờ nóng ửng, rất mệt, đói bụng cũng không

rõ của Chương Thiện, chúng tôi về thành phố bằng xe của Tiểu Khu. Con đường chạy song song với giồng sông, trơn trượt như đồ mỡ. Chương Thiện đón chúng tôi bằng một cơn mưa đủ bầy nhầy khắp mặt đất và hàng chữ đúc trên bức tường vàng lờ lỏi của căn nhà sát mé sông: "Ơ" cá Vị Thanh".

Cho đến khi về tạm trú tại Câu lạc bộ công chức tỉnh — ngôi nhà chỉ còn lưu lại dấu vết vàng son một thời, đủ cho chúng ta hoài niệm — tôi suy nghĩ mãi về mấy chữ chợt thấy, như một câu reo mừng "Ơ" cá Vị Thanh 1 Thì ra, đây là ngôi chợ cá, nhưng tang thương biến cải, tường lở ngói tan, chữ chợ chỉ còn lại nguyên âm cuối cùng cũng mất dấu:

— Ơ, cá Vị Thanh!

Khi chúng tôi ra phố, Chương Thiện đi hui trong cơn mưa chiều còn rớt lại. Phố xá ngác ngơ từng



TRÊN ĐUỜNG LƯU DIỄN NĂM XƯA

PHẠM LÊ PHAN

được đi. Buồn quá, đành trở về Căn Thơ chờ... dịp khác vậy!

Lần đầu tiên dự định lưu diễn Chương Thiện của "gánh hát Nhà Bình" chúng tôi kể như không thành.

Lần thứ hai nghe nói có tàu bay, nhưng cứ lên phi trường chờ chờ từ sáng đến trưa về ăn cơm nhà; rồi lại lên chờ đến tối về nhà... ngủ, chờ sáng hôm sau lại lên sân bay chờ nữa. Chúng tôi phải mất hai ngày nhong nhong trên GMC đi về giữa phi trường Căn Thơ và Bình Thủy, mới gặp được một anh lính Mỹ ở trần trụi trụi, vác con trâu to tồ bỏ đi từ phi đạo vào và, linh nghiệm thay, lát sau một chuyến Caribou hết hết chúng tôi, trực chỉ Chương Thiện!

Thật ông bà nói không sai, "gặp sà thì đi...! Chúng tôi gặp một con trâu to tướng như vậy thì phải được đi là cái chắc!

Ơ CÁ VỊ THANH

TỪ phi cơ nhìn xuống, Chương Thiện đẹp như trang sách Trung Hoa in chữ triện. Ngày xưa, đất này là một Khu Trù Mật nổi tiếng, được cổ TT Diệm đích thân đến khánh thành cơ mà! Có nhiều giai thoại ngộ nghĩnh được truyền tụng ở khu trú mật Vị Thanh, Hòa Lự này, nào là người ta đã trồng cam không gốc; người ta đã dọn những tiệm vàng, sạp vải từ Saigon xuống trưng bày trong phố, chợ để che mắt "lãnh tụ anh minh" và quan khách nhân ngày khánh thành. Vài hôm sau, đi nhiên là phố xá Chương Thiện lại có quyền vắng như chùa Bà Đanh! Nào là nhiều chuyện nháp nháp, nhiều anh giàu lớn trong vụ xây dựng khu trú mật này vẫn vẫn và vẫn... Nghĩa là đại khái không có một chút tiếng thơm nào ở cái khu trú mật mà một ông nhạc-sĩ-thời-sự nào đó đã đặt nhạc ca tụng.

Từ phi trường nghèo-nàn-thấy-

đống gạch đá ngủ gật dưới hàng cây còi cọc, xác xơ; khu chợ bùn lầy như một ao cá tát cạn mà những người hời cá đã ra về. Gió mang hơi nước phen mẩn mẩn ở đầu mũi, không gian ẩm ướt và lạnh gai gai...

Nơi chúng tôi tạm trú là căn nhà thủy tạ, con nước về chiều vô sóng đều đều vào bờ đá, nghe như mình đang phiêu bạt ngoài khơi trong một đêm biển lặng.

Cảm ơn sự lừa dối của trí tưởng đã cho mình những phút giây hạnh phúc tình cờ.

ĐÊM CHƯƠNG THIỆN

KHU chúng tôi ở, có lẽ đã bỏ hoang từ lâu nên không có điện, ngoài phố thì từ đèn đường cho đến đèn trong nhà đều không có công tác, mỗi đêm chỉ có 2 tiếng đồng hồ có điện: 7 giờ đèn sáng và 9 giờ đèn tắt, ai muốn dùng nhiều thì mắc nhiều bóng và ngược lại. Nhà nào thức khuya, muốn dùng thêm giờ thì cứ tự nhiên thắp... đến đầu.

Chúng tôi đem theo một máy đèn nhỏ, đủ ánh sáng trình diễn. Sân khấu được dựng lên ở khu chợ mới — khu này chỉ mới có sườn sắt và mái thiếc, bốn bề còn trống trải lờ lờ. Nhưng càng tốt, tránh được mưa gió bất thường cho cả khán giả và diễn viên.

Khán giả của một đêm Văn Nghệ công cộng ở tỉnh lẻ thường rộng lượng, dễ tính nên chúng tôi đã được tán thưởng nhiệt thành đến độ khán-giả-con-nít lẫn với diễn viên dầy sân khấu! Tuy nhiên, đó chính là khách lệ, an ủi khó quên của chúng tôi trên đường lưu diễn.

10 giờ đêm hết chương trình, chúng tôi về nhà thủy tạ vừa lạnh vừa đói, nhưng xách xe đi khắp phố xá không còn một quán cóc nào hé cửa. Hàng phố ngủ kỹ như chưa bao giờ được ngủ một đêm ngon lành

đến thế! Không thể tìm được một thứ gì để ăn đỡ, nhưng khổ nỗi là tầu đồ Hoàng Linh Duy đã thủ một chai rượu thuốc từ chiều, bây giờ không có đồ nhậu, không lẽ đồ đi — cất cổ không bằng đồ rượu, đâu có thể làm ầu vậy được!

Chúng tôi rủ nhau ra hóng... rét ngoài bao lơn nhà thủy tạ để bàn mưu tính kế để đối phó với... chai rượu thuốc!

Mở đầu là những lời trách lẫn nhau, tại sao không lo đồ nhậu từ chiều? Trách nhau mãi cũng chán, chúng tôi quay ra trách Tỉnh Chương Thiện đi ngủ sớm — mới 10 giờ đêm đã không còn gì ăn! Trách gần, trách xa cũng chả có gì nhậu, chúng bàn chuyện câu cá, tôm và mò cua bắt ốc, nướng lên nhậu đỡ. Nhưng bàn suốt thì hay lắm, chứ thực hành sao nổi giữa một đêm lạnh như vậy? Câu cá, cá không cắn câu, thối chí quá, chúng tôi đánh chuyện tay nhau nhâm nhi rượu thuốc với... lưỡi và răng vậy.

Vừa lại rai vừa ao ước, từ đó mỗi lúc nhập cuộc mỗi đông, dần nhậu thường thảo ăn, ban đầu còn mơ mộng đến hột vịt lộn, khô mực; sau tụt dần xuống rau muống; rau ngò cũng không có. Chúng tôi đã với cả lục bình lên toàn ăn bắp non, nhưng sợ ngứa lại thôi. Sau cùng, có đứa đề nghị đi ăn trộm "cái gì đó", một đứa đồng ý bàn: "sáng mai mình trả tiền người ta là cùng chứ gì?" — Đã đi ăn trộm lại còn trả tiền! Lời bàn của Thánh Thán, Mao tôn Cương chắc cũng chịu thua trước câu chuyện quá bất ngờ, ngộ nghĩnh như vậy.

Riêng tôi, tôi giật mình nghĩ đến chuyện "khi-người-ta-đốt", người ta đốt, người ta có thể ăn mọi thứ, làm mọi việc bất lương — cũng may là chúng tôi chỉ mới và bàn suông thôi, chứ chưa làm. Chúng tôi mới đến

biên giới của tội lỗi và kịp dừng lại, để quay về.

Cuối cùng, chúng tôi bàn đến những chuyện phải bàn giữa một đám thanh niên ngà ngà say, chúng tôi ca tụng nhan sắc các tài tử trứ danh Âu Mỹ. Và, có lẽ nhờ mấy cặp đùi, bộ ngực, vòng eo, vòng mông của mấy cô tài tử này mà chai rượu thuốc hết veo, nhiều đứa còn thòm thèm muốn uống nữa!

Khi chúng tôi đi ngủ, đã quá nửa đêm. Nhìn bóng mình sau ánh đèn nghiêng đổ, chồn vờn trên tường, tôi cũng hơi "đá" nên nghĩ như một cuồng sĩ trên sân khấu:

— Ta là một anh hùng chưa gặp vận, chiều nay phiêu bạt đến bến sông này, dừng chân bên mái quán, hăm vò rượu lòn, gõ bát mà ca rằng... (ngáp dài) "Á... buồn ngủ riu cả mắt... cái ghế bố này êm thật!",

ĐƯỜNG SANG LONG MỸ

SAU đêm trình diễn tại Bộ CH Trung Đoàn, chúng tôi được lệnh sang quận Long Mỹ trình diễn ban ngày.

Nghe nói Long Mỹ là một quận nằm trên đường từ Cái Tắc vào Chương Thiện, cũng hơi ngái ngái, lại đi hơi sớm nữa. Nhưng không sao, chúng tôi được hộ tống — cuộc bao-vây-bởi-bạn này tuy có mang lại chút an tâm, song lại tăng thêm ít nhiều lo sợ và bị chạm tự ái nữa: cũng là lính mà chúng tôi đi đâu cũng phải dựa vào lực lượng bạn, sống dưới sự che chở, bảo vệ của những anh em cũng là... lính. Nghĩ lắm khi cũng xấu hổ, khó chịu. Nhưng có lẽ cũng vì chút-tự-ái-còm ấy, chúng tôi đi Long Mỹ hăng hái hơn thường lệ — đỡ mang tiếng là lính Văn Nghệ, lính kiêu ngạo, chúng tôi cũng đi, cũng xông pha như ai, xem có sao không? Chúng tôi không nhát-như-cây-ngày-đầu-nhà!

Như hầu hết những con đường

quê miền Tây, đường sang Long Mỹ cũng chạy song song với một giòng sông nhỏ. Những mái lá lưa thưa ẩn lộ sau rừng dừa nghiêng bóng dưới lòng ao cá đục lờ lờ...

Cánh đồng đã gặt hết lúa, gốc rạ vàng nhạt lẫn với cỏ xanh điểm tô thêm đẹp màu đất nước. Tôi nghĩ đến ngày thanh bình trở lại quê hương, những thôn ấp ngoằn ngoèo không còn ngậm sâu màu tối ám, lòng thù hận ra khỏi tâm hồn tất cả những người cùng chung quê hương, giòng giống Việt Nam.

Ngày ấy, nếu không nhiều tiền để làm một khách du lang thang trên đất nước để uống rượu, làm thơ ca tụng tình yêu Dân Tộc, tôi sẽ trở về miền quê làm một nông dân chân phác, dưỡng già trong không khí trong lành, với cỏ cây không biết sao trổ lộc lúa. Hoặc đem chút chữ nghĩa jem nhem, dạy cho lũ trẻ mang thân hình đen đui, còm cõi, mang cái bụng ông đầy sán lãi, biết thế nào là pháp vệ sinh tối thiểu, thế nào là tình yêu Dân Tộc, Quê Hương...

Năng trua lên cao vẫn không làm cho quận đường và phố chợ Long Mỹ sáng hơn. Chúng tôi nhìn rõ sự nghèo nàn, heo hút của quận này. Có lẽ sẵn mặc cảm nghèo nàn ấy, ông quận trưởng là một sĩ quan bộ binh, đã tiếp đón chúng tôi thật lạnh nhạt — lạnh đến run người giữa trưa nắng! Ông trung cả cái sự vụ lênh ra để chứng minh rằng ông sắp đi Cần Thơ công tác. Suốt buổi trưa chúng tôi tạm trú tại quận đường, chỉ nghe ông phiên trách sĩ quan hướng dẫn của Tiểu Khu đã không báo cho ông biết có Văn Nghệ đến, thành ra không sửa soạn gì cả. Ông cứ lảng xảng khiêng hết tấm tôn này đến dựng chỗ này, rồi lại khiêng tấm khác đến dựng nơi khác — những tấm tôn mới có thể soi gương được làm chúng tôi phát ngượng!

Vị sĩ quan hướng dẫn đưa chúng tôi ra chụm ăn cơm hơi trễ, vì ông Thiếu Úy phụ tá quận trưởng cần phải ra quán đặt trước — đất này kiếm được cơm quán cho mấy mươi người ăn, đâu phải chuyện dễ!

Tội nghiệp, chúng tôi thoáng buồn có lẽ vì không khí heo hút ở Long Mỹ hơn là vì thái độ bằng giá của vị « phụ mẫu chi dân » ở đất này. Chúng tôi đến đây để làm công tác cho đồng bào và anh em binh sĩ giải trí, chứ không phải để được ông Quận Trưởng đón tiếp — dù bằng bất cứ thái độ nào — Bởi chắc chắn rằng chúng tôi không trình diễn Văn Nghệ cho ông Quận coi... một mình!

Ăn uống xong chúng tôi về quán, ông quận đã lên xe jeep đi công tác Cần Thơ từ lúc nào. Theo đúng dự định, chúng tôi xin một xe lam thông tin đi kêu gọi dùm đồng bào lát nữa đến xem văn nghệ tại Hội trường.

Hội trường là một căn nhà lợp tôn, vách cũng bằng thiếc luôn — nghe nói tôn viện trợ cũng chịu khó vướng sóng băng đồng đến đây khá dồi dào.

Sân khấu được dựng lên với sự giúp đỡ của một đơn vị Nghĩa Quân tạm trú với gia đình họ tại đây. Anh em Nghĩa Quân mừng lắm, họ than thở rằng ở đây buồn thối ruột, chả có phương tiện gì giải trí ngoài ba-xi-đê và vơ... con! Uống đế riết rồi da khô se lại, nhăn nheo, mồm thếch cả! Buổi trình diễn được đặt dưới sự chủ tọa của ông Phó Hành Chánh còn trẻ măng. Vừa đồng bào, binh sĩ,

công chức cũng được vài trăm người. Nhưng chúng tôi không nản, chúng tôi quyết định trình diễn một chương trình thật đặc biệt, nặng nề hằm hức — chính những nơi heo lánh này đã làm cho công tác của chúng tôi có ý nghĩa, chúng tôi cần phải cố gắng để làm một cái gì xứng đáng ở đây.

Từ già Long Mỹ sau khi mỗi diễn viên đã được anh em Nghĩa Quân tặng một ly đế, chúng tôi trở lại Chương Thiện với nhiều cảm giác vui buồn lẫn lộn, với những tiếc thương hờn giận làm ngăn chận đường về.

Trời thấp xuống và tối rất mau, gió từ mặt sông lồng vào căn nhà thủy tạ lạnh căm căm. Giấc ngủ đến sớm trên thân người mệt mỏi.

ĐƯỜNG VỀ

Từ trên phi cơ, chúng tôi nhìn lại Chương Thiện lần chót, những dãy nhà vuông vắn, đều đặn thẳng hàng như trang sách Trung Hoa in chữ triện. Nhưng, giờ đây khi ngồi viết lại những chữ này trang sách trong lòng tôi chợt xưa cũ như một kỷ niệm — một kỷ niệm xót đau!

Chương Thiện như một ốc đảo viễn biên di vực, nhưng ở đó các bạn tôi đang chiến đấu, đồng bào tôi vẫn bám vào ruộng vườn để sống — sống trong những điều kiện khó khăn, giữa đôi mắt cú vọ của loạn ly rình rập.

Chúng tôi đến Chương Thiện làm gì nhỉ? — Công việc của chúng tôi làm thật nhỏ nhoi, xa xỉ. Sau một tuần công tác, có lẽ chúng tôi chưa gây được gì trong lòng ai cả. Biết vậy, tại sao chúng tôi lại về? Chúng tôi chạy trốn, bỏ Chương Thiện lại với mưa bùn nắng bụi và bỏ Long Mỹ lại với cô đơn.

Chương Thiện đã dật dêu nhiều huyền thoại thì Long Mỹ còn nhiều lời đồn đại hơn, nhưng chúng tôi bất lực, chúng tôi chỉ là một đoàn hát lưu động nhà binh, làm vui mọi người trong chốn lạt. Chúng tôi đến và đi như những cánh chim.

Và nương theo cánh chim phiêu bạt ấy, đã 4 năm rồi tôi chưa có dịp trở lại Chương Thiện. Theo dõi Chương Thiện qua báo chí, chúng tôi chỉ được biết một vài trận đánh, một vài vụ pháo kích của giặc thực hiện không hiệu quả vào Khu Trù Mật cũ ấy.

Chương Thiện đã chịu đựng được tất cả những sóng gió của cuộc chiến để đứng vững giữa một khoảng trời. Có lẽ bây giờ Chương Thiện đã đổi thay nhiều lắm — sự đổi thay nào chẳng mang lại những vui buồn? Nhưng, trong thâm tâm tôi vẫn ước ao, Chương Thiện bây giờ đang rực rỡ trong niềm vui mới.

Bốn năm rồi, sau 4 năm giữa thời loạn lạc này, bao nhiêu là diễn chuyển, bao nhiêu là biến đầu. Chương Thiện dưới cánh tàu bay bông bành trong mây đục năm xưa, bây giờ đã ra sao?

Có những ngày tôi nhớ Chương Thiện hơn nhớ một người yêu — người yêu chỉ gặp nhau thăm thiết một lần và bây giờ ròng rã 4 năm cách biệt.

— Chương Thiện ơi! Chương Thiện ơi!... Δ

ĐANG TRẦN HUÂN



chuyện cảm đơn bà

ÁO MĂNG TÔ

Loan nói với Thủy:

— Năm nay nhiều kiểu măng tồ đẹp. Nhưng đắt quá. Tuy vậy, tao cam đoan với mày sang năm tao sẽ có một cái thật đẹp với bất cứ giá nào?

Quả nhiên mùa đông năm sau, Lan đã có cái măng tồ như ước muốn. Chỉ phiền một nỗi Lan không thể cài được khuy.

CAO BỒI TẾCH XA

Tại miền viễn Tây nước Mỹ. Hai anh cao bồi ngồi trên lưng ngựa đi hên nhau, mắt gườm gườm nhìn nhau phòng bị. Bất thình lình người thứ nhất quờ tay ra túi sau. Nhanh như cắt, người thứ hai rút súng bắn chết người bạn đồng hành. Rồi anh xuống ngựa khám xét người xấu số thì thấy ở túi sau quần anh này một chai rượu uýt ky.

— Trời! Tội nghiệp! Thì ra anh ta không định giết ta mà chỉ định lấy rượu mời ta.

Anh rút chai rượu tu một hơi hết rồi nói thêm:

— Ít nhất ta cũng nên tôn trọng ý muốn cuối cùng của anh ta.

TIN MỪNG

Hai thiếu nữ tâm sự với nhau:

— Này, tao nghe đồn mày sắp lấy thằng Tiến phải không? Nếu đúng thì tao có lời mừng cho mày! Còn nếu đó chỉ là tin đồn bậy, thì để tao gặp Tiến chúc mừng cho nó.

CÁI MÁY KỲ DIỆU

Một người Ái Nhĩ Lan di cư sang Mỹ lập nghiệp. Vốn liếng lúc đầu không có gì nhưng nhờ tính cần cù, chỉ thủ ít lâu sau ông lập được một nhà máy làm xúc xích nho nhỏ. Mọi việc ông đều làm lấy. Ông nuôi heo, khi heo lớn ông tự làm thịt rồi bỏ heo vào máy. Máy chạy, vài phút sau xúc xích tuôn ra ở dạng cuộn máy. Ông tự gói xúc xích lại, tự đóng thùng rồi mang lên xe chở ra chợ bán.

Nhờ chịu khó làm ăn và tiết kiệm nên vài năm sau ông đã có tiền gửi cậu con trai lên

Hoa Thịnh Đồn theo học m Đại Học.

Năm năm sau thành tài, cậu con trai trở về quê. Vừa về thì nhà quan sát xung quanh vài ph người con trai nhận mặt.

— Con đi mấy năm rồi n chả thấy thay đổi gì cả. Vì những máy cũ kỹ ngày xưa, về chiếc xe cũ rích, ba vẫn ăn mì rách rưới, vẫn cái nhà lồi tàn này

Người cha dịu giọng:

— Thế con, chính nh những xe cộ máy móc cũ kỹ ư mà cha đã kiếm ra tiền để gi con theo học tới bậc Đại Họ Con cũng đừng nên ph bạc chúng.

Người con trả lời:

— Không phải con muốn n thế! Nhưng với đà văn minh hiện tại cha có thể đổi một nh máy khác tối tân hơn. Máy gì m cứ bỏ con heo vào đầu này t xúc xích ra ở đầu kia hoài hoá Ba không thể kiếm một cái má khác có thể bỏ một thoi xúc xích vào đầu này thì đầu kia ra m con heo có phải lợi không?

Người cha lắc đầu buồn bã

— Cái máy như con nói t ba không có nhưng mà mà có đấy!

TRIẾT GIA

Một triết gia nhận xét v hơn nhân như sau: « Người t cười nhau vì không chịu su xét kỹ, người ta ly dị vì thiế kiện nhân và người ta lại cực nhai vì thiếu trí nhớ. »

TÀN NHẢN

Cô đỡ nói với người đàn ôn đang chờ đợi:

— Nói xin ông đừng buồn Châu nhỏ bất thường lắm khôn giống những trẻ khác đâu?

Người cha đáp:

— Không sao. Tôi cũng đoái như vậy vì khi có thai nhà tó uống nhiều thứ thuốc ấ quá Nhưng vì nó không được nh như những trẻ khác nên tôi càng thương nó hơn.

— Con ông không có tay!

— Tôi vẫn thương yêu nó.

— Nó cũng không c chân nữa!

— Không sao! Nó vẫn là con tôi

— Nó không có cả thân người.

— Được! Tôi vẫn yêu nó như thường

— Nếu vậy! Mời ông vào coi.

Người cha theo cô đỡ vào phòng. Trong chiếc nôi không có đứa trẻ nào hết chỉ có một cái tai thà lớn đang ngo ngoáy. Người cha cúi xuống nựng:

— Con yêu quý! Quả là con khác với con người ta. Con đứng lo. Con tin ở cha! Cha sẽ yêu thương con hết lòng.

Cô đỡ quay đầu lại:

— Ông ơi! Ông phải nói t lên vì nó điếc!

<https://tieulun.hopto.org>



LÊ TẮT ĐIỀU

MƯA RIÊNG CỦA LOẠI NGƯỜI

KHÔNG bao giờ tôi có dịp nhờ vả bà lão hàng xóm nữa. Sáng hôm sau, không biết vì mò mẫm đi đâu quá sớm, bà lão bị trúng đạn chết cách cửa nhà khoảng năm, sáu thước, nằm úp xấp xuống mặt đường.

Trận đánh diễn ra hồi đêm ở xóm này chắc cũng ghê gớm nhưng nhờ trời cho cái tật ngủ say tôi chẳng biết gì. Thăng An kể rằng nó có nghe reo hò và tiếng súng lớn như ở quê nhưng không dám đánh thức tôi dậy.

Khói đen từ các đám cháy trong thành phố che khuất mặt trời. Buổi sáng âm u như sắp mưa. Năm sáu xác chết nằm rải rác trên con đường trước cửa nhà tôi. Hình như có một con báo kỳ dị vừa ào qua đây, làm thay đổi hẳn bầu không khí và ánh sáng. Những tiếng còi, những tiếng súng lẻ tẻ thỉnh thoảng nổi lên ở phía hai đầu đường. Buổi sáng hứa hẹn đầy hào hứng và những cảm giác mạnh.

Lúc rửa mặt tôi đã được bà chủ nhà cho biết sơ qua tình hình và nhắc nhở rằng từ lúc này tôi đã mất cái quyền bước ra khỏi cửa. Chuyện đó là thông lệ của các cuộc biến động. Thông lệ của riêng tôi là chẳng bao giờ bỏ lỡ dịp coi các chi tiết một vụ biến động. Tôi rủ thằng con lớn bà chủ nhà đi chơi. Thăng bé cũng thuộc loại mắc bệnh tò mò nặng. Nó vừa thay quần áo vừa cười nói:

— Tình hình có vẻ gay. Ra đường, ta mặc cái quần xấu xấu một chút. Lỡ có chết cũng không sợ bị thiên hạ lột mất quần.

Bà chủ nhà cần nhần khuyên can con và nhìn tôi oán trách. Tôi phớt lờ.

Hai chúng tôi đi về phía thành phố. Một số xác người đã được phủ mặt bằng một tờ báo hoặc bằng chính cái áo của họ.

Vừa đến ngã tư chúng tôi đã bị một tiếng còi chặn lại. Máy lúc đó có một số người bỗng bẻ, đơm gánh từ trong một ngõ hẻm đi ra. Chúng tôi lần vào bọn họ, tiến thêm được một đoạn đường. Nhưng chỗ nào cũng có dây thép gai. Thành phố bị cắt ra làm nhiều mảnh vụn. Chúng tôi dừng lại với bốn năm kẻ tò mò nữa đang nhìn về phía một cái bót. Một chiếc xe vừa đậu ở cổng bót, người ta đẩy xuống hai tên mặc áo đen, quần đùi đen, bị trói... Một tên nhảy xuống như gà còi, không phải để chạy mà để đá vào ngực một người mập mạp mặc thường phục, cầm súng. Hai người xông tới ghi tay hắn. Hắn vùng vẫy như một kẻ điên khùng. Tuy nhiên, người ta cũng đã có cách nói chuyện với hắn. Hắn được đưa vào bót một lúc rồi được khiêng ra, thấy lên xe.

Khi chiếc xe chuyển bánh, người lính gác cổng bót hướng về phía những kẻ tò mò, thổi một hồi còi dài, rồi anh ta chia súng lên trời nổ một tràng. Những kẻ tò mò ở quanh đấy cả, họ rút về nhà đóng ập cửa lại. Thăng con bà chủ nhà cũng biến đầu mất. Tôi nhảy vọt vào cửa mở căn nhà có mái hiên như để tránh mưa. Con đường vắng tanh, tôi bắt đầu cảm thấy không yên tâm. Cả hai ngã tư đường lúc này đều có tiếng súng. Nơi ngã tư gần tôi nhất, một người cảnh binh đang quì

nấp sau một cái thùng, tay lăm lăm khẩu súng lục, dáng điệu thủ thế hết như một tài tử trên màn bạc.

Những tràng súng nổ vu vơ như thế lại luôn luôn tạo cho tôi cái cảm tưởng là đạn đang bay đầy trong lòng đường, trước mặt mình. Tôi bước ra lúc này là có thể biến thành một cái xác như những cái xác nằm rải rác khắp nơi. Tôi bị tù luôn ở trước hiên căn nhà lạ mãi cho đến lúc có một xe tuần tiêu chạy qua. Những người lính trên xe nhảy xuống quát hỏi, bắt tôi dang hai tay, úp mặt vào tường cho họ khám xét. Khi đã chứng minh xong rằng mình là người lương thiện, tôi liền leo đèo theo chiếc xe đi tuấn, vượt được qua ngã tư, chui vào một con đường hẻm. Nhìn con đường này tôi lần về được tới nhà, sau khi đã đi quanh co hơn hai giờ đồng hồ.

Thăng An bóc một cái bánh chưng để trên bàn. Nó soi trước một góc rồi. Lúc tôi ăn, nó ngồi cạnh, kể chuyện hàng xóm:

— Ông thầy bói kiếm chú.

— Lão ấy hỏi gì?

— Cháu không biết.

Chắc lại chỉ là một vụ gặp gỡ trao đổi tin tức. Trong vụ biến động nào cũng vậy, lão thầy bói luôn luôn tìm tôi trước. Tôi chịu khó đi lượm tin tức và nhất là thường ngoan ngoãn nghe lão tổng kết, bình luận, không thắc mắc một tiếng.

— Ông y tá bị bắt.

— Ai bắt?

— Thăng An ngăn ra.

— Sao mày biết?

— Bà chủ nhà nói. Còn anh Sáu Dậu bị lính bắt, cháu thấy. Mấy người nói anh có lựu đạn, anh đi treo cờ. Mấy người uyển quá.

Dân xóm chắc lại khời người suốt xoa kêu chẳng ngớt. Sáu Dậu làm vua xóm này, sống bằng nhiều nghề. Nghề hiền lành nhất của hắn là gá bạc. Ngoài ra, cách năm bữa nửa tháng hắn lại đem về một cái xe mới tinh, hí hục tháo dỡ. Nhà chật lại đông người, công việc làm thật xe phải thi hành ngoài trời, trong góc nhỏ phía sau lưng căn nhà bỏ hoang của cụ Đốc phủ. Cả xóm ai cũng thấy, cũng biết. Để cho những bộ óc lương thiện khỏi băn khoăn phiền phức, lâu lâu Sáu Dậu lại biểu diễn bạn bè. Năm sáu người ăn mặc lẫn lộn ngồi quanh cái bàn tròn trước cửa nhà hắn và giải sầu với mấy kết la de. Đến khuya, khi mà xóm vắng lặng hẳn, những kẻ tò mò lảng nghe câu chuyện của đám người này thì sẽ bắt gặp một khí thế đậm thuê chém mướn bốc cao ngùn ngụt. Chưa ai dám thử xem khi bọn họ phục thù thì nó ghê gớm như thế nào. Tôi cố tưởng tượng cái cảnh Sáu Dậu bị trói, lòng hơi khoan khoái. Tôi vốn ghen với cái vẻ ngang tàng của hắn từ lâu.

— Tự thăng Ừ hư lắm chú.

— Hư sao?

— Tự nó đi coi mấy người chết còn nằm chân người ta mà kéo.

Trời đất! Trẻ con bây giờ thật khó hiểu, chúng có những lối giải trí khó ai ngờ được.

— Thế còn mày?

Thăng An không lúng túng:

— Cháu chỉ coi, không kéo.

— Mày không sợ à?

Thăng An cười ngớ ngẩn. Tôi cúi sừng, định đem vấn đề ma quái ra giáo dục nó một hồi cho nó biết sợ nhưng ở ngã tư gần nhà lại vừa vang lên một hồi còi, một tràng súng. Tôi mở cửa nhìn ra. Đường vắng tanh, ngã tư đường có rào kẽm gai và có hai người lính, một người tựa trụ đèn, một người đang lẩn cái thùng thiếc dọc theo đường mương. Cả dãy phố đóng cửa im ỉm nhưng chắc chắn sau mỗi cánh cửa phải có vài ba đôi mắt tò mò kín đáo nhìn ra. Thăng An đứng sau tôi, chỉ sang nhà hàng xóm:

— Mấy người khiêng bà già về nhà rồi.

Qua khung cửa sổ nhà hàng xóm, tôi nhìn rõ xác bà lão đã được quần chân đặt nằm giữa nhà. Trên bà thờ còn ngọn đèn dầu khêu nhỏ bằng hạt ngô. Trước sân, cái ghế bà lão ngồi tụng kinh, lần tràng hạt buổi chiều hôm trước còn đó, nải chuối cúng cũng còn nguyên.

Mấy cái xác khác cũng được đưa đi cả. Bên kia đường, trước cửa tạp hóa còn một cái áo đã màu nâu dầm máu nằm sát mép tường.

Phía Nam thành phố khói bốc lên càng lúc càng dày, tiếng súng vắng lại ròn rã, không ngớt.

Có tiếng gõ cánh cửa gỗ thông sang nhà bà chủ. Sợ thăng con trai bà đi với tôi còn lưu lạc chưa về được tôi ngại không muốn sang. Nhưng kẻ gõ cửa lại chính là hắn:

— Mày về hồi nào vậy?

Lúc đứng trước cửa bót đó. Thấy tình hình nguy quá, cháu chuẩn thăng. Thế nào? Chú tính sao?

Hắn có vẻ chừ tôi cho một quyết định. Tôi sang nhà bà chủ. Con cái bà đang buộc quần áo, đồ đạc thành từng bó. Bầu không khí Tết trong nhà khiến mấy cô gái đón tai họa một cách hơi lúng túng, ngượng ngịu. Ngay cả y phục họ cũng chưa lấy lại được vẻ thường nhật. Họ tranh luận khá kịch liệt về những vật nên mang đi. Họ khám phá ra những món đồ bịch lấu nay vẫn bị bỏ quên trong nhà. Sự đùa cợt còn lẫn lộn trong cơn sợ hãi.

— Nhất định chạy sao bà chủ?

Câu hỏi của tôi cũng cố giữ sự đùa cợt, bình tĩnh cho hợp với tình thần chạy loạn của mấy cô gái. Nhưng bà chủ không đùa. Bà cho tôi biết tất cả những tin tức mà bà đã nhặt được. Xóm này sắp nguy rồi. Họ về đây trong Chùa và đã bắt mất ông y tá. Chắc giờ này ông ta vừa run vừa chữa cho những người bị thương. Chùa chỉ cách nhà chúng tôi khoảng tám trăm thước, ở xóm trong đã bị xé sổ gia đình, nhiều người bị dẫn đi mất tích. Mọi tin tức do bà cung cấp đều có tính cách khuyến tôi nên sửa soạn khẩn gói thật gấp.

Nếu muốn phá bà tôi chỉ việc nói một câu đại ý là cái cảnh chạy loạn nó quá ư lảm. Chắc hẳn rất nhiều món quý giá của bà sẽ bị bỏ lại. Mấy cô gái sẽ khuôn vác càng ít, càng nhẹ chừng nào càng

cảm thấy bất «quê» chừng ấy. Nhưng tôi cảm thông với nét mặt hốt hoảng của bà.

Tôi trở về, định sang gặp lão thầy bói. Vừa ra khỏi cửa ba bước tôi đã bị tiếng còi của người lính chặn lại, đuổi vào nhà. Cái thu thanh lải nhải những bài hát lạ suốt buổi sáng. Bây giờ tôi có nhiều thời giờ rảnh rỗi để nghe một cách kiên nhẫn hơn. Một nữ ca sĩ nào đó đang thiết tha đặt câu hỏi «Sao anh không đến» giữa tiếng đàn, tiếng trống rền rền như ở một cái đĩa hư. Tuy vậy, một lát sau cũng có một nhân vật quan trọng đến, nói mấy lời trấn an dân chúng.

Tôi ngủ trước khi nghe hết lời phủ dụ và bị thằng An lay vai, đánh thức dậy.

— Chú! Chú! Uyển nhau quá xá chú. Ngay cửa nhà mình.

Tôi chòng dầy nhưng chỉ dám nhìn qua khe cửa sổ. Hai người lính ở ngã tư đã biến mất. Trước cửa nhà tôi, một người mặc chiếc áo ka ki vàng, quần đùi, nằm sóng sượt. Tay chân hắn hình như còn nhúc nhích, cử động. Vẫn chỉ có tiếng súng từ xa vọng lại, âm ỉ, rền rền như pháo nổ lúc giao thừa. Con đường trước nhà tôi hoàn toàn yên tĩnh.

— Đánh nhau đâu?

TRƯỚC MÙA XUÂN CANH TUẤT 1970
Trân trọng kính chúc toàn thể văn hữu,
độc giả:

một năm bình yên

thành đạt mọi ước vọng

nhà xuất bản AN TIÊM

SÁCH DO NHÀ

XUẤT BẢN

ẤN HÀNH TRONG NĂM 1969

— CHƠI GIỮA MÙ TRĂNG

của Hàn Mặc Tử

— BIÊN ĐỒNG XE CÁT

của Albert Camus

— HÁT VÀO ĐỜI (nhạc)

của Phạm Duy

— CÁI CHUÔNG KHÍ

Truyện của Nguyễn Đức Sơn

— Ý NGHĨA VỀ SỰ CHẾT

ĐAU KHỔ VÀ THỜI GIAN

của Krishnamurti

— ĐƯỜNG VÀO HIỆN SINH

của Krishnamurti

— BẾP LỬA

của Thanh Tâm Tuyền

— SA MẠC PHÁT TIẾT (thơ)

của Bùi Giáng

— TÂM TÌNH HIẾN DĂNG

của Tagore

— NGƯỜI VIỆT CÓ DÂN TỘC TÍNH KHÔNG

của Sơn Nam

— HỒI KÝ VIẾT DƯỚI HẦM

của Dostoevsky

— GIÁP MẶT CUỘC ĐỜI

của Krishnamurti

— HOA NẮNG (thơ)

của Thi Vũ

— MỘT THỜI ĐỀ YÊU VÀ

MỘT THỜI ĐỀ CHẾT

tiểu thuyết của E.M. Remarque

SÁCH SẼ PHÁT HÀNH

ĐẦU THÁNG GIÊNG CANH TUẤT

— HẠNH PHÚC CHÍNH NƠI BẠN

của Marcelle Auclair

— HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC

của Kim Định

— MÙA THU TRONG THI CA

của Bùi Giáng

Thằng An hoa chân múa tay:

— Hồi này. Cháu thấy mà. Mấy ông chạy rầm rầm còn kêu la om xòm. Ông nào cũng có súng.

— Họ có bắn không?

— Nghe diếc tai luôn.

— Sao tao không nghe gì hết?

— Chú ngủ đi quá.

Có lý nào tôi ngủ mê đến thế? Người ta bắn nhau rầm rầm trước cửa nhà mà chẳng biết gì.

Người nằm trước cửa nhà tôi vẫn cử động chân tay chậm chạp như đang mê ngủ. Mặt hắn nghiêng về phía bên kia đường nên tôi không hiểu hắn già hay trẻ. Năm sáu vết đạn ghi trên bức tường rêu những lỗ hồng non tươi như vết thương. Giữa ngã tư đường những vòng dây kẽm gai cong lên như lưng con rắn đang uốn khúc. Con đường chợt có vẻ bẩn thỉu khác thường. Tôi có cảm tưởng nó chứa nhiều cát, nhiều cành cây, lá cây khô hơn thường lệ.

Một chiếc trực thăng ào ạt bay ngang, hướng về phía chùa. Phía xa, hai chiếc khác đang quanh quẩn trên một vùng bốc khói lầu lầu lại kêu lên như bò rống.

— Tao ra, để tao ra coi. Người ta bị thương thì mình phải lấy tình đồng bào mà lo, không có phân biệt gì hết. Để tao ra.

Giọng rệu rơ của cụ Ron. Ông cụ sống bằng nghề đập xích lò mìn dầu con cháu đầy nhà, đứa nào cũng có nghề nghiệp. Trong ba ngày Tết chắc chắn chai rượu để chịu một phần trách nhiệm về lời nói và cử chỉ của ông cụ.

Ông cụ Ron nhìn ngược, nhìn xuôi rồi đến thẳng bên kẻ bị thương. Một đứa cháu ông lò dò bước ra theo. Chỉ một lát sau, lão thầy bói và mấy người hàng xóm khác bắt chước ông lão. Đây là dịp tốt nhất để cả xóm tụ tập trao đổi tin tức. Tôi và An cũng góp mặt với mọi người.

Kẻ bị thương còn trẻ, chắc chưa tới hai mươi. Hắn trùm đạn ở sườn, vạt áo chỗ đó sơ ra, chảy máu, đầm đìa. Mắt hắn mờ mờ nhưng chỉ có lòng trắng. Cờ, một nửa mặt và mái tóc hắn đầy bùn, cát.

Thấy mọi người ra đông ông cụ Ron có vẻ tin tưởng ở những điều ông sắp làm. Ông quần vãi quanh người kẻ bị thương và phân bua:

— Thấy người mắc nạn thì cứu. Giúp người để đức cho con. Hồi ở dưới ruộng ai cũng thương tôi. Đất vùng tôi cứng thấy ông nội. Đào cái huyệt chôn đứa con nít cũng mất bạc ngàn. Vậy mà gặp mấy người nghèo tôi không tính một đồng. Đồ mồ hôi làm nghĩa rồi trời sẽ giúp.

Ông cụ gọi đứa cháu đầy cái xe ba bánh ra. Tôi tưởng lão thầy bói sẽ nhận dịp này ba hoa về những ngôi sao đã đầy thành phố đến cuộc biến động. Nhưng lão có vẻ nghiêm trang và sốt sắng giúp ông cụ đưa người bị thương lên chiếc xe. Lão cũng bắn khoăn:

— Đường nào cũng cấm, làm sao cụ đi?

— Được mà! Minh nói với mấy người lính hờ. Chắc không ai làm khó đâu.

ĐẦU NĂM 1970

BAN TU THƯ
VIỆN ĐẠI HỌC VĂN HẠNH

sẽ phát hành ba tác phẩm

PHẬT HỌC QUAN TRỌNG SAU ĐÂY:

đại thừa và sự liên hệ
với tiểu thừa

của NALINAKSHA DUTT

do TT THÍCH MINH CHÂU dịch

tiểu thừa tư tưởng luận

của KIMURA TAIKEN

do TT THÍCH QUẢNG ĐỘ dịch

tinh hoa và sự phát triển
của đạo phật

của EDWADR CONZE

do CHÂN PHÁP, NGUYỄN HỮU HIỆU dịch.
TT THÍCH MINH CHÂU giới thiệu



Cái xe ngăn, người bị thương phải nằm xéo, hai chân gác lên thành xe. Dáng nằm của anh ta thoáng trông thật dầy vẻ dục cợt, nghịch ngợm. Lão thầy bói vẫn chưa yên tâm:

— Rồi cụ khai làm sao? Lỡ người ta hỏi cụ có liên hệ gì với anh này thì sao?

— Minh ngay tình mà lo gì

Ông cụ nhẩy ngay lên yên xe ba bánh, oé chỉ hét như lúc leo lên xích lô. Chúng tôi ngăn ra nhìn theo ông Ron. Ông lão có vẻ kiêu hãnh. Thịnh thoảng ông nhòm người lên để đập cho nhanh. Một người chỉ cái xác bà lão hàng xóm của tôi, thắc mắc:

— Còn bà cụ kia làm sao? Có ai đánh điện báo tin cho mấy người con trai không?

Câu hỏi chưa được ai trả lời. Ở ngã tư đường nổi lên một tràng súng. Cụ Ron vừa đạp xe tới đó. Chúng tôi thấy ông cụ nhẩy xuống, giơ hai tay lên trời, bước tới mấy bước. Súng vẫn nổ dữ dội. Thịnh lĩnh, ông lão quay phắt về xe, kéo tên bị thương xuống, lôi vào lề đường, để ngồi tựa vào một cái cột đèn. Sau đó, ông lão nhẩy lên xe, đạp quay trở lại. Chúng tôi đã chạy hết vào nhà, đóng kín cửa. Xe ba bánh của cụ Ron lướt qua cửa nhà tôi, sa vào những chỗ đường hư nảy lên rầm rầm. Ông lão chỉ thề rầm rì. Kẻ bị thương ngồi tựa ở cột đèn có vẻ hoàn toàn bất động. Súng ở phía ngã tư bắt đầu nổ dữ dội.

Từ chiếc máy bay lượn ở phía chùa vọng lại những tiếng oang oang dứt khúc. Cổ chấp nối lại tôi ghép được một câu kêu gọi rời khỏi nơi này. Thằng An ngồi trên ghế vải nhìn tôi có vẻ dợi lẹnh. Nó không sợ hãi, hoặc chưa biết đề lộ sự sợ hãi ra mặt. Tôi quát:

— Bỏ bộ quần áo mới ra. Chọn bộ nào cũ nhất mặc vào sửa soạn chạy là vừa.

Tôi mở mấy cái hộp gỗ, soát lại tủ kiếm ít quần áo. Khi tôi quay lại thằng An đã lo xong hành lý. Nó ăn mặc hết như cái lần đầu tiên đến nhà tôi. Gói quần áo của nó bây giờ dầy cộm hơn và lòi ra những cái bìa của năm, sáu cuốn Thế giới tự do. Nó lại đội cái mũ lính có vẽ lon trung sĩ. An đặt gói quần áo lên yên sau xe rồi quay ra buộc sách vở trên bàn thành từng gói.

— Cái đó bỏ máy.

— Uống quá chú.

— Ngu. Ra xếp giùm tao mấy cái áo. Sợ nài mà khuôn hết mọi thứ đi.

Thằng An vẫn bắn khoăn cho số phận mấy cuốn sách. Sự tôi mắng, nó cử động vội vã, ló thật nhanh mấy cuốn sách có hình ra, xếp riêng thành đồng nhỏ.

Không phải số mệnh đã bày ra tất cả oang oang động này để cứu tôi. Nhưng ý nghĩ rất lạ quai còn sót lại của tôi lúc đó là: tôi sắp qua tai nạn tiền hung hậu kiết. Số tôi không phải đeo đai mại cái của nợ trên trời rơi xuống này. Thành phố đang lộn xộn, tan tành. Trong một sự hỗn loạn mãnh mẽ như thế, chẳng cần cố ý, th nào rồi chủ cháu tôi cũng có dịp lạc nhau. Thằng A tiếp tục cái số phận khốn nạn vất vả của nó, tôi được lương tâm để cho yên. Vùng này sắp thành bình đi rồi. Tôi sẽ giắt nó chạy cho tới lúc chúng tôi khờ jàm sao tìm lại được nhau nữa. Từng khu phố chỉ nghĩ ngút rồi sụp đổ, hàng trăm xác chết rải đi đường, thêm vào cái tai họa lớn lao đó một đí trẻ lạc thật là chuyện nhỏ một giọt nước vào đ dương. Nó sẽ tan loãng, biến hình ngay tức khắc.

VỚI ĐỒNG LÚA ĐÀU MÙA

đồng lúa ơi sáng nay có vui không
tôi nghe gió tây đây cả đất trời
gió từ núi cao bay về rặng rờ
hãy nở những hạt đầu mùa đi lúa ơi.

hãy ngát hương lên tận đỉnh mây
để muôn người nằm nghe đất vỡ
cũng như trên những luống cày này
tự do vừa nằm xuống

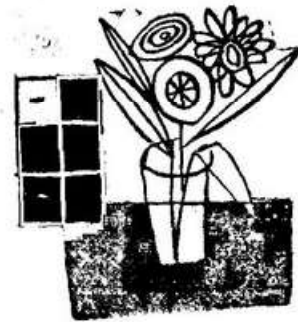
đồng lúa ơi lúa có đợi mưa không
mà sao tôi nghe như không gian chuyển động
nghe như ngàn năm còn xa vắng
dù biết có một ngày nhìn lúa trở bông

khí lúa đã cao như là hạnh phúc
thì cơn áo nào có nghĩa gì đâu
nên tôi hiểu gì sao có lòng thù hận
nên tự do giống như là chiêm bao

đồng lúa ơi tôi vừa trông thấy
ở cuối trời xa một cánh chim
cánh chim không như lòng mơ ước
nên làm sao chim về với tháng năm

tôi bỗng thấy mình là hoa là cỏ
ngủ với lúa với đồng xanh
để lòng mình rộn lên khi gió tới
hay là nghe sương rớt giữa đêm trắng

đồng lúa ơi hãy thử cùng tôi
hòa một điệu mà chắc chắn ở nhân gian
một ngàn năm không buồn nghĩ tới
và tự do sẽ chấp cánh thênh thang



bây giờ tôi sẽ thờ như lúa thờ
bây giờ lúa sẽ cười như hoa cười
đây là thứ ăn sùng lớn lao
thăm vào hồn như là vô tận
nghe gì không hỏi đồng lúa thân yêu.

DUY NANG

CÂU TRẢ LỜI DỨT KHOÁT

Khi chiếc tàu bốc hỏa giữa tròng dương và lời
kêu cứu gửi vào cho lục địa.
Người thuyền trưởng nghiêm khắc nhắc lại lệnh
đã ban hành.

Hãy để cho trẻ em được giải thoát đầu tiên.
Trước cả đàn bà cùng người đau ốm
Nhưng giữa phổ phương này trẻ em đã nằm yên.
Bên sáng đạn được giao cho sẽ dùng
Có đứa còn sống xin về với mẹ cha khi bị bắt.
Có đứa hải hàng biết trò chơi không thờ mộng
như lời hứa lúc đầu.

Khi bước vào đám đông và lúc bắt đầu của chuyện
trình bày.

Tất cả những lời cho đàn bà và người đẹp diện
văn lễ phép thưa cùng phụ nữ trước tiên.
Trước cả vua quan quyền thế.

Nhưng giữa phổ phương này, đàn bà cũng được
dẫn đi đầu để làm bình phong hứng chịu.

Mìn, bọc phá và trăm thứ chất nổ giết người,
Đàn bà nắm đó tìm đã ngưng, nhưng mắt chưa
kịp nhắm tưởng như còn để nhìn đứa hải
nhĩ đang ngậm tràn đời và tìm thân.

Đàn bà được đem ra để bị hận thay cho chồng
con đang cầm súng đứng trong hàng ngũ
miền Nam.

Phụ nữ được trời ghì và chôn sống thay vì còn
chẳng nên chạm nhẹ bởi cánh hồng.

Khi bước vào vùng lịch sử, mọi người đều thờ
nhẹ im lời.

Sợ tiếng chân khua động giấc ngủ của ngàn xưa
Nhưng ở đây, ngàn xưa không còn được biết tới,
Cung điện trở thành giao thông hào, chùa chiền,
tượng đá trở thành bao cát ăn thân.

Miếu vũ, nhà thờ ngồn ngang cùng gạch ngói,
Sơ sãi, linh mục ban ân sủng cho người đang hấp
hối, giờ đây không còn kịp cầu nguyện cho
chính bản thân mình vì những phát đạn
vô tình.

Tất cả những điều đó hoa đồng cỏ nội đều hay,
Tất cả những điều đó chim trời cá nước đều biết.
Tất cả những điều đó, hỏi người nhân danh cho
giải phóng, cho tự do.

Tôi xin nhắc lại đây:
Bước trẻ con phải cầm súng để giết người.
Rồi tự mình giết cả trẻ con vì sợ chúng ngày mai
thành người lớn đứng trong hàng ngũ bên này,
Bên và chôn sống đàn bà vì chồng con họ là...
đàn ông. (Ôi thâm thương thay, bản án sao
quá giản dị thế này)
Đem cả phụ nữ lẫn trẻ con để thay bao cát chất
trên miệng hổ có nhân.

Đem cả nhi đồng lẫn bỏ lão làm bình phong trên
những chuyến xe chở đạn chở bom, chở
thương binh tử sĩ.

Đốt cả nhà dân lành vô tội, đốt hàng loạt đốt
hàng khu, để mong tìm sự sống cho mình.
Chiếm cả đền đài miếu vũ, lễ chùa chiền.

Chiếm cả nhà thờ lẫn cơ nhi viện và nhà thương
để làm nơi phòng thủ, chống đỡ đạn bom
Tất cả những điều đó, từ 20 thế kỷ qua con
người đã tranh đấu để được văn minh.

Giờ đây các người phải nhận.
Giờ đây, mà xa Mạn Thôn, các người bắt
ngờ mang đến.

Bởi người mang danh là tiến bộ, có ai ngờ phải
gặp lại cảnh của thời man rợ hồng hoang xưa.



Nhưng các người đã đâm lược để thi thành.
Không còn tại để nghe tiếng phản uất căm hờn.

Không còn một để nhìn những giòng lệ bi thương
cứng cực, những nét mặt tuyệt đỉnh xót đau.

Không còn chất lượng tâm tình cảm nào để ngậm
ngùi trước những năm mồ chôn vùi ở
bên đường.

Bởi chính các người đã từng chôn hàng trăm
người vào chung một ngôi mộ.

Những năm mồ vô danh lấy ai làm chứng tích cho
thảm cảnh này.

Không thương để nào gây ra, không nhân quả nào
được giải thích.

Chỉ có các người chính là tội ác điển hình và
chúng tôi đây còn chất máu hồng và danh dự
sẽ là tảng đá làm bia.

Ôi sâu bén ăn cái thế kỷ trên đất nước của
cùng chung một lịch sử nhưng được giải
phóng bằng xương máu và bạo tàn.

Tôi xin nhắc lại đây:
Giờ đã hết những ai phân bua cùng do dự
Giờ đã hết những nghi ngờ và oán hận

Bởi sự thật đã trả lời.

Sự thật của điều tàn trong thống khổ nhân danh
từ tự do dân chủ, nhân danh từ giải phóng
âm nô.

Tôi nói với các người đã từ lâu trong tình bằng hữu.
Chúng tôi nói với các người đã từ lâu trong cốt
nhục giống nòi.

Tưởng vết hằn con sông kia còn được ngày ăn
hận đã xé cắt thịt mẹ xương cha.

Nhưng tìm người đã tỏ với trái trầu
Nhưng hồn người đã thành đá thành cây.

Các người đến với thù hận trong lòng, với tàn
phá trên tay

Lấy máu nhuộm hồng cờ chủ nghĩa
Tàn sát bạn bè, chém cha giết mẹ
Đồng bào già trẻ gái trai...

Và đó là lần cuối cùng và đây là lần chót của trả
lời dứt khoát của chúng tôi.

Đã đứng dậy muôn triệu người như một
Đã đứng dậy như sóng triều lớp lớp
Lấy hai trăm phát đạn các người bắn vào một
thân xác làm hai trăm lần cỡ nòng lớn hơn.

Lấy nước mắt khổ đau rên grom rên gào
Lấy đồ nát từ hồn lương xóm đạo.

Lấy những mồ nóng huyết cạn trên nơi.
Nén hết xuống hồn sâu cho nhớ mãi trong đời.

Thay tiếng hát cho con bằng câu nhắc nhở
Cho đừng vì quên đến cuối cùng hơi thở

Mùa xuân thủ dật các người.
Một con ngựa đau cả tàu ngựa ngưng nghỉ.

Thở chết chôn kia sa lệ
Nhưng các người với con người bằng tình cầu trẻ

Nhưng các người với đồng bào bằng tim gỗ đá.
Văn minh Mác Xít vàng son.

Thế kỷ này đây thảm cảnh đó còn.
Trong cây cỏ khi trời, đầu sông cuối biển

Trong tiếp nối những ai còn, trong nghìn thu ai
vĩnh viễn.

Đang cay thì chỉ một lần
Buổi các người về là máu xương dâng.

Cũng là lúc Diên Hồng xưa tể độ.
Cũng là lúc máu hồng xưa tràn chảy

Sục sôi lên từ huyết quân phương này.
Trai gái trẻ già thù khất trên tay:

Thân xác mất Việt Nam này không mất.
Không chỉ là Cà Mau, còn Nam Quan bất khuất.

Giòng sông kia mở vì đại dương chờ
Giòng sông kia là huyết để các người.

Gục ngã xuống với tạo cần gieo rắc.
Cho chúng tôi hận thù này chôn chặt

Vết nhơ danh đem đến từ người
vết nhơ danh đem đến từ người

ĐỌC theo chiều sâu hun hút của một ngõ phố dài, vào giữa trưa im gió hừng hực nắng lửa, giếng sâu vì vút ngán lên, đôi thật cao, lơ lửng trên không rồi loãng tan vào không gian hoang vắng. Tiếng sáo ấy từng chấp ngán lên, không theo một âm điệu nào có sẵn, nhưng véo von, buồn lằng lằng, như mang cả tâm hồn nghệ sĩ chuyển vào cõi đời bất ngất này.

Tôi bàng hoàng mê nghe tiếng sáo. Từng giọt âm thanh róc rạc hay là tiếng than van của con người đang soáy sâu vào khoảng trống buổi trưa — khoảng trống của một ngày cuối hạ. Tôi ngừng đầu nhìn qua cửa sổ, bất gặp một ông già đang lưng chừng đi, đôi mắt lờ mờ dưới ánh nắng mặt trời, đôi môi khô đặt trên ống sáo dài, toàn thân ông như se thắt lại để cho tiếng sáo được vươn lên, cao, tỏa rộng ra xa, lọt đến tai những người dân sống trong ngõ sâu.

Không một bàn tay nào bỏ vào chiếc nôm cũ của ông già một đồng xu. Giờ này không phải riêng tôi, mà còn nhiều người khác, nhiều người mà tôi biết không thể nào chớp mắt vào buổi trưa nắng lửa này, cũng đã nghe tiếng sáo vắng bên tai. Thế nhưng họ vẫn im lặng. Còn tôi, ông già đang đứng kia, nếu tôi chẳng ra gặp ông ta, đưa cho ông ta một cái gì, thì quả là một niềm tủi nhục lớn. Tôi biết trong túi cũng chỉ còn đủ tiền để trả tiền nhà và tiền cơm, mặc dầu mới lãnh lương, nhưng tôi cũng vội vàng ra gặp ông già thôi sao, sợ ông ta đi mất. Tôi bỏ tiền vào chiếc nón của ông ta, không nói năng gì, và bất gặp ánh mắt lơ đãng của ông ta nhìn xuống. Tôi không nghĩ rằng đây là một gã hành khất lười biếng đang sống những ngày còn lại một cách phiêu lãng, như một tên du mục già. Tôi thấy rõ cái cung cách của ông ta là cung cách một nghệ sĩ, một tâm hồn yêu nghệ thuật, mà tiếng sáo là tất cả gia tài, vốn liếng của ông còn lại.

Ông già thôi sáo đó chỉ xuất hiện một hai lần vào buổi trưa, trong khu phố tôi ở chỉ chít ngõ ngách như một bàn cờ tướng. Những ngày tháng sau đó, tôi chẳng còn được nghe thấy tiếng sáo ấy nữa, những tiếng sáo đột hiện như một huyền thoại xa xăm.

2

TÊN HỮN là Tư Ngạc. Trên sân khấu các rạp hát lương và chèo năm về trước, hẳn là một kép hát “độc” có hạng, một ngôi sao sáng của vòm trời cải lương. Hắn chuyên thủ những vai độc đáo, ngang tàng khí phách mà lại si tình, như Từ Hải gặp Kiều ở chốn lầu xanh, như Lã Bố với貂 貂 Thuyền hoặc một Đường Minh Hoàng với Dương Quý Phi. Hắn là một đứa con trai út bỏ nhà đi theo gánh hát cải lương, mê những khuôn mặt trên sân khấu, mê giọng ca mùi, tiếng đàn tiếng phách từ lúc mới lớn lên, với cái say sưa thích thú của một tâm hồn ưa giăng hồ đó đây.

Hắn đi theo gánh hát nhỏ lưu diễn các tỉnh Miền Hậu Giang. Ông bầu của đoàn hát này coi hắn như đứa em nuôi. Những ngày đầu hắn chỉ đóng những vai phụ. Tên tuổi hắn chưa ai biết đến. Hắn hãy còn trẻ nên chưa lột tả hết tâm lý các nhân vật. Có lần gánh hát ở lại tỉnh Sa Đéc mấy tháng liền. Ông bầu thiếu kép hát. Những kép khá ở với ông ít lâu rồi lại bỏ đi đoàn khác. Mà dân Sa Đéc mê cải lương. Ông muốn khai thác khả năng của Tư Ngạc. Ông biết hắn có thể làm hơn vốn liếng hắn có sẵn. Giọng hát của hắn có hồn nhưng chưa đến độ cùng của rung cảm. Ông vỗ vai Tư Ngạc bảo :

— Gái Sa Đéc ở đây đẹp mà lại mê cải lương. Ngạc làm sao chinh phục nổi giới mộ điệu. Đừng để gánh hát này rã đám ở đây đấy nghe.

Tư Ngạc bị kích động. Lòng tự ái của hắn nổi dậy. Lúc ấy hắn đang ngà say, nhìn ông bầu nói :

— Ông bầu cứ yên tâm. Nếu không làm vừa lòng giới mộ điệu ở đây thì Ngạc này sẽ giải nghệ luôn.

Những ngày sau đó, gánh hát chuẩn bị diễn vở tuồng mới. Tư Ngạc sửa soạn cho mình vai chính trên sân khấu. Hắn sẽ là một tên cướp biển yêu một cô gái giang hồ. Một tên cướp biển, uống máu người không tanh, coi luật pháp như không có trên trái đất này, đi đến đâu cũng xưng hùng xưng bá, thế mà hắn lại phải mềm lòng trước nhan sắc và

TIẾNG SÁO CỦA NGƯỜI KÉP GIÀ



tình yêu chung thủy của một cô gái tầm thường, bỏ nghiệp giang hồ, sống trở lại đời bình thường.

— Vai đó khó lắm đó. Ngạc hãy ráng mà đóng cho tự nhiên nhé không thì hỏng cả.

Ông bầu căn dặn Tư Ngạc từng ly từng tí, chỉ sợ hắn lúng túng làm hỏng vai trò. Tư Ngạc cũng không hiểu tại sao lần đầu đóng vai chính hắn lại thủ vai tướng cướp trên mặt biển. Những bức tranh quảng cáo vẽ rõ hình ảnh Tư Ngạc man rợ quỳ dưới chân một thiếu nữ hiền hậu được đem đi giới thiệu khắp chân thành Sa Đéc. Lúc đó Tư Ngạc không có hình ảnh một người yêu nào trong đầu óc. Những va chạm hằng ngày với một vài cô đào trong gánh hát, đối với hắn không phải là làm tình. Hắn tưởng tượng trong đầu óc một người đàn bà đẹp nào đó ở gần để giọng hát, giọng ngân vang của hắn có thêm thần khí làm say mê khán giả.

Ngày trình diễn đã đến. Đêm đầu tiên, khán giả kéo đến chật rạp. Tư Ngạc trong vai một tướng cướp độc ác ngạo nghễ nào biết trên đầu có ai, đã làm hồi hộp và rung động bao con tim khi hắn quăng gươm xuống biển, thả hết những nô dân bị bắt đi theo hắn, rồi tự nhiên hắn nghe lời cô gái — con của một người nô lệ già bị bắt cùng trở lại đất lành mà làm lại cuộc đời. Trước khi có quyết định bất ngờ ấy, Tư Ngạc đã tập trung tất cả dân nô lệ trên sân khấu, tuyên bố rằng :

— Bao tàn đến đây là chấm dứt. Thời đại của ta đã hết. Nay ta trả tự do cho các người. Các người hãy quên thù cũ. Nếu ta không làm như thế này thì đến lúc nổi loạn các người cũng chẳng tha ta đâu.

Nói xong, Tư Ngạc ném thanh gươm đã vấy máu bao người xuống lòng biển cả, ôm lấy cô gái con người nô lệ già mà trở về với vùng đất hứa. Dân nô lệ dù sắp chết đói và chịu bao tủi nhục, bỗng vui sướng hoan nghênh tên cướp biển đến dứt hơi. Một thời đại mới đã đến với nô dân và kẻ cường bạo. Sân khấu rung động giọng ca mùi của Tư Ngạc và cô đào đóng vai địch vận sáng chói.

Dưới hàng ghế khán giả, một thiếu nữ lần đầu đi xem cải lương đã say mê theo dõi Tư Ngạc từ lúc đầu đến lúc tận màn nhưng bỗng xuống giữa sự bùi ngùi của khán giả. Con tim nàng cũng thổ, cũng rung, cũng sống những giây phút tàn bạo, hân học, si mê và nhân ái của tên cướp. Vì tên cướp chính hắn là một người. Hắn đã không tự dối lòng hắn mãi được. Hắn đã chấp nhận tình yêu của Thượng Đế dành cho hắn. Mặt nạ của hắn đã rơi trước tấm lòng chung thủy của một cô gái tầm thường.

Lúc các khán giả đã về hết, chỉ còn lại những hàng ghế trống rỗng ở giữa rạp thì người thiếu nữ vẫn còn ngồi lại với cái dư âm của tuồng hát. Tư Ngạc từ hậu trường sân khấu ra vén tấm màn nhung, thấy nàng ngồi đơn côi liền chạy xuống hỏi :

— Cô có làm sao không? Để tôi giúp cô.

Thiếu nữ tỏ vẻ choáng váng, ấp úng nói :

— Tôi bị xây xẩm mặt mày. Ông để tôi ngồi yên một lát rồi tôi sẽ ra về.

Tư Ngạc ái ngại lấy đầu thoa lên thái dương người đẹp. Hắn cảm thấy ngấy ngấy vì đôi mắt người đẹp chiếu thẳng vào mắt hắn, mà hắn không thể nào tránh được. Một vài giây phút ngắn ngủi trôi qua. Thiếu nữ được ngắm kỹ khuôn mặt thật của anh tướng cướp. Nàng đứng ngay dậy, bên lên nhìn Tư Ngạc mà không nói thành lời.

— Nhà cô ở đâu, để tôi đưa cô về.

Trước câu hỏi của Tư Ngạc, người thiếu nữ cảm động nói :

— Xin cảm ơn ông. Nhà tôi ở ngay Tỉnh. Tôi còn đến đây coi nhiều lần.

Người thiếu nữ ấy tuyệt đẹp. Đúng như lời ông bầu nói với chàng. Con gái Sa Đéc đẹp có tiếng. Đôi mắt nàng sắc như dao. Làn da không phấn mịn màng và đôi má phình phình như trái nho tươi. Người nữ khán giả vô danh ấy sau này đã theo sát cuộc đời cầm ca của Tư Ngạc như hình với bóng.

Tư Ngạc được nhiều người biết đến từ sau đêm đầu trình diễn vở tuồng “Gai nhân và Tướng cướp”. Gánh hát của ông bầu được yêu cầu ở lại Sa Đéc ít lâu. Đêm nào có Tư Ngạc thủ vai chính là có mặt người thiếu nữ mộ điệu. Bây giờ Tư Ngạc không còn phải tưởng tượng hình ảnh một người con gái đẹp trong đầu óc như một sự gợi hứng mỗi khi chàng ra sân khấu nữa mà đã có hẳn một thiếu nữ bằng da bằng thịt theo dõi chàng đều đặn trong các đêm tối dưới ánh đèn sân khấu huyền ảo.

Người thiếu nữ ấy cũng bỏ nhà đi theo kép Tư Ngạc. Nàng mê cuộc sống của chàng, mê theo tiếng gọi của con tim, trong cái không khi và âm điệu quyến rũ của gánh hát cải lương. Từ ngày có người đàn bà ở bên cạnh, Tư Ngạc hát khởi sắc hơn. Những mối tình vụn của hắn với các cô gái bốn phương cũng bớt đi và hắn thay đổi tính tình, không còn bông bột như trước. Ông bầu không còn lo lắng về hắn. Ông khen hắn một câu :

— Từ ngày có vợ, Ngạc ca mùi hẳn lắm.

Hãy ráng mà giữ lấy phong độ. Nhưng đừng lấy cái nghề ca cải lương này mà vinh thân phì gia, cũng đừng coi nó là một trò giải trí cho thiên hạ. Tôi là anh bầu không phải chỉ nghĩ đến bóc lột công lao của nghệ sĩ, mà phải khai phá các tài năng. Còn nghệ sĩ phải đem các tài năng của mình để mượn câu ca, giọng hát mà thức tỉnh người đời. Thiên hạ càng thức thì sự mệnh của các nghệ sĩ cải lương càng lớn, càng đáng được ca tụng. Không ai bằng các anh. Nhất định là không ai bằng các anh cả.

Câu nói ông bầu thốt ra từ lúc hắn tự cho mình có nhiều kinh nghiệm về nghề ca kịch, làm cho Tư Ngạc hiểu rõ thêm cái nghiệp mà hắn đang theo đuổi. Ở cái nghề ca cải lương này nếu chỉ để giải trí cho thiên hạ thì nhàm quá và chẳng có gì đáng nói, nhưng mà trong câu ca, giọng hát mình phải nói được một cái gì để người ta nhớ mãi. Như thế là tạm thành công rồi.

Người vợ của Tư Ngạc có sẵn máu nghệ sĩ và cũng say mê ca cải lương. Nàng có một vẻ đẹp long lanh rất hợp với sân khấu và đã làm mê một nhiều khách mộ điệu. Vào thời đó các quan đốc phủ sứ còn đang có thể lực mạnh vì được Tây trọng dụng. Tiền của Tây, chức tước của Tây ban cho, một vài Ông Đốc phủ sứ sống đế vương như những ông hoàng.

Có tiếng đồn trong giới công bộc của Tây ấy như thế này :

— Muốn nghe cải lương thì nghe vợ chồng Tư Ngạc. Thằng chồng ca mùi mà con vợ sắc nước hương trời. Có tiền tiền cũng không tiếc.

Thế rồi Tư Ngạc và đại ban được vời đến tu đình một ông quan lớn để trình diễn cho các quan coi. Một sân khấu được dựng ngay trong vườn của

tư dinh quan lớn. Một vài quan Tây được mời đến để thưởng thức cái hay của ca cải lương. Tư Ngọc thấy đây không phải là đám khán giả dân gian có trình độ thưởng ngoạn đại chúng, mà là một nhóm đối tượng phong lưu hống hách nhất xã hội. Vì thế vô tưởng mà Tư Ngọc đem ra trình diễn được chọn lọc kỹ lưỡng.

Khi các quan đã no say thì tấm màn trên sân khấu được từ từ kéo lên. Gió mát về đêm và nhan sắc của vợ Tư Ngọc làm các quan tỉnh táo lạ thường. Khỏe mắt sắc như dao và y phục lộng lẫy của vợ Tư Ngọc đã thôi miên các ông quan. Các ngài tỏ ý há hê và khen chủ nhân là một tay sành điệu rất đáng mặt quyền quí.

Tư Ngọc trong y phục một ông quan An Nam, mũ cánh chuồn áo thêu rồng, chân đi ủng, trịnh trọng ra nói đôi lời với khán giả:

— Thưa các ngài, hôm nay tôi được hân hạnh trình diễn trước các ngài một vở tuồng hoàn toàn Việt Nam. Tuồng Tàu các Ngài coi đã nhiều, hơn nữa nếu đem tuồng Tàu ra diễn thì tôi e các quan Tây có mặt hôm nay không hiểu, hoặc cho rằng tôi mình không có tưởng mà chỉ đi vay mượn của họ. Vậy tôi xin bắt đầu.

Sau đó, vợ chồng Tư Ngọc và toàn ban trình diễn vở tuồng đã được soạn riêng. Câu chuyện bắt đầu bằng một anh chàng khi còn hàn vi, học hành chưa nên cơm cháo gì, được một cô vợ nuôi cho ăn học thành tài rồi được bổ làm quan. Đến khi làm quan rồi thì anh ta quên người vợ cũ, lấy con một ông Tổng Đốc quí phái hơn. Dân tình dưới quyền cai trị của ông quan nọ đối rách, tủi nhục vì thực tế hẳn chỉ nghĩ cách vợ vét để cung phụng cho bà vợ quen tính dãi dác, chứ không có sáng kiến gì để lo cho dân. Còn người vợ cũ từ khi bị đuổi ra khỏi nhà quan, giặt dãi từ từ không chết, sau đi mở một quán nước dưới gốc cây đa đầu làng.

NGUYỄN ÁI LỮ



Câu chuyện kết thúc bằng cái chết tức tưởi của ông quan. Chính viên lĩnh lệ thân cận của ông quan lại giết ông ta, vì hẳn đã biết quá nhiều về ông quan này. Và hẳn hành động chẳng phải vì lòng thù hận nhưng vì máu anh hùng thấy chuyện bất bình không đành khoanh tay. Giết xong tên quan lại tội lỗi, viên lĩnh lệ tự đi đến nạp mình cho nhà hữu trách. Chỉ có một người nhỏ lệ thương hẳn đó là cô bán nước đầu làng do vợ Tư Ngọc thủ vai trò rất vững.

Khi tấm màn sân khấu buông xuống, mấy ông quan Tây khen hay. Còn mấy ông quan ta trong bụng không hài lòng nhưng phải cứ giả vờ khen để tỏ ra đồng điệu với các quan Tây. Rượu sâm banh, một bó hoa tươi và hai cái huy chương đáng lẽ được chủ nhân đích thân trao cho vợ chồng Tư Ngọc ngay sau khi vở tuồng chấm dứt, nhưng không hiểu vì sao lại bị chủ nhân gạt bỏ vào phút chót.

Sáng hôm sau, ông bầu nhận được một giấy báo của tỉnh phải đưa gánh hát đi nơi khác vì đã quá thời hạn lưu trú. Ông bầu gánh hát không ngạc nhiên lắm về quyết định này của tỉnh. Ông cười nhạo:

— Vợ chồng chú mày đem qua chọc tức mấy ông lớn phải không.

Thời được mình lại đi lưu diễn tỉnh khác. Đời mình giang hồ mà. Tư Ngọc sống những ngày rực rỡ nhất của cuộc đời ca cải lương, lang bạt khắp bốn phương, nhưng cũng có ngày buồn vì gánh hát tan rã, ông bầu vỡ nợ, đào kép bỏ đi và khán giả không còn nhớ đến tên tuổi của gánh hát. Những ngày đó, Tư Ngọc như kẻ bị bỏ quên trong bóng tối, hẳn học với chính mình và mượn men rượu để giải khuây. Hẳn không thể sống xa ánh đèn sân khấu được lâu. Sân khấu và khán giả đối với hẳn là những tình nhân nghệ thuật, thiếu vắng chịu không nổi. Còn vợ hẳn đã chán nghiệp cầm ca, chỉ cầu mong có một đứa con. Một đứa con đối với nàng là đủ, nàng không mong gì hơn. Và nàng đã mãn nguyện.

Tư Ngọc lại bắt đầu xuất hiện trên sân khấu để thành hoa lệ trong vai những nhân vật đầy máu và si tình. Tên tuổi hẳn lại nổi dậy như sóng cồn và trong những đêm trình diễn liên tiếp, dưới hàng ghế khán giả lại có một người đàn bà khác say mê Tư Ngọc. Có lẽ cuộc đời thực tế quá nhiều chua chát đối với, mâu thuẫn nội tại cho nên có những người đàn bà con gái đi tìm ảo tưởng tình yêu qua vai trò của những kép hát mà họ thấy ưa thích dưới ánh đèn sân khấu hàng đêm.

Lần này là một thiếu phụ trẻ đẹp say mê kép Tư Ngọc. Có điều lạ là đoàn hát đi đến đâu thì thiếu phụ có mặt ở đó. Tư Ngọc lọt vào lưới tình của nàng. Và chàng đã sống phiêu lưu những ngày lưu diễn bên cạnh thiếu phụ, như chàng đã từng diễn vai trò tương tự trong các vở tuồng cải lương. Vợ Tư Ngọc đã biết rõ chuyện này nhưng nàng không dám động đến. Nàng cũng không ghen tương như những người đàn bà khác. Nàng hiểu sự nghiệp của Tư Ngọc cần đến những người đàn bà, như nàng đã từng say đắm và đi theo chàng. Khi đã thỏa mãn khát vọng rồi, họ có thể lặng lẽ buông rời nhau để trở về cái thế giới riêng của mỗi người.

Tư Ngọc sống với thiếu phụ trong suốt thời gian hai năm đi lưu diễn các tỉnh theo đoàn hát. Đến khi vợ hẳn gửi cho hẳn tấm ảnh của đứa con trai đầu lòng vào ngày sinh của nó, thì tự nhiên hẳn thấy xúc động và hối hận vô cùng. Hẳn khuyên người thiếu phụ hãy buông tha hẳn, để hẳn trở lại với người vợ cũ và đứa con. Hẳn đã chạy trốn khỏi người thiếu phụ đó, khi nàng còn muốn theo đuổi hẳn đến cùng.

3

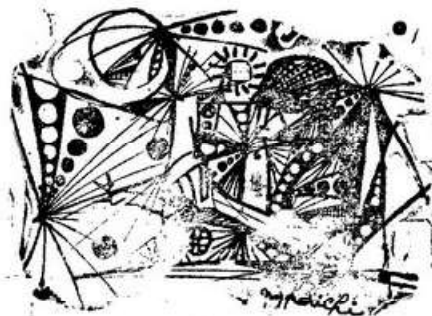
Tư Ngọc quay lại nói với gia đình bé nhỏ như một kẻ đi xa lâu ngày trở về. Người vợ không trách móc hẳn nửa lời. Tư Ngọc ngạc nhiên trước thái độ bình thản của vợ. Có lẽ chưa bao giờ, trong cuộc đời đồng tuồng, hẳn lại gặp một người vợ hiền đến thế. Đứa con trai lớn dần và Tư Ngọc nghĩ rằng sau này nó sẽ làm một nghề khác cái nghề của bố nó, nghề sừng ca bạc bẽo và trôi nổi.

Sau những ngày tương đối thanh bình, chiến tranh đã trở lại đất nước này như một cơn bệnh kinh niên. Thân phận một nước nhược tiểu lại bị xâu xé bởi những bàn tay ồm ỷ cầm võ khí của ngoại bang. Tư Ngọc buồn vì hết thời vàng son múa may trên sân khấu. Hẳn trở lại đời sống tầm thường, trong một ngõ hẻm không ai còn nhắc tên tuổi hẳn. Còn vợ hẳn, trước kia là một đào thương nhan sắc lộng lẫy, đã từng làm mê một những khán giả mộ điệu, làm tan nát bao con tim, làm bàng hoàng những ông quan hết ra lửa trong một đêm hoan lạc với rượu nồng dề béo, bây giờ đã tàn phai sắc đẹp, như mùa đông của cuộc đời, như bông hoa chờ rơi rụng xuống mặt đất.

Đứa con trai của Tư Ngọc đi lính để lại một nỗi buồn thăm thẳm cho vợ chồng hẳn trong lúc về già. Từ ngày xa đứa con, vợ Tư Ngọc đau yếu liên miên. Nàng biết nàng sẽ chết. Nhưng cái chết không đến ngay mà đến từ từ, đi dần từ đôi chân nàng bị tê liệt lên đến nửa người, ngừng lại ở con tim để nàng sống thêm những ngày mong chờ đứa con trở về nhìn mặt mẹ một lần cuối.

Nhưng đứa con độc nhất đó đã không bao giờ trở lại. Nó đã vĩnh viễn ra đi như một anh hùng vô danh. Ngày hẳn nhận được tin con chết, Tư Ngọc ngậm ngùi đau đớn trong lòng, không cho người vợ biết vì sợ nàng xúc động có thể chết ngay. Hẳn

TRẦN HOÀI THU



ĐÊM NĂM KÍCH Ở LUẬT CHÁNH 2

Dù ngại một lần rồi sẽ ngã
Ta dặt đàn con nhỏ chắt chiu
Về thăm gò mã, thăm kênh lạch
Thăm những oan hồn đang hầm hiu

Ta chẳng buồn đêm nay thiếu gái
Ta chẳng sầu bởi quá bơ vơ
Ta chẳng thêm thêm ly rượu để
Ta chẳng màng đọc một bài thơ

Dù cũng nhớ đêm này sinh nhật
Buồn như điên giữa cõi tha ma
Buồn như vụn vì sao cô độc
Buồn xuôi tay nước mắt nhạt nhòa

Ta có áo mưa làm con vợ nhỏ
Có gò cao làm gối gối đầu
Ta có oan hồn làm bạn hữu
Thương dùm cho ta khỏi cùi phun

Ta có ông bà muôn năm cũ
Đội đất vò về giấc ngủ ta
Ông bà xin thương một thằng lính sửa
Trọn đời chỉ biết có trăng hoa

Ôi những đêm dài như địa ngục
Mà hồn ta là bãi tha ma

muốn người vợ vẫn nuôi cái hy vọng được gặp đứa con, để nàng sống thêm những ngày cuối cùng trọn vẹn an lành.

Tư Ngọc đã phải mượn men rượu để cố quên nỗi buồn cùng ngày tháng, nỗi buồn của chính mình và nỗi buồn thời ly loạn. Nhưng đến lúc chịu không nổi, hẳn đã buột miệng khóc nức nở và muốn nói sự thật cho vợ hẳn biết, thì đúng lúc nàng nhắm mắt từ già cõi đời này.

— Nàng đã đi rồi. Tôi không còn gì nữa. Tôi hết là tôi.

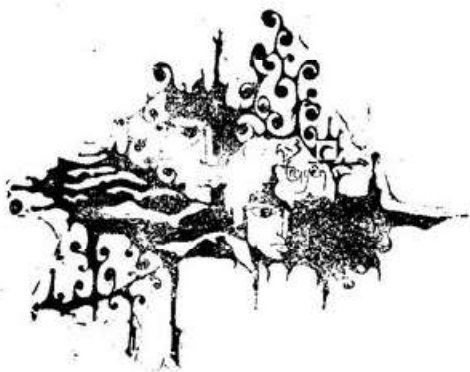
4

TIẾNG SÁO của người kép già chỉ nổi lên trong một vài ngày trong ngõ sâu, vào giữa buổi trưa những ngày cuối hạ sau đó không còn ai nghe thấy tiếng sáo véo von nào nữa.

Vào buổi sáng mùa xuân, có một xác chết vô thừa nhận do sở vệ sinh đã thành chõ vào nhà xác. Ở đây có hàng chục xác chết không tên tuổi, như những con vật ở lò sát sinh đang đợi người ta chuyển đi.

Tất cả gia tài của hẳn chỉ còn lại ống sáo mà hẳn đã xư dụng trong những ngày xưa cũ. Người ta đã tiếc rẻ giữ lại ống sáo ấy như một vật kỷ niệm của người kép già.

Mùa Xuân đã tới và không xa các xác chết, những bông hoa mặt trời vẫn tươi nở dưới ánh nắng rực rỡ của một ngày khởi đầu.



GỬI CHO CÔI IM LẶNG

Rồi người đi tóc bỏ đuôi gà
Tôi lao đao về những sân ga
Chiều hôm hoa nở cành chim chết
Tặng cho người đôi cánh lông khò

Tôi giang hồ như triệu bóng mây điên
Biết về đâu người biết đâu tìm
Đời tan nát cả lòng bia mộ
Mây cũng không màu mây cổ nhiên

Rồi người đi tôi khóc ướt đôi
Mưa xuống cho hồn lạnh chết thối
Thiên nhiên xanh quá tôi vừa thấy
Cũng đủ cho tôi dại cả đời

Chiều vui trời ướt nhẹp mây gù
Sãi về chùa, tôi sắp theo tu
Người không biết được thầy tăng nhỏ
Đã nhớ người rên suốt đêm thu

Người đây biết được cum mây kia
Nhớ run en, nên đã theo về
Nơi tôi có triệu cánh vô sắc
Gửi cho người chết ngợp đam mê

Tôi nằm nghe cây chuyền nhựa non
Bóng thiên thu một mảnh trắng còn
Tôi nhớ vô cùng con đẽ gậy.
Tóc người gầy dầy đua bay điên

NGÀY MAI MÙA XUÂN

Hãy cho anh sống hôm nay như ngày mai
Nỗi hân hoan của tình yêu như bông hoa đang nở
Hãy cho anh sống đến tận cùng của đời người
Những ngày ngọt của môi hôn hãy còn đó

Người thi sĩ của tương lai thật khỏe mạnh
Như nước từ trên rừng đổ xuống
Người thi sĩ của tương lai nào cũng thù ghét
chiến tranh
Như thù ghét những sự buồn

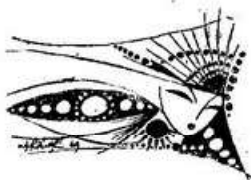
Tình yêu của anh đã trồng trong miền trí tưởng
Hãy mơ mộng đi em
Hãy sống ra ngoài đêm hóa châu và súng đạn
Đề tìm thấy nỗi hân hoan của đời người

Nỗi chết vẫn không rời cuộc sống hôm nay
Nhưng chúng ta vẫn phải sống
Anh mỗi ngày nhìn vào mắt em
Thấy cuộc đời thật buồn

Hãy cho anh sống bằng sự say sưa của tình yêu
Và nhìn thấy em mỗi ngày
Hãy cho anh sống như quên lãng
Quên lãng cuộc đời trong hơi rượu say

Tình yêu nào là không buồn
Hãy cho anh đôi mắt em sâu
Đôi môi em hôn giận
Hãy cho anh tương lai màu xanh
Trong chiến tranh màu đen

Chúng ta chỉ còn miền trí tưởng
Và những mộng mơ ra ngoài cuộc đời
Sống lãng quên thực tại
Phải thế không em



Ngày mai mùa xuân cuộc đời
Anh muốn có tình yêu em

CÁI lạnh như rút chất dần một
thân thể cần khô. Tôi nằm dặt
dựa trên sàn phòng, căn phòng ở
cuối hành lang, nghe thân thể như chỉ
còn bằng một ống chân người ốm.
Tôi nấn ná chưa muốn vùng dậy
(tôi như một kẻ ốm kinh niên, lúc
nào thân thể cũng rã rượi, cũng bần
thần chỉ bằng những tác động mạnh
đó, mới có thể nhòe lưng lên khỏi
mặt sàn phòng). Bụi vấy lên gáy sách
sắp lớp lớp ở bờ tường (đã ngăn nắp
trở lại, để khởi đầu một quyết định!
Tôi, có bao giờ, đeo đuổi đến tận
cùng một quyết định?) Con ve chuông,
buổi chiều qua tôi bắt được ở bụi
rậm một con đường mòn mà hàng
những buổi chiều mưa bụi (ngoài
này, một thời tiết định kỳ!) buồn bã
nhút, tôi đã theo đó, thoát ra khuôn
Chí Lăng ngồi uống một ly cà phê đặc,
nóng, nóng thật nóng, mua một tờ nhật
báo đến thật muộn (buổi sáng cách
đây hai ngày. Ở đó, ở thủ đô đó,
người ta được mình chứng một nguồn
tin bằng hoàng bằng những trang báo
chưa kịp gấp lại), ngồi bên động cửa
lá sách của sạp tạp hóa (có cả báo),
nghe một điệu nhạc trầm vắng, và con
ve kêu rè đôi cánh mỏng ở một góc
nào? Kính đã chiếm hai mảng tường.
Hai mảng tường còn lại cũng đủ chôn
nhốt một con người: mảng tường
ngang ngăn phân một phòng học bên
kia, mảng tường xuôi ráp với cuối
cùng hành lang, cho thêm được dài
ra một khoảng ngắn. Những chiếc
bàn màu bôn năm chôn chênh như
như những con thú chết, như những
gốc thông bị bứng lên nằm lẫn lóc,
như một đầu tóc rối. Tôi vùng dậy,
tim chai đầu Song thập (một thói
quen, chỉ những khi nào thân thể tôi
nóng ran vì mùi dầu, thái dương như
bị đốt, tôi mới có thể ngồi xuống,
cầm cụ trên một quyết định!) hoặc
tìm một tí thuốc nhức đầu. Típ
thuốc tròn, trống không, nằm lẫn lóc
như một con trùng trắng sữa (trong
ngôi nhà thuê đưa về một thẳng cánh,
con đường cũng đưa triển miên về
thủ đô, tôi với Nhung đi dự một đám
táng tập thể về, cửa phòng vừa xích
mở, Nhung la hoảng và nằm bất tỉnh
trên sàn phòng: con sùng trắng to
hơn cả một ngón tay cái). Tôi đến bên
khung cửa kính, khép nhẹ một cánh
cửa hờ. Con ve chuông phôi ngực
yêu đuối. Đèn kiến cao căng đưa
những bàn chân mong manh sò sò
trên thân ve, chẳng khác, một giống
dân bé choắt đang cõ ra tay hành
quyết một Lỗ Bình Sơn khổng lồ
trong một cuộc đắm tàu trôi tấp trên

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

CÔNG THỌ

414, Sư Vạn Hạnh

CHƠ-LƠN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

LIÊU THIÊN LONG

39, Lê Tấn Kế

CHƠ-LƠN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NGUY KIẾN KHƯƠNG

8, Trần Bình

CHƠ-LƠN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

QUANG DŨ CHÀNH

40, Trần Bình

CHƠ-LƠN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

KHA QUANG XƯƠNG

50, Trần Bình

CHƠ-LƠN

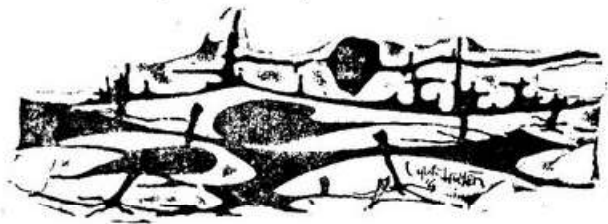
CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TÂN XƯƠNG

36, Nguyễn an Khương

CHƠ-LƠN

ĐẶNG ĐÌNH TÔNG



thái bẽ bàng (l) Con ve lại kêu rè (tôi thương tiếc mảnh đời ve rả rít trong những buổi trưa tôi khệnh khạng trên con đường mòn như rì ngừ tôi bên một gốc thông dừng chân nghỉ tạm, mệt mỏi). Tôi nắm xác con ve (chưa là một xác chết, một sinh vật thời thóp, thì đúng hơn) ném phăng ngoài cửa sổ. Nửa đêm qua tôi đã thao thức vì nó (tôi thao thức đã lâu rồi, với một lần khuấy rầy nữa, có gì đâu? nên tôi đã để mặc tình cho con ve thao túng, thoát thân). Con ve yếu ngã trên thảm cỏ xanh. Thế cũng là một điều bất hạnh cho bé LiLi! Con ve sao đến tay được chị Hạnh, sao đến tay được bé LiLi? Tôi đứng bên cửa sổ, bóng đèn còn sáng trên đầu trần nhà. gi

không dẫn được tôi ra khỏi đến mặt lộ) hơn hai mươi nấc (tạm cho là vậy đi, tôi phân vân: nấc đầu và cuối cùng có nên kể cùng với, không? Nếu kể đến thì cũng vừa vặn tuổi đời tôi). Chị Hạnh nói với tôi là, Chuẩn úy gì nhỏ vậy, cầu gần ba mươi, nói để nghe! Già thấy mờ. Tôi nói với Chị Hạnh, một buổi trưa ở sở (có buổi trưa nào tôi không ở lại sở?) chị Hạnh, chị Hạnh đêm qua, tôi chiêm bao thấy tôi chết trong phòng này (căn phòng làm việc ở sở của chị Hạnh), chỉ còn lại như một đồng giẻ rách dưới chân chị. Chị Hạnh rúng mình: Trời, Chuẩn úy nói kỳ, Chuẩn úy kỳ thấy mờ. Thời đi ông ơi! lúc ấy chị Hạnh đang thêu trên tay một chiếc lon Thiếu tá, (chị

bây giờ, đối với tôi, chính bởi nó ở khắp cùng trên lối đi, trong những lần, ngày Nhung lên, tôi đưa Nhung đi trốn trên đồi, bên bờ hồ, cả ở những ngoại ô xa ngút ngàn, nó vẫn sừng sững, đến gai mắt, dựng nên hoa trên đầu cành như muốn đốt cho hực một vòm trời.)

Tôi thoát ra đường. Dãy hành lang, bây giờ như đầu một con nua to, đã buông tha tôi ra (không, chỉ là một hành động vờn mồi!) Tôi đi về phía công chính. Sân gỗ ghề, lượn như sóng, dốc đổ xuống đưa tôi về câu lạc bộ NHỮ VÂN HẢI. Những món ăn cũng tôi tẻ (chỉ là một việc để tôi lánh xa được một buổi sáng không đến câu lạc bộ sĩ quan, thường nhật tôi đã nằm chán đến tận xương tủy, chính bởi trên những đĩa rau, tôi thường hằng gặp, một, hai con sâu do còn chừa vòn trong bữa ăn). Chị Hạnh mà còn nói được nữa là: "Nhiều khi, Chuẩn úy biết không, Hạnh chán phòng này đến muốn vứt bỏ cho rồi, nhưng rồi Hạnh nghĩ ở đâu rồi cũng thế, cũng như thường hằng mình bắt gặp được một con sâu do nào trên một đĩa rau đã tẩm mỡ hành, -hờ ăn?"

Dưới xa kia thung lũng mọc chông dầy (cũng lại thông nữa), chen giữa ngọn đồi không tên một lần nào tôi đến ngủ, đến trực thì đúng hơn (trực: để bảo mòn dần thân thể đến cùn mòn vì một ám ảnh đeo riết đời tôi, tôi không thể chớp mắt được ở một nơi lạ, trong một đêm lạ). Tôi vẫn ngồi đó (ở câu lạc bộ Nhữ vân Hải) trong tiếng nhạc ve vuốt mình. Tôi thức thấy thòm, không được yên như cái hồi hân găm trong dáng bước buổi chiều chàng vạng xa rồi thành phố cho kịp giờ giới nghiêm (thành phố bị bỏ trống điu hiu như một nhà mồ, lúc đó!) Tôi nghe chói sáng ở thái dương. Ly cà phê đậm không thẳng nổi cơn đau nhức tê dại trên đầu. Thấp thoáng, đầu dây trong hồn tôi, lời trong bức thư của Phạm Kiêu

Tùng (thằng bạn của hực hực, bất đồng tình, nhưng cùng yêu thương chữ nghĩa, chữ nghĩa: một mối cảm thông chung đồng) gửi cho tôi, sau hơn một năm trời không nhìn thấy, không gặp lại: "... Viết đi, cứ viết đi, viết bất cứ gì đi, để đừng nghe mình thất bại." Tùng! Nỗi thất bại đã ngấm trong câu nói rồi đó mi! Tôi loạng choạng về, buổi trưa còn phải đóng trò nữa. Trước những cặp mắt mở chờ đó, buổi trưa này tôi sẽ nói gì với họ đây. (Hỡi anh em! tôi muốn nói đến tuổi trẻ mình: đứng bị lụy!)

Nghĩ đến, tôi đã cười ngất ngưỡng. Thái dương đã ế ẩm trở lại. Chắc tôi không thể nào là nỗi đến câu lạc bộ cho buổi trưa này (lấy sức cho mấy giờ buổi chiều, tôi nói không ngớt lời với họ - những sinh viên ngoài này), buổi ăn mà tôi nghĩ đến đã no đầy. Tôi kéo chai dầu ra, mới hay ban nãy trên câu lạc bộ N.V.H tôi quên mua một tí thuốc. Tôi sẽ vào đây nhà ngất ngưỡng kia (nơi buổi trưa chị Hạnh không về). Những hành lang sâu! Những nấc thang dài! Những chiếc gạch bóng đủ màu nhảy múa! Những khung cửa đã khép! Tôi đi theo nấc thang vòng vòng xoắn ốc. Đầu như nư vàng đầu xa, rồi rạc. Tôi chạy về phía cuối hành lang (ở đó, phòng chị Hạnh). Nhưng bờ tường lung linh sóng sánh như xây trên mặt sóng.

Tôi đẩy cửa căn phòng chị Hạnh. Tôi quy trên đồng giay vút đầy chờ dốt. Tiếng la thất thanh của chị Hạnh. Có phải tiếng la vì một thân xác bệnh hoạn ngã chúi? hay chỉ là một tiếng kêu hoảng vì một cuộc tình âu yếm chưa vẹn mận nồng?

Tôi thấy bóng thẳng Bozik và chị Hạnh chấp choạng, rồi rã, chấp choạng, rồi rã...Δ



CUỐI HÀNH LANG

lặng, mưa đêm qua động từng vũng trên nhiều lối đi trắng nhựa, nước loang loáng, phơi mình đến bao giờ? Tôi ra khỏi phòng. Hành lang còn đầu mình, như thăm thẳm. Tôi chui ra (từ cuối hành lang) như một con sâu róm bò chậm ra khỏi hang. Khi thì tôi nghĩ: tôi như một nhà tu ăn vật (tôi buồn cười: nhà tu với những dục vọng còn thấp đây trong một giấc ngủ, một buổi sáng còn nguyên), khi thì, tôi nghĩ: tôi như một nhà khảo cổ đi khi quật một hang hầm (mãi mãi chui rút, ngày trở lại cõi hoang vắng còn lại không hơn được một bộ xương?) Tôi đếm từng nấc thang xuống phía này (phía đầu hành lang: tôi sợ những nấc thang ở đó sẽ

Hiện đã nói với tôi, độ nào, là chiếc lon thêu của một ông Thiếu tá cùng quê với chị). Tôi mới nói:

— Phải ông Bozik không chị?

— Chuẩn úy kỳ, tôi nghĩ Chuẩn úy luôn nghe, nghĩ luôn!

Tôi đến đứng bên khung cửa kính đục. Trên vũ đỉnh trường xa, mờ mờ bóng dáng những sinh viên đến lớp học buổi trưa, phết dần thêm mặt kính đục ngầu như chiếc khăn quàng cổ chị Hạnh đã cho tôi lâu ngày. Chị Hạnh nói, họ chết như rạ, Khóa 21B mới ra đây đã chết gần phân nửa. Chuẩn úy ngán không mà Chuẩn úy cứ đòi đi tác chiến hoài. Rừng thông phía xa (loại cây, mà lúc mới đến đã gây cho tôi nhiều thú vị.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TIỆM TRÀ

VĂN DÂN THAI

CHUYÊN SẢN XUẤT TRÀ
MÙI VỊ THƠM NGON ĐẶC BIỆT

85, Phòng Hưng

CHỢ-LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

KHÁCH SẠN

BẠCH ĐÀNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TIỆM TRÀ

VĂN QUỐC THÁI

CHUYÊN SẢN XUẤT TRÀ
MÙI VỊ THƠM NGON ĐẶC BIỆT

87, Phòng Hưng

CHỢ-LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

DƯƠNG ĐƯƠNG

TÉRÉSA

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TÂN HUỆ PHÁT

CHUYÊN BÁN CÁC LOẠI MÁY TAU
MÁY KÉO CHẠY XĂNG VÀ DẦU

38 E, Vạn Tượng

CHỢ-LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HĂNG VẠN TÀI

TƯỜNG THÁI

— 68 B, Lê quang Liêm

CHỢ-LỚN

— 72, Chi Lăng

HUẾ

Một cái nhìn vào văn chương Việt Nam (Việt Nam) năm 1969, chỉ là một cái nhìn sơ khảo. Rất buồn, trong giới hạn một bài báo. Không thể trong dịp này kiểm điểm kỹ lưỡng và đầy đủ được sinh hoạt một năm qua về chữ nghĩa từ Bến Hải vào đến Cà Mau. Cuộc sinh hoạt này thật ồn ào náo nhiệt. Đời sống của văn chương Việt Nam năm vừa rồi có cái vẻ cuộn cuộn của một dòng thác lũ cuốn theo đợt nước trắng xóa cả những viên đá quý cả những cành cây mục. Có cái vẻ hùng hực của một cơn bão lửa ngất trời đầy mùi giấy mực và ngòi bút hương thơm và nặng trĩu nỗi tanh một bầu không khí hỗn độn cùng cực, một cuộc chạy đua rồi mất quá chừng, giữa những nhà xuất bản, giữa những người viết, giữa những sách báo được tung ra thị trường.

Những người nghiêm khắc có thể chỉ chấp nhận những gì được in thành sách mới nên gọi là tác phẩm, mới đáng xét tới. Nhưng hãy trả lại quan điểm này cho độc giả thế kỷ 17 ở Tây phương. Từ thế kỷ của những Voltaire, Addison, Schiller, sinh hoạt văn chương bưng song trên báo chí, hào hứng, sôi nổi hơn sinh hoạt trong những phòng bình văn, hơn cuộc đời của chữ nghĩa được in thành sách. Thế nhưng có điều phải nhìn nhận là ở đây, trong năm qua, văn chương trên báo chí chưa có được một sinh phong vững chãi, chừng nào còn loay hoay, hên hên trong hơi thở đứt đoạn, phân tán, vô tổ chức, thường chỉ nhờ sự xu mị độc giả mà sống còn, nó chưa phải là một sinh hoạt tự chủ, độc lập, nó chưa đưa ra một hướng tiến, nó chỉ tiến sâu vào cái hướng mà độc giả đã đưa ra cho nó, đã chỉ cho nó. Thế mà đa số sáng tác văn chương được in thành sách ở đây lại thoát thai từ báo chí. Người ta, từ sự kiện đó, có thể thấy rõ phần nào đặc chất của một số dòng sách in ở xứ này, trong năm qua. Là vì, trước khi in văn chương của mình thành sách, các tác giả phải đăng từng đoạn trên nhật báo hay tuần báo để linh tiện tiêu mỗi cuối tháng. Đó là một thảm trạng khó tránh, khi văn chương trong những năm này còn tiếp tục bị coi là món đồ chơi, thú vui để giải trí hay "món ăn tinh thần" thêm vào thực phẩm của mấy bữa cơm hàng ngày cho thân xác. Người viết văn, có những lúc khá dè dặt cần sự thẩm định hay sự yêu sách của độc giả, vẫn thường ngấm ngấm bị độc giả chi phối. Đã hết rồi thời múa hát ngồng cuồng cao ngạo và nhún vai quay lưng lại với đại chúng, của một Rimbaud, một Valéry, người trước không cần ngó ngang tới việc xuất bản thơ của mình, người sau im lặng cả 20 năm không thêm đăng một giọng thơ vãn trên báo mặc dù sự nhắc nhở của bạn bè, thầy kệ sự chờ mong náo náo của độc giả ái mộ. Thời đó, những người đó, thực không còn ở giữa chúng ta, ngoài một vài Đỗ Long Vân thực hiếm hoi, thực là hiếm hoi, và dù sao Đỗ Long Vân tác giả «Nguồn nước ẩn trong thơ Hồ Xuân Hương», «Vô Kỳ giữa chúng ta», không một lúc nào tham dự vào sinh hoạt văn chương với đám đông bằng cái nhiệt huyết cùng chung với đám đông đó, dù là đám đông giới hạn giữa những người viết. Còn thì, đại loại, tác giả nào cũng bám chặt vào sự thành bại của mình trước đám đông độc giả. Để sống một đời sống, huy hoàng hay cùng quẫn, nhưng đều tâm thường, hẳn thế. Họ đều tùy thuộc ở các chủ báo hay chủ nhà xuất bản, điều khó tránh, nhưng nơi nhiều tác giả sự tùy thuộc này lại quá đáng, vì những lý do cá nhân, họ bảo thế, nhưng là những lý do cá nhân cột chặt với sinh mệnh văn chương của họ, với tác phẩm mà họ đem trình diện trước đại chúng.

Xét theo sự hiện diện của các nhà xuất bản, người ta thấy văn chương năm 1969 ở xứ này là một hiện tượng đầy tính chất gan đua. Trước hết, điều dễ nhận ra nhất, là có một nền văn chương dịch thuật nuôi sống các nhà-văn-dịch-giả (I), và hơn thế, nuôi sống những người khai thác họ. Những tác giả được dịch thuộc đủ mọi tư trào, đại diện các loại cho bất cứ khuynh hướng văn chương tư tưởng nào mà người đọc muốn kiểm thấy. Từ Krishnamurti một tu sĩ được đề cao như là kẻ đã giác ngộ (hiểu theo nghĩa nhà Phật), tác giả những cuốn sách về tự do, về hiện sinh, đến Camus, tác giả những cuốn sách chống lại con đường phản kháng mà chính mình đã từng theo đuổi và xây dựng một thái độ nhân bản trong tuyệt vọng, bên cạnh là một Hemingway hào hùng và bi tráng, một Remarque tố cáo chiến tranh một cách chưa bao giờ từ mặt

Kawabata trứ tình trong các tập truyện, đến một Tagore thanh thoát, hào sảng. Những tác giả được dịch đã gián tiếp đóng góp những cách thể diễn tả và nhất là những thái độ, tâm tưởng của họ, làm cho văn chương xứ này theo đó mà mặc nhiên trở nên phong phú. Nào Beckett mới được giải Nobel, nào Pearl Buck mới thời xa xưa, nào Tolstoi cổ điển, nào các tác giả phong trào tiểu thuyết mới ở Pháp, những khuynh hướng văn chương dịch thuật thực tàn mạt. Nhà sách An Tiêm thường chú trọng tới những tác giả và tác phẩm nặng giá trị văn chương và tư tưởng của ngoại quốc, với những quan niệm thường phóng túng, táo bạo, có ý hướng khai phóng và để con người trước viễn tượng một tương lai hóa thân, những tác giả mà nhà An Tiêm nhắm giới thiệu là Krishnamurti, Mishima, Suzuki, Dostoyevsky, Henry Miller, Remarque, Woolf, Tagore, vân vân. Chương trình giới thiệu này, bằng dịch phẩm, chưa thực hiện được bao nhiêu, mới có lác đác Krishnamurti, Remarque, Mishima, Tagore, trong năm 1969. Nhà Lá Bối cũng theo một con đường song song với nhà An Tiêm, trong năm rồi đã dịch được Tolstoi, Kawabata, Remarque, riêng Tolstoi, tác phẩm được dịch gồm bộ «Chiến tranh và Hòa bình» 4 cuốn (bản dịch). Nhà sách Ca Dao dịch nhiều sách có tính cách phổ thông, ít giá trị văn chương hơn. Nhà sách Trinh Bầy có một chương trình quý mớ hơn cả, nói đúng ra là ồm ồm hơn cả: vừa dịch những tác giả văn chương ăn khách nhờ tính cách trứ tình hay dục tình, «bay bướm» «viên mơ», như Kawabata, Agnon, các nhà tiểu thuyết mới của Pháp (trong một tuyển tập dịch văn và giới thiệu khuynh hướng),

NGUYỄN NHẬT DUẬT



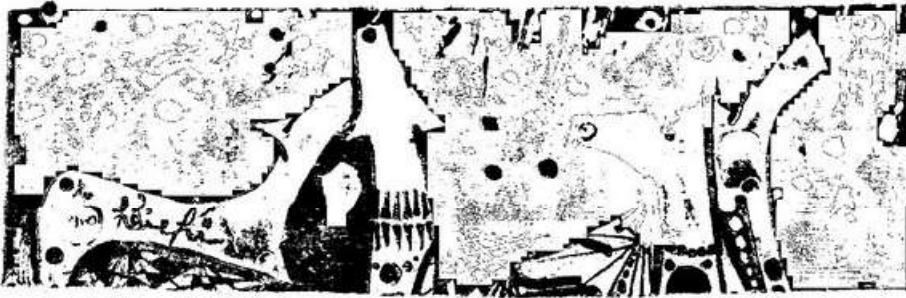
lại vừa dịch những tác giả xã hội, những lý thuyết gia chính trị, những nhà văn rút tỉa chất liệu từ chính cuộc thế giới, như Morris West (tái bản bản định «Ông Đại Sư»), Robert Bosc, Mrozek. Đặc điểm của nhà Trinh Bầy là luôn luôn bám sát thời thế, cả thời thế văn chương tư tưởng lẫn thời thế chính trị. Còn nhà xuất bản Thái Độ năm vừa rồi không dịch được một tác phẩm văn chương hay tranh đấu nào, mà lại xoay ra dịch Domenach và dịch sách về «Tinh Đức», bản dịch của người chủ trương nhóm Thái Độ bản rất chạy. Một sự sa đọa hay chỉ là một phương thức kinh tài dễ dãi? Những nhà xuất bản khác, nhà nào cũng có một vài dịch phẩm, như tờ hợp «Gió» dịch Pearl Buck, nhà Kỳ Nguyên dịch kịch của Beckett, Jean - Paul Sartre, Arthur Koestler, và cả đến Lewinsohn nữa! Nói chung, mạnh nhà xuất bản nào, nhà này dịch, dịch cho bằng thích, dịch bất cứ tác giả nào mà lời đồn đãi, mà dư luận văn giới gây tò mò cho độc giả. Nhất là loại sách về tình dục được dịch, bầy bầy, bầy bán nhan nhản trên hè phố. Nhưng những nhà sách An Tiêm, Lá Bối và Trinh Bầy tương đối có sách bán đều đều và bán chạy hơn cả, vì uy tín sẵn có của các cơ sở này. Những nhà xuất bản mới như Đại Ngã, Kỳ Nguyên cũng xuất bản ở ạt những sách sách có tính cách gây sôi nổi, như những truyện về lính tráng, những tác phẩm về tình dục, những dịch phẩm của những tác giả xa lạ.

NHÌN

hơn cả, cũng đang hoạt động ráo riết; nhưng chưa thấy được thành quả chắc chắn vững mạnh; chờ xem! Tờ hợp «Gió» tương đối có lối hoạt động vừa khiêm nhường vừa đều đặn, len lỏi rất hay, xuất bản đủ loại sách, thơ, truyện, biên khảo, dịch phẩm, vân vân, bán chạy. Có hai nhà xuất bản chìm chìm khó phát triển mạnh là nhà Võ Tấn và nhà Hồng Đức, do hai thi sĩ trông coi: Bùi Giáng và Tô Thùy Yên, quả có khác người! Vì hoạt động của hai nhà xuất bản này không theo sát thị hiếu độc giả. Sự xa cách đáng quý nhưng đưa đến kết quả chẳng khích lệ chút nào. Nói chung, những nhà xuất bản «hung hăng» hơn cả trong năm vừa rồi là nhà Trinh Bầy, nhà Đại Ngã, tờ hợp «Gió» và nhà Kỳ Nguyên, những cơ sở này xuất bản đều đặn, dồn dập và càng ngày càng vững thế. Còn những nhà xuất bản nhỏ mới xuất hiện lác đác thì chưa nhà nào gây được chú ý đặc biệt. Số lượng xuất bản trong năm vừa rồi cao nhất về truyện, rồi đến dịch phẩm đủ loại, sau đó mới tới biên khảo và còn thơ thì ít nhất, vì các thi sĩ thường tự xuất bản bằng vốn liếng ký cốp của mình. Thơ vốn dĩ khó bán! Chẳng nhà xuất bản nào đại diện thơ nhiều bằng nửa số lượng tác phẩm văn xuôi.

Xét theo sự hiện diện của các tác giả thì trong năm vừa rồi, có thể phân biệt tầng lớp tác giả: những tác giả già và những tác giả trẻ. Những tác giả già gồm có Bình Nguyên Lộc, Võ Hồng, Võ Phiến, Tam Ích, Mai Thảo, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Mạnh Côn, vân vân. Những tác giả này, rất khác biệt nhau, đều xuất bản rất ít trong năm năm 1969. Đa số họ đều viết báo, nhận định hay bình luận, hoặc sáng tác, trên các nhật báo (Mai Thảo, Bình Nguyên Lộc viết feuilleton), tuần báo (Võ Phiến và Tam Ích viết phiếm luận và nhận định), nguyệt san (Vũ Khắc Khoan viết kịch)... Bình Nguyên Lộc cho nhà Lá Bối xuất bản tập truyện «Cuồng rún chưa lia», Võ Hồng xuất bản cũng ở nhà Lá Bối tuyển tập truyện ngắn «Những giọt đắng» và tái bản «Hoài Cổ Nhân», Võ Phiến xuất bản ở nhà Thời Mới của ông một tuyển tập truyện ngắn «Phù Thế», Tam Ích xuất bản tập luận thuyết «Sartre và Heidegger trên thảm xanh», Mai Thảo xuất bản, nhiều hơn cả, những tập truyện «Càng đi càng quên đời», «Mười đêm ngà ngọc», «Chuyến tàu trên Sông Hồng», Vũ Khắc Khoan không in tác phẩm nào; Nguyễn Mạnh Côn thì xuất bản những tiểu thuyết có màu sắc khoa học «Giấc mơ của đá», «Yêu anh vượt chết», và một cuốn luận thuyết chính trị gây dư luận khá ồn ào: «Hòa Bình viết gì nghĩ gì». Nói chung, lớp già sáng tác cầm chừng trong năm 1969, viết cần thận thì đúng hơn! Mai Thảo và Võ Phiến là hai người thuộc lớp già chịu khó tìm tòi nhất, khám phá nhiều nhất trong lãnh vực văn chương, bên cạnh tôi viết mẫu mực cổ hữu của Võ Hồng, lối viết lưu loát và dễ dãi của Bình Nguyên Lộc, lối viết gọt đũa tỉ mỉ rất khó tính của Vũ Khắc Khoan, lối viết khiêu khích ngưỡng ngườ như một cợt của Tam Ích, lối viết chừng mực, nhẹ nhàng đến độ cầu kỳ và khô lạnh của Nguyễn Mạnh Côn. Về mặt tư tưởng, Tam Ích trải rộng mọi vấn đề, Nguyễn Mạnh Côn đào sâu và cố gắng tìm những tổng hợp có tính cách giải, Vũ Khắc Khoan vận dụng minh vào bước đường xây dựng một ý thức văn trên cánh đồng vỡ toàn diện ở xung quanh ông. So chiếu với ba tác giả vừa kể, Mai Thảo và Võ Phiến thực là những nhà văn viết cho văn chương và vì văn chương, ném cái nhìn văn chương vào cuộc sống phức tạp và biến chuyển, một cái nhìn luôn luôn đổi mới và làm mới thực tại, càng ngày càng sâu và sáng. Riêng Bình Nguyên Lộc thì có vẻ bằng lòng với sự hòa hợp của ông cùng cuộc đời, thỏa hiệp với những hình thái sinh hoạt sẵn có, thỉnh thoảng bồi đắp thêm bằng chất liệu có do sự hoài niệm đem lại cho hiện tại sống. Có thể nói, từ mấy năm nay, các nhà văn lớp già này vẫn thế, họ chỉ tiếp tục trong năm 1969 con đường họ đã tự vạch cho họ đó. Còn lớp người trẻ? Chữ «trẻ» ở đây cần được hiểu rộng rãi là trẻ về tuổi từ 25 đến 40 vừa

VĂN CHUƠNG VIỆT NAM



TRONG NĂM 1969

Lớp trẻ này thật đông đảo kể không hết: Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyễn Sa, Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Lê Tất Điều, Duyên Anh, Thế Phong, Thế Nguyên, Nguyễn Thụy Long, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Nguyễn thị Hoàng, Nguyễn thị Thụy Vũ, Trùng Dương, Nguyễn đình Toàn, Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Xuân Hoàng, Luân Hoán, Thành Tôn, Tú Kieu, Trần Tuấn Kiệt, Đinh Phụng Tiến, Hoàng Ngọc Biên, Cao Thoại Châu, Hà Nguyễn Thạch, vân vân và vân vân. Họ là những người viết mạnh, mạch sáng tác tuôn trào dữ dội, họ là tất cả sức sống đang cuộn cuộn của văn chương ở đây và bây giờ. Trong mọi địa hạt truyện, thơ, biên khảo, dịch thuật, họ là những người đã đóng góp được những gì đáng kể nhất trong vòng ba bốn năm qua (hoặc từ lâu hơn nữa, nơi Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sa, Nguyễn Đình Toàn, Dương Nghiễm Mậu, Viên Linh, Trần Tuấn Kiệt, Thế Phong và Thế Nguyên). Nhưng trong số những người viết này, nhiều người đang sáng tác thật ào ạt và vài người chỉ xuất bản rất ít trong vòng 12 tháng vừa qua. Những người xuất bản rất ít đó là Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Sa, Nguyễn Đình Toàn, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Xuân Hoàng, Huỳnh Phan Anh, Cao Thoại Châu. Nhưng họ đăng tải sáng tác trên báo chí một cách khá đều đặn, họ viết thường trực không nghỉ. Trong năm qua, Thanh Tâm Tuyền chỉ tái bản "Bếp lửa" một tập truyện dài không dài đã từng được tái bản một lần trước vào năm 1965, và lần xuất bản lần đầu tiên là năm 1957; Thanh Tâm Tuyền bỏ dở một feuilleton trên tuần báo Khởi Hành. Ông là người viết kỹ và công, mỗi trang giấy của ông là một ánh ngời, một dẫn dụ về cách viết, hầu như Thanh Tâm Tuyền chưa dứt khoát được với một vài ám ảnh sâu đậm về văn chương và tư tưởng đã gặp từ trước khi ông khởi sự sáng tác; nói khác đi, ông luôn luôn ở trong tư thế phê bình (Situation Critique) đối với chính mình, bằng một ý thức vừa sáng suốt dữ dội vừa dầy vò. Còn Nguyễn Sa, trong năm vừa rồi chỉ xuất bản một tập thơ và một biên khảo triết học về Descartes, vè tập thơ chứa đựng nhiều bài cũ và biên khảo tỉ mỉ, có ý hướng nghiêm chỉnh nhưng không đem lại những khám phá mới mẻ đáng kể; những sáng tác khác của Nguyễn Sa là những bài thơ có màu sắc văn chương thời thế và những tham luận văn học nặng nề gần bút chiến, đăng trên những tạp chí như Nghiên Cứu Văn Học, Đất Nước—Nguyễn Đình Toàn thì cả năm vừa rồi chỉ có những truyện ngắn in chung với Huỳnh Phan Anh và vài tác giả khác trong những tuyển tập có chủ đề, ngoài ra là những feuilleton đăng dở trên những tờ báo bị đóng cửa đột ngột, và một feuilleton đã kết thúc mà chưa in! Sự sáng tác văn chương của Nguyễn Đình Toàn trong vòng 12 tháng mới qua đây những trở ngại, rắc rối, đặt ông vào tình trạng lao tâm khổ tứ đến độ lặn lội! Cùng với Thanh Tâm Tuyền, Huỳnh Phan Anh và Viên Linh, ông là một trong bốn nhà văn thuộc lớp trẻ chú trọng nhiều nhất vào kỹ thuật viết, có những lo toan trông thấy về ngôn ngữ, có ý thức sâu xa về quyền năng và giới hạn của

văn chương, điều đó bộc lộ rõ rệt trong từng lời từng chữ của họ. Tô Thùy Yên không xuất bản một tác phẩm nào trong một năm qua! Dương Nghiễm Mậu viết một feuilleton trên tuần báo Khởi Hành, sau Thanh Tâm Tuyền, ngoài ra cũng không xuất bản tác phẩm nào mới. Nguyễn Xuân Hoàng thành tựu được một feuilleton trên tạp chí "Văn", nhan đề "Khu rừng học lửa", nhưng đến nay cũng chưa in! Cao Thoại Châu cho thơ ông xuất hiện rải rác trên các báo từ mấy năm nay mà chưa in thành tập! Huỳnh Phan Anh tự xuất bản lấy và phát hành lấy một tuyển tập truyện ngắn "Người Đồng Hành" và in chung vài truyện ngắn khác với Nguyễn đình Toàn trong tập truyện "Phía Ngoài", còn thì ông chỉ viết và đăng rải rác truyện trên vài tạp chí (Văn, Văn Đẻ), song song với việc viết (không đều đặn) những bài phê bình và tiểu luận có tính cách bút chiến. Như thế, các nhà văn nhà thơ vừa kể là những người có sức viết, mạnh mẽ, nhưng trong năm 1969 đã sáng tác thiếu liên tục hoặc sự đăng tải hay xuất bản tác phẩm bị gián đoạn; tự chung, họ đều không cho thấy được một số lượng dồi dào những tác phẩm mới mẻ. Điều đó tố cáo một khía cạnh nghèo nàn của văn chương năm 1969 ở miền Nam này. Những tác giả khác, như Viên Linh, Duyên Anh, Nguyễn Thụy Long, Nhã Ca, Nguyễn Thụy Hoàng, vân vân, sáng tác mạnh mẽ, dồi dào hơn, xuất bản nhiều hơn. Như Viên Linh chẳng hạn ông đã cho in tới 5 cuốn truyện trong năm 1969, mà cuốn thành công nhất, có giá trị văn chương đáng kể, là cuốn "Mãi Lỡ", đánh dấu một chặng đường quan trọng trong cuộc tìm kiếm những hình thức diễn tả mới mẻ cho việc viết truyện dài. Nguyễn Thụy Long thì vẫn tiếp tục khai triển những đề tài xã hội qua các nhân vật thuộc hạ tầng sinh hoạt ở trên giải đất 4.000 năm văn hiến này! Thế giới tiểu thuyết của Nguyễn Thụy Long là thế giới luôn luôn sôi động, hỗn loạn, và dẫn tới nhiều vấn nạn trầm trọng về xã hội này. Trong năm vừa qua, tác giả này xuất bản khoảng nửa tá truyện dài, vốn là những feuilletons, mà cuốn điển hình nhất cho nội dung xã hội cũng như cho bút pháp hiện thực sống động của tác giả là cuốn "Xóm Âm Hồn". Còn các nhà văn phái nữ, như Nguyễn thị Hoàng, Nhã Ca, Trùng Dương, họ đều sáng tác rất khỏe, rất dữ và văn chương của họ dĩ nhiên là táo bạo, như người đọc vẫn biết thế ở những cây viết phụ nữ trẻ tuổi này. Trùng Dương vừa viết truyện vừa dịch, và dịch phẩm của cô do nhà Trình Bầy xuất bản là "Ngàn Cánh Hạc", làm cho cô nổi tiếng thêm, tuy bản dịch có nhiều đoạn còn gượng gạo. Nhã Ca xuất bản một cuốn ký sự mang lại thành công về chất khá lớn cho tác giả, là cuốn "Giải khảm số cho Huế"; Nguyễn Thị Hoàng sáng tác mạnh hơn cả, với "Vực Nước Mất", "Đất Hứa", "Một ngày rồi thôi", những tác phẩm đặt nhân vật trong bối cảnh chiến tranh sôi sục.

Bên cạnh những tác giả quen thuộc và viết liên tục đó, năm 1969 ghi nhận sự xuất hiện hay tái xuất hiện của những người viết đã im lặng từ lâu, như Vũ Bằng và Tạ Tỵ. Vũ Bằng, một nhà văn thời

hiền chiến, cho in lại một hồi ký "Cái", dưới cái tên mới "Phù Dung ơi vĩnh biệt", do nhà Thế Giới tái bản, và cuốn "Bốn mươi năm nói láo". Cuốn trước kể về quãng đời nghiệp á phiện của tác giả và những chặng đường đưa ông đến chỗ chữa hẳn hút đây là một tài liệu quý báu, đồng thời là một văn phẩm xứng danh, với lối văn có những đức tính của bút pháp lãng mạn; cuốn sau kể lại những kỷ niệm thời tác giả bước vào nghề viết, cũng bằng một lối văn chan chứa tình cảm u hoài, dầy ắp hình ảnh rực rỡ. Còn Tạ Tỵ, một họa sĩ lập thể nổi tiếng, trở lại với văn chương bằng tuyển tập truyện ngắn "Yêu Và Thù", bộc lộ những ưu tư, hoài tưởng và mơ ước của tác giả trước tình cảnh chiến tranh đang dâng một phần tư thế kỷ trên đất nước Việt Nam. Cùng với sự tái xuất hiện của hai nhà văn nhiều tuổi này là sự xuất hiện khiêm nhường, không một chút quảng cáo ồn ào của Đinh Phụng Tiến, một cây viết trẻ diễn tả những kinh nghiệm sống thực của một quân nhân chiến đấu trong thời buổi loạn ly này, bằng một bút pháp vừa sống vừa mộng, vừa hiện thực vừa lãng mạn, luôn luôn chân thành và tha thiết, qua tập truyện dài "Con Lắc" (Trình Bầy xuất bản).

Người ta còn phải kể đến thơ của Trần Tuấn Kiệt, của Bùi Giáng, của Luân Hoán, Thành Tôn, Hà Nguyễn Thạch, Huy Tường, vân vân. Tiếng thơ của họ luôn luôn trong trẻo, thiết tha, trầm mặc, giống lên những tiếng vang cảnh tỉnh để dứt một người ra khỏi cơn ác mộng hàng ngày giữa cuộc chiến này. Bùi Giáng với cái đáng đáp ngày ngất, say sưa choáng ngập tâm hồn, nhiều khi chỉ tạo ra những văn thơ ngang chướng, nhưng không thiếu ở tác phẩm của ông những nhịp điệu xuất thần, như khúc nhạc mê loạn đắm đuối những mộng tưởng huyền ảo ào ào thời hồng hoang khai nguyên vũ trụ, rung cảm trong những câu thơ hiếm hoi của Bùi Giáng—nhiều khi làm cho người đọc chầu chầu mây khó chịu—có lúc đạt tới khai độ của chấp lý vô ngôn, người đọc sẽ hình thành của sự thể nhập giữa con người với vũ trụ và thực tại của hoang tịch hư vô mờ ảo. Trong thất bại của ngôn ngữ, Bùi Giáng đã có lúc đạt tới kinh nghiệm hữu thể học cơ bản: hạn tính của phận người qua hạn tính của ngôn ngữ. Ở Trần Tuấn Kiệt thì lại khác, từ "Triều Miên Ngâm Khúc" đến "Lời gửi cây bông vải" (giải Văn học 1969), thơ ông là một kinh nghiệm đối đầu với hữu-trần-đây trong chiêm ngưỡng ngày ngất, hải hừng và bi thương hòa lẫn, sự chiêm ngưỡng đạt tới hiện hữu hội hợp giữa con người phiêu bồng phơ phất và thiên nhiên toàn triền và toàn hiện; kinh nghiệm ở thơ Trần Tuấn Kiệt trong giai đoạn 1968-1969 là kinh nghiệm của sự phản phục siêu hình, của sự hồi nguyên phá tan hư vô chủ nghĩa đang ăn mòn đục rỗng tâm óc của con người hiện đại. Đó là một kinh nghiệm lớn lao và tích cực (expérience grandiose et positive), nói như Henri Michaux). Còn thơ Huy Tường qua thi phẩm "Mưa trong vườn chiêm bao" là một thể hiện của kinh nghiệm thiền tông: lắng nghe tiếng vọng của niềm im lặng bao la, và tan biến mình trong đó. Riêng bà nhà thơ miền Trung: Hà Nguyễn Thạch, Luân Hoán và Thành Tôn, đó là tiếng kêu thống thiết và chân thực của những tâm hồn xao xuyến kiếm tìm niềm bình yên, phát ra, vô vọng, trong cuộc chiến dầy dầy máu lửa, chất chứa dạn bom này.

Nhìn chung tình trạng sinh hoạt văn chương năm 1969, cần nhắc lại rằng truyện dài, truyện ngắn xuất bản nhiều nhất, rồi đến các dịch phẩm, còn biên khảo văn chương thì thật nghèo nàn, thơ có giá trị lại càng ít ỏi dù đáng chú ý và đáng mong ước hơn hết. Đến kịch thì tuyệt nhiên không có một vở nào! Những vở kịch được đem trình diễn rất nhiều trên vô tuyến truyền hình và đôi khi trên vô tuyến truyền thanh, dù không phải là kịch! Đó chỉ là kịch cớm, sản phẩm ẻo lả và giả tạo diễn tả những cử động máy móc của những con múa rối là một nhóm thị dân, trường giả, thừa thừa cái trống rỗng, cái thiếu vắng, cái khao khát khi mơ

hồ khi hạ cấp. Tại sao chúng ta thiếu kịch? Vì cái nếp sống của xã hội Việt Nam 1969 là một nếp sống chỉ vờ vờ quần quai, trong một chuỗi ngày tẻ nhạt, buồn tẻ, không có gì mới mẻ, hôm qua cũng như hôm nay cũng như ngày mai, và cứ thế. Một nếp sống thiếu hẳn cái động tính cần bản, thiếu kịch tính. Một xã hội chỉ có tiêu thụ, không có sản xuất thực sự, tất cả chỉ là vay mượn, bám nịu, mô phỏng, nó tạo ra được cái gì, nó đẩy tới trước mặt những dự phóng tích cực nào, những kế hoạch, những chương trình xây dựng hữu hiệu nào? Một xã hội như thế làm sao có thể sản xuất ra nổi những năng lượng mới, làm sao tạo nổi những động lực mới cho hành vi, cho tiến bộ, làm sao có thể gây nổi một sinh khí khả dĩ dung chứa được những động tác biến chuyển để tạo thành một vở kịch? Phải có sản xuất thực sự trên mọi bình diện thì mới đem lại những giá trị mới và mọi hành động mới biến chuyển được một cách mạnh mẽ, hướng tới những viễn tượng những cứu cánh mới mà đời sống sản xuất mở ra và đưa đến. Không thể có động tác mang kịch tính sáng tạo nơi một tâm hồn lờ mờ ngắc ngoải và một thân xác rã rời một mỏi, tâm hồn và thân xác của người Việt Nam trong mấy năm nay.

Nhìn vào văn chương nước ta trong giai đoạn 12 tháng vừa rồi, còn có thể phân biệt 4 xu hướng khác nhau, nhiều khi chồng chéo nhau nữa, 4 xu hướng văn chương này bộc lộ rõ ràng nhất trong các sáng tác dưới hình thức các truyện dài, truyện ngắn, và băng nhạc trong thơ.

Trước hết là xu hướng tình dục. Người ta có thể đọc thấy trên bất cứ nhật báo nào, bất cứ kỳ báo nào, của hầu hết các tác giả viết feuilleton ở đây, những đoạn văn khiêu khích dục tính, khơi dậy thêm khát xác thịt, của độc giả. Từ người viết nhiều tuổi như Bình Nguyên Lộc (truyện «Nhảy vọt»), đến người trẻ tuổi như Nguyễn Thụy Long (truyện «Xóm Âm Hồn»), văn chương tràn đầy nhục cảm, thứ nhục cảm bệnh hoạn vì là một ám ảnh, một đeo đuổi không rời trong tâm trí người viết. Những truyện của Thảo Trường, («Th. Trâm») Cung Tích Biền, («Cõi Ngoài») Trần Hoài Thư, («Nổi Bọt» của bầy ngựa hoang) đều có những đoạn văn dài mô tả cuộc tiếp xúc giữa hai thể xác khác

giới, ấy là kể ra ba tác giả bất chợt được nhớ tới. Những cảnh tả đi điểm thừa thừa trong truyện của Trần Hoài Thư, một tác giả mới viết. Tình dục ít ra cũng là một khía cạnh không thể nào không kể đến trong các truyện của Võ Phiến («Phù Thê»), Viên Linh («Mã lộ»), Nguyễn thị Hoàng («Vực nước mắt»), lại càng đóng vai trò quan yếu trong các truyện của Trùng Dương và Nguyễn thị Thụy Vũ. Hiện tượng này còn hiện hiện ngay ở loại sách biên khảo: Thệ Uyên dịch «Tình dục», một hồ sơ sống của một nhóm chuyện già, Lê Thanh Hoàng Dân dịch «Lịch sử đời sống tình ái» của Lewinsohn, nhà Âu Cơ xuất bản «Sưu tập cơ thể học về tình dục», vân vân — Dịch và viết sách có «chất» tình dục để «câu» độc giả, bằng cách khiêu khích họ, kích thích họ qua từng câu văn! Thậm chí có cả một chuyện được viết ra với mục đích thuần túy là khiêu dâm, truyện «Cậu Chó» của Trần Đức Lai, mà nhà xuất bản và tờ báo đăng truyện đó đã gọi một cách trịnh trọng là «nhà văn» Trần Đức Lai: Cuốn sách được Bộ Thông Tin cho phát hành, rồi lại cấm, khiến nó trở nên khan hiếm (!) và nhiều người đọc tò mò phải mua chợ đen mà đọc! Thật là thảm hại! Nhưng hãy gạt qua một bên cái truyện tồi tệ này, hãy thử tìm hiểu xem tại sao xu hướng tình dục bành trướng mạnh mẽ dữ dội trên mọi nhật báo và trong các cuốn truyện được xuất bản đây đây hàng tháng? Thực chẳng có gì khó hiểu cho lắm, vì văn chương tình dục chỉ là biểu lộ của một nếp sống cuồng loạn: cuồng loạn vì chiến tranh, vì ám ảnh cái chết bất chợt luôn luôn đe dọa, đưa tới chủ trương sống vội vàng yêu hối hả ngiên ngẫu, hưởng thụ đến cùng tận những thú vui nóng bỏng chóng tàn; cuồng loạn: vì cuộc sống nhô vờ, tạm bợ, lười biếng, nhàn rảnh, của bọn vô công rồi nghề, không phải làm gì và sống trên mồ hôi nước mắt của giới cần lao, nên họ sinh ra hư thối, dâm ra thêm muốn và đòi hỏi những thú vui đồi trụy, dâm dật. Cái «món ăn tinh thần» là văn chương đó, mĩa mai thay trở thành món ăn vật chất thực sự, nó là dụng cụ thỏa dâm thực rõ ràng, không ai chối cãi được nữa, không ai biện hộ nổi nữa. Dù người biện hộ đó có là Henry Miller bên Mỹ hay D.H. Lawrence sống lại ở bên Anh cũng thế thôi, lý do thực sự

của xu hướng văn chương tình dục ở xứ này khác với lý do của 2 nhà văn kia, hiển nhiên vì phát sinh do những điều kiện xã hội rõ ràng và nhất định.

Xu hướng thứ hai là xu hướng văn chương quân sự hóa và nhà văn tự quân sự hóa. Nghĩa là những tác phẩm viết về lính tráng. Hãy đọc tất cả truyện của Nguyễn Vũ, hay chỉ lật qua bất cứ trang nào, người viết này — một sĩ quan — ca tụng những lò công đào binh ngang tàng, những người lính ba gài bắt phục tùng mệnh lệnh thượng cấp, những người lính nổi máu du đảng «đập» cấp trên, với lý do rất cao thượng, với mục đích rất xây dựng, với luận điệu rất anh hùng! Những cuốn như «Vòng Tay Lửa», «Thêm địa ngục» vân vân, cho thấy rõ điều đó. Ấy là tác giả chuyên viết về đời lính. Thảo Trường, với «Th. Trâm» cũng đi con đường đó, ngay cả Nguyễn thị Hoàng, ở truyện «Vực nước mắt», cũng đặt nhân vật nữ của bà trong tình trạng đi kiếm người chồng quân nhân mất tích. Các truyện ngắn của Cung Tích Biền đầy những cảnh lính hành quân qua các xóm làng. Dương Nghiễm Mậu qua truyện dài đăng trên tuần báo Khởi Hành, mang tên «Quả tặng cho thành phố» cũng viết về lính nổi! «Bờ sông là mực» một tác phẩm mới của Phan Lạc Tiếp, cũng lại chỉ là một tập bút ký chiến tranh! Truyện «Xóm Âm Hồn» của Nguyễn Thụy Long mô tả giáo Thạch, nhân vật chính, là một quân nhân đào ngũ vì đập thượng cấp, bị một viên thượng sĩ đến dọa dẫm và làm tiền. Hai cuốn truyện của Vũ Thất do nhà Thiên Tứ xuất bản mới đây cũng vẫn viết về lính: về đời thủy thủ hải quân; cả đến tập truyện quay ronéo, đầu tay, của Trần Hoài Thư, nhân vật chính xung tời cũng là quân nhân tác chiến, «Con Lốc» của Đinh Phụng Tiến cũng vậy nốt. Nhìn vào tác phẩm nào, ngó qua trang feuilleton nào cũng thấy lính, thấy hành quân. Có thể nói, chín mươi phần trăm các tác phẩm trong năm vừa qua đều có thấp thoáng một quân nhân, truyện nào cũng cùng một mẫu quân nhân gan lì, bướng bỉnh, ngang tàng, hào hoa, «bụi đời» và đa tình. Người đọc muốn tìm «món ăn tinh thần» bằng các tập truyện trong năm 1969 hẳn phải bội thực vì cái món ăn thừa thừa thừa thừa. Là vì không khí chiến tranh vây phủ

CUNG CHÚC TÂN XUÂN		CUNG CHÚC TÂN XUÂN		CUNG CHÚC TÂN XUÂN	
HĂNG THẦU KIẾN TRÚC		KIM TƯỜNG PHÁT		— CHUYÊN ÉP CÁC LOẠI TÔLE	
TRẦN QUỐC THIÊN		— GIÁ PHẢI CHĂNG		CHOLON	
108, Cao Thắng SAIGON	ĐT: 22.355	47, Đại lộ Lục Tỉnh			
CUNG CHÚC TÂN XUÂN	CUNG CHÚC TÂN XUÂN	CUNG CHÚC TÂN XUÂN			
NHÀ THẦU HOA CHI	HĂNG THẦU CHUYÊN CHỜ	HĂNG DỆT NHUỘM			
NGUYỄN THANH CHÂU	LÂM GIA VI	SICOVINA			
78, Triệu nữ Vương ĐÀ-NẴNG	25, Phan thanh Giản ĐÀ-NẴNG	Quận Hòa Vang ĐÀ-NẴNG			
CUNG CHÚC TÂN XUÂN	CUNG CHÚC TÂN XUÂN	CUNG CHÚC TÂN XUÂN			
NHÀ BUÔN	NHÀ BUÔN	HĂNG MẮT KIẾN			
HÒA THANH CHAY	HIỆP DŨ LONG	XƯƠNG MINH			
150, Phan thanh Giản SADEC	126, Phan thanh Giản SADEC	146, Đồng Khánh CHOLON			
CUNG CHÚC TÂN XUÂN	KÍNH CHÚC MỪNG NĂM MỚI	KÍNH CHÚC MỪNG NĂM MỚI			
NHÀ BUÔN	KIỀU VĂN THỦY	PHẠM THÔNG			
TRIỆU NGUYỄN	Xã trưởng	Ấp trưởng Ấp V			
34, Lê quang Liêm CHOLON	NHA TRANG-TÂY	NHA TRANG-TÂY			

đời sống mọi người, ngay cả những người chỉ sống trong thành phố cũng không khỏi bị ám ảnh chiến tranh, không ở đâu không thấy quân nhân, và nhất là chính những người viết hầu hết họ cũng đều là quân nhân nên họ chỉ rút được nhiều kinh nghiệm hay nhiều mẫu chuyện linh tráng, về các cuộc hành quân. Đó là một thực trạng, thực trạng tù túng của đời sống chúng ta, giam hãm văn chương vào một cái khung nhỏ hẹp và cũ mèm. Do đó, sách cứ in ra, cứ với một thứ chuyện kể đi kể lại, người đọc chán ngấy, nhưng không biết đọc gì khác hơn, vì không có gì khác. Văn chương ở đây chưa thoát khỏi chiến tranh vì đời sống chúng ta còn bị chiến tranh chi phối trực tiếp.

Tuy nhiên, không phải vì chưa thoát khỏi chiến tranh, còn bị chìm ngập trong chiến tranh mà người ta chỉ biết có chiến tranh, mà người ta không mong mỏi nó chấm dứt, hẳn vậy. Và bởi thế người đọc có thể thấy qua hầu hết thơ văn trong năm 1969, ở Việt Nam, vừa mô tả chiến tranh một cách tỉ mỉ, vừa minh nhiên hay mặc nhiên, kết án chiến tranh, nói lên khát vọng hòa bình sâu xa, chán ngán cuộc chém giết nhân nhai « mất thời giờ » này, như lời một nhân vật của Đinh Phụng Tiến đã nói. Đây là xu hướng thứ ba được nhận thấy trong văn chương năm 1969. Những cuốn sách cho thấy sự chán ngán chiến tranh, ghê tởm chiến tranh ở mức độ cao nhất là « Yêu và Thù » của Tạ Tỵ « Xóm Âm Hồn » của Nguyễn Thụy Long, « Con Lốc » của Đinh Phụng Tiến, « Nỗi Bơ Vơ của Bầy Ngựa Hoang » của Trần Hoài Thư, ấy là không kể những cuốn nhận định về các cuộc chiến tranh phi lý, phi nhân này, như cuốn « Đường bay Pháo Đài » của Linh Mục Nguyễn Ngọc Lan, cũng như hầu hết những số báo Đất Nước viết về cuộc chiến ở đây. Ước vọng hòa bình còn bộc lộ một lần thật tha thiết, thật đáng chất, trong cuốn « Giải Khăn đỏ cho Huế » của Nhã Ca. Cùng với sự mong mỏi hòa bình của thế giới nói chung và của nhân dân Việt Nam nói riêng ở kết quả của những cuộc đàm phán tại hòa hội Ba Lê, các tác giả Việt Nam, làm văn chương trong xứ này, cũng phơi bày cảnh cơ cực khốn cùng của đồng bào, nguyên rủa chiến tranh và ước nguyện hòa bình. Tiếng nói của nhà văn qua tác phẩm, trong khía cạnh này, cần thiết thật, quý giá thật, dù nó vẫn còn là tiếng kêu vô vọng, là nỗi xót xa kéo dài.

Xu hướng cuối cùng được nhận thấy trong văn chương một năm qua là xu hướng của những nhà văn độc lập: vượt lên trên những đòi hỏi thấp kém của thị hiếu (tình dục) và đứng bên ngoài vòng luân quần của những tác phẩm viết về quân đội, về chiến tranh. Đó là những nhà văn sáng tác trong sự tự chủ, không để mình bị lôi cuốn vào thời trang văn chương hời hợt, không nô lệ độc giả hay nô lệ một thể lực chính trị nào. Những nhà văn này dường như bị chỉ trích là « viển vông » vì sự chọn lựa của họ khác với sự chọn lựa của nhóm người công kích

họ : hai thái độ khác nhau trước xã hội, trước thời cuộc, hai quan điểm khác nhau về vai trò của văn chương. Một bên chủ trương dẫn thân và tố cáo, một bên chủ trương tách rời và lãnh đạm. Người đọc có quyền chọn lựa một trong hai quan điểm đó, cũng có thể chấp nhận cả hai trong những giới hạn xác định nào đấy, điều đó không ai bắt buộc được, vì trước hết, văn chương là tiếng nói, nó có thể biến thành cây súng nếu người ta muốn sử dụng nó như thế, nhưng tự nó, nó chỉ là tiếng nói. Dẫn thân trong thời cuộc hay dẫn thân trong chữ nghĩa cũng đều là dẫn thân, đòi hỏi một thái độ rõ ràng, không thể mập mờ đánh lộn còn đến khi người ta muốn đi đến cùng con đường dẫn thân đó của mình. Và giữa cái không khí sôi nổi của văn chương tình dục và văn chương thời thế trong năm vừa qua, những tác giả như Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, Viên Linh, Nguyễn Đình Toàn, Huỳnh Phan Anh và Nguyễn Đức Sơn, mỗi người trong bọn họ vẫn đi con đường của riêng mình. Họ đặt nặng vấn đề ngôn ngữ, bản khuôn về cách thể diễn tả, hay thắc mắc về một ý nghĩa nào đấy của đời sống, hoặc tra hỏi một viễn tượng của con người, không phải họ chẳng đặt họ và nhân vật của họ vào trong những hoàn cảnh sống cụ thể, họ còn đặt rất rõ là khác, nhưng không nhất định và không bắt buộc phải nói về cuộc chiến tranh này, về những người lính và về các cuộc hành quân, hoặc về tình dục, mới là phá vỡ hoàn cảnh cụ thể cho nhân vật sống trong đó. Truyện của Mai Thảo, nhất là ở tập truyện « Chuyện tàn trên sông Hồng » đầy ắp kỷ niệm, đầy hình ảnh một thời thơ ấu đã xa rồi còn quấn quít theo vui trong một tâm thức luyện tiếc ; Nhân vật trong những truyện đăng báo của Thanh Tâm Tuyền trầm mình trong những nỗi trầm tư thâm tịch mịch ; Nhân vật của Vũ Khắc Khoan băn khoăn về chân lý của cuộc đời, về ý nghĩa của lịch sử, khởi từ những xô đẩy của tâm thức hơn là từ biến cố của thời đại được bộc lộ ; Nhân vật của Nguyễn Đức Sơn tìm sự giải thoát ra khỏi nhà tù đời sống bằng cách tự tử sau khi tận hưởng tình yêu ; Nhân vật của Huỳnh Phan Anh sống trong tâm trạng dằn vặt của cuộc tìm kiếm chính mình, trong ám ảnh về bản thân mình ; Nhân vật của Viên Linh cuốn mình trong bầu không khí của những lo toan hạnh phúc, của những ý nghĩa phát xuất từ tình yêu và đau thương ; Nhân vật của Nguyễn Đình Toàn lần xả vào đời sống để tận hưởng lạc thú hạnh phúc để mê hay niềm đau đớn, nỗi dằn vặt không người. Người đọc không thấy thời cuộc trở thành một nhân vật bên cạnh những nhân vật của các tác giả này.

Giữa cuộc sống xô bồ, giữa những tranh chấp quyền lực vật chất, giữa những mưu toan, lo lắng hàng ngày của đám đông, văn chương vẫn tiếp tục



đi con đường của nó. Văn chương năm 1969 đã quá văn chương năm 1970 bắt đầu. Một cái nhìn đại quát qua vài khía cạnh đã cho thấy 12 tháng vừa rồi đánh dấu một thời kỳ có thể gọi là chuyển đổi. Hầu hết những sáng tác lấy đề tài là tình dục hay chiến tranh đều lặp lại nhau ở những tình tiết chính. Những nhà văn ở ngoài các xu hướng đó cũng vẫn còn quanh quẩn trong sự tìm kiếm say mê của họ, những khám phá được ghi nhận ở tác phẩm của họ chưa thổi nổi một luồng gió mới mạnh mẽ vào văn chương xứ này, chưa tạo nổi những chiều hướng mới, chưa khai thông được những bế tắc căn bản phát sinh từ sự dằng co giữa ý nghĩa và ngôn ngữ, giữa đời sống càng ngày càng phức tạp và tham vọng diễn tả toàn diện để đem lại một cơ cấu ngôn ngữ tương đương và độc lập với hay tương ứng với cơ cấu đời sống. Những tác giả độc lập đã kể trên còn phải đẩy ra xa hơn nữa những tìm kiếm hiện thời của họ. Những tác giả như Trần Tuấn Kiệt còn hứa hẹn những gì thực sự mới mẻ và độc sáng mà người đọc đang chờ đợi. Giải thưởng văn học phát cho truyện và biên khảo 1969, chứng tỏ tình trạng nghèo nàn ẻo uột của sinh hoạt hai ngành này trong bản chất, mặc dù số lượng thật đáng kể, bởi con số vốn văn không phải là tiêu chuẩn để thẩm định giá trị của tác phẩm văn chương. Những người viết mới, một lớp người thật trẻ tuổi, đang sung sức hiện nay, cũng chưa cho thấy dấu hiệu một sự xuất hiện độc đáo đáng kể nào trong tương lai. Cả năm 1969 không có lấy một người viết mới thực sự mới mẻ trong bất cứ ngành sáng tác hay biên khảo nào, một điều thật đáng tiếc. Chờ xem, năm 1970 liệu có gì mới thật chăng. Nhưng nếu tình trạng xuất bản sách báo và bối cảnh xã hội vẫn như bây giờ, thì thực rất ít hứa hẹn cho năm mới. <

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
HỘI QUÁN
LÊ HOÀNH SƠN

CLUB LÊ HOÀNH SƠN
3367 VV BIS ĐƯỜNG LÊ ĐÌNH SƠN

Không Đoàn 33

TÂN-SƠN-NHÚT

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
HÀNG RƯỢU
ĐỨC HƯNG

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI RƯỢU MÙI
THƠM NGON — KHÔNG NGOẠI QUỐC

3 Bạch Vân

CHOLON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
VẠN THÀNH HƯNG

CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI RƯỢU
MÙI VỊ THƠM NGON NHẤT LÀ DUGAUMONT
HƯƠNG VỊ LỪNG LẦY

185, Nguyễn văn Sám

CHOLON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
VIÊN ĐÔNG DƯỢC PHÒNG
115, Phường Hưng CHOLON

ĂN NGON NGỪ KHỎE CÙNG NHỜ THUỐC BỒ THẬN
SÂM NHUNG DƯỢC TINH HIỆU « ÔNG GIA »
TRÚ BÁN KHẮP NƠI K.N SỐ 673/BYT/17-1-64.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
NHÀ BUÔN
VIỆT HOA

BÁN CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ TẠP HÓA

37, Trĩnh hoài Đức

CHOLON

CUNG CHÚC TÂN XUÂN
VĨNH NAM

ĐẠI LÝ VÀ BÁN SỈ CÁC LOẠI VẬT DỤNG BẰNG NHÔM

138, Phường Hưng

CHOLON

TẾT ĐẾN, đã là Tết khắc khổ, dù là Tết kiện ước, đây đó vẫn quần áo se súa. Thì ra tạo nên sự sung túc của quốc gia là khó, mà hãm lại sự phởn phơ một cảnh sung túc giả tạo cũng không dễ.

Tân mần muốn biết xem trước kia đồng bào ta đã ăn mặc ra sao. Trước, không phải là thời Hồng Bàng, là thời Trạng Thủy Mị Nương: xưa như thế thành ra quá xưa, cơ hồ không còn liên quan gì với chúng ta. Chỉ mong ngược lại độ trăm năm, tìm biết về thế hệ người Việt cuối cùng trước khi Pháp đến xâm chiếm xứ này.

Về lớp người ấy, Trần Trọng Kim cho biết: «Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng khố, có đi đâu mới mặc cái quần vải dài đến đầu gối.» (1)

Thiết tưởng ngày Tết chiếc quần ấy cũng không thể dài hơn. Người nghèo khổ là đa số. Đa số dân ta trước kia cơ cực đến thế sao?

Nếu phải nói luôn đến cái thiếu số sung túc nữa thì cũng chẳng có gì rục rĩ: «Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng, chứ không được mặc đồ gấm đồ vóc và đi giày.» (2).

Như thế, quang cảnh đám đồng thuở ấy trong những cuộc hội hè, những cuộc vui ngày xuân, có vẻ ảm đạm, so với các đám đông đầy màu sắc sô ngày nay.

Ấy là sự gia hình như chỉ mô tả lối phục sức ở đất Bắc: màu nâu vừa nói đến trên trang sử không lan vào tới Đàng Trong. Nhưng cái nghèo nàn về y phục thì chắc chắn càng vào Nam càng đậm đà. Ở đất Bắc, nguồn gốc của dân tộc, có quá khứ văn hóa dài lâu, hẳn là tổ chức xã hội chu đáo hơn, chuyện tắm tang cảnh cửu đàn bà nào cũng thạo, việc may vá cũng phải khéo tay hơn ở miền đất mới. Trong Nam, mãi sau này Sơn Nam vẫn còn đưa ra giới thiệu với chúng ta nhiều nhân vật hoặc khoa thân, hoặc quần minh bằng tấm bố. Lão Chòi Mui chưa thuộc về lịch sử: Có lẽ tiểu thuyết gia hồi còn nhỏ từng có dịp nắm tay, sờ râu ông ta.

Trong tranh, trong truyện, trong kịch tưởng thời xưa, chúng ta không gặp những nhân vật như thế. Trái lại, chỉ có những áo mao xanh xang, lưng thụng, chỉ có một cảnh phong lưu sang trọng. Dân dã, trong cảm tưởng mơ hồ, chúng ta đồng hóa người xưa với những đào kép phục sức cầu kỳ trên sân khấu hát bộ.

Thử tưởng tượng: những lão Chòi Mui nghech mặt xem hát bộ làm sao không ao ước được trở về thời xưa, sống đời thịnh trị?

Văn nghệ phong kiến khoe tuyên truyền quá, gây cho đời sau một ảo tưởng quá đẹp, khiến chúng ta khi nhìn xuống cái khổ — vốn thuộc vào cuộc sống thường nhật thuở ấy — bỗng đâm ra ngỡ ngàng.

TRƯỚC ĐÂY trăm năm ông bà chúng ta kham khổ hơn chúng ta ngày nay, sự tiến bộ dĩ nhiên không do cuộc thống trị của Pháp đem lại, cho ta. Mà là do văn minh kỹ thuật đem lại chung cho cả loài người.

Một tác giả đã cho rằng vua Louis XIV ở thế kỷ 17 không sung sướng bằng một người thợ bây giờ bên xứ ông, vì trong điện Versailles thời ấy không có chút tiện nghi nào: phòng rộng, gió lộng

càng thêm lạnh buốt. Cho đến đầu thế kỷ XIX, thường dân bên Pháp hạng nghèo suốt đời vẫn chỉ có một đôi giày, gấp dịp quan trọng như hội hè tiệc tùng mới xách theo, tới nơi bỏ giày xuống xỏ chân vào. Cha chết để giày lại cho con như một gia bảo (3).

Ở Pháp, ở Nhật, ở Nga, ở đâu đâu trong khoảng trăm năm qua đều có những đổi thay ngoạn mục, đem lại nhiều tiện nghi cho con người. Thì ở ta cũng thế, không thể khác.

Nhưng văn minh một thế kỷ nay không phải chỉ có những đổi thay ấy. Trong cuộc sống Việt Nam, có thể đề ý đến một phương diện ngộ nghĩnh hơn của văn minh.

Sách Đại Nam, nhất thống chí của Cao Xuân Dục (4) có ghi tên mấy liệt nữ ở tỉnh Bình Định. Một liệt nữ lên là Nguyễn thị Phiêu, năm mươi lăm tuổi, bị một tên cường bạo là Trần văn Kiên



toan hãm hiếp, đã cực lực chống cự, và bị bóp cổ chết; do đó năm Minh Mạng nguyên niên được vua nêu thưởng. Một liệt nữ khác tên là Bùi thị Tâm, bị người ở trong ấp là Võ đẳng Hy bức bách thông gian, đã mắng nhiếc và bị đâm chết; do đó năm Minh Mạng thứ 16 được Vua nêu thưởng.

Chuyện như vậy mà không lạ lùng sao? Gái bị hiếp rồi chống lại, rồi bị giết, vút thây hoặc trong nghĩa địa, hoặc dưới lòng sông, hoặc trong phòng ngủ khách sạn v.v..., những tin tức ấy bây giờ chúng ta gặp hàng ngày trên báo. Nếu có kẻ nào đề nghị ông đồ trường thưởng huy chương, bội tinh cho các nạn nhân, hẳn ông đồ trường cho là kẻ ăy định lừa mình.

Một đảng, việc xảy ra trong gang tấc mà viên chức sở tại không buồn đề ý đến; một đảng cũng việc ấy, xảy ra ngoài ngàn dặm, tận nơi thôn ấp xa xôi hẻo lánh, mà nhà vua cứ xét khen thưởng. Người ta tưởng chừng sống hai nền văn minh khác nhau! Có ai ngờ cả hai trường hợp đều diễn ra trên cùng một quốc gia, chỉ cách xa nhau có đôi ba thế hệ.

VÀO THỜI KỲ lớp người mà chúng ta gọi bằng ông cố bà cố, người Việt nam nhìn sự việc ở đời khác bấy giờ nhiều quá.

Bấy giờ nhìn nhau chỉ thấy những công dân, thuở ấy xã hội ăn ở với nhau như trong gia tộc.

Nhà cầm quyền nhìn dân như công dân, cho nên chỉ thường phạt về thái độ của họ đối với nghĩa vụ quốc gia, chứ không xen vào đời tư của họ. Có những huy chương cho người nghĩa quân anh dũng, có bội tinh cho người công chức cần mẫn, có bằng tưởng lệ, bằng danh dự để khuyến khích lòng tận tâm với công vụ; mà không có những khuyến khích gin giữ tiết trinh, ăn ở hiếu đễ v.v...

Tiết trinh, hiếu đễ v.v... là đức tốt của con người, không phải của người công dân; là chuyện luân lý, không phải chuyện pháp luật. Về mặt luân lý kẻ nào tốt kẻ ấy tha hồ yên ổn với lương tâm, tha hồ hưởng sự kính trọng khâm phục của đồng bào; nhưng nhà nước thì không can thiệp đến. Trao một bằng thưởng về phẩm hạnh tốt cho ông nọ bà kia? Bộ nhà nước muốn chơi cha sao chứ? Nhà nước có phải gôm những bậc đạo cao đức trọng đâu, có tư cách gì để quyết định về những vấn đề đạo đức của thiên hạ? Bởi vậy nhà nước không buồn biết đến vấn đề ấy. Trong trường hợp bà Nguyễn thị Phiêu, bà Bùi thị Tâm v.v..., ông đồ trường thời nay chỉ cần tóm cổ trừng trị hai tên đàn ông về hành vi làm thiệt đến tính mạng kẻ khác, làm quấy động cuộc sống an ninh của xã hội. Tức là trị hai công dân bất hảo, chứ không phải trị hai con người sút điểm về đạo đức. Đã không trị kém đạo đức, tất nhiên không thể khen người cao trọng về đạo đức.

Đứng ở quan điểm ấy, chúng ta thấy vua quan ngày trước xử sự có phần lắm cảm. Như từng lần lộn cả pháp lý với đạo lý, cả việc nước với việc nhà. Xử sự không hẳn ra vua ra quan, mà có lúc lại như cha như mẹ. Trị đứa xấu nét một phát để răn dạn, rồi khen đứa con ngoan ngoan mấy câu để khích lệ. Khen đàn bà nết a, khen con có hiếu với mẹ cha khen vợ biết chung thủy với chồng v.v... tức những chuyện tư riêng trong gia đình người ta, chuyện tư cách phẩm hạnh cá nhân của người ta.

Nhà nước như thế không những lo cai trị, mà còn lo dạy dỗ. Một thế hệ ý thức quyền bình đẳng giữa mọi người sẽ bất bình về một quan niệm nhà nước «kẻ cả» như vậy. Nhưng các thế hệ đã chấp nhận quan niệm ấy thì có lẽ lại cảm thấy không khảm ấm trong một khung cảnh xã hội — gia tộc.

TẾT ĐẾN, chiều ba mươi ta có tục cúng một bữa để rước ông đã.

Nếu ông bà về thực, trong cuộc đối diện, trước những tiện nghi, những xa hoa trong đời sống vật chất của chúng ta, hẳn là ông bà không khỏi mừng cho con cháu ăn nên làm ra, mỗi ngày mỗi khá. Còn chúng ta thì rầu lòng ái ngại trước những cái quần ngắn quá gối của ông bà.

Ngược lại, biết đâu ông bà lại không ám thầm ái ngại nhìn con cháu sống bơ vơ giữa một xã hội vô tình, trong đó giữa một người chỉ có một liên hệ pháp lý? Δ

(1,2) Việt nam sử lược — Tân Việt tái bản lần thứ bảy — Sài Gòn, 1964, trang 485.

(3) Nguyễn Hiến Lê Một niềm tin — 1965, tr. 17.

(4) Bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo — Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, 1964, trang 102.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HÀNG NƯỚC ĐÁ

KIM SA

16/3, đường Liên Tỉnh 8

SADEC

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ BUÔN

DĨ AN HÒA

85, Phan thanh Glán

SADEC

Cung Chúc Tân Xuân

HANH LONG

Hotel & Restaurant

MODERN BUILDING WITH

- COMPLETELY AIR CONDITIONED
- SPECIAL RATE FOR MONTHLY RENT

1025-1029, TRAN HUNG DAO CHOLON
CABLE ADD «HANH LONG» CHOLON
G. P. O. BOX 64 CHOLON

TEL : 50.251



Cung Chúc Tân Xuân

VIỆT NAM CÔNG THƯƠNG CÔNG TY

(Hội thi nâng danh với số vốn 20.500.000 \$ VN)

ĐÁP VỎ XE HƠI
VẬT DỤNG CAO SU
DÙNG TRONG NHÀ
VÀ TRONG KỸ NGHỆ

134, NGUYỄN BIỂU CHOLON
DIỆN THOẠI : 37.101 — 37.103

Cung Chúc Tân Xuân

PHẠM HIỆP CÔNG TY

133, NGUYỄN VĂN HỌC GIA-ĐÌNH ĐIỆN THOẠI : 20.262

Sản xuất vật dụng Cao su Ph

- THẨM LỘT NHÀ (TAPIS)
- ỐNG CHO MÁY BƠM NƯỚC (TUYAUX)
- ĐÁP VỎ XE
- VẬT DỤNG PLASTICS

Cung Chúc Tân Xuân

XƯỞNG CAO SU VIỆT NAM

CHÂU BÁ

674-676, Phan thanh Giản — SAIGON

Điện-thoại : 23.314

SẢN-XUẤT :

- BONG BÓNG CAO SU ĐÙ MÀU SẮC (Ballons d'enfants)
- ỐNG NHỎ GIỌT (Compte — gouttes)
- NÚM VỮ TRẺ EM BÚ SỮA và NGẬM CHƠI (Tétine)
- BAO TAY CAO SU CHO BÁC SĨ và THỢ THUYỀN (Gants latex)
- CHÈN GẠT BỘT, LƯỚI DAO CẠO (Essuie rasoirs)
- ĐÁP VỎ XE HƠI VỚI KHUÔN NGUYÊN (Gai đẹp, lâu mòn)
- VÁ VỎ XE HƠI MÁY FIT (Dùng băng hơi nước)

CUNG CHỨC TÂN XUÂN

Cortal
MARQUE DÉPOSÉE

CHO NGƯỜI LỚN và TRE EM
CHÂN ĐỪNG ĐAU NHỨC

- MAU LẺ
- CÔNG HIỆU CHẮC CHẮN

ĐƯỢC PHÂN CỬA VIÊN BẢO CHẾ

STERLING PRODUCTS INTERNATIONAL INC,
New York U.S.A.
ĐỘC GIỮ NHƯỜNG QUYỀN.

DO NHÀ THUỐC LA THANH SẢN XUẤT



Ach xi-
uông

AscyL

TRỊ CẢM CÚM ĐAU NHỨC

CUNG CHỨC TÂN XUÂN



Hàng này
vượt thuốc đi
xin chào nhau

Hynos

PHOSPHATÉ

BẢO VỆ RĂNG NGÀ

CUNG CHỨC TÂN XUÂN



Vitac

500

Đội bỏ gân cốt. Tổng cường sức lực

HỎI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



CUNG CHỨC TÂN XUÂN

500 GRS

DETERGE

Blanche Neige

NHÂN HIỆU CẦU CHUNG

Bột giặt

BẠCH TUYẾT

白雲公司

學洗粉

VIỆN PASTEUR CÔNG NGHỆ
CÔNG TY PHÚ LAM VĂN PHÒNG 304 MINH HƯNG SAIGON



KÍNH CHÚC QUÍ VỊ THÂN CHỦ MỘT NĂM MỚI ĐẦY AN LẠC

MỘT TIN VUI CHO CÁC GIA-ĐÌNH

DO KỸ SƯ NGOẠI Đ QUỐC
CHẾ TẠO

BỘT GIẶT BẠCH LAN

Phẩm này
tốt hơn 100%
tẩy sạch bẩn dơ
nhanh chóng
Không làm hư
hại quần áo
Không hao nước
Bột ít bột nhiều

TIẾT KIỆM ĐƯỢC MỘT NGÀN KHOẢNG
CHO GIA ĐÌNH

Bột Giặt **BẠCH LAN**

TÔNG PHÁT-HANH. CÔNG TY BẠCH-LAN 22 A ĐƯỜNG 43 SAIGON



Cung Chúc Tân Xuân

LÊ - NINH

DÂN BIỂU QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH ỦY BAN BÀI TRƯ THAM NHƯNG

Kính chúc đồng bào toàn quốc một năm mới an khang và thịnh vượng

Cung Chúc Tân Xuân

ĐÀO - NGỌC - THỌ

DÂN BIỂU QUỐC HỘI
HỘI THẨM ĐẠ BIỆT PHÁP VIỆN
CHỦ BÚT NHẬT BÁO QUYẾT TIẾN

Kính chúc đồng bào và độc giả toàn quốc một năm mới đầy vui tươi và hạnh phúc

6, TRẦN HOÀNG QUÂN SAIGON. ĐT. 50.487 - 21A, KHU C, LÒNG VĨNH LONG. ĐT. 2019.

Cung X Tân Xuân

Bà PHẠM THỊ KHÁNH TRANG
TỔNG GIÁM ĐỐC

HƯNG VIỆT BẢO HIỂM CÔNG TY

CÔNG TY NẠC DANH VỐN 30.000.000\$. VN.

TRỤ SỞ : LẦU I, PH. 212 & 212 BIS, CRYSTAL PALACE
95-101 CỐNG LÝ VÀ 4, NGUYỄN TRUNG TRỰC SAIGON
ĐIỆN THOẠI : 92.115

DO NGƯỜI VIỆT NAM SÁNG LẬP VÀ ĐIỀU KHIỂN • BẢO HIỂM XE CỘ • CHUYÊN CHỜ HÀNG HÓA BĂNG
ĐƯỜNG THỦY, ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG • HỎA HOẠN • TAI NẠN CÁ NHÂN • TAI NẠN
LAO ĐỘNG • TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ

Cung Chúc Tân Xuân

PHẠM VĂN HAI

GIÁM ĐỐC

VIỆT-NAM THƯƠNG-TÍN

KÍNH CHỨC QUÝ VỊ THÂN CHỦ MỘT NĂM MỚI ĐẦY AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

1B, LÊ VĂN DUYỆT

CẦN-THƠ

Cung Chúc Tân Xuân

NGUYỄN VĂN VÂN

ĐẠI-ĐIỆN VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG TẠI CẦN-THƠ

KÍNH CHỨC QUÝ HÀNH KHÁCH MỘT NĂM MỚI ĐẦY VUI TƯƠI VÀ HẠNH PHÜC

70, MINH MẠNG

CẦN-THƠ

Cung Chúc Tân Xuân

V. I. T. A. B. O

VIỆT-NAM VẬN-TẢI THỦY-BỘ

(STÉ DE TRANSPORT, TRANSIT ET D'ACCONAGE DU VIỆT-NAM)

SỐ 6, ĐƯỜNG TRẦN QUÝ CÁP ĐÀ-NẲNG ĐIỆN THOẠI : 2.303

KÍNH CHỨC QUÝ VỊ MỘT NĂM MỚI ĐẦY AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG

Cung Chúc Tân Xuân

Linh-mục NGUYỄN QUANG XUYÊN

Cha Bề trên chánh xứ Đà-Nẵng

THÂN KÍNH CHỨC ĐỒNG BAO GIÁO KHU VÀ TOÀN QUỐC MỘT NĂM MỚI ĐẦY THỊNH VƯỢNG

sau số báo này, khởi hành nghỉ tết



khởi hành tân niên

(SỐ 41)

SẼ PHÁT HÀNH VÀO TRUNG TUẦN THÁNG GIÊNG ÂM LỊCH
(VÀ THÁNG HAI DƯƠNG LỊCH) MONG BẠN ĐỌC ĐÓN CỜ

NHÀ XUẤT BẢN

KIỀU CÔNG NHỊN

267, Phạm Ngũ Lão

SAIGON -- ĐT. 24.954

Đảm trách mọi ấn loát phẩm cho công tư sở.

KÍNH CHÚC QUÝ THÂN HỮU MỘT NĂM MỚI ĐẦY
AN KHANG VÀ THỊNH VƯỢNG.

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

VĨNH CƠ MẬU DỊCH

35, Nguyễn Văn Thạch

CHỢ LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

THẾ GIỚI «The World»

Biscuiterie — Confiserie

46-48, Đồng Khánh

CHỢ LỚN

ĐT : 38.690

Bánh ngon kẹo ngọt vang lừng

Nhân hiệu «THẾ GIỚI» ta dùng đón xuân

Người đi buôn tảo bán tần

Người về «THẾ GIỚI» mừng xuân món quà

CUNG CHỜ TÂN XUÂN

HOA THUẬN HƯNG

- Chỉ điểm du lịch
- Việc làm đứng đắn
- Được nhiều tin nhiệm của thân chủ

Kính chúc quý thân chủ một năm mới đầy
an khang và thịnh vượng

838, Trần Hưng Đạo

SAIGON

ĐT : 37.561

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

HIỆP THÀNH

Sản xuất rượu : CORIGNAC, RHUM HARITO,
RHUM ANGOLA

Thơm ngon, bổ khỏe

53ter Bis Đồng Khánh

CHỢ LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

BÌNH KÝ

Sản xuất xà bông bột và cây
nhân hiệu «CHIM EN»

611-617, Bình Đông

CHỢ LỚN

ĐT : 38.469

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

THÀNH THAI

Dệt vải, áo thun, dây thun vải và đồ tắm đồ màu

39/11-13 Học Lạc

CHỢ LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

TRẦN HỘ KÝ

Sản xuất đủ loại trà danh tiếng
thơm, ngon hảo hạng

55, Nguyễn Văn Thạch

CHỢ LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ BUỒN

DIỄM KÝ

53, Trịnh Hoài Đức

CHỢ LỚN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

NHÀ MAY

BẢO TOÀN

303, Võ Di Nguy

PHỤ NHUAN

THĂM NHÀ MỘT BUỔI

MỖI năm, năm nào cũng vậy, kể sống một đời sống cách biệt đã quen ở tôi chỉ về thăm gia đình một vài lần. Vào những ngày giỗ chính. Trong dịp Tết Nguyên Đán. Xa nhà từ vào đời, từ lứa 46, từ đây động lớn, trôi dạt năm bảy năm liền dưới những bóng núi, trở về tự do. những dặm đường tuy đã thật sự rút ngắn lại rồi, mà vẫn nguyên vẹn là sự xa cách đó giữa tôi và những người thân yêu. Sống một phần lớn đời mình ngoài vùng không khí đoàn viên của một mái nhà ấm, ở tôi cái liên hệ rời đứt mong manh với tập thể ruột thịt không hề có bởi một hố thâm của xung đột hay tự hiềm nào. Chỉ hình như, trong một hộp mật dày, thể tất phải có một thiếu vắng nhỏ. Chỉ hình như, cho mỗi sáng điếm danh, thường hằng là có một chỗ đứng khuyết. Chỉ hình như là của một cánh, ít nhất cũng có một phiến lạc, nước của một giếng, ít nhất cũng có một giọt mắt, mây của một trời phải có một cụm lang thang. Và, cái phiến lá, cái cụm mây, cái giọt lạc xa lìa tách thoát ấy đã là tôi.

GIA ĐÌNH TÔI, như hàng nghìn gia đình miền Bắc khác, tản cư vào Nam, thăm thoát đến cái Tết Canh Tuất này, từ 54 đến 70, đã mười sáu năm định cư trên đất mới. Như những gia đình khác tới đây, tập hợp lại sau đời rồi, lịch sử của nó cũng là cái lịch sử lần giở từng tờ của một hòa nhập tuần tự. Tôi đã nói, ở đâu đó, về một cảnh tượng hạ trại. Về một hiện tượng ghép cánh. Đêm hạ trại đầu tiên, chỉ một ánh lửa yếu trong căn lều vải. Đêm thứ hai, ánh lửa lớn dần, từ một cánh thô khò thuy xa lạ và thù nghịch thấy sống được, thấy gần hơn. Ngày ghép cánh đầu tiên, cánh nghe thân xem thân có nhận, thân lắng cánh xem cánh có hợp, hòa nhập thành hình từ thân với cánh cùng thấy đạt đạo một nguồn mạch tươi xanh. Gia đình tôi cũng vậy. Nó đã thời được cái ánh lửa trại trong nó mỗi đêm một sáng rõ. Nó đã nhận được con mạch đời trong nó, mỗi ngày một thao

thiết một đầm thắm hơn, thành một giếng máu đỏ. Sống lại được, cho riêng một người, đã là một chuyện khó. Sống lại được, cho một tập thể là những già, trẻ, lớn nhỏ trong một gia đình, là một chuyện khó hơn. Gia đình tôi, đối chiếu những buồn vui riêng tây với huyết lệ và bất hạnh trầm đầu của đất nước, phải được coi như một gia đình may mắn. Tuy vậy, những ngày đầu tiên cũng là những ngày thật cực nhọc, thật lúng túng. Ba bốn chục mạng người ở chung trong một căn phòng duy nhất. Một bàn tay người lớn có thể làm được, phải làm cho hàng chục trẻ thơ. Không biết làm thế nào. Chưa hiểu sống ra sao. Ngày lại ngày mà sống. Rồi bằng những dò thăm kiên nhẫn, cái nhìn sáng dần những cánh rừng chung quanh chỗ hạ trại được khai phá, những con suối, những hốc đá được viếng thăm, cho tới khi mỗi lòng ngực đều có đủ cho mình không khí thở.

TÔI NHỚ mỗi những ngày đầu tiên ấy. Và những cái từ đó, mà có, mà thành. Lượng đời vô tận thật. Không một nhánh hoa nào nằm trước tầm tay với. Nhưng kiểng chân lên, vươn tay xa hơn nữa, chắc chắn không chỉ là hư vô, chắc chắn có một nhánh hoa. Tôi sẽ chẳng nhìn thấy gì hết, nếu tách lẻ từng ngày. Nhưng ném một cái nhìn suốt thâu mười sáu năm kể từ một buổi đầu hạ trại, kể từ một ngày đầu ghé bến, đời sống đã nuôi dưỡng từng bộ phận một của gia đình tôi lớn mạnh dần dần. Thằng cháu này, mới ngày nào còn lấm chấm chạy qua phi đạo chói nắng, Tết này không về nhà, nó đã nhập ngũ rồi, nó ở cùng đơn vị, nó ở ngoài mặt trận. Thằng cháu nọ, tăng sáng năm nào vượt Hồng Hà trong tả lốt, tới năm nay, đã cái vóc thật mạnh, cái dáng thật thẳng, đi vào đời bằng cửa ngõ thanh niên. Cha mẹ tôi lùi sâu vào tuổi già, những đứa cháu nhỏ lớn bổng lên theo tuổi lớn, đó là hai hình ảnh cực đoan của một đời sống đầu tan nát vỡ vụn, vẫn sáng ngời cái ý nghĩa bất biến của một truyền tiếp. Nền thấp trên bàn thờ cháy chung với nền mừng sinh nhật. Xe tang ở một phía

này, nôi hồng ở một phía khác. Điều tang có thể đọc, nhưng tin mừng vui theo. Mười sáu năm, tôi đã đưa một người bác, một người cô, lần đưa cuối cùng tới một lòng huyết mỡ. Sống như thế. Sống rồi phải chết. Nhưng trong mười sáu năm, cũng là những đám cưới, những tờ khai sinh báo tin những đứa nhỏ mới ra đời. Cái bị hủy đi được bù đắp lập tức bằng cái mới sinh thành. Khóc ngất rồi cười lớn. Buồn cùng mưa. Rồi lại vui với nắng, Sống như thế. Từ khổ cực nở những chùm non xanh. Và sự truyền tiếp đích thực là cái hiện tượng đáng ghi nhận nhất của đời sống. Lúc này.

TÔI ĐỌC được những hàng chữ vàng chói lọi nhất của cái hiện tượng truyền tiếp này, mỗi lần giỗ, mỗi ngày Tết về thăm cha mẹ tôi ở căn nhà nhỏ của các người trong một khu chung cư vùng Phú Nhuận. Chúng tôi trường thành, đứa nọ theo đứa kia, đã cất cánh, đã bay xa. Cha mẹ tôi ở một mình. Cái thế giới thu nhỏ của các người bây giờ là một thế giới vắng lặng. Các bạn có đọc đoàn thiên "Les Vieux" của Alphonse Daudet? Đoàn thiên tuyệt tác ấy nói đến những ngưng đọng, những tịch tịch, những cõi lặng lẽ không tiếng gần như dị thường của tuổi già. Những giải năng lim dim trên những bờ thềm thềm thiếp. Mãn rú cũng bóng tối. Sân nhỏ rêu phong. Cánh cửa khép hờ. Và kẻ thăm viếng trang trọng nhất cũng nghĩ mình là một kẻ phá rối. Ngôi nhà cha mẹ tôi đang sống an nhiên phần đời còn lại của các người cũng tạo cho tôi cái cảm giác tương tự như vậy, mỗi lần trở về. Tôi nghĩ đến một cái am. Đến một ngôi đền. Với những cuộc đời hình bóng nhẹ tênh sống định đặc giữa quá khứ dịu dàng vây bọc. Ngôi nhà cũ, ở đó biết bao nhiêu đời sống đã khôn lớn, rồi đã bỏ đi, sau mỗi năm lại chìm thêm vào lặng lẽ. Buổi sáng như buổi trưa, buổi trưa như chiều, không một tiếng động nhỏ. Lũ bàn ghế đứng nguyên một chỗ cũ, hết năm này sang năm khác. Chiếc đồng hồ trên tường, mười năm trước tới năm này, vẫn thả xuống cái bình không khí tĩnh từng ấy âm thanh. Vẫn những cây nến trên mặt bàn thờ. Vẫn những thẻ hương trong lòng bát cồ. Ngoài vườn, vẫn cái bể non bộ cũ. Đêm từ Bắc vào, treo trên một đầu cột, vẫn tấm gương tôi đã soi khuôn mặt trẻ thơ của mình những ngày xưa. Và sự truyền tiếp, vô hình mà rực rỡ, tôi nhìn thấy tự động, hiển hiện, trên từng số góc một.

THÊM MỘT NĂM NỮA, đêm giao thừa hay buổi sáng mừng một năm nay, một kẻ dâng từ lang thang cách biệt quanh năm sẽ lại về thăm gia đình mình. Để hòa nhập trở lại với một không khí, ở đó đời sống là nơi chốn duy nhất không phải là những chặt đứt tàn nhẫn, những trở chiều mê hoàng, những quay đảo chói sáng, những dội đập bàng hoàng. Tôi biết phút trở về, như mọi lần, tôi sẽ đi thật nhẹ. Đầy khế cánh cửa, lách mình bước vào. Tôi sẽ đứng thật lâu, nhìn coi về chiều, nhìn vùng yên lặng. Tôi sẽ nhìn lên những tấm hình của những người đã chết, dấu tích của những người vắng mặt, nghĩ tới những người đã đi xa. Và chúc thọ cha mẹ tôi. Chúc các người sống thật lâu, bởi vì trên một ý nghĩa nào, các người là những người trẻ nhất. Rồi tôi sẽ ra ngồi một mình ở ngoài vườn. Để trong im lặng dịu dàng của một cõi xuân riêng, trầm tư về một hiện tượng của truyền tiếp đã khiến cho đời sống cuối cùng vẫn được xem như một khởi đầu, một mùa xuân vĩnh viễn. <

TUỆ MAI



xin chớ gần tôi

Xin chớ gần tôi
vì tôi sắp vỡ
xin chớ gần tôi
vì tôi sắp nổ

hình như từ óc
hình như từ tim
từ kiếp người huyệt huyệt
ngậm tằm trái đắng gia đình
từng mảnh tôi sớm mai tàn rụng
từng mùa tôi cây cỏ không tên
từng bước tôi tới lui vương mắc
từng giếng sông tôi bến vỡ thuyền chìm

Xin người yêu, xin bạn bè
hãy lánh xa tôi vì tôi sắp vỡ

hãy lánh xa tôi, cho tôi khoảng trống bao la
vì tôi muốn biến tan trong ánh nắng
vì tôi muốn biến tan trong ánh trăng

Xin chớ gần tôi
vì tôi sắp vỡ
xin chớ gần tôi
vì nếu hạt linh hồn tôi bầm phải
sẽ nảy rất nhanh
những mầm bất hạnh
sẽ vươn rất nhanh
những cánh khát vọng
sẽ thêm thêm hoài
rẽ chẳng chịt người
khí hồn đầy ắp
thần mồi tẻ rồi
sao mang vác nổi!

Xin chớ gần tôi
vì tôi sắp vỡ
xin chớ gần tôi
vì tôi muốn thả
những hạt linh hồn vào ánh trăng
những hạt linh hồn vào ánh nắng
cho chúng nảy mầm
trên ngàn mây trên ngàn mây bao la
vời vợi.

Xin chớ gần tôi...